SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH BÌNH DƯƠNG
CHI CỤC CHĂN NUÔI, THÚ Y VÀ THỦY SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-CCCNTYTS

Bình Dương, ngày tháng năm 2021

THÔNG BÁO
THÔNG TIN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH
(Từ ngày 26/08/2021 đến ngày 25/09/2021)

Stt	Ngày	Số xe	Nơi đi	Nơi đến	Số giấy CNKD	Loại hàng	Số lượng	Đơn vị tính	Mục đích sử dụng
1	26/08/2021	51D34439	Dĩ An	An Giang	25731	Sản phẩm chế biến	58,75	kg	Thực phẩm
2	26/08/2021	51D-08745	Dĩ An	An Giang	6208	Sản phẩm chế biến	453,8	kg	Thực phẩm
3	26/08/2021	51D-08745	Dĩ An	An Giang	6209	Sản phẩm chế biến	178,8	kg	Thực phẩm
4	26/08/2021	61LD-2910	Dĩ An	An Giang	6385	Sản phẩm đông lạnh	1588,6	kg	Thực phẩm
5	26/08/2021	51D-08745	Dĩ An	An Giang	6210	Thịt Gà đông lạnh	130,8	kg	Thực phẩm
6	26/08/2021	51D-08745	Dĩ An	An Giang	6211	Thịt Gà đông lạnh	635,5	kg	Thực phẩm
7	26/08/2021	51D-08133	Dĩ An	Bà Rịa - Vùng Tàu	6206	Sản phẩm chế biến	107	kg	Thực phẩm
8	26/08/2021	51D-08133	Dĩ An	Bà Rịa - Vùng Tàu	6207	Sản phẩm chế biến	17	kg	Thực phẩm
9	26/08/2021	61C-44916	Dĩ An	Bà Rịa - Vùng Tàu	6386	Sản phẩm đông lạnh	1713,92	kg	Thực phẩm
10	26/08/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Bà Rịa - Vùng Tàu	12919	Sản phẩm đông lạnh	3	kg	Thực phẩm
11	26/08/2021	51D-53446	Tân Uyên	Bà Rịa - Vùng Tàu	12935	Sản phẩm đông lạnh	13	kg	Thực phẩm
12	26/08/2021	50H08586	Dĩ An	Bà Rịa - Vùng Tàu	1188	Thịt Gà	1300	kg	Thực phẩm
13	26/08/2021	50H02931	Dĩ An	Bà Rịa - Vùng Tàu	1189	Thịt Gà	1200	kg	Thực phẩm
14	26/08/2021	51D30987	Dĩ An	Bạc Liêu	25719	Sản phẩm chế biến	199,84	kg	Thực phẩm
15	26/08/2021	51D60804	Dĩ An	Bình Định	25722	Sản phẩm chế biến	135,69	kg	Thực phẩm
16	26/08/2021	51D-60000	Dĩ An	Bình Định	6220	Sản phẩm chế biến	349,3	kg	Thực phẩm
17	26/08/2021	51D-60000	Dĩ An	Bình Định	6226	Thịt Gà đông lạnh	680,5	kg	Thực phẩm
18	26/08/2021	51C-13351	Thuận An	Bình Thuận	5597	Sản phẩm chế biến	275	kg	Thực phẩm

19	26/08/2021	51D60533	Dĩ An	Cà Mau	25718	Sản phẩm chế biến	107,91	kg	Thực phẩm
20	26/08/2021	51D-49399	Dĩ An	Cần Thơ	6199	Sản phẩm chế biến	15	kg	Thực phẩm
21	26/08/2021	51D-49399	Dĩ An	Cần Thơ	6200	Thịt Gà đông lạnh	3574,3	kg	Thực phẩm
22	26/08/2021	51D-60000	Dĩ An	Đà Nẵng	6219	Sản phẩm chế biến	36	kg	Thực phẩm
23	26/08/2021	51D-60000	Dĩ An	Đà Nẵng	6225	Thịt Gà đông lạnh	523,2	kg	Thực phẩm
24	26/08/2021	51D-23451	Dĩ An	Đắc Nông	6190	Sản phẩm chế biến	132,7	kg	Thực phẩm
25	26/08/2021	51C99998	Thuận An	Đak Lak	6807	Sản phẩm chế biến	45	kg	Thực phẩm
26	26/08/2021	51C99998	Thuận An	Đak Lak	6808	Sản phẩm chế biến	563	kg	Thực phẩm
27	26/08/2021	51C99998	Thuận An	Đak Lak	6809	Sản phẩm chế biến	55	kg	Thực phẩm
28	26/08/2021	51C99998	Thuận An	Đak Lak	6810	Sản phẩm chế biến	24	kg	Thực phẩm
29	26/08/2021	51C99998	Thuận An	Đak Lak	6811	Sản phẩm chế biến	561,6	kg	Thực phẩm
30	26/08/2021	51C99998	Thuận An	Đak Lak	6812	Sản phẩm chế biến	543	kg	Thực phẩm
31	26/08/2021	51D34643	Dĩ An	Đak Lak	25729	Sản phẩm chế biến	117,46	kg	Thực phẩm
32	26/08/2021	51D-49047	Dĩ An	Đak Lak	6193	Sản phẩm chế biến	319,4	kg	Thực phẩm
33	26/08/2021	51C-70553	Dĩ An	Đak Lak	6212	Sản phẩm chế biến	319,7	kg	Thực phẩm
34	26/08/2021	51C-70553	Dĩ An	Đak Lak	6213	Sản phẩm chế biến	191,5	kg	Thực phẩm
35	26/08/2021	51D-49047	Dĩ An	Đak Lak	6196	Thịt Gà đông lạnh	647,5	kg	Thực phẩm
36	26/08/2021	51C-70553	Dĩ An	Đak Lak	6214	Thịt Gà đông lạnh	350,2	kg	Thực phẩm
37	26/08/2021	61C-34753	Tân Uyên	Đồng Nai	12944	Sản phẩm chế biến	30	kg	Thực phẩm
38	26/08/2021	61LD-00906	Dĩ An	Đồng Nai	6384	Sản phẩm đông lạnh	2393,2	kg	Thực phẩm
39	26/08/2021	61C-39804	Tân Uyên	Đồng Nai	12916	Sản phẩm đông lạnh	15,5	kg	Thực phẩm
40	26/08/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	12920	Sản phẩm đông lạnh	87	kg	Thực phẩm
41	26/08/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	12921	Sản phẩm đông lạnh	10,76	kg	Thực phẩm
42	26/08/2021	60C-51803	Tân Uyên	Đồng Nai	12930	Sản phẩm đông lạnh	300	kg	Thực phẩm
43	26/08/2021	51D-16374	Dĩ An	Đồng Tháp	6192	Sản phẩm chế biến	284	kg	Thực phẩm
44	26/08/2021	51C-15418	Dĩ An	Đồng Tháp	6204	Sản phẩm chế biến	204,5	kg	Thực phẩm
45	26/08/2021	51C-15418	Dĩ An	Đồng Tháp	6205	Sản phẩm chế biến	211,2	kg	Thực phẩm
46	26/08/2021	51C99998	Thuận An	Gia Lai	6814	Sản phẩm chế biến	376,2	kg	Thực phẩm
47	26/08/2021	51C99998	Thuận An	Gia Lai	6815	Sản phẩm chế biến	222	kg	Thực phẩm
48	26/08/2021	51C99998	Thuận An	Gia Lai	6816	Sản phẩm chế biến	1270	kg	Thực phẩm
49	26/08/2021	51D-49047	Dĩ An	Gia Lai	6194	Sản phẩm chế biến	242,7	kg	Thực phẩm
50	26/08/2021	51D-49047	Dĩ An	Gia Lai	6197	Thịt Gà đông lạnh	120	kg	Thực phẩm

51	26/08/2021	51C-95051	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7754	Sản phẩm chế biến	24,3	kg	Thực phẩm
52	26/08/2021	51D-21551	Dĩ An	Hồ Chí Minh	6387	Sản phẩm đông lạnh	983,29	kg	Thực phẩm
53	26/08/2021	61C-36014	Dĩ An	Hồ Chí Minh	6388	Sản phẩm đông lạnh	1356,04	kg	Thực phẩm
54	26/08/2021	51D-16909	Dĩ An	Hồ Chí Minh	6389	Sản phẩm đông lạnh	1116,59	kg	Thực phẩm
55	26/08/2021	61C-39804	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12917	Sản phẩm đông lạnh	62,5	kg	Thực phẩm
56	26/08/2021	61C-39840	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12918	Sản phẩm đông lạnh	79	kg	Thực phẩm
57	26/08/2021	51D-03911	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12922	Sản phẩm đông lạnh	1516	kg	Thực phẩm
58	26/08/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12923	Sản phẩm đông lạnh	13	kg	Thực phẩm
59	26/08/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12924	Sản phẩm đông lạnh	13	kg	Thực phẩm
60	26/08/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12925	Sản phẩm đông lạnh	14	kg	Thực phẩm
61	26/08/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12926	Sản phẩm đông lạnh	17	kg	Thực phẩm
62	26/08/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12927	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
63	26/08/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12928	Sản phẩm đông lạnh	34	kg	Thực phẩm
64	26/08/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12929	Sản phẩm đông lạnh	330	kg	Thực phẩm
65	26/08/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12931	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
66	26/08/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12932	Sản phẩm đông lạnh	76	kg	Thực phẩm
67	26/08/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12933	Sản phẩm đông lạnh	26	kg	Thực phẩm
68	26/08/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12934	Sản phẩm đông lạnh	120	kg	Thực phẩm
69	26/08/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12936	Sản phẩm đông lạnh	56	kg	Thực phẩm
70	26/08/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12937	Sản phẩm đông lạnh	55	kg	Thực phẩm
71	26/08/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12938	Sản phẩm đông lạnh	200	kg	Thực phẩm
72	26/08/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12939	Sản phẩm đông lạnh	76	kg	Thực phẩm
73	26/08/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12940	Sản phẩm đông lạnh	25	kg	Thực phẩm
74	26/08/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12941	Sản phẩm đông lạnh	94	kg	Thực phẩm
75	26/08/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12942	Sản phẩm đông lạnh	32	kg	Thực phẩm
76	26/08/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12943	Sản phẩm đông lạnh	90	kg	Thực phẩm
77	26/08/2021	60H-00366	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7753	Sản phẩm đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
78	26/08/2021	60H-00366	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7755	Sản phẩm đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
79	26/08/2021	50D65095	Dĩ An	Hồ Chí Minh	1190	Thịt Gà	800	kg	Thực phẩm
80	26/08/2021	51D60916	Dĩ An	Khánh Hòa	25716	Sản phẩm chế biến	27,5	kg	Thực phẩm
81	26/08/2021	51D60804	Dĩ An	Khánh Hòa	25721	Sản phẩm chế biến	172,05	kg	Thực phẩm
82	26/08/2021	51D60973	Dĩ An	Khánh Hòa	25726	Sản phẩm chế biến	39,14	kg	Thực phẩm

83	26/08/2021	51D60973	Dĩ An	Khánh Hòa	25727	Sản phẩm chế biến	174,95	kg	Thực phẩm
84	26/08/2021	51D60973	Dĩ An	Khánh Hòa	25728	Sản phẩm chế biến	125,75	kg	Thực phẩm
85	26/08/2021	89C-17508	Thuận An	Khánh Hòa	5598	Sản phẩm chế biến	66	kg	Thực phẩm
86	26/08/2021	51D60712	Dĩ An	Kiên Giang	25730	Sản phẩm chế biến	122,25	kg	Thực phẩm
87	26/08/2021	51D-29015	Dĩ An	Kiên Giang	6191	Sản phẩm chế biến	348,3	kg	Thực phẩm
88	26/08/2021	51C99998	Thuận An	Kon Tum	6813	Sản phẩm chế biến	333	kg	Thực phẩm
89	26/08/2021	51D-49047	Dĩ An	Kon Tum	6195	Sản phẩm chế biến	239,5	kg	Thực phẩm
90	26/08/2021	51D-49047	Dĩ An	Kon Tum	6198	Thịt Gà đông lạnh	51,5	kg	Thực phẩm
91	26/08/2021	50H06846	Thuận An	Lâm Đồng	6803	Sản phẩm chế biến	489	kg	Thực phẩm
92	26/08/2021	50H06846	Thuận An	Lâm Đồng	6804	Sản phẩm chế biến	312	kg	Thực phẩm
93	26/08/2021	50H06846	Thuận An	Lâm Đồng	6805	Sản phẩm chế biến	372	kg	Thực phẩm
94	26/08/2021	50H06846	Thuận An	Lâm Đồng	6806	Sản phẩm chế biến	30	kg	Thực phẩm
95	26/08/2021	51D62379	Dĩ An	Lâm Đồng	25725	Sản phẩm chế biến	384,66	kg	Thực phẩm
96	26/08/2021	51D34684	Dĩ An	Long An	25724	Sản phẩm chế biến	131,45	kg	Thực phẩm
97	26/08/2021	51C-18138	Dĩ An	Long An	6201	Sản phẩm chế biến	169	kg	Thực phẩm
98	26/08/2021	51C-18138	Dĩ An	Long An	6202	Sản phẩm chế biến	58,2	kg	Thực phẩm
99	26/08/2021	51C-18138	Dĩ An	Long An	6203	Sản phẩm chế biến	468	kg	Thực phẩm
100	26/08/2021	51D34424	Dĩ An	Ninh Thuận	25715	Sản phẩm chế biến	149,72	kg	Thực phẩm
101	26/08/2021	51D60804	Dĩ An	Phú Yên	25720	Sản phẩm chế biến	220,13	kg	Thực phẩm
102	26/08/2021	51D-60000	Dĩ An	Quảng Bình	6215	Sản phẩm chế biến	161,5	kg	Thực phẩm
103	26/08/2021	51D-60000	Dĩ An	Quảng Bình	6221	Sản phẩm chế biến	73,3	kg	Thực phẩm
104	26/08/2021	51D-60000	Dĩ An	Quảng Bình	6216	Sản phẩm chế biến	232,7	kg	Thực phẩm
105	26/08/2021	51D-60000	Dĩ An	Quảng Bình	6222	Thịt Gà đông lạnh	171,6	kg	Thực phẩm
106	26/08/2021	51D-60000	Dĩ An	Quảng Ngãi	6217	Sản phẩm chế biến	271,4	kg	Thực phẩm
107	26/08/2021	51D-60000	Dĩ An	Quảng Ngãi	6223	Thịt Gà đông lạnh	868,5	kg	Thực phẩm
108	26/08/2021	51D-60000	Dĩ An	Quảng Trị	6218	Sản phẩm chế biến	594,8	kg	Thực phẩm
109	26/08/2021	51D-60000	Dĩ An	Quảng Trị	6224	Thịt Gà đông lạnh	362,1	kg	Thực phẩm
110	26/08/2021	51D34521	Dĩ An	Sóc Trăng	25723	Sản phẩm chế biến	74,2	kg	Thực phẩm
111	26/08/2021	51D07745	Dĩ An	Tây Ninh	25717	Sản phẩm chế biến	42	kg	Thực phẩm
112	26/08/2021	29H71661	Dĩ An	Trà Vinh	25732	Sản phẩm chế biến	49,8	kg	Thực phẩm
113	27/08/2021	61C36014	Dĩ An	An Giang	25738	Sản phẩm chế biến	236	kg	Thực phẩm
114	27/08/2021	61LD00906	Dĩ An	Bà Rịa - Vùng Tàu	25733	Sản phẩm chế biến	170	kg	Thực phẩm

115	27/08/2021	50LD-17816	Dĩ An	Bắc Giang	6246	Sản phẩm chế biến	27	kg	Thực phẩm
116	27/08/2021	61LD00859	Dĩ An	Bình Định	25740	Sản phẩm chế biến	7,5	kg	Thực phẩm
117	27/08/2021	92C13056	Dĩ An	Bình Định	25744	Thịt đông lạnh	1049,9	kg	Thực phẩm
118	27/08/2021	51C-90077	Dĩ An	Bình Phước	6229	Sản phẩm chế biến	149,8	kg	Thực phẩm
119	27/08/2021	51C-78435	Dĩ An	Bình Thuận	6233	Sản phẩm chế biến	128,4	kg	Thực phẩm
120	27/08/2021	51C-78435	Dĩ An	Bình Thuận	6234	Sản phẩm chế biến	451,4	kg	Thực phẩm
121	27/08/2021	51C-78435	Dĩ An	Bình Thuận	6235	Sản phẩm chế biến	169,4	kg	Thực phẩm
122	27/08/2021	29H37293	Dĩ An	Cần Thơ	6970	Sản phẩm chế biến	126,75	kg	Thực phẩm
123	27/08/2021	29H37293	Dĩ An	Cần Thơ	6971	Sản phẩm chế biến	407,9	kg	Thực phẩm
124	27/08/2021	61C44148	Dĩ An	Cần Thơ	10801	Sản phẩm chế biến	200	kg	Thực phẩm
125	27/08/2021	92C12018	Dĩ An	Cần Thơ	25739	Sản phẩm chế biến	190	kg	Thực phẩm
126	27/08/2021	61LD00333	Dĩ An	Cần Thơ	25749	Sản phẩm chế biến	120	kg	Thực phẩm
127	27/08/2021	29H37293	Dĩ An	Cần Thơ	6972	Sản phẩm ướp lạnh	100	kg	Thực phẩm
128	27/08/2021	61LD00333	Dĩ An	Cần Thơ	25749	Thịt đông lạnh	4864,03	kg	Thực phẩm
129	27/08/2021	43C08932	Dĩ An	Đà Nẵng	25742	Sản phẩm chế biến	30	kg	Thực phẩm
130	27/08/2021	92C13056	Dĩ An	Đà Nẵng	25748	Thịt đông lạnh	4869,91	kg	Thực phẩm
131	27/08/2021	61C44148	Dĩ An	Đồng Nai	10802	Sản phẩm chế biến	100	kg	Thực phẩm
132	27/08/2021	61LD00393	Dĩ An	Đồng Nai	25735	Sản phẩm chế biến	444	kg	Thực phẩm
133	27/08/2021	61C-39804	Tân Uyên	Đồng Nai	12945	Sản phẩm đông lạnh	28,7	kg	Thực phẩm
134	27/08/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	12947	Sản phẩm đông lạnh	3,91	kg	Thực phẩm
135	27/08/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	12948	Sản phẩm đông lạnh	80,5	kg	Thực phẩm
136	27/08/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	12949	Sản phẩm đông lạnh	21,5	kg	Thực phẩm
137	27/08/2021	60C-51803	Tân Uyên	Đồng Nai	12960	Sản phẩm đông lạnh	210	kg	Thực phẩm
138	27/08/2021	60c22777	Bắc Tân Uyên	Đồng Nai	137231	Trứng giống	24300	quả	ấp nở
139	27/08/2021	51D34400	Dĩ An	Đồng Tháp	6973	Sản phẩm chế biến	309,5	kg	Thực phẩm
140	27/08/2021	29H71661	Dĩ An	Đồng Tháp	6974	Sản phẩm chế biến	207,77	kg	Thực phẩm
141	27/08/2021	51D34544	Dĩ An	Hà Giang	6969	Sản phẩm chế biến	108	kg	Thực phẩm
142	27/08/2021	50LD15608	Thuận An	Hà Nội	6818	Sản phẩm chế biến	700	kg	Thực phẩm
143	27/08/2021	50LD15608	Thuận An	Hà Nội	6819	Sản phẩm chế biến	36	kg	Thực phẩm
144	27/08/2021	50LD15608	Thuận An	Hà Nội	6820	Sản phẩm chế biến	5,7	kg	Thực phẩm
145	27/08/2021	50LD15608	Thuận An	Hà Nội	6821	Sản phẩm chế biến	88	kg	Thực phẩm
146	27/08/2021	50LD15608	Thuận An	Hà Nội	6822	Sản phẩm chế biến	141	kg	Thực phẩm

147	27/08/2021	92C13056	Dĩ An	Hà Nội	25745	Sản phẩm chế biến	88	kg	Thực phẩm
148	27/08/2021	92C13056	Dĩ An	Hà Nội	25747	Sản phẩm chế biến	76	kg	Thực phẩm
149	27/08/2021	50LD-17816	Dĩ An	Hà Nội	6243	Sản phẩm chế biến	36,7	kg	Thực phẩm
150	27/08/2021	92C13056	Dĩ An	Hà Nội	25746	Thịt đông lạnh	1080,51	kg	Thực phẩm
151	27/08/2021	50LD15608	Thuận An	Hà Nội	6817	Thịt Heo đông lạnh	6000	kg	Thực phẩm
152	27/08/2021	50LD15608	Thuận An	Hải Phòng	6823	Sản phẩm chế biến	50	kg	Thực phẩm
153	27/08/2021	50LD-17816	Dĩ An	Hải Phòng	6244	Sản phẩm chế biến	66,7	kg	Thực phẩm
154	27/08/2021	61H00786	Dĩ An	Hồ Chí Minh	25736	Sản phẩm chế biến	45	kg	Thực phẩm
155	27/08/2021	50LD08205	Dĩ An	Hồ Chí Minh	25737	Sản phẩm chế biến	209	kg	Thực phẩm
156	27/08/2021	51D14023	Dĩ An	Hồ Chí Minh	25743	Sản phẩm chế biến	34	kg	Thực phẩm
157	27/08/2021	51C-64364	Dĩ An	Hồ Chí Minh	6390	Sản phẩm đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
158	27/08/2021	60C-38127	Dĩ An	Hồ Chí Minh	6392	Sản phẩm đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
159	27/08/2021	60H-00366	Dĩ An	Hồ Chí Minh	6393	Sản phẩm đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
160	27/08/2021	51C-50389	Dĩ An	Hồ Chí Minh	6394	Sản phẩm đông lạnh	15000	kg	Thực phẩm
161	27/08/2021	61C-39840	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12946	Sản phẩm đông lạnh	10	kg	Thực phẩm
162	27/08/2021	51C-85765	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12950	Sản phẩm đông lạnh	1254	kg	Thực phẩm
163	27/08/2021	64C-08995	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12951	Sản phẩm đông lạnh	1170	kg	Thực phẩm
164	27/08/2021	64C-08995	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12952	Sản phẩm đông lạnh	204	kg	Thực phẩm
165	27/08/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12953	Sản phẩm đông lạnh	105	kg	Thực phẩm
166	27/08/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12954	Sản phẩm đông lạnh	170	kg	Thực phẩm
167	27/08/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12955	Sản phẩm đông lạnh	65	kg	Thực phẩm
168	27/08/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12956	Sản phẩm đông lạnh	40	kg	Thực phẩm
169	27/08/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12957	Sản phẩm đông lạnh	140	kg	Thực phẩm
170	27/08/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12958	Sản phẩm đông lạnh	22	kg	Thực phẩm
171	27/08/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12959	Sản phẩm đông lạnh	60	kg	Thực phẩm
172	27/08/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12961	Sản phẩm đông lạnh	35	kg	Thực phẩm
173	27/08/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12962	Sản phẩm đông lạnh	15	kg	Thực phẩm
174	27/08/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12963	Sản phẩm đông lạnh	95	kg	Thực phẩm
175	27/08/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12964	Sản phẩm đông lạnh	26	kg	Thực phẩm
176	27/08/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12965	Sản phẩm đông lạnh	106	kg	Thực phẩm
177	27/08/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12966	Sản phẩm đông lạnh	52	kg	Thực phẩm
178	27/08/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12967	Sản phẩm đông lạnh	26	kg	Thực phẩm

179	27/08/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12968	Sản phẩm đông lạnh	27	kg	Thực phẩm
180	27/08/2021	61H00786	Dĩ An	Hồ Chí Minh	25736	Thịt đông lạnh	451,98	kg	Thực phẩm
181	27/08/2021	61C34556	Dĩ An	Hồ Chí Minh	1191	Thịt Gà	1900	kg	Thực phẩm
182	27/08/2021	61C15118	Dĩ An	Hồ Chí Minh	1192	Thịt Gà	1900	kg	Thực phẩm
183	27/08/2021	61C40080	Dĩ An	Hồ Chí Minh	1193	Thịt Gà	1900	kg	Thực phẩm
184	27/08/2021	61C44671	Dĩ An	Hồ Chí Minh	1194	Thịt Gà	1900	kg	Thực phẩm
185	27/08/2021	51C-99908	Dĩ An	Hồ Chí Minh	6227	Thịt Gà đông lạnh	1914	kg	Thực phẩm
186	27/08/2021	61LD00859	Dĩ An	Khánh Hòa	25741	Sản phẩm chế biến	41,5	kg	Thực phẩm
187	27/08/2021	51D-18852	Dĩ An	Khánh Hòa	6238	Sản phẩm chế biến	175,6	kg	Thực phẩm
188	27/08/2021	51D-18852	Dĩ An	Khánh Hòa	6239	Sản phẩm chế biến	232,5	kg	Thực phẩm
189	27/08/2021	51D-18852	Dĩ An	Khánh Hòa	6240	Thịt Gà đông lạnh	863	kg	Thực phẩm
190	27/08/2021	51D-18852	Dĩ An	Khánh Hòa	6241	Thịt Gà đông lạnh	214,5	kg	Thực phẩm
191	27/08/2021	50H-06833	Dĩ An	Lâm Đồng	6236	Sản phẩm chế biến	152,3	kg	Thực phẩm
192	27/08/2021	50H-06833	Dĩ An	Lâm Đồng	6237	Thịt Gà đông lạnh	252,8	kg	Thực phẩm
193	27/08/2021	50LD15608	Thuận An	Quảng Ninh	6824	Sản phẩm chế biến	61	kg	Thực phẩm
194	27/08/2021	50LD-17816	Dĩ An	Thanh Hóa	6245	Sản phẩm chế biến	59,5	kg	Thực phẩm
195	27/08/2021	51C-70214	Dĩ An	Trà Vinh	6230	Sản phẩm chế biến	227	kg	Thực phẩm
196	27/08/2021	51C-70214	Dĩ An	Trà Vinh	6231	Sản phẩm chế biến	143,5	kg	Thực phẩm
197	27/08/2021	51C-70214	Dĩ An	Trà Vinh	6232	Sản phẩm chế biến	137,5	kg	Thực phẩm
198	27/08/2021	51D62486	Dĩ An	Vĩnh Long	25734	Sản phẩm chế biến	90,59	kg	Thực phẩm
199	27/08/2021	51D-23451	Dĩ An	Vĩnh Long	6228	Sản phẩm chế biến	264,1	kg	Thực phẩm
200	27/08/2021	50LD-17816	Dĩ An	Vĩnh Phúc	6242	Sản phẩm chế biến	20,1	kg	Thực phẩm
201	28/08/2021	51D-16374	Dĩ An	An Giang	10007	Sản phẩm chế biến	113,3	kg	Thực phẩm
202	28/08/2021	51D-16374	Dĩ An	An Giang	10008	Sản phẩm chế biến	62,8	kg	Thực phẩm
203	28/08/2021	61LD00333	Dĩ An	An Giang	6976	Sản phẩm đông lạnh	227,3	kg	Thực phẩm
204	28/08/2021	51D-16374	Dĩ An	An Giang	10009	Thịt Gà đông lạnh	291,7	kg	Thực phẩm
205	28/08/2021	61LD00906	Dĩ An	Bà Rịa - Vùng Tàu	6975	Sản phẩm đông lạnh	1451,92	kg	Thực phẩm
206	28/08/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Bà Rịa - Vùng Tàu	12991	Sản phẩm đông lạnh	73	kg	Thực phẩm
207	28/08/2021	51C10452	Thuận An	Bắc Giang	6828	Sản phẩm chế biến	1680	kg	Thực phẩm
208	28/08/2021	51D-60941	Dĩ An	Bình Định	7760	Sản phẩm chế biến	106,3	kg	Thực phẩm
209	28/08/2021	50LD-06887	Dĩ An	Đà Nẵng	6248	Thịt Bò đông lạnh	1275	kg	Thực phẩm
210	28/08/2021	61C36014	Dĩ An	Đak Lak	6981	Sản phẩm chế biến	10	kg	Thực phẩm

211	28/08/2021	61C36014	Dĩ An	Đak Lak	6981	Sản phẩm đông lạnh	168,71	kg	Thực phẩm
212	28/08/2021	60C-51803	Tân Uyên	Đồng Nai	12982	Sản phẩm đông lạnh	255	kg	Thực phẩm
213	28/08/2021	61C-39804	Tân Uyên	Đồng Nai	12988	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
214	28/08/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	12990	Sản phẩm đông lạnh	12,28	kg	Thực phẩm
215	28/08/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	12992	Sản phẩm đông lạnh	23	kg	Thực phẩm
216	28/08/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	12993	Sản phẩm đông lạnh	16,8	kg	Thực phẩm
217	28/08/2021	61C46088	Thuận An	Đồng Nai	2056	Thịt Vịt	120	kg	Thực phẩm
218	28/08/2021	51C-90989	Dĩ An	Đồng Tháp	10014	Sản phẩm chế biến	303,9	kg	Thực phẩm
219	28/08/2021	51C10452	Thuận An	Hà Nội	6833	Sản phẩm chế biến	980	kg	Thực phẩm
220	28/08/2021	51C10452	Thuận An	Hà Nội	6834	Sản phẩm chế biến	1960	kg	Thực phẩm
221	28/08/2021	92C-12237	Dĩ An	Hà Nội	6247	Thịt Bò đông lạnh	1272	kg	Thực phẩm
222	28/08/2021	51C10452	Thuận An	Hải Phòng	6829	Sản phẩm chế biến	868	kg	Thực phẩm
223	28/08/2021	51C10452	Thuận An	Hải Phòng	6830	Sản phẩm chế biến	770	kg	Thực phẩm
224	28/08/2021	51C10452	Thuận An	Hải Phòng	6831	Sản phẩm chế biến	924	kg	Thực phẩm
225	28/08/2021	51C10452	Thuận An	Hải Phòng	6832	Sản phẩm chế biến	700	kg	Thực phẩm
226	28/08/2021	51C-77678	Dĩ An	Hậu Giang	10010	Sản phẩm chế biến	254,8	kg	Thực phẩm
227	28/08/2021	51C-77678	Dĩ An	Hậu Giang	10011	Thịt Gà đông lạnh	333	kg	Thực phẩm
228	28/08/2021	51C-71148	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10001	Sản phẩm chế biến	133,6	kg	Thực phẩm
229	28/08/2021	51C-71148	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10002	Sản phẩm chế biến	67,3	kg	Thực phẩm
230	28/08/2021	51C-71148	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10003	Sản phẩm chế biến	23,7	kg	Thực phẩm
231	28/08/2021	51C-71148	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10004	Sản phẩm chế biến	31	kg	Thực phẩm
232	28/08/2021	51C-71148	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10005	Sản phẩm chế biến	77,5	kg	Thực phẩm
233	28/08/2021	51C-71148	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10006	Sản phẩm chế biến	20,8	kg	Thực phẩm
234	28/08/2021	61H00786	Dĩ An	Hồ Chí Minh	6978	Sản phẩm đông lạnh	1057,54	kg	Thực phẩm
235	28/08/2021	51D16909	Dĩ An	Hồ Chí Minh	6980	Sản phẩm đông lạnh	220,64	kg	Thực phẩm
236	28/08/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12969	Sản phẩm đông lạnh	18	kg	Thực phẩm
237	28/08/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12970	Sản phẩm đông lạnh	65	kg	Thực phẩm
238	28/08/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12971	Sản phẩm đông lạnh	124	kg	Thực phẩm
239	28/08/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12972	Sản phẩm đông lạnh	22	kg	Thực phẩm
240	28/08/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12973	Sản phẩm đông lạnh	35	kg	Thực phẩm
241	28/08/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12974	Sản phẩm đông lạnh	450	kg	Thực phẩm
242	28/08/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12975	Sản phẩm đông lạnh	70	kg	Thực phẩm

243	28/08/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12976	Sản phẩm đông lạnh	128	kg	Thực phẩm
244	28/08/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12977	Sản phẩm đông lạnh	80	kg	Thực phẩm
245	28/08/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12978	Sản phẩm đông lạnh	60	kg	Thực phẩm
246	28/08/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12979	Sản phẩm đông lạnh	53	kg	Thực phẩm
247	28/08/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12980	Sản phẩm đông lạnh	13	kg	Thực phẩm
248	28/08/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12981	Sản phẩm đông lạnh	13	kg	Thực phẩm
249	28/08/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12983	Sản phẩm đông lạnh	155	kg	Thực phẩm
250	28/08/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12984	Sản phẩm đông lạnh	36	kg	Thực phẩm
251	28/08/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12985	Sản phẩm đông lạnh	50	kg	Thực phẩm
252	28/08/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12986	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
253	28/08/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12987	Sản phẩm đông lạnh	54	kg	Thực phẩm
254	28/08/2021	61C-39840	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12989	Sản phẩm đông lạnh	10	kg	Thực phẩm
255	28/08/2021	57M-3236	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12994	Sản phẩm đông lạnh	1247	kg	Thực phẩm
256	28/08/2021	51D-10253	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12995	Sản phẩm đông lạnh	1338	kg	Thực phẩm
257	28/08/2021	51D-10253	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12996	Sản phẩm đông lạnh	217	kg	Thực phẩm
258	28/08/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12997	Sản phẩm đông lạnh	100	kg	Thực phẩm
259	28/08/2021	60H00627	Dĩ An	Hồ Chí Minh	25750	Thịt đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
260	28/08/2021	51D12977	Dĩ An	Hồ Chí Minh	25751	Thịt đông lạnh	49,8	kg	Thực phẩm
261	28/08/2021	51C64364	Dĩ An	Hồ Chí Minh	25752	Thịt đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
262	28/08/2021	60C38127	Dĩ An	Hồ Chí Minh	25753	Thịt đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
263	28/08/2021	51C57980	Dĩ An	Hồ Chí Minh	25754	Thịt đông lạnh	15000	kg	Thực phẩm
264	28/08/2021	51C64364	Dĩ An	Hồ Chí Minh	25755	Thịt đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
265	28/08/2021	51D50479	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10803	Thịt gà	1900	kg	Thực phẩm
266	28/08/2021	61C34517	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10804	Thịt gà	1900	kg	Thực phẩm
267	28/08/2021	51D50479	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10805	Thịt gà	1900	kg	Thực phẩm
268	28/08/2021	61C15118	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10806	Thịt gà	1900	kg	Thực phẩm
269	28/08/2021	61C13063	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10807	Thịt gà	1900	kg	Thực phẩm
270	28/08/2021	61C40580	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10808	Thịt gà	1900	kg	Thực phẩm
271	28/08/2021	51C42952	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10809	Thịt gà	1900	kg	Thực phẩm
272	28/08/2021	61P5234	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10810	Thịt gà	1900	kg	Thực phẩm
273	28/08/2021	61C40489	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10811	Thịt gà	1900	kg	Thực phẩm
274	28/08/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	2053	Thịt Vịt	120	kg	Thực phẩm

275	28/08/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	2054	Thịt Vịt	80	kg	Thực phẩm
276	28/08/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	2055	Thịt Vịt	200	kg	Thực phẩm
277	28/08/2021	50LD15915	Thuận An	Hưng Yên	6825	Sản phẩm chế biến	89	kg	Thực phẩm
278	28/08/2021	50LD15915	Thuận An	Hưng Yên	6825	Thịt Gà đông lạnh	4814	kg	Thực phẩm
279	28/08/2021	51D-60914	Dĩ An	Khánh Hòa	7756	Sản phẩm chế biến	47,98	kg	Thực phẩm
280	28/08/2021	51D-60914	Dĩ An	Khánh Hòa	7757	Sản phẩm chế biến	116	kg	Thực phẩm
281	28/08/2021	51D-60941	Dĩ An	Khánh Hòa	7759	Sản phẩm chế biến	158,02	kg	Thực phẩm
282	28/08/2021	61LD00333	Dĩ An	Kiên Giang	6977	Sản phẩm chế biến	44	kg	Thực phẩm
283	28/08/2021	50H01756	Dĩ An	Kiên Giang	6979	Sản phẩm chế biến	163	kg	Thực phẩm
284	28/08/2021	61LD00333	Dĩ An	Kiên Giang	6977	Sản phẩm đông lạnh	2237,62	kg	Thực phẩm
285	28/08/2021	51D-34405	Dĩ An	Lâm Đồng	7762	Sản phẩm chế biến	54,46	kg	Thực phẩm
286	28/08/2021	51D-49399	Dĩ An	Long An	10013	Thịt Gà đông lạnh	1128,2	kg	Thực phẩm
287	28/08/2021	51C10452	Thuận An	Nam Định	6835	Sản phẩm chế biến	1540	kg	Thực phẩm
288	28/08/2021	51C10452	Thuận An	Ninh Bình	6836	Sản phẩm chế biến	700	kg	Thực phẩm
289	28/08/2021	51D-34704	Dĩ An	Ninh Thuận	7758	Sản phẩm chế biến	207,94	kg	Thực phẩm
290	28/08/2021	51D-60941	Dĩ An	Phú Yên	7761	Sản phẩm chế biến	155,37	kg	Thực phẩm
291	28/08/2021	51C10452	Thuận An	Quảng Ninh	6837	Sản phẩm chế biến	840	kg	Thực phẩm
292	28/08/2021	51C-18138	Dĩ An	Tây Ninh	6249	Sản phẩm chế biến	512,1	kg	Thực phẩm
293	28/08/2021	51C-18138	Dĩ An	Tây Ninh	6250	Sản phẩm chế biến	109,3	kg	Thực phẩm
294	28/08/2021	51C-90077	Dĩ An	Tây Ninh	10015	Sản phẩm chế biến	362,5	kg	Thực phẩm
295	28/08/2021	51C-90077	Dĩ An	Tây Ninh	10016	Sản phẩm chế biến	53,6	kg	Thực phẩm
296	28/08/2021	51C10452	Thuận An	Thái Bình	6826	Sản phẩm chế biến	1540	kg	Thực phẩm
297	28/08/2021	51C10452	Thuận An	Thái Bình	6827	Sản phẩm chế biến	1330	kg	Thực phẩm
298	28/08/2021	51C-37427	Dĩ An	Tiền Giang	10012	Thịt Gà đông lạnh	154,2	kg	Thực phẩm
299	28/08/2021	29H-71661	Dĩ An	Trà Vinh	7763	Sản phẩm chế biến	31	kg	Thực phẩm
300	28/08/2021	51C-79740	Dĩ An	Trà Vinh	10017	Thịt Bò đông lạnh	2345	kg	Thực phẩm
301	28/08/2021	51C10452	Thuận An	Yên Bái	6838	Sản phẩm chế biến	700	kg	Thực phẩm
302	29/08/2021	63C06708	Dĩ An	An Giang	5303	Thịt Gà	3500	kg	Thực phẩm
303	29/08/2021	61H-01319	Dĩ An	Cần Thơ	7765	Sản phẩm đông lạnh	3116,44	kg	Thực phẩm
304	29/08/2021	60C-51803	Tân Uyên	Đồng Nai	13001	Sản phẩm đông lạnh	250	kg	Thực phẩm
305	29/08/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	13020	Sản phẩm đông lạnh	10,73	kg	Thực phẩm
306	29/08/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	13021	Sản phẩm đông lạnh	43,5	kg	Thực phẩm

307	29/08/2021	61C-39804	Tân Uyên	Đồng Nai	13022	Sản phẩm đông lạnh	15,1	kg	Thực phẩm
308	29/08/2021	61LD-00333	Dĩ An	Đồng Nai	7764	Sản phẩm đông lạnh	2335,67	kg	Thực phẩm
309	29/08/2021	61C46088	Thuận An	Đồng Nai	2057	Thịt Vịt	120	kg	Thực phẩm
310	29/08/2021	50H-01519	Dĩ An	Hà Nội	7768	Sản phẩm chế biến	62,5	kg	Thực phẩm
311	29/08/2021	50H-01519	Dĩ An	Hà Nội	7769	Sản phẩm chế biến	61	kg	Thực phẩm
312	29/08/2021	50H-01519	Dĩ An	Hà Nội	7770	Sản phẩm chế biến	15	kg	Thực phẩm
313	29/08/2021	50H-01519	Dĩ An	Hà Nội	7767	Sản phẩm đông lạnh	720	kg	Thực phẩm
314	29/08/2021	63C15448	Dĩ An	Hải Phòng	5304	Thịt đông lạnh	10000	kg	Thực phẩm
315	29/08/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12998	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
316	29/08/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	12999	Sản phẩm đông lạnh	24	kg	Thực phẩm
317	29/08/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	13000	Sản phẩm đông lạnh	28	kg	Thực phẩm
318	29/08/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	13002	Sản phẩm đông lạnh	58	kg	Thực phẩm
319	29/08/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	13003	Sản phẩm đông lạnh	125	kg	Thực phẩm
320	29/08/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	13004	Sản phẩm đông lạnh	98	kg	Thực phẩm
321	29/08/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	13005	Sản phẩm đông lạnh	350	kg	Thực phẩm
322	29/08/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	13006	Sản phẩm đông lạnh	80	kg	Thực phẩm
323	29/08/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	13007	Sản phẩm đông lạnh	26	kg	Thực phẩm
324	29/08/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	13008	Sản phẩm đông lạnh	70	kg	Thực phẩm
325	29/08/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	13009	Sản phẩm đông lạnh	15	kg	Thực phẩm
326	29/08/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	13010	Sản phẩm đông lạnh	143	kg	Thực phẩm
327	29/08/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	13011	Sản phẩm đông lạnh	13	kg	Thực phẩm
328	29/08/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	13012	Sản phẩm đông lạnh	40	kg	Thực phẩm
329	29/08/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	13013	Sản phẩm đông lạnh	171	kg	Thực phẩm
330	29/08/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	13014	Sản phẩm đông lạnh	70	kg	Thực phẩm
331	29/08/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	13015	Sản phẩm đông lạnh	450	kg	Thực phẩm
332	29/08/2021	51D-10253	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	13018	Sản phẩm đông lạnh	183	kg	Thực phẩm
333	29/08/2021	51D-10253	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	13019	Sản phẩm đông lạnh	1287	kg	Thực phẩm
334	29/08/2021	61C-39840	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	13023	Sản phẩm đông lạnh	35	kg	Thực phẩm
335	29/08/2021	64C-08995	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	13024	Sản phẩm đông lạnh	294	kg	Thực phẩm
336	29/08/2021	64C-08995	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	13025	Sản phẩm đông lạnh	909	kg	Thực phẩm
337	29/08/2021	51D-16909	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7766	Sản phẩm đông lạnh	441,45	kg	Thực phẩm
338	29/08/2021	60C-38127	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7771	Sản phẩm đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm

339	29/08/2021	61C15118	Dĩ An	Hồ Chí Minh	1195	Thịt Gà	1900	kg	Thực phẩm
340	29/08/2021	61C40489	Dĩ An	Hồ Chí Minh	1196	Thịt Gà	1900	kg	Thực phẩm
341	29/08/2021	61C44671	Dĩ An	Hồ Chí Minh	1197	Thịt Gà	1900	kg	Thực phẩm
342	29/08/2021	51C42952	Dĩ An	Hồ Chí Minh	1198	Thịt Gà	1900	kg	Thực phẩm
343	29/08/2021	61C36752	Dĩ An	Hồ Chí Minh	1199	Thịt Gà	1900	kg	Thực phẩm
344	29/08/2021	51D50479	Dĩ An	Hồ Chí Minh	1200	Thịt Gà	1900	kg	Thực phẩm
345	29/08/2021	61C34556	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5301	Thịt Gà	1900	kg	Thực phẩm
346	29/08/2021	61C34517	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5302	Thịt Gà	1900	kg	Thực phẩm
347	29/08/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	2058	Thịt Vịt	100	kg	Thực phẩm
348	29/08/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	2059	Thịt Vịt	120	kg	Thực phẩm
349	30/08/2021	50LD15570	Thuận An	Bà Rịa - Vùng Tàu	6840	Sản phẩm chế biến	63	kg	Thực phẩm
350	30/08/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Bà Rịa - Vùng Tàu	13033	Sản phẩm đông lạnh	1,5	kg	Thực phẩm
351	30/08/2021	79C-10013	Dĩ An	Bến Tre	7775	Sản phẩm chế biến	125,8	kg	Thực phẩm
352	30/08/2021	79C-10013	Dĩ An	Bến Tre	7775	Sản phẩm đông lạnh	15,92	kg	Thực phẩm
353	30/08/2021	51C46638	Dĩ An	Bình Định	5316	Sản phẩm chế biến	25	kg	Thực phẩm
354	30/08/2021	79C-10678	Dĩ An	Bình Định	7783	Sản phẩm chế biến	1017,8	kg	Thực phẩm
355	30/08/2021	79C-10678	Dĩ An	Bình Định	7783	Sản phẩm đông lạnh	952,08	kg	Thực phẩm
356	30/08/2021	43C08932	Dĩ An	Bình Định	25770	Thịt đông lạnh	3984	kg	Thực phẩm
357	30/08/2021	51C79740	Dĩ An	Cà Mau	5305	Thịt đông lạnh	1343	kg	Thực phẩm
358	30/08/2021	51D30546	Thuận An	Cần Thơ	6841	Sản phẩm chế biến	27	kg	Thực phẩm
359	30/08/2021	51D30546	Thuận An	Cần Thơ	6843	Sản phẩm chế biến	700	kg	Thực phẩm
360	30/08/2021	51D36818	Dĩ An	Cần Thơ	25764	Sản phẩm chế biến	143,25	kg	Thực phẩm
361	30/08/2021	51D36818	Dĩ An	Cần Thơ	25765	Sản phẩm chế biến	51,5	kg	Thực phẩm
362	30/08/2021	51D36818	Dĩ An	Cần Thơ	25766	Sản phẩm chế biến	45	kg	Thực phẩm
363	30/08/2021	64C-08587	Dĩ An	Cần Thơ	10018	Sản phẩm chế biến	76,5	kg	Thực phẩm
364	30/08/2021	51D36818	Dĩ An	Cần Thơ	25764	Thịt đông lạnh	9	kg	Thực phẩm
365	30/08/2021	51D36818	Dĩ An	Cần Thơ	25765	Thịt đông lạnh	25	kg	Thực phẩm
366	30/08/2021	51D30546	Thuận An	Cần Thơ	6842	Thịt Gà đông lạnh	285,5	kg	Thực phẩm
367	30/08/2021	29C44869	Dĩ An	Đà Nẵng	5322	Sản phẩm chế biến	8184	kg	Thực phẩm
368	30/08/2021	50LD16503	Thuận An	Đà Nẵng	6844	Sản phẩm chế biến	164	kg	Thực phẩm
369	30/08/2021	72C08853	Dĩ An	Đà Nẵng	25762	Sản phẩm chế biến	254,7	kg	Thực phẩm
370	30/08/2021	50H-04060	Dĩ An	Đà Nẵng	7789	Sản phẩm chế biến	254,7	kg	Thực phẩm

371	30/08/2021	50H-08162	Dĩ An	Đà Nẵng	7790	Sản phẩm chế biến	4086	kg	Thực phẩm
372	30/08/2021	50H-08162	Dĩ An	Đà Nẵng	7790	Sản phẩm đông lạnh	320	kg	Thực phẩm
373	30/08/2021	92C-13147	Dĩ An	Đà Nẵng	10020	Thịt Bò đông lạnh	26534	kg	Thực phẩm
374	30/08/2021	50LD17557	Dĩ An	Đà Nẵng	5314	Thịt đông lạnh	1520,3	kg	Thực phẩm
375	30/08/2021	51D45286	Dĩ An	Đak Lak	5306	Sản phẩm chế biến	136,2	kg	Thực phẩm
376	30/08/2021	51D45286	Dĩ An	Đak Lak	5307	Sản phẩm chế biến	77,9	kg	Thực phẩm
377	30/08/2021	51D34628	Dĩ An	Đak Lak	25757	Sản phẩm chế biến	254,62	kg	Thực phẩm
378	30/08/2021	51D17679	Dĩ An	Đak Lak	25760	Sản phẩm chế biến	19,95	kg	Thực phẩm
379	30/08/2021	51D17679	Dĩ An	Đak Lak	25760	Thịt đông lạnh	37	kg	Thực phẩm
380	30/08/2021	51D36289	Dĩ An	Đồng Nai	25772	Sản phẩm chế biến	106	kg	Thực phẩm
381	30/08/2021	61C-39804	Tân Uyên	Đồng Nai	13030	Sản phẩm đông lạnh	24	kg	Thực phẩm
382	30/08/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	13032	Sản phẩm đông lạnh	13,98	kg	Thực phẩm
383	30/08/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	13034	Sản phẩm đông lạnh	28	kg	Thực phẩm
384	30/08/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	13035	Sản phẩm đông lạnh	4,9	kg	Thực phẩm
385	30/08/2021	60H-01810	Tân Uyên	Đồng Nai	13036	Sản phẩm đông lạnh	60	kg	Thực phẩm
386	30/08/2021	60H-01810	Tân Uyên	Đồng Nai	13037	Sản phẩm đông lạnh	60	kg	Thực phẩm
387	30/08/2021	60C-51803	Tân Uyên	Đồng Nai	13050	Sản phẩm đông lạnh	271	kg	Thực phẩm
388	30/08/2021	51D36289	Dĩ An	Đồng Nai	25772	Thịt đông lạnh	90	kg	Thực phẩm
389	30/08/2021	61C46088	Thuận An	Đồng Nai	2061	Thịt Vịt	120	kg	Thực phẩm
390	30/08/2021	51D34400	Dĩ An	Đồng Tháp	25758	Sản phẩm chế biến	41,5	kg	Thực phẩm
391	30/08/2021	51D34400	Dĩ An	Đồng Tháp	25759	Sản phẩm chế biến	6,8	kg	Thực phẩm
392	30/08/2021	29H71661	Dĩ An	Đồng Tháp	25767	Sản phẩm chế biến	241,84	kg	Thực phẩm
393	30/08/2021	29H71661	Dĩ An	Đồng Tháp	25768	Sản phẩm chế biến	215,5	kg	Thực phẩm
394	30/08/2021	51D45286	Dĩ An	Gia Lai	5309	Sản phẩm chế biến	112,7	kg	Thực phẩm
395	30/08/2021	29C44869	Dĩ An	Hà Nội	5321	Sản phẩm chế biến	8740	kg	Thực phẩm
396	30/08/2021	50LD16503	Thuận An	Hà Nội	6845	Sản phẩm chế biến	29	kg	Thực phẩm
397	30/08/2021	50LD16503	Thuận An	Hà Nội	6846	Sản phẩm chế biến	25	kg	Thực phẩm
398	30/08/2021	50LD16503	Thuận An	Hà Nội	6847	Sản phẩm chế biến	101,42	kg	Thực phẩm
399	30/08/2021	79C-10678	Dĩ An	Hà Nội	7787	Sản phẩm chế biến	6	kg	Thực phẩm
400	30/08/2021	79C-10678	Dĩ An	Hà Nội	7788	Sản phẩm chế biến	33	kg	Thực phẩm
401	30/08/2021	92C-17269	Dĩ An	Hà Nội	10019	Thịt Bò đông lạnh	25199	kg	Thực phẩm
402	30/08/2021	51D49848	Dĩ An	Hải Dương	5324	Sản phẩm chế biến	16066	kg	Thực phẩm

403	30/08/2021	79C-14846	Dĩ An	Hải Dương	7780	Sản phẩm chế biến	23,4	kg	Thực phẩm
404	30/08/2021	50LD16503	Thuận An	Hải Phòng	6849	Sản phẩm chế biến	113,42	kg	Thực phẩm
405	30/08/2021	79C-14846	Dĩ An	Hải Phòng	7778	Sản phẩm chế biến	9,6	kg	Thực phẩm
406	30/08/2021	51D36907	Dĩ An	Hậu Giang	25763	Sản phẩm chế biến	86,1	kg	Thực phẩm
407	30/08/2021	51D36907	Dĩ An	Hậu Giang	25763	Thịt đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
408	30/08/2021	61C-34753	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14504	Sản phẩm chế biến	18	kg	Thực phẩm
409	30/08/2021	51D-47038	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7773	Sản phẩm chế biến	212,29	kg	Thực phẩm
410	30/08/2021	51D-36941	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7774	Sản phẩm chế biến	130,64	kg	Thực phẩm
411	30/08/2021	51C-85765	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	13026	Sản phẩm đông lạnh	975	kg	Thực phẩm
412	30/08/2021	51D-10253	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	13027	Sản phẩm đông lạnh	1382	kg	Thực phẩm
413	30/08/2021	51D-10253	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	13028	Sản phẩm đông lạnh	133	kg	Thực phẩm
414	30/08/2021	15C-35542	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	13029	Sản phẩm đông lạnh	700	kg	Thực phẩm
415	30/08/2021	61C-39840	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	13031	Sản phẩm đông lạnh	60	kg	Thực phẩm
416	30/08/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	13038	Sản phẩm đông lạnh	54	kg	Thực phẩm
417	30/08/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	13039	Sản phẩm đông lạnh	400	kg	Thực phẩm
418	30/08/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	13040	Sản phẩm đông lạnh	62	kg	Thực phẩm
419	30/08/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	13041	Sản phẩm đông lạnh	14	kg	Thực phẩm
420	30/08/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	13042	Sản phẩm đông lạnh	11	kg	Thực phẩm
421	30/08/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	13043	Sản phẩm đông lạnh	104	kg	Thực phẩm
422	30/08/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	13044	Sản phẩm đông lạnh	70	kg	Thực phẩm
423	30/08/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	13045	Sản phẩm đông lạnh	26	kg	Thực phẩm
424	30/08/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	13046	Sản phẩm đông lạnh	180	kg	Thực phẩm
425	30/08/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	13047	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
426	30/08/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	13048	Sản phẩm đông lạnh	110	kg	Thực phẩm
427	30/08/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	13049	Sản phẩm đông lạnh	17	kg	Thực phẩm
428	30/08/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14501	Sản phẩm đông lạnh	94	kg	Thực phẩm
429	30/08/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14502	Sản phẩm đông lạnh	76	kg	Thực phẩm
430	30/08/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14503	Sản phẩm đông lạnh	60	kg	Thực phẩm
431	30/08/2021	60H-04060	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7772	Sản phẩm đông lạnh	5000	kg	Thực phẩm
432	30/08/2021	51D-47038	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7773	Sản phẩm đông lạnh	259,06	kg	Thực phẩm
433	30/08/2021	51D-36941	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7774	Sản phẩm đông lạnh	286,41	kg	Thực phẩm
434	30/08/2021	51D-15467	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7791	Sản phẩm đông lạnh	15000	kg	Thực phẩm

435	30/08/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	2060	Thịt Vịt	100	kg	Thực phẩm
436	30/08/2021	51C39003	Dĩ An	Hưng Yên	5323	Sản phẩm chế biến	17428	kg	Thực phẩm
437	30/08/2021	50LD16503	Thuận An	Hưng Yên	6848	Thịt Gà đông lạnh	3228	kg	Thực phẩm
438	30/08/2021	43C08932	Dĩ An	Khánh Hòa	25771	Thịt đông lạnh	2629,17	kg	Thực phẩm
439	30/08/2021	51D45286	Dĩ An	Kon Tum	5308	Sản phẩm chế biến	227,3	kg	Thực phẩm
440	30/08/2021	51D62486	Dĩ An	Lâm Đồng	25756	Sản phẩm chế biến	388,66	kg	Thực phẩm
441	30/08/2021	51D62486	Dĩ An	Lâm Đồng	25756	Thịt đông lạnh	225	kg	Thực phẩm
442	30/08/2021	79C-14846	Dĩ An	Nghệ An	7779	Sản phẩm chế biến	17,64	kg	Thực phẩm
443	30/08/2021	79C-10678	Dĩ An	Phú Thọ	7782	Sản phẩm chế biến	6	kg	Thực phẩm
444	30/08/2021	50LD17557	Dĩ An	Quảng Bình	5311	Sản phẩm chế biến	294,7	kg	Thực phẩm
445	30/08/2021	50LD17557	Dĩ An	Quảng Bình	5310	Sản phẩm chế biến	481,4	kg	Thực phẩm
446	30/08/2021	79C-10678	Dĩ An	Quảng Bình	7786	Sản phẩm chế biến	126,5	kg	Thực phẩm
447	30/08/2021	79C-10678	Dĩ An	Quảng Bình	7786	Sản phẩm đông lạnh	384,72	kg	Thực phẩm
448	30/08/2021	50LD17557	Dĩ An	Quảng Bình	5313	Thịt đông lạnh	880,1	kg	Thực phẩm
449	30/08/2021	50LD17557	Dĩ An	Quảng Bình	5315	Thịt đông lạnh	90	kg	Thực phẩm
450	30/08/2021	60C-28516	Dĩ An	Quảng Bình	10021	Thịt Gà đông lạnh	5660	kg	Thực phẩm
451	30/08/2021	51C46638	Dĩ An	Quảng Ngãi	5317	Sản phẩm chế biến	75	kg	Thực phẩm
452	30/08/2021	79C-10678	Dĩ An	Quảng Ngãi	7784	Sản phẩm chế biến	350,25	kg	Thực phẩm
453	30/08/2021	79C-10678	Dĩ An	Quảng Ngãi	7784	Sản phẩm đông lạnh	266,4	kg	Thực phẩm
454	30/08/2021	51C46638	Dĩ An	Quảng Ngãi	5319	Thịt đông lạnh	289,5	kg	Thực phẩm
455	30/08/2021	50LD17557	Dĩ An	Quảng Trị	5312	Sản phẩm chế biến	303,3	kg	Thực phẩm
456	30/08/2021	50LD15691	Thuận An	Sóc Trăng	6839	Sản phẩm chế biến	980	kg	Thực phẩm
457	30/08/2021	79C-10678	Dĩ An	Thái Nguyên	7785	Sản phẩm chế biến	70,4	kg	Thực phẩm
458	30/08/2021	79C-14846	Dĩ An	Thừa Thiên - Huế	7777	Sản phẩm chế biến	789,95	kg	Thực phẩm
459	30/08/2021	79C-14846	Dĩ An	Thừa Thiên - Huế	7777	Sản phẩm đông lạnh	491,34	kg	Thực phẩm
460	30/08/2021	79C-10013	Dĩ An	Trà Vinh	7776	Sản phẩm chế biến	664,26	kg	Thực phẩm
461	30/08/2021	79C-10678	Dĩ An	Vĩnh Phúc	7781	Sản phẩm chế biến	198,06	kg	Thực phẩm
462	30/08/2021	79C-10678	Dĩ An	Vĩnh Phúc	7781	Sản phẩm đông lạnh	22,26	kg	Thực phẩm
463	31/08/2021	51D34400	Dĩ An	An Giang	6999	Sản phẩm chế biến	5,2	kg	Thực phẩm
464	31/08/2021	51D34439	Dĩ An	An Giang	7051	Sản phẩm chế biến	143,8	kg	Thực phẩm
465	31/08/2021	51C35011	Dĩ An	An Giang	25775	Sản phẩm chế biến	188	kg	Thực phẩm
466	31/08/2021	51D34400	Dĩ An	An Giang	6999	Sản phẩm đông lạnh	35,5	kg	Thực phẩm

467	31/08/2021	51C35011	Dĩ An	An Giang	25775	Thịt đông lạnh	722,19	kg	Thực phẩm
468	31/08/2021	61LD00393	Dĩ An	Bà Rịa - Vùng Tàu	25778	Sản phẩm chế biến	217,5	kg	Thực phẩm
469	31/08/2021	51C-34972	Dĩ An	Bà Rịa - Vùng Tàu	5599	Sản phẩm chế biến	750	kg	Thực phẩm
470	31/08/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Bà Rịa - Vùng Tàu	14508	Sản phẩm đông lạnh	1,5	kg	Thực phẩm
471	31/08/2021	79C-08800	Dĩ An	Bắc Giang	7211	Sản phẩm chế biến	296,7	kg	Thực phẩm
472	31/08/2021	50H-06870	Dĩ An	Bạc Liêu	5606	Thịt Gà đông lạnh	1804,7	kg	Thực phẩm
473	31/08/2021	51D07276	Thuận An	Bắc Ninh	6854	Sản phẩm chế biến	910	kg	Thực phẩm
474	31/08/2021	51D-61082	Dĩ An	Bắc Ninh	7208	Sản phẩm đông lạnh	15,3	kg	Thực phẩm
475	31/08/2021	79H-00143	Dĩ An	Bến Tre	7229	Sản phẩm chế biến	411,8	kg	Thực phẩm
476	31/08/2021	51C-15418	Dĩ An	Bến Tre	5603	Sản phẩm chế biến	361	kg	Thực phẩm
477	31/08/2021	51C-15418	Dĩ An	Bến Tre	5604	Thịt Gà đông lạnh	794,9	kg	Thực phẩm
478	31/08/2021	51D60973	Dĩ An	Bình Định	6993	Sản phẩm chế biến	237,17	kg	Thực phẩm
479	31/08/2021	79C-17533	Dĩ An	Bình Định	7227	Sản phẩm chế biến	290,9	kg	Thực phẩm
480	31/08/2021	51D60941	Dĩ An	Bình Định	6985	Sản phẩm đông lạnh	75	kg	Thực phẩm
481	31/08/2021	50LD15691	Thuận An	Bình Thuận	6850	Sản phẩm chế biến	28	kg	Thực phẩm
482	31/08/2021	50LD15691	Thuận An	Bình Thuận	6859	Sản phẩm chế biến	19,66	kg	Thực phẩm
483	31/08/2021	51D60856	Dĩ An	Cà Mau	6994	Sản phẩm chế biến	199,86	kg	Thực phẩm
484	31/08/2021	51D-39358	Dĩ An	Đà Nẵng	6399	Sản phẩm chế biến	18	kg	Thực phẩm
485	31/08/2021	51D-39358	Dĩ An	Đà Nẵng	6399	Sản phẩm đông lạnh	3562,32	kg	Thực phẩm
486	31/08/2021	61H00786	Dĩ An	Đak Lak	25781	Sản phẩm chế biến	34,5	kg	Thực phẩm
487	31/08/2021	61C-36014	Dĩ An	Đồng Nai	7204	Sản phẩm chế biến	361	kg	Thực phẩm
488	31/08/2021	61C-42308	Dĩ An	Đồng Nai	7205	Sản phẩm chế biến	93,8	kg	Thực phẩm
489	31/08/2021	61C-39804	Tân Uyên	Đồng Nai	14506	Sản phẩm đông lạnh	28,4	kg	Thực phẩm
490	31/08/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	14509	Sản phẩm đông lạnh	183	kg	Thực phẩm
491	31/08/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	14510	Sản phẩm đông lạnh	27,5	kg	Thực phẩm
492	31/08/2021	60C-51803	Tân Uyên	Đồng Nai	14523	Sản phẩm đông lạnh	300	kg	Thực phẩm
493	31/08/2021	61C46088	Thuận An	Đồng Nai	2064	Thịt Vịt	120	kg	Thực phẩm
494	31/08/2021	51D07276	Thuận An	Hà Nội	6856	Sản phẩm chế biến	339	kg	Thực phẩm
495	31/08/2021	51D-39358	Dĩ An	Hà Nội	6398	Sản phẩm chế biến	8	kg	Thực phẩm
496	31/08/2021	79C-08800	Dĩ An	Hà Nội	7210	Sản phẩm chế biến	274,95	kg	Thực phẩm
497	31/08/2021	79C-08800	Dĩ An	Hà Nội	7212	Sản phẩm chế biến	160,6	kg	Thực phẩm
498	31/08/2021	79C-08800	Dĩ An	Hà Nội	7219	Sản phẩm chế biến	634,6	kg	Thực phẩm

499	31/08/2021	79C-08800	Dĩ An	Hà Nội	7220	Sản phẩm chế biến	293,4	kg	Thực phẩm
500	31/08/2021	79C-08800	Dĩ An	Hà Nội	7222	Sản phẩm chế biến	9,5	kg	Thực phẩm
501	31/08/2021	79C-08800	Dĩ An	Hà Nội	7232	Sản phẩm chế biến	909,4	kg	Thực phẩm
502	31/08/2021	92H00023	Dĩ An	Hà Nội	25779	Sản phẩm chế biến	10	kg	Thực phẩm
503	31/08/2021	92H00023	Dĩ An	Hà Nội	25780	Sản phẩm chế biến	15	kg	Thực phẩm
504	31/08/2021	51D-39358	Dĩ An	Hà Nội	6397	Sản phẩm đông lạnh	1910,24	kg	Thực phẩm
505	31/08/2021	79C-08800	Dĩ An	Hà Nội	7209	Sản phẩm đông lạnh	131	kg	Thực phẩm
506	31/08/2021	51D07276	Thuận An	Hà Tĩnh	6853	Sản phẩm chế biến	700	kg	Thực phẩm
507	31/08/2021	79C-08800	Dĩ An	Hải Dương	7221	Sản phẩm chế biến	338,1	kg	Thực phẩm
508	31/08/2021	51D07276	Thuận An	Hải Phòng	6858	Sản phẩm chế biến	216,44	kg	Thực phẩm
509	31/08/2021	79C-08800	Dĩ An	Hải Phòng	7218	Sản phẩm chế biến	289,1	kg	Thực phẩm
510	31/08/2021	51D-54257	Dĩ An	Hồ Chí Minh	6395	Sản phẩm chế biến	163,3	kg	Thực phẩm
511	31/08/2021	51D-24146	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7202	Sản phẩm chế biến	325	kg	Thực phẩm
512	31/08/2021	61C38642	Dĩ An	Hồ Chí Minh	25773	Sản phẩm chế biến	72	kg	Thực phẩm
513	31/08/2021	61LD00906	Dĩ An	Hồ Chí Minh	25774	Sản phẩm chế biến	18	kg	Thực phẩm
514	31/08/2021	51D24146	Dĩ An	Hồ Chí Minh	25777	Sản phẩm chế biến	16,5	kg	Thực phẩm
515	31/08/2021	51D34185	Thuận An	Hồ Chí Minh	5819	Sản phẩm chế biến	26	kg	Thực phẩm
516	31/08/2021	51D-54257	Dĩ An	Hồ Chí Minh	6395	Sản phẩm đông lạnh	709,19	kg	Thực phẩm
517	31/08/2021	61C-36014	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7203	Sản phẩm đông lạnh	972,93	kg	Thực phẩm
518	31/08/2021	61C-42308	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7205	Sản phẩm đông lạnh	29	kg	Thực phẩm
519	31/08/2021	51C-35880	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7206	Sản phẩm đông lạnh	11875	kg	Thực phẩm
520	31/08/2021	51D-15467	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7207	Sản phẩm đông lạnh	15000	kg	Thực phẩm
521	31/08/2021	61C-39840	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14505	Sản phẩm đông lạnh	22	kg	Thực phẩm
522	31/08/2021	61C-39804	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14507	Sản phẩm đông lạnh	54	kg	Thực phẩm
523	31/08/2021	51D-10253	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14511	Sản phẩm đông lạnh	91	kg	Thực phẩm
524	31/08/2021	51D-10253	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14512	Sản phẩm đông lạnh	1234	kg	Thực phẩm
525	31/08/2021	51C-85765	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14513	Sản phẩm đông lạnh	995	kg	Thực phẩm
526	31/08/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14514	Sản phẩm đông lạnh	34	kg	Thực phẩm
527	31/08/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14515	Sản phẩm đông lạnh	93	kg	Thực phẩm
528	31/08/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14516	Sản phẩm đông lạnh	35	kg	Thực phẩm
529	31/08/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14517	Sản phẩm đông lạnh	30	kg	Thực phẩm
530	31/08/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14518	Sản phẩm đông lạnh	170	kg	Thực phẩm

531	31/08/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14519	Sản phẩm đông lạnh	52	kg	Thực phẩm
532	31/08/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14520	Sản phẩm đông lạnh	120	kg	Thực phẩm
533	31/08/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14521	Sản phẩm đông lạnh	31	kg	Thực phẩm
534	31/08/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14522	Sản phẩm đông lạnh	27	kg	Thực phẩm
535	31/08/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14524	Sản phẩm đông lạnh	134	kg	Thực phẩm
536	31/08/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14525	Sản phẩm đông lạnh	72	kg	Thực phẩm
537	31/08/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14526	Sản phẩm đông lạnh	43	kg	Thực phẩm
538	31/08/2021	51D-36933	Dĩ An	Hồ Chí Minh	6396	Sản phẩm ướp lạnh	27	kg	Thực phẩm
539	31/08/2021	61LD00906	Dĩ An	Hồ Chí Minh	25774	Thịt đông lạnh	1009,56	kg	Thực phẩm
540	31/08/2021	61LD00859	Dĩ An	Hồ Chí Minh	25776	Thịt đông lạnh	896,56	kg	Thực phẩm
541	31/08/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	2062	Thịt Vịt	80	kg	Thực phẩm
542	31/08/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	2063	Thịt Vịt	60	kg	Thực phẩm
543	31/08/2021	50LD15691	Thuận An	Khánh Hòa	6852	Sản phẩm chế biến	318	kg	Thực phẩm
544	31/08/2021	50LD15691	Thuận An	Khánh Hòa	6860	Sản phẩm chế biến	21,51	kg	Thực phẩm
545	31/08/2021	51D60696	Dĩ An	Khánh Hòa	6982	Sản phẩm chế biến	342,52	kg	Thực phẩm
546	31/08/2021	51D60941	Dĩ An	Khánh Hòa	6984	Sản phẩm chế biến	24	kg	Thực phẩm
547	31/08/2021	51D60914	Dĩ An	Khánh Hòa	6986	Sản phẩm chế biến	187,35	kg	Thực phẩm
548	31/08/2021	51D60914	Dĩ An	Khánh Hòa	6987	Sản phẩm chế biến	34	kg	Thực phẩm
549	31/08/2021	51D60973	Dĩ An	Khánh Hòa	6992	Sản phẩm chế biến	95,66	kg	Thực phẩm
550	31/08/2021	51D17626	Dĩ An	Khánh Hòa	6996	Sản phẩm chế biến	135,447	kg	Thực phẩm
551	31/08/2021	79C-17533	Dĩ An	Khánh Hòa	7226	Sản phẩm chế biến	149,1	kg	Thực phẩm
552	31/08/2021	51D60941	Dĩ An	Khánh Hòa	6984	Sản phẩm đông lạnh	13	kg	Thực phẩm
553	31/08/2021	51D60914	Dĩ An	Khánh Hòa	6988	Sản phẩm đông lạnh	3	kg	Thực phẩm
554	31/08/2021	51D60696	Dĩ An	Khánh Hòa	6983	Sản phẩm ướp lạnh	31,5	kg	Thực phẩm
555	31/08/2021	51D30873	Dĩ An	Kiên Giang	6989	Sản phẩm chế biến	149,52	kg	Thực phẩm
556	31/08/2021	51D60712	Dĩ An	Kiên Giang	7052	Sản phẩm chế biến	13,25	kg	Thực phẩm
557	31/08/2021	79C-16383	Dĩ An	Lâm Đồng	7231	Sản phẩm chế biến	122,2	kg	Thực phẩm
558	31/08/2021	51C-70553	Dĩ An	Lâm Đồng	5600	Sản phẩm chế biến	492	kg	Thực phẩm
559	31/08/2021	79C-16383	Dĩ An	Lâm Đồng	7231	Sản phẩm đông lạnh	835,74	kg	Thực phẩm
560	31/08/2021	51D34735	Dĩ An	Long An	6998	Sản phẩm chế biến	7,8	kg	Thực phẩm
561	31/08/2021	51D34735	Dĩ An	Long An	6998	Sản phẩm đông lạnh	18	kg	Thực phẩm
562	31/08/2021	79C-08800	Dĩ An	Nam Định	7223	Sản phẩm chế biến	187,8	kg	Thực phẩm

563	31/08/2021	50LD16015	Thuận An	Nghệ An	6857	Thịt Gà đông lạnh	7555	kg	Thực phẩm
564	31/08/2021	50LD15691	Thuận An	Ninh Thuận	6851	Sản phẩm chế biến	700	kg	Thực phẩm
565	31/08/2021	51D34424	Dĩ An	Ninh Thuận	6990	Sản phẩm chế biến	61,8	kg	Thực phẩm
566	31/08/2021	51D34772	Dĩ An	Ninh Thuận	6995	Sản phẩm chế biến	170,81	kg	Thực phẩm
567	31/08/2021	51D34424	Dĩ An	Ninh Thuận	6990	Sản phẩm đông lạnh	414	kg	Thực phẩm
568	31/08/2021	79C-08800	Dĩ An	Phú Thọ	7216	Sản phẩm chế biến	303,1	kg	Thực phẩm
569	31/08/2021	51D60973	Dĩ An	Phú Yên	6991	Sản phẩm chế biến	197,13	kg	Thực phẩm
570	31/08/2021	79C-08800	Dĩ An	Quảng Nam	7214	Sản phẩm chế biến	174,8	kg	Thực phẩm
571	31/08/2021	79C-17533	Dĩ An	Quảng Ngãi	7225	Sản phẩm chế biến	157,4	kg	Thực phẩm
572	31/08/2021	79C-08800	Dĩ An	Quảng Ninh	7217	Sản phẩm chế biến	178,5	kg	Thực phẩm
573	31/08/2021	51D34591	Dĩ An	Sóc Trăng	6997	Sản phẩm chế biến	179,83	kg	Thực phẩm
574	31/08/2021	51D34591	Dĩ An	Sóc Trăng	6997	Sản phẩm đông lạnh	30	kg	Thực phẩm
575	31/08/2021	79C-08800	Dĩ An	Thái Nguyên	7213	Sản phẩm chế biến	318	kg	Thực phẩm
576	31/08/2021	79C-08800	Dĩ An	Thanh Hóa	7215	Sản phẩm chế biến	178,1	kg	Thực phẩm
577	31/08/2021	79C-17533	Dĩ An	Thừa Thiên - Huế	7228	Sản phẩm chế biến	956	kg	Thực phẩm
578	31/08/2021	51C-15418	Dĩ An	Tiền Giang	5605	Thịt Gà đông lạnh	786,5	kg	Thực phẩm
579	31/08/2021	79C-00143	Dĩ An	Trà Vinh	7230	Sản phẩm chế biến	191,3	kg	Thực phẩm
580	31/08/2021	29H70675	Dĩ An	Trà Vinh	7000	Sản phẩm ướp lạnh	54,5	kg	Thực phẩm
581	31/08/2021	51D07276	Thuận An	Tuyên Quang	6855	Sản phẩm chế biến	1260	kg	Thực phẩm
582	31/08/2021	79C-08800	Dĩ An	Vĩnh Phúc	7224	Sản phẩm chế biến	185,8	kg	Thực phẩm
583	01/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Bà Rịa - Vùng Tàu	14534	Sản phẩm đông lạnh	40	kg	Thực phẩm
584	01/09/2021	51D60804	Dĩ An	Bạc Liêu	7053	Sản phẩm chế biến	390,92	kg	Thực phẩm
585	01/09/2021	51D-18924	Dĩ An	Bạc Liêu	5620	Sản phẩm chế biến	917,4	kg	Thực phẩm
586	01/09/2021	51D60804	Dĩ An	Bạc Liêu	7053	Sản phẩm đông lạnh	17,5	kg	Thực phẩm
587	01/09/2021	51D-18924	Dĩ An	Bạc Liêu	5621	Thịt Gà đông lạnh	928,4	kg	Thực phẩm
588	01/09/2021	50LD15806	Thuận An	Bình Định	6870	Sản phẩm chế biến	100	kg	Thực phẩm
589	01/09/2021	50LD15806	Thuận An	Bình Định	6874	Sản phẩm chế biến	14	kg	Thực phẩm
590	01/09/2021	50LD15806	Thuận An	Bình Định	6875	Sản phẩm chế biến	190	kg	Thực phẩm
591	01/09/2021	51C35011	Dĩ An	Bình Định	7059	Sản phẩm chế biến	5	kg	Thực phẩm
592	01/09/2021	50LD15806	Thuận An	Bình Định	6870	Thịt Gà đông lạnh	510	kg	Thực phẩm
593	01/09/2021	50LD15806	Thuận An	Bình Định	6871	Thịt Gà đông lạnh	180	kg	Thực phẩm
594	01/09/2021	50LD15806	Thuận An	Bình Định	6872	Thịt Gà đông lạnh	285	kg	Thực phẩm

595	01/09/2021	50LD15806	Thuận An	Bình Định	6873	Thịt Gà đông lạnh	110	kg	Thực phẩm
596	01/09/2021	51C-77678	Dĩ An	Cà Mau	5608	Sản phẩm chế biến	446,9	kg	Thực phẩm
597	01/09/2021	61LD00859	Dĩ An	Cần Thơ	7060	Sản phẩm chế biến	179	kg	Thực phẩm
598	01/09/2021	29H-70602	Dĩ An	Cần Thơ	7793	Sản phẩm chế biến	152	kg	Thực phẩm
599	01/09/2021	29H-70602	Dĩ An	Cần Thơ	7794	Sản phẩm chế biến	77	kg	Thực phẩm
600	01/09/2021	29H-70602	Dĩ An	Cần Thơ	7795	Sản phẩm chế biến	155,5	kg	Thực phẩm
601	01/09/2021	51C-95422	Dĩ An	Cần Thơ	5609	Sản phẩm chế biến	275,5	kg	Thực phẩm
602	01/09/2021	51D-49319	Dĩ An	Cần Thơ	5622	Sản phẩm chế biến	36,8	kg	Thực phẩm
603	01/09/2021	51D-49319	Dĩ An	Cần Thơ	5623	Sản phẩm chế biến	121,7	kg	Thực phẩm
604	01/09/2021	51D-49319	Dĩ An	Cần Thơ	5624	Sản phẩm chế biến	98,3	kg	Thực phẩm
605	01/09/2021	61LD00859	Dĩ An	Cần Thơ	7060	Sản phẩm đông lạnh	2242,81	kg	Thực phẩm
606	01/09/2021	51C-95422	Dĩ An	Cần Thơ	5610	Thịt Gà đông lạnh	599,6	kg	Thực phẩm
607	01/09/2021	51D-49319	Dĩ An	Cần Thơ	5625	Thịt Gà đông lạnh	1265,5	kg	Thực phẩm
608	01/09/2021	50LD15806	Thuận An	Đà Nẵng	6881	Sản phẩm chế biến	6	kg	Thực phẩm
609	01/09/2021	89C-19737	Thuận An	Đà Nẵng	5630	Sản phẩm chế biến	152	kg	Thực phẩm
610	01/09/2021	50LD15806	Thuận An	Đà Nẵng	6881	Thịt Gà đông lạnh	160	kg	Thực phẩm
611	01/09/2021	61LD00859	Dĩ An	Đồng Nai	7054	Sản phẩm đông lạnh	1695,65	kg	Thực phẩm
612	01/09/2021	61C-39804	Tân Uyên	Đồng Nai	14532	Sản phẩm đông lạnh	26,5	kg	Thực phẩm
613	01/09/2021	61C-39804	Tân Uyên	Đồng Nai	14532	Sản phẩm đông lạnh	20,78	kg	Thực phẩm
614	01/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	14533	Sản phẩm đông lạnh	14,4	kg	Thực phẩm
615	01/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	14535	Sản phẩm đông lạnh	96	kg	Thực phẩm
616	01/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	14537	Sản phẩm đông lạnh	7,1	kg	Thực phẩm
617	01/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Đồng Nai	14547	Sản phẩm đông lạnh	645	kg	Thực phẩm
618	01/09/2021	60c30191	Bắc Tân Uyên	Đồng Nai	137232	Trứng giống	48600	quả	ấp nở
619	01/09/2021	29H-71661	Dĩ An	Đồng Tháp	7797	Sản phẩm chế biến	49	kg	Thực phẩm
620	01/09/2021	29H-71661	Dĩ An	Đồng Tháp	7797	Sản phẩm chế biến	286,5	kg	Thực phẩm
621	01/09/2021	51C-90989	Dĩ An	Đồng Tháp	5627	Sản phẩm chế biến	429,9	kg	Thực phẩm
622	01/09/2021	51C-90989	Dĩ An	Đồng Tháp	5628	Sản phẩm chế biến	194,8	kg	Thực phẩm
623	01/09/2021	50LD15544	Thuận An	Hà Nội	6893	Sản phẩm chế biến	54	kg	Thực phẩm
624	01/09/2021	50LD15544	Thuận An	Hà Nội	6894	Sản phẩm chế biến	18	kg	Thực phẩm
625	01/09/2021	50LD15544	Thuận An	Hà Nội	6895	Sản phẩm chế biến	27,47	kg	Thực phẩm
626	01/09/2021	50LD15544	Thuận An	Hà Nội	6896	Sản phẩm chế biến	119,33	kg	Thực phẩm

627	01/09/2021	50LD15544	Thuận An	Hà Nội	6897	Sản phẩm chế biến	57	kg	Thực phẩm
628	01/09/2021	51C64355	Thuận An	Hà Tĩnh	6888	Sản phẩm chế biến	77	kg	Thực phẩm
629	01/09/2021	51C64355	Thuận An	Hà Tĩnh	6888	Thịt Gà đông lạnh	555	kg	Thực phẩm
630	01/09/2021	50H-06870	Dĩ An	Hậu Giang	5626	Sản phẩm chế biến	223,5	kg	Thực phẩm
631	01/09/2021	50H-08433	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7792	Sản phẩm chế biến	1964,28	kg	Thực phẩm
632	01/09/2021	29H-70675	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7798	Sản phẩm chế biến	97	kg	Thực phẩm
633	01/09/2021	64C07775	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5820	Sản phẩm chế biến	178	kg	Thực phẩm
634	01/09/2021	50H03833	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5821	Sản phẩm chế biến	544	kg	Thực phẩm
635	01/09/2021	61H02222	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5822	Sản phẩm chế biến	337	kg	Thực phẩm
636	01/09/2021	61C40344	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5823	Sản phẩm chế biến	30	kg	Thực phẩm
637	01/09/2021	61c-26590	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14527	Sản phẩm đông lạnh	942	kg	Thực phẩm
638	01/09/2021	61C-39840	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14528	Sản phẩm đông lạnh	1222	kg	Thực phẩm
639	01/09/2021	61C-39840	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14529	Sản phẩm đông lạnh	107	kg	Thực phẩm
640	01/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14530	Sản phẩm đông lạnh	300	kg	Thực phẩm
641	01/09/2021	61C-39840	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14531	Sản phẩm đông lạnh	60,8	kg	Thực phẩm
642	01/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14538	Sản phẩm đông lạnh	64	kg	Thực phẩm
643	01/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14539	Sản phẩm đông lạnh	38	kg	Thực phẩm
644	01/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14540	Sản phẩm đông lạnh	10	kg	Thực phẩm
645	01/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14541	Sản phẩm đông lạnh	8	kg	Thực phẩm
646	01/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14542	Sản phẩm đông lạnh	9	kg	Thực phẩm
647	01/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14543	Sản phẩm đông lạnh	235	kg	Thực phẩm
648	01/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14544	Sản phẩm đông lạnh	40	kg	Thực phẩm
649	01/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14545	Sản phẩm đông lạnh	25	kg	Thực phẩm
650	01/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14546	Sản phẩm đông lạnh	32	kg	Thực phẩm
651	01/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14548	Sản phẩm đông lạnh	500	kg	Thực phẩm
652	01/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14549	Sản phẩm đông lạnh	54	kg	Thực phẩm
653	01/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14550	Sản phẩm đông lạnh	39	kg	Thực phẩm
654	01/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14551	Sản phẩm đông lạnh	11	kg	Thực phẩm
655	01/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14552	Sản phẩm đông lạnh	60	kg	Thực phẩm
656	01/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14553	Sản phẩm đông lạnh	82	kg	Thực phẩm
657	01/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14554	Sản phẩm đông lạnh	48	kg	Thực phẩm
658	01/09/2021	50H-08434	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7792	Sản phẩm đông lạnh	538,89	kg	Thực phẩm

659	01/09/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	2065	Thịt Vịt	80	kg	Thực phẩm
660	01/09/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	2066	Thịt Vịt	60	kg	Thực phẩm
661	01/09/2021	51C-98497	Dĩ An	Hưng Yên	5629	Sản phẩm chế biến	13422	kg	Thực phẩm
662	01/09/2021	51C35011	Dĩ An	Khánh Hòa	7058	Sản phẩm chế biến	2,5	kg	Thực phẩm
663	01/09/2021	61C38642	Dĩ An	Khánh Hòa	7056	Sản phẩm đông lạnh	1812,51	kg	Thực phẩm
664	01/09/2021	51D30546	Thuận An	Kon Tum	6862	Sản phẩm chế biến	1330	kg	Thực phẩm
665	01/09/2021	50H06846	Thuận An	Lâm Đồng	6861	Sản phẩm chế biến	560	kg	Thực phẩm
666	01/09/2021	51D34724	Dĩ An	Long An	7055	Sản phẩm chế biến	66,4	kg	Thực phẩm
667	01/09/2021	51C-34972	Dĩ An	Long An	5619	Sản phẩm chế biến	190,7	kg	Thực phẩm
668	01/09/2021	51C64355	Thuận An	Nghệ An	6890	Sản phẩm chế biến	685	kg	Thực phẩm
669	01/09/2021	51C64355	Thuận An	Nghệ An	6889	Thịt Gà đông lạnh	3000	kg	Thực phẩm
670	01/09/2021	50LD15635	Thuận An	Phú Yên	6863	Thịt Gà đông lạnh	85	kg	Thực phẩm
671	01/09/2021	51C64355	Thuận An	Quảng Bình	6886	Sản phẩm chế biến	148	kg	Thực phẩm
672	01/09/2021	51C64355	Thuận An	Quảng Bình	6887	Sản phẩm chế biến	58	kg	Thực phẩm
673	01/09/2021	51C64355	Thuận An	Quảng Bình	6882	Thịt Gà đông lạnh	90	kg	Thực phẩm
674	01/09/2021	51C64355	Thuận An	Quảng Bình	6883	Thịt Gà đông lạnh	225	kg	Thực phẩm
675	01/09/2021	51C64355	Thuận An	Quảng Bình	6884	Thịt Gà đông lạnh	60	kg	Thực phẩm
676	01/09/2021	51C64355	Thuận An	Quảng Bình	6885	Thịt Gà đông lạnh	285	kg	Thực phẩm
677	01/09/2021	51C64355	Thuận An	Quảng Bình	6886	Thịt Gà đông lạnh	295	kg	Thực phẩm
678	01/09/2021	51C64355	Thuận An	Quảng Bình	6887	Thịt Gà đông lạnh	255	kg	Thực phẩm
679	01/09/2021	50LD15635	Thuận An	Quảng Nam	6866	Thịt Gà đông lạnh	45	kg	Thực phẩm
680	01/09/2021	50LD15635	Thuận An	Quảng Nam	6867	Thịt Gà đông lạnh	30	kg	Thực phẩm
681	01/09/2021	50LD15635	Thuận An	Quảng Nam	6868	Thịt Gà đông lạnh	45	kg	Thực phẩm
682	01/09/2021	50LD15635	Thuận An	Quảng Nam	6869	Thịt Gà đông lạnh	30	kg	Thực phẩm
683	01/09/2021	50LD15635	Thuận An	Quảng Ngãi	6864	Sản phẩm chế biến	20	kg	Thực phẩm
684	01/09/2021	50LD15635	Thuận An	Quảng Ngãi	6864	Thịt Gà đông lạnh	95	kg	Thực phẩm
685	01/09/2021	50LD15635	Thuận An	Quảng Ngãi	6865	Thịt Gà đông lạnh	80	kg	Thực phẩm
686	01/09/2021	50LD15544	Thuận An	Quảng Trị	6891	Sản phẩm chế biến	322	kg	Thực phẩm
687	01/09/2021	50LD15544	Thuận An	Quảng Trị	6892	Sản phẩm chế biến	630	kg	Thực phẩm
688	01/09/2021	51C-18138	Dĩ An	Tây Ninh	5611	Sản phẩm chế biến	162,5	kg	Thực phẩm
689	01/09/2021	51C-18138	Dĩ An	Tây Ninh	5612	Sản phẩm chế biến	30	kg	Thực phẩm
690	01/09/2021	51C-18138	Dĩ An	Tây Ninh	5613	Sản phẩm chế biến	86,9	kg	Thực phẩm

691	01/09/2021	51C-18138	Dĩ An	Tây Ninh	5614	Sản phẩm chế biến	5	kg	Thực phẩm
692	01/09/2021	51C-70214	Dĩ An	Tây Ninh	5615	Sản phẩm chế biến	10	kg	Thực phẩm
693	01/09/2021	51C-70214	Dĩ An	Tây Ninh	5616	Sản phẩm chế biến	78,6	kg	Thực phẩm
694	01/09/2021	50LD15806	Thuận An	Thừa Thiên - Huế	6876	Sản phẩm chế biến	588	kg	Thực phẩm
695	01/09/2021	50LD15806	Thuận An	Thừa Thiên - Huế	6877	Sản phẩm chế biến	360	kg	Thực phẩm
696	01/09/2021	50LD15806	Thuận An	Thừa Thiên - Huế	6878	Sản phẩm chế biến	67	kg	Thực phẩm
697	01/09/2021	50LD15806	Thuận An	Thừa Thiên - Huế	6879	Sản phẩm chế biến	32	kg	Thực phẩm
698	01/09/2021	50LD15806	Thuận An	Thừa Thiên - Huế	6878	Thịt Gà đông lạnh	510	kg	Thực phẩm
699	01/09/2021	50LD15806	Thuận An	Thừa Thiên - Huế	6880	Thịt Gà đông lạnh	60	kg	Thực phẩm
700	01/09/2021	51D36289	Dĩ An	Vĩnh Long	7057	Sản phẩm chế biến	272,99	kg	Thực phẩm
701	01/09/2021	51C-79740	Dĩ An	Vĩnh Long	5617	Sản phẩm chế biến	266,9	kg	Thực phẩm
702	01/09/2021	51C-79740	Dĩ An	Vĩnh Long	5618	Thịt Gà đông lạnh	118,9	kg	Thực phẩm
703	02/09/2021	51D-34704	Dĩ An	An Giang	7243	Sản phẩm ướp lạnh	88,25	kg	Thực phẩm
704	02/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Bà Rịa - Vùng Tàu	14567	Sản phẩm đông lạnh	33	kg	Thực phẩm
705	02/09/2021	61LD-00859	Dĩ An	Bà Rịa - Vùng Tàu	7800	Sản phẩm đông lạnh	2360,04	kg	Thực phẩm
706	02/09/2021	51D-60533	Dĩ An	Bạc Liêu	7245	Sản phẩm ướp lạnh	74	kg	Thực phẩm
707	02/09/2021	51D-60804	Dĩ An	Bình Định	7236	Sản phẩm ướp lạnh	150,39	kg	Thực phẩm
708	02/09/2021	51D-60533	Dĩ An	Cà Mau	7244	Sản phẩm ướp lạnh	50,75	kg	Thực phẩm
709	02/09/2021	61C-44148	Dĩ An	Cần Thơ	5631	Sản phẩm chế biến	668	kg	Thực phẩm
710	02/09/2021	51D-34643	Dĩ An	Đak Lak	7249	Sản phẩm ướp lạnh	89,95	kg	Thực phẩm
711	02/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Đồng Nai	14557	Sản phẩm đông lạnh	620	kg	Thực phẩm
712	02/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	14568	Sản phẩm đông lạnh	116	kg	Thực phẩm
713	02/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	14569	Sản phẩm đông lạnh	12,13	kg	Thực phẩm
714	02/09/2021	61C-39804	Tân Uyên	Đồng Nai	14571	Sản phẩm đông lạnh	43,6	kg	Thực phẩm
715	02/09/2021	61C46088	Thuận An	Đồng Nai	2068	Thịt Vịt	120	kg	Thực phẩm
716	02/09/2021	51D34185	Thuận An	Hồ Chí Minh	5824	Sản phẩm chế biến	22	kg	Thực phẩm
717	02/09/2021	51D15467	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7061	Sản phẩm đông lạnh	15000	kg	Thực phẩm
718	02/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14555	Sản phẩm đông lạnh	41	kg	Thực phẩm
719	02/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14556	Sản phẩm đông lạnh	30	kg	Thực phẩm
720	02/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14558	Sản phẩm đông lạnh	500	kg	Thực phẩm
721	02/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14559	Sản phẩm đông lạnh	44	kg	Thực phẩm
722	02/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14560	Sản phẩm đông lạnh	46	kg	Thực phẩm

723	02/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14561	Sản phẩm đông lạnh	64	kg	Thực phẩm
724	02/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14562	Sản phẩm đông lạnh	15	kg	Thực phẩm
725	02/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14563	Sản phẩm đông lạnh	10	kg	Thực phẩm
726	02/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14564	Sản phẩm đông lạnh	58	kg	Thực phẩm
727	02/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14565	Sản phẩm đông lạnh	13	kg	Thực phẩm
728	02/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14566	Sản phẩm đông lạnh	180	kg	Thực phẩm
729	02/09/2021	61C-39804	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14570	Sản phẩm đông lạnh	110,6	kg	Thực phẩm
730	02/09/2021	61C-39840	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14572	Sản phẩm đông lạnh	139	kg	Thực phẩm
731	02/09/2021	61C-39840	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14573	Sản phẩm đông lạnh	1219	kg	Thực phẩm
732	02/09/2021	61C-39840	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14574	Sản phẩm đông lạnh	62	kg	Thực phẩm
733	02/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14575	Sản phẩm đông lạnh	897	kg	Thực phẩm
734	02/09/2021	61LD-00333	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7799	Sản phẩm đông lạnh	1464,51	kg	Thực phẩm
735	02/09/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	2067	Thịt Vịt	100	kg	Thực phẩm
736	02/09/2021	51D-60916	Dĩ An	Khánh Hòa	7234	Sản phẩm chế biến	176,15	kg	Thực phẩm
737	02/09/2021	51D-60916	Dĩ An	Khánh Hòa	7235	Sản phẩm ướp lạnh	106,581	kg	Thực phẩm
738	02/09/2021	51D-60913	Dĩ An	Khánh Hòa	7238	Sản phẩm ướp lạnh	76,69	kg	Thực phẩm
739	02/09/2021	51D-60913	Dĩ An	Khánh Hòa	7239	Sản phẩm ướp lạnh	213,21	kg	Thực phẩm
740	02/09/2021	51D-07924	Dĩ An	Khánh Hòa	7242	Sản phẩm ướp lạnh	52,72	kg	Thực phẩm
741	02/09/2021	51D-60856	Dĩ An	Kiên Giang	7246	Sản phẩm ướp lạnh	77,5	kg	Thực phẩm
742	02/09/2021	51D-62379	Dĩ An	Lâm Đồng	7233	Sản phẩm chế biến	134,331	kg	Thực phẩm
743	02/09/2021	51D-07924	Dĩ An	Ninh Thuận	7241	Sản phẩm chế biến	152,72	kg	Thực phẩm
744	02/09/2021	51D-60804	Dĩ An	Phú Yên	7237	Sản phẩm ướp lạnh	116,2	kg	Thực phẩm
745	02/09/2021	51D-30987	Dĩ An	Sóc Trăng	7247	Sản phẩm ướp lạnh	44,75	kg	Thực phẩm
746	02/09/2021	29H-40506	Dĩ An	Trà Vinh	7248	Sản phẩm ướp lạnh	28	kg	Thực phẩm
747	02/09/2021	51D-62486	Dĩ An	Vĩnh Long	7240	Sản phẩm ướp lạnh	62,5	kg	Thực phẩm
748	03/09/2021	61LD-00379	Dĩ An	An Giang	7254	Sản phẩm chế biến	12,5	kg	Thực phẩm
749	03/09/2021	61C-38642	Dĩ An	Bà Rịa - Vùng Tàu	7257	Sản phẩm chế biến	21	kg	Thực phẩm
750	03/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Bà Rịa - Vùng Tàu	14596	Sản phẩm đông lạnh	72	kg	Thực phẩm
751	03/09/2021	43C-11470	Dĩ An	Bình Định	7253	Sản phẩm chế biến	10	kg	Thực phẩm
752	03/09/2021	43C-15848	Dĩ An	Bình Định	7259	Sản phẩm chế biến	2,5	kg	Thực phẩm
753	03/09/2021	43C-11470	Dĩ An	Bình Định	7253	Sản phẩm đông lạnh	776,02	kg	Thực phẩm
754	03/09/2021	51C70553	Dĩ An	Bình Thuận	10812	Thịt Heo đông lạnh	1869,5	kg	Thực phẩm

755	03/09/2021	51D62486	Dĩ An	Cần Thơ	25782	Sản phẩm chế biến	121,1	kg	Thực phẩm
756	03/09/2021	51D62486	Dĩ An	Cần Thơ	25783	Sản phẩm chế biến	76	kg	Thực phẩm
757	03/09/2021	61LD-00379	Dĩ An	Cần Thơ	7255	Sản phẩm đông lạnh	2641,38	kg	Thực phẩm
758	03/09/2021	43C-15848	Dĩ An	Đà Nẵng	7260	Sản phẩm chế biến	10	kg	Thực phẩm
759	03/09/2021	43C-11470	Dĩ An	Đà Nẵng	7252	Sản phẩm đông lạnh	3614,72	kg	Thực phẩm
760	03/09/2021	61C-36014	Dĩ An	Đak Lak	7268	Sản phẩm đông lạnh	1196,67	kg	Thực phẩm
761	03/09/2021	61H-03730	Dĩ An	Đồng Nai	7250	Sản phẩm chế biến	13,5	kg	Thực phẩm
762	03/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Đồng Nai	14588	Sản phẩm đông lạnh	700	kg	Thực phẩm
763	03/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Đồng Nai	14590	Sản phẩm đông lạnh	16	kg	Thực phẩm
764	03/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	14594	Sản phẩm đông lạnh	4,35	kg	Thực phẩm
765	03/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	14595	Sản phẩm đông lạnh	99	kg	Thực phẩm
766	03/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	14597	Sản phẩm đông lạnh	5,1	kg	Thực phẩm
767	03/09/2021	61C46088	Thuận An	Đồng Nai	2071	Thịt Vịt	120	kg	Thực phẩm
768	03/09/2021	60c22777	Bắc Tân Uyên	Đồng Nai	137233	Trứng giống	24300	quả	ấp nở
769	03/09/2021	29H71661	Dĩ An	Đồng Tháp	25785	Sản phẩm chế biến	362,4	kg	Thực phẩm
770	03/09/2021	29H71661	Dĩ An	Đồng Tháp	25786	Sản phẩm chế biến	85,25	kg	Thực phẩm
771	03/09/2021	50LD15912	Thuận An	Hà Nội	6899	Sản phẩm chế biến	240	kg	Thực phẩm
772	03/09/2021	50LD15912	Thuận An	Hà Nội	6900	Sản phẩm chế biến	4,8	kg	Thực phẩm
773	03/09/2021	50LD15912	Thuận An	Hà Nội	6901	Sản phẩm chế biến	39	kg	Thực phẩm
774	03/09/2021	50LD15912	Thuận An	Hà Nội	6902	Sản phẩm chế biến	70	kg	Thực phẩm
775	03/09/2021	92C-11219	Dĩ An	Hà Nội	7264	Sản phẩm chế biến	20	kg	Thực phẩm
776	03/09/2021	92C-11219	Dĩ An	Hà Nội	7267	Sản phẩm chế biến	18,5	kg	Thực phẩm
777	03/09/2021	92C-11219	Dĩ An	Hà Nội	7266	Sản phẩm đông lạnh	622,6	kg	Thực phẩm
778	03/09/2021	50LD15912	Thuận An	Hà Nội	6903	Thịt Heo đông lạnh	6000	kg	Thực phẩm
779	03/09/2021	51C23671	Thuận An	Hải Phòng	6898	Sản phẩm chế biến	108	kg	Thực phẩm
780	03/09/2021	51D34521	Dĩ An	Hậu Giang	25784	Sản phẩm chế biến	126,32	kg	Thực phẩm
781	03/09/2021	61C-34753	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14600	Sản phẩm chế biến	82	kg	Thực phẩm
782	03/09/2021	61C-34753	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14601	Sản phẩm chế biến	18	kg	Thực phẩm
783	03/09/2021	61C-34753	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14602	Sản phẩm chế biến	12	kg	Thực phẩm
784	03/09/2021	50LD-08205	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7256	Sản phẩm chế biến	55	kg	Thực phẩm
785	03/09/2021	61H-01319	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7258	Sản phẩm chế biến	61	kg	Thực phẩm
786	03/09/2021	51D-24023	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7261	Sản phẩm chế biến	110	kg	Thực phẩm

787	03/09/2021	51D-53922	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7262	Sản phẩm chế biến	90	kg	Thực phẩm
788	03/09/2021	51D34185	Thuận An	Hồ Chí Minh	5825	Sản phẩm chế biến	22	kg	Thực phẩm
789	03/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14576	Sản phẩm đông lạnh	27	kg	Thực phẩm
790	03/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14577	Sản phẩm đông lạnh	56	kg	Thực phẩm
791	03/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14578	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
792	03/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14579	Sản phẩm đông lạnh	670	kg	Thực phẩm
793	03/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14580	Sản phẩm đông lạnh	120	kg	Thực phẩm
794	03/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14581	Sản phẩm đông lạnh	36	kg	Thực phẩm
795	03/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14582	Sản phẩm đông lạnh	10	kg	Thực phẩm
796	03/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14583	Sản phẩm đông lạnh	12	kg	Thực phẩm
797	03/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14584	Sản phẩm đông lạnh	16	kg	Thực phẩm
798	03/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14585	Sản phẩm đông lạnh	149	kg	Thực phẩm
799	03/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14586	Sản phẩm đông lạnh	39	kg	Thực phẩm
800	03/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14587	Sản phẩm đông lạnh	39	kg	Thực phẩm
801	03/09/2021	61C-39840	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14589	Sản phẩm đông lạnh	115	kg	Thực phẩm
802	03/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14591	Sản phẩm đông lạnh	857	kg	Thực phẩm
803	03/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14592	Sản phẩm đông lạnh	700	kg	Thực phẩm
804	03/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14593	Sản phẩm đông lạnh	100	kg	Thực phẩm
805	03/09/2021	61C-31982	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14598	Sản phẩm đông lạnh	1114	kg	Thực phẩm
806	03/09/2021	61C-31982	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14599	Sản phẩm đông lạnh	87	kg	Thực phẩm
807	03/09/2021	51C-64364	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7801	Sản phẩm đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
808	03/09/2021	51D-35830	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7802	Sản phẩm đông lạnh	15000	kg	Thực phẩm
809	03/09/2021	51C-64364	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7803	Sản phẩm đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
810	03/09/2021	60H-00366	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7804	Sản phẩm đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
811	03/09/2021	79C-17534	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7805	Sản phẩm đông lạnh	15000	kg	Thực phẩm
812	03/09/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	2069	Thịt Vịt	80	kg	Thực phẩm
813	03/09/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	2070	Thịt Vịt	60	kg	Thực phẩm
814	03/09/2021	43C-11470	Dĩ An	Khánh Hòa	7251	Sản phẩm đông lạnh	1274,96	kg	Thực phẩm
815	03/09/2021	51C-35011	Dĩ An	Kiên Giang	7263	Sản phẩm chế biến	40	kg	Thực phẩm
816	03/09/2021	92C-11219	Dĩ An	Nghệ An	7265	Sản phẩm chế biến	20	kg	Thực phẩm
817	04/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Bà Rịa - Vùng Tàu	14626	Sản phẩm đông lạnh	159,5	kg	Thực phẩm
818	04/09/2021	51D60914	Dĩ An	Bình Định	7068	Sản phẩm chế biến	132,15	kg	Thực phẩm

819	04/09/2021	64C04587	Dĩ An	Cần Thơ	10821	Sản phẩm chế biến	76,5	kg	Thực phẩm
820	04/09/2021	57L9862	Thuận An	Đà Nẵng	6904	Sản phẩm chế biến	2400	kg	Thực phẩm
821	04/09/2021	61H03730	Dĩ An	Đak Lak	25790	Sản phẩm chế biến	14,5	kg	Thực phẩm
822	04/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Đồng Nai	14618	Sản phẩm đông lạnh	650	kg	Thực phẩm
823	04/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	14624	Sản phẩm đông lạnh	16,3	kg	Thực phẩm
824	04/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	14625	Sản phẩm đông lạnh	107	kg	Thực phẩm
825	04/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	14627	Sản phẩm đông lạnh	24,68	kg	Thực phẩm
826	04/09/2021	61C-39804	Tân Uyên	Đồng Nai	14628	Sản phẩm đông lạnh	10,5	kg	Thực phẩm
827	04/09/2021	61LD00906	Dĩ An	Đồng Nai	25789	Thịt đông lạnh	2423,09	kg	Thực phẩm
828	04/09/2021	61C46088	Thuận An	Đồng Nai	2073	Thịt Vịt	80	kg	Thực phẩm
829	04/09/2021	50LD15697	Thuận An	Hà Nội	6905	Sản phẩm chế biến	665	kg	Thực phẩm
830	04/09/2021	50LD15697	Thuận An	Hà Nội	6906	Sản phẩm chế biến	139	kg	Thực phẩm
831	04/09/2021	50H01756	Dĩ An	Hà Nội	25787	Thịt đông lạnh	3721,8	kg	Thực phẩm
832	04/09/2021	50LD15697	Thuận An	Hải Phòng	6909	Sản phẩm chế biến	490	kg	Thực phẩm
833	04/09/2021	51D-47038	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7269	Sản phẩm chế biến	146,97	kg	Thực phẩm
834	04/09/2021	50H-03377	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7270	Sản phẩm chế biến	114,31	kg	Thực phẩm
835	04/09/2021	51C68792	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10815	Sản phẩm chế biến	20,8	kg	Thực phẩm
836	04/09/2021	51C68792	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10816	Sản phẩm chế biến	102,8	kg	Thực phẩm
837	04/09/2021	51C68792	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10817	Sản phẩm chế biến	34	kg	Thực phẩm
838	04/09/2021	51C68792	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10818	Sản phẩm chế biến	80	kg	Thực phẩm
839	04/09/2021	51C68792	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10819	Sản phẩm chế biến	77,5	kg	Thực phẩm
840	04/09/2021	51C68792	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10820	Sản phẩm chế biến	24,3	kg	Thực phẩm
841	04/09/2021	51C71148	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10822	Sản phẩm chế biến	50,3	kg	Thực phẩm
842	04/09/2021	51C71148	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10823	Sản phẩm chế biến	31	kg	Thực phẩm
843	04/09/2021	51C71148	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10824	Sản phẩm chế biến	28,9	kg	Thực phẩm
844	04/09/2021	51D-47038	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7269	Sản phẩm đông lạnh	204,7	kg	Thực phẩm
845	04/09/2021	50H-03377	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7270	Sản phẩm đông lạnh	300,04	kg	Thực phẩm
846	04/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14603	Sản phẩm đông lạnh	37	kg	Thực phẩm
847	04/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14604	Sản phẩm đông lạnh	61	kg	Thực phẩm
848	04/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14605	Sản phẩm đông lạnh	12	kg	Thực phẩm
849	04/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14606	Sản phẩm đông lạnh	11	kg	Thực phẩm
850	04/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14607	Sản phẩm đông lạnh	100	kg	Thực phẩm

851	04/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14608	Sản phẩm đông lạnh	80	kg	Thực phẩm
852	04/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14609	Sản phẩm đông lạnh	15	kg	Thực phẩm
853	04/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14610	Sản phẩm đông lạnh	172	kg	Thực phẩm
854	04/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14611	Sản phẩm đông lạnh	11	kg	Thực phẩm
855	04/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14612	Sản phẩm đông lạnh	11	kg	Thực phẩm
856	04/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14613	Sản phẩm đông lạnh	11	kg	Thực phẩm
857	04/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14614	Sản phẩm đông lạnh	60	kg	Thực phẩm
858	04/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14615	Sản phẩm đông lạnh	120	kg	Thực phẩm
859	04/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14616	Sản phẩm đông lạnh	148	kg	Thực phẩm
860	04/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14617	Sản phẩm đông lạnh	24	kg	Thực phẩm
861	04/09/2021	61C-32150	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14619	Sản phẩm đông lạnh	1000	kg	Thực phẩm
862	04/09/2021	61C-32414	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14620	Sản phẩm đông lạnh	1182	kg	Thực phẩm
863	04/09/2021	61C-32414	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14621	Sản phẩm đông lạnh	68	kg	Thực phẩm
864	04/09/2021	61C-39840	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14622	Sản phẩm đông lạnh	29	kg	Thực phẩm
865	04/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14623	Sản phẩm đông lạnh	1400	kg	Thực phẩm
866	04/09/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	2072	Thịt Vịt	60	kg	Thực phẩm
867	04/09/2021	50LD15697	Thuận An	Hưng Yên	6913	Sản phẩm chế biến	191	kg	Thực phẩm
868	04/09/2021	51D60916	Dĩ An	Khánh Hòa	7064	Sản phẩm chế biến	261,78	kg	Thực phẩm
869	04/09/2021	51D60916	Dĩ An	Khánh Hòa	7065	Sản phẩm chế biến	125,56	kg	Thực phẩm
870	04/09/2021	51D17626	Dĩ An	Khánh Hòa	7070	Sản phẩm chế biến	134,145	kg	Thực phẩm
871	04/09/2021	51D60914	Dĩ An	Khánh Hòa	7066	Sản phẩm ướp lạnh	111,11	kg	Thực phẩm
872	04/09/2021	51D17626	Dĩ An	Khánh Hòa	7069	Sản phẩm ướp lạnh	76	kg	Thực phẩm
873	04/09/2021	51D34724	Dĩ An	Long An	7071	Sản phẩm chế biến	94	kg	Thực phẩm
874	04/09/2021	50H01756	Dĩ An	Nghệ An	25788	Thịt đông lạnh	771,54	kg	Thực phẩm
875	04/09/2021	51D60941	Dĩ An	Ninh Thuận	7063	Sản phẩm ướp lạnh	132,78	kg	Thực phẩm
876	04/09/2021	50LD15697	Thuận An	Phú Thọ	6908	Sản phẩm chế biến	2100	kg	Thực phẩm
877	04/09/2021	51D60914	Dĩ An	Phú Yên	7067	Sản phẩm chế biến	257,46	kg	Thực phẩm
878	04/09/2021	50LD15697	Thuận An	Thái Nguyên	6912	Sản phẩm chế biến	347,6	kg	Thực phẩm
879	04/09/2021	50LD15697	Thuận An	Thái Nguyên	6912	Thịt Gà đông lạnh	215	kg	Thực phẩm
880	04/09/2021	50LD15697	Thuận An	Thanh Hóa	6911	Sản phẩm chế biến	207,2	kg	Thực phẩm
881	04/09/2021	51C62845	Dĩ An	Thanh Hóa	7062	Sản phẩm đông lạnh	8010	kg	Thực phẩm
882	04/09/2021	50LD15697	Thuận An	Thanh Hóa	6911	Thịt Gà đông lạnh	123	kg	Thực phẩm

883	04/09/2021	50LD15697	Thuận An	Vĩnh Phúc	6907	Sản phẩm chế biến	1120	kg	Thực phẩm
884	05/09/2021	61LD00906	Dĩ An	Bà Rịa - Vùng Tàu	7073	Sản phẩm đông lạnh	940,08	kg	Thực phẩm
885	05/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Bà Rịa - Vùng Tàu	17205	Sản phẩm đông lạnh	97	kg	Thực phẩm
886	05/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Đồng Nai	14637	Sản phẩm đông lạnh	535	kg	Thực phẩm
887	05/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Đồng Nai	14650	Sản phẩm đông lạnh	22	kg	Thực phẩm
888	05/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	17203	Sản phẩm đông lạnh	16,8	kg	Thực phẩm
889	05/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	17204	Sản phẩm đông lạnh	58	kg	Thực phẩm
890	05/09/2021	61C46088	Thuận An	Đồng Nai	2076	Thịt Vịt	120	kg	Thực phẩm
891	05/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14629	Sản phẩm đông lạnh	80	kg	Thực phẩm
892	05/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14630	Sản phẩm đông lạnh	100	kg	Thực phẩm
893	05/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14631	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
894	05/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14632	Sản phẩm đông lạnh	68	kg	Thực phẩm
895	05/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14633	Sản phẩm đông lạnh	22	kg	Thực phẩm
896	05/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14634	Sản phẩm đông lạnh	36	kg	Thực phẩm
897	05/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14635	Sản phẩm đông lạnh	24	kg	Thực phẩm
898	05/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14636	Sản phẩm đông lạnh	80	kg	Thực phẩm
899	05/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14638	Sản phẩm đông lạnh	35	kg	Thực phẩm
900	05/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14639	Sản phẩm đông lạnh	12	kg	Thực phẩm
901	05/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14640	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
902	05/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14641	Sản phẩm đông lạnh	11	kg	Thực phẩm
903	05/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14642	Sản phẩm đông lạnh	12	kg	Thực phẩm
904	05/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14643	Sản phẩm đông lạnh	151	kg	Thực phẩm
905	05/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14644	Sản phẩm đông lạnh	58	kg	Thực phẩm
906	05/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14645	Sản phẩm đông lạnh	40	kg	Thực phẩm
907	05/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14646	Sản phẩm đông lạnh	30	kg	Thực phẩm
908	05/09/2021	61C-32150	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14647	Sản phẩm đông lạnh	942	kg	Thực phẩm
909	05/09/2021	61C-32414	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14648	Sản phẩm đông lạnh	93	kg	Thực phẩm
910	05/09/2021	61C-32414	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	14649	Sản phẩm đông lạnh	1010	kg	Thực phẩm
911	05/09/2021	61C-39840	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17202	Sản phẩm đông lạnh	97,5	kg	Thực phẩm
912	05/09/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	2074	Thịt Vịt	80	kg	Thực phẩm
913	05/09/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	2075	Thịt Vịt	60	kg	Thực phẩm
914	05/09/2021	29H71661	Dĩ An	Trà Vinh	7072	Sản phẩm chế biến	90	kg	Thực phẩm

915	06/09/2021	51D23451	Dĩ An	An Giang	5334	Sản phẩm chế biến	220	kg	Thực phẩm
916	06/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Bà Rịa - Vùng Tàu	17228	Sản phẩm đông lạnh	33	kg	Thực phẩm
917	06/09/2021	79C06592	Dĩ An	Bắc Giang	7094	Sản phẩm chế biến	39	kg	Thực phẩm
918	06/09/2021	79C16858	Dĩ An	Bến Tre	7081	Sản phẩm chế biến	205,1	kg	Thực phẩm
919	06/09/2021	51C55063	Dĩ An	Bình Định	5344	Sản phẩm chế biến	85,4	kg	Thực phẩm
920	06/09/2021	51C55063	Dĩ An	Bình Định	5346	Sản phẩm chế biến	470,6	kg	Thực phẩm
921	06/09/2021	79H00143	Dĩ An	Bình Định	7083	Sản phẩm chế biến	86	kg	Thực phẩm
922	06/09/2021	79H00143	Dĩ An	Bình Định	7084	Sản phẩm chế biến	393,7	kg	Thực phẩm
923	06/09/2021	43C-12622	Dĩ An	Bình Định	7283	Sản phẩm chế biến	22,5	kg	Thực phẩm
924	06/09/2021	79H00143	Dĩ An	Bình Định	7083	Sản phẩm đông lạnh	985	kg	Thực phẩm
925	06/09/2021	79H00143	Dĩ An	Bình Định	7084	Sản phẩm đông lạnh	2120,98	kg	Thực phẩm
926	06/09/2021	43C-12622	Dĩ An	Bình Định	7283	Sản phẩm đông lạnh	728,16	kg	Thực phẩm
927	06/09/2021	50LD15691	Thuận An	Cần Thơ	6914	Sản phẩm chế biến	210	kg	Thực phẩm
928	06/09/2021	50LD15500	Thuận An	Cần Thơ	6916	Sản phẩm chế biến	18	kg	Thực phẩm
929	06/09/2021	50LD15500	Thuận An	Cần Thơ	6917	Sản phẩm chế biến	56	kg	Thực phẩm
930	06/09/2021	50LD15500	Thuận An	Cần Thơ	6918	Sản phẩm chế biến	270	kg	Thực phẩm
931	06/09/2021	50LD15500	Thuận An	Cần Thơ	6919	Sản phẩm chế biến	105	kg	Thực phẩm
932	06/09/2021	50LD15500	Thuận An	Cần Thơ	6920	Thịt Gà đông lạnh	245,5	kg	Thực phẩm
933	06/09/2021	51D60000	Dĩ An	Đà Nẵng	5330	Sản phẩm chế biến	108,4	kg	Thực phẩm
934	06/09/2021	78C04242	Dĩ An	Đà Nẵng	5357	Sản phẩm chế biến	9500	kg	Thực phẩm
935	06/09/2021	50LD15915	Thuận An	Đà Nẵng	6921	Sản phẩm chế biến	201	kg	Thực phẩm
936	06/09/2021	72C-08853	Dĩ An	Đà Nẵng	7271	Sản phẩm chế biến	3100	kg	Thực phẩm
937	06/09/2021	50H-02710	Dĩ An	Đà Nẵng	7278	Sản phẩm chế biến	1677	kg	Thực phẩm
938	06/09/2021	43C-12622	Dĩ An	Đà Nẵng	7282	Sản phẩm chế biến	210	kg	Thực phẩm
939	06/09/2021	43C-12622	Dĩ An	Đà Nẵng	7282	Sản phẩm đông lạnh	3125,52	kg	Thực phẩm
940	06/09/2021	51D45286	Dĩ An	Đak Lak	5336	Sản phẩm chế biến	51,8	kg	Thực phẩm
941	06/09/2021	51D45286	Dĩ An	Đak Lak	5338	Sản phẩm chế biến	69	kg	Thực phẩm
942	06/09/2021	51D-34628	Dĩ An	Đak Lak	7274	Sản phẩm chế biến	244,56	kg	Thực phẩm
943	06/09/2021	51D45286	Dĩ An	Đak Lak	5340	Thịt đông lạnh	75	kg	Thực phẩm
944	06/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Đồng Nai	17206	Sản phẩm đông lạnh	60	kg	Thực phẩm
945	06/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Đồng Nai	17207	Sản phẩm đông lạnh	60	kg	Thực phẩm
946	06/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Đồng Nai	17210	Sản phẩm đông lạnh	420	kg	Thực phẩm

947	06/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Đồng Nai	17227	Sản phẩm đông lạnh	69,5	kg	Thực phẩm
948	06/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	17229	Sản phẩm đông lạnh	12,38	kg	Thực phẩm
949	06/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	17230	Sản phẩm đông lạnh	133	kg	Thực phẩm
950	06/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	17231	Sản phẩm đông lạnh	8,8	kg	Thực phẩm
951	06/09/2021	61C46088	Thuận An	Đồng Nai	2079	Thịt Vịt	120	kg	Thực phẩm
952	06/09/2021	51D-34646	Dĩ An	Đồng Tháp	7272	Sản phẩm chế biến	231,6	kg	Thực phẩm
953	06/09/2021	51D-34724	Dĩ An	Đồng Tháp	7275	Sản phẩm chế biến	158,68	kg	Thực phẩm
954	06/09/2021	51D-34400	Dĩ An	Đồng Tháp	7276	Sản phẩm chế biến	34,5	kg	Thực phẩm
955	06/09/2021	51D-34400	Dĩ An	Đồng Tháp	7277	Sản phẩm chế biến	5	kg	Thực phẩm
956	06/09/2021	51D45286	Dĩ An	Gia Lai	5337	Sản phẩm chế biến	197,6	kg	Thực phẩm
957	06/09/2021	50LD15915	Thuận An	Hà Nam	6924	Sản phẩm chế biến	1120	kg	Thực phẩm
958	06/09/2021	50LD15915	Thuận An	Hà Nội	6927	Sản phẩm chế biến	70,68	kg	Thực phẩm
959	06/09/2021	50LD15915	Thuận An	Hà Nội	6928	Sản phẩm chế biến	36	kg	Thực phẩm
960	06/09/2021	50LD15915	Thuận An	Hà Nội	6929	Sản phẩm chế biến	57	kg	Thực phẩm
961	06/09/2021	50LD15915	Thuận An	Hà Nội	6930	Sản phẩm chế biến	280	kg	Thực phẩm
962	06/09/2021	50LD15915	Thuận An	Hà Nội	6931	Sản phẩm chế biến	570	kg	Thực phẩm
963	06/09/2021	79C06592	Dĩ An	Hà Nội	7095	Sản phẩm chế biến	644	kg	Thực phẩm
964	06/09/2021	79C04882	Dĩ An	Hà Nội	7079	Sản phẩm đông lạnh	16270	kg	Thực phẩm
965	06/09/2021	79C06592	Dĩ An	Hà Nội	7096	Sản phẩm đông lạnh	16,5	kg	Thực phẩm
966	06/09/2021	50LD15915	Thuận An	Hà Tĩnh	6922	Sản phẩm chế biến	1120	kg	Thực phẩm
967	06/09/2021	51C98497	Dĩ An	Hải Dương	5353	Sản phẩm chế biến	15864	kg	Thực phẩm
968	06/09/2021	51C38534	Dĩ An	Hải Dương	5354	Sản phẩm chế biến	16830	kg	Thực phẩm
969	06/09/2021	79H00143	Dĩ An	Hải Dương	7086	Sản phẩm đông lạnh	16,58	kg	Thực phẩm
970	06/09/2021	79H00143	Dĩ An	Hải Phòng	7085	Sản phẩm chế biến	150,65	kg	Thực phẩm
971	06/09/2021	79H00143	Dĩ An	Hải Phòng	7085	Sản phẩm đông lạnh	15,7	kg	Thực phẩm
972	06/09/2021	51D-60856	Dĩ An	Hậu Giang	7279	Sản phẩm chế biến	150,85	kg	Thực phẩm
973	06/09/2021	51D-60856	Dĩ An	Hậu Giang	7279	Sản phẩm đông lạnh	9	kg	Thực phẩm
974	06/09/2021	51D47038	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7074	Sản phẩm chế biến	244,95	kg	Thực phẩm
975	06/09/2021	51D54257	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7076	Sản phẩm chế biến	244,95	kg	Thực phẩm
976	06/09/2021	50H03377	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7077	Sản phẩm chế biến	244,95	kg	Thực phẩm
977	06/09/2021	51D34185	Thuận An	Hồ Chí Minh	5826	Sản phẩm chế biến	38	kg	Thực phẩm
978	06/09/2021	51D47038	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7074	Sản phẩm đông lạnh	545,57	kg	Thực phẩm

979	06/09/2021	60H00627	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7075	Sản phẩm đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
980	06/09/2021	51D54257	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7076	Sản phẩm đông lạnh	545,57	kg	Thực phẩm
981	06/09/2021	50H03377	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7077	Sản phẩm đông lạnh	545,57	kg	Thực phẩm
982	06/09/2021	51C64364	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7078	Sản phẩm đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
983	06/09/2021	51D15467	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7080	Sản phẩm đông lạnh	15000	kg	Thực phẩm
984	06/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17208	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
985	06/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17209	Sản phẩm đông lạnh	150	kg	Thực phẩm
986	06/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17211	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
987	06/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17212	Sản phẩm đông lạnh	35	kg	Thực phẩm
988	06/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17213	Sản phẩm đông lạnh	16	kg	Thực phẩm
989	06/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17214	Sản phẩm đông lạnh	139	kg	Thực phẩm
990	06/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17215	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
991	06/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17216	Sản phẩm đông lạnh	48	kg	Thực phẩm
992	06/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17217	Sản phẩm đông lạnh	111	kg	Thực phẩm
993	06/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17218	Sản phẩm đông lạnh	26	kg	Thực phẩm
994	06/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17219	Sản phẩm đông lạnh	35	kg	Thực phẩm
995	06/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17220	Sản phẩm đông lạnh	110	kg	Thực phẩm
996	06/09/2021	51D-10253	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17221	Sản phẩm đông lạnh	657	kg	Thực phẩm
997	06/09/2021	61C-32414	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17222	Sản phẩm đông lạnh	1106	kg	Thực phẩm
998	06/09/2021	61C-32414	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17223	Sản phẩm đông lạnh	79	kg	Thực phẩm
999	06/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17224	Sản phẩm đông lạnh	100	kg	Thực phẩm
1000	06/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17225	Sản phẩm đông lạnh	673,8	kg	Thực phẩm
1001	06/09/2021	61C-39840	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17226	Sản phẩm đông lạnh	11,5	kg	Thực phẩm
1002	06/09/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	2077	Thịt Vịt	80	kg	Thực phẩm
1003	06/09/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	2078	Thịt Vịt	60	kg	Thực phẩm
1004	06/09/2021	51D49848	Dĩ An	Hưng Yên	5351	Sản phẩm chế biến	17340	kg	Thực phẩm
1005	06/09/2021	51D14352	Dĩ An	Hưng Yên	5352	Sản phẩm chế biến	16820	kg	Thực phẩm
1006	06/09/2021	50LD15915	Thuận An	Hưng Yên	6926	Sản phẩm chế biến	700	kg	Thực phẩm
1007	06/09/2021	43C-12622	Dĩ An	Khánh Hòa	7281	Sản phẩm chế biến	855,55	kg	Thực phẩm
1008	06/09/2021	51D18924	Dĩ An	Kiên Giang	5342	Thịt đông lạnh	1828,8	kg	Thực phẩm
1009	06/09/2021	51C56390	Dĩ An	Kiên Giang	5343	Thịt đông lạnh	429	kg	Thực phẩm
1010	06/09/2021	51D45286	Dĩ An	Kon Tum	5335	Sản phẩm chế biến	637,9	kg	Thực phẩm

1011	06/09/2021	51D45286	Dĩ An	Kon Tum	5339	Thịt đông lạnh	30	kg	Thực phẩm
1012	06/09/2021	63C-14501	Dĩ An	Lâm Đồng	7280	Sản phẩm chế biến	272,99	kg	Thực phẩm
1013	06/09/2021	79C16383	Dĩ An	Lâm Đồng	7082	Sản phẩm đông lạnh	136,4	kg	Thực phẩm
1014	06/09/2021	79H00143	Dĩ An	Nam Định	7089	Sản phẩm chế biến	145,75	kg	Thực phẩm
1015	06/09/2021	61C17408	Dĩ An	Nghệ An	5355	Sản phẩm chế biến	15636	kg	Thực phẩm
1016	06/09/2021	29H25513	Dĩ An	Nghệ An	5356	Sản phẩm chế biến	16820	kg	Thực phẩm
1017	06/09/2021	79H00143	Dĩ An	Ninh Bình	7087	Sản phẩm chế biến	6	kg	Thực phẩm
1018	06/09/2021	51C55063	Dĩ An	Phú Yên	5345	Sản phẩm chế biến	280	kg	Thực phẩm
1019	06/09/2021	51C55063	Dĩ An	Phú Yên	5348	Thịt đông lạnh	711,2	kg	Thực phẩm
1020	06/09/2021	51D60000	Dĩ An	Quảng Bình	5326	Sản phẩm chế biến	266,5	kg	Thực phẩm
1021	06/09/2021	51D60000	Dĩ An	Quảng Bình	5329	Sản phẩm chế biến	170,3	kg	Thực phẩm
1022	06/09/2021	51D60000	Dĩ An	Quảng Nam	5325	Sản phẩm chế biến	35,5	kg	Thực phẩm
1023	06/09/2021	79C06592	Dĩ An	Quảng Nam	7091	Sản phẩm đông lạnh	278,12	kg	Thực phẩm
1024	06/09/2021	51D60000	Dĩ An	Quảng Nam	5331	Thịt đông lạnh	30	kg	Thực phẩm
1025	06/09/2021	51D60000	Dĩ An	Quảng Nam	5332	Thịt đông lạnh	71,5	kg	Thực phẩm
1026	06/09/2021	51D60000	Dĩ An	Quảng Nam	5333	Thịt đông lạnh	1397,7	kg	Thực phẩm
1027	06/09/2021	51C55063	Dĩ An	Quảng Ngãi	5347	Sản phẩm chế biến	957,9	kg	Thực phẩm
1028	06/09/2021	79C06592	Dĩ An	Quảng Ngãi	7090	Sản phẩm chế biến	259,7	kg	Thực phẩm
1029	06/09/2021	79C06592	Dĩ An	Quảng Ngãi	7090	Sản phẩm đông lạnh	573,5	kg	Thực phẩm
1030	06/09/2021	51C55063	Dĩ An	Quảng Ngãi	5349	Thịt đông lạnh	362,4	kg	Thực phẩm
1031	06/09/2021	50LD15915	Thuận An	Quảng Ninh	6923	Sản phẩm chế biến	840	kg	Thực phẩm
1032	06/09/2021	79H00143	Dĩ An	Quảng Ninh	7088	Sản phẩm chế biến	125,35	kg	Thực phẩm
1033	06/09/2021	51D60000	Dĩ An	Quảng Trị	5327	Sản phẩm chế biến	393,5	kg	Thực phẩm
1034	06/09/2021	51D60000	Dĩ An	Quảng Trị	5328	Sản phẩm chế biến	337	kg	Thực phẩm
1035	06/09/2021	50LD15500	Thuận An	Sóc Trăng	6915	Sản phẩm chế biến	420	kg	Thực phẩm
1036	06/09/2021	50LD15915	Thuận An	Thái Nguyên	6925	Sản phẩm chế biến	1680	kg	Thực phẩm
1037	06/09/2021	79C06592	Dĩ An	Thừa Thiên - Huế	7092	Sản phẩm chế biến	819,58	kg	Thực phẩm
1038	06/09/2021	79C06592	Dĩ An	Thừa Thiên - Huế	7092	Sản phẩm đông lạnh	576,86	kg	Thực phẩm
1039	06/09/2021	51C56390	Dĩ An	Tiền Giang	5341	Sản phẩm chế biến	181	kg	Thực phẩm
1040	06/09/2021	79C06592	Dĩ An	Vĩnh Phúc	7093	Sản phẩm chế biến	51,15	kg	Thực phẩm
1041	06/09/2021	79C06592	Dĩ An	Vĩnh Phúc	7093	Sản phẩm đông lạnh	22,5	kg	Thực phẩm
1042	07/09/2021	50H06846	Thuận An	An Giang	6933	Sản phẩm chế biến	560	kg	Thực phẩm

1043	07/09/2021	50H06846	Thuận An	An Giang	6934	Sản phẩm chế biến	630	kg	Thực phẩm
1044	07/09/2021	50H06846	Thuận An	An Giang	6935	Sản phẩm chế biến	210	kg	Thực phẩm
1045	07/09/2021	61LD-00333	Dĩ An	An Giang	7287	Sản phẩm chế biến	172,5	kg	Thực phẩm
1046	07/09/2021	51D34711	Dĩ An	An Giang	25804	Sản phẩm chế biến	152,88	kg	Thực phẩm
1047	07/09/2021	61LD-00333	Dĩ An	An Giang	7287	Sản phẩm đông lạnh	1321,17	kg	Thực phẩm
1048	07/09/2021	51C15418	Dĩ An	Bà Rịa - Vùng Tàu	5370	Sản phẩm chế biến	300,3	kg	Thực phẩm
1049	07/09/2021	51C15418	Dĩ An	Bà Rịa - Vùng Tàu	5371	Sản phẩm chế biến	72,5	kg	Thực phẩm
1050	07/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Bà Rịa - Vùng Tàu	17253	Sản phẩm đông lạnh	51	kg	Thực phẩm
1051	07/09/2021	79C-10678	Dĩ An	Bắc Giang	7819	Sản phẩm chế biến	195,5	kg	Thực phẩm
1052	07/09/2021	51D60856	Dĩ An	Bạc Liêu	25806	Sản phẩm chế biến	254,59	kg	Thực phẩm
1053	07/09/2021	51D60856	Dĩ An	Bạc Liêu	25806	Thịt đông lạnh	30	kg	Thực phẩm
1054	07/09/2021	51D08745	Dĩ An	Bến Tre	5364	Sản phẩm chế biến	286,9	kg	Thực phẩm
1055	07/09/2021	51D08745	Dĩ An	Bến Tre	5365	Thịt đông lạnh	247,5	kg	Thực phẩm
1056	07/09/2021	51D60913	Dĩ An	Bình Định	25796	Sản phẩm chế biến	302,3	kg	Thực phẩm
1057	07/09/2021	79C-16858	Dĩ An	Bình Định	7814	Sản phẩm chế biến	588,9	kg	Thực phẩm
1058	07/09/2021	51D60913	Dĩ An	Bình Định	25796	Thịt đông lạnh	29,75	kg	Thực phẩm
1059	07/09/2021	51D18852	Dĩ An	Bình Thuận	5359	Sản phẩm chế biến	317,4	kg	Thực phẩm
1060	07/09/2021	51D30546	Thuận An	Bình Thuận	6936	Sản phẩm chế biến	20	kg	Thực phẩm
1061	07/09/2021	51D60533	Dĩ An	Cà Mau	25805	Sản phẩm chế biến	209,5	kg	Thực phẩm
1062	07/09/2021	50H06846	Thuận An	Cần Thơ	6932	Sản phẩm chế biến	210	kg	Thực phẩm
1063	07/09/2021	51D-36818	Dĩ An	Cần Thơ	7284	Sản phẩm chế biến	252,81	kg	Thực phẩm
1064	07/09/2021	51D-36907	Dĩ An	Cần Thơ	7285	Sản phẩm chế biến	41	kg	Thực phẩm
1065	07/09/2021	51D-36907	Dĩ An	Cần Thơ	7286	Sản phẩm chế biến	62,27	kg	Thực phẩm
1066	07/09/2021	61LD-00333	Dĩ An	Cần Thơ	7288	Sản phẩm chế biến	80	kg	Thực phẩm
1067	07/09/2021	61LD-00333	Dĩ An	Cần Thơ	7288	Sản phẩm đông lạnh	2612,78	kg	Thực phẩm
1068	07/09/2021	50LD-17227	Dĩ An	Cần Thơ	7809	Sản phẩm đông lạnh	1700	kg	Thực phẩm
1069	07/09/2021	92C-13267	Dĩ An	Đà Nẵng	7397	Sản phẩm chế biến	82	kg	Thực phẩm
1070	07/09/2021	79C-05843	Dĩ An	Đak Lak	7811	Sản phẩm chế biến	95	kg	Thực phẩm
1071	07/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Đồng Nai	17238	Sản phẩm đông lạnh	450	kg	Thực phẩm
1072	07/09/2021	61C-39804	Tân Uyên	Đồng Nai	17251	Sản phẩm đông lạnh	42,9	kg	Thực phẩm
1073	07/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	17254	Sản phẩm đông lạnh	24,36	kg	Thực phẩm
1074	07/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	17255	Sản phẩm đông lạnh	178,5	kg	Thực phẩm

1075	07/09/2021	60C-25453	Dĩ An	Đồng Nai	7810	Sản phẩm đông lạnh	1111	kg	Thực phẩm
1076	07/09/2021	61C46088	Thuận An	Đồng Nai	2080	Thịt Vịt	160	kg	Thực phẩm
1077	07/09/2021	50LD17505	Dĩ An	Hà Nội	5375	Sản phẩm chế biến	11	kg	Thực phẩm
1078	07/09/2021	51C10452	Thuận An	Hà Nội	6941	Sản phẩm chế biến	58,86	kg	Thực phẩm
1079	07/09/2021	50H-03511	Dĩ An	Hà Nội	7292	Sản phẩm chế biến	136	kg	Thực phẩm
1080	07/09/2021	50H-03511	Dĩ An	Hà Nội	7293	Sản phẩm chế biến	104	kg	Thực phẩm
1081	07/09/2021	79C-10678	Dĩ An	Hà Nội	7825	Sản phẩm chế biến	117,9	kg	Thực phẩm
1082	07/09/2021	79C-10678	Dĩ An	Hà Nội	7826	Sản phẩm chế biến	209,9	kg	Thực phẩm
1083	07/09/2021	79C-10678	Dĩ An	Hà Nội	7827	Sản phẩm chế biến	245	kg	Thực phẩm
1084	07/09/2021	79C-10678	Dĩ An	Hà Nội	7828	Sản phẩm chế biến	331,8	kg	Thực phẩm
1085	07/09/2021	79C-10678	Dĩ An	Hà Nội	7829	Sản phẩm chế biến	400,7	kg	Thực phẩm
1086	07/09/2021	79C-10678	Dĩ An	Hà Nội	7830	Sản phẩm chế biến	630,3	kg	Thực phẩm
1087	07/09/2021	51C-92579	Dĩ An	Hà Nội	7831	Sản phẩm đông lạnh	25000	kg	Thực phẩm
1088	07/09/2021	92C14917	Dĩ An	Hà Nội	5358	Thịt đông lạnh	3555	kg	Thực phẩm
1089	07/09/2021	50LD17505	Dĩ An	Hà Tĩnh	5374	Sản phẩm chế biến	80,4	kg	Thực phẩm
1090	07/09/2021	79C-10678	Dĩ An	Hải Dương	7824	Sản phẩm chế biến	177,8	kg	Thực phẩm
1091	07/09/2021	51C10452	Thuận An	Hải Phòng	6940	Sản phẩm chế biến	109,85	kg	Thực phẩm
1092	07/09/2021	79C-10678	Dĩ An	Hải Phòng	7816	Sản phẩm chế biến	53	kg	Thực phẩm
1093	07/09/2021	61H-03730	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7291	Sản phẩm chế biến	166	kg	Thực phẩm
1094	07/09/2021	51D-24014	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7295	Sản phẩm chế biến	48	kg	Thực phẩm
1095	07/09/2021	51D-24023	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7296	Sản phẩm chế biến	30	kg	Thực phẩm
1096	07/09/2021	51D-21551	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7298	Sản phẩm chế biến	72	kg	Thực phẩm
1097	07/09/2021	61C-38642	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7299	Sản phẩm chế biến	98	kg	Thực phẩm
1098	07/09/2021	51D-47038	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7806	Sản phẩm chế biến	48,99	kg	Thực phẩm
1099	07/09/2021	50H-03377	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7807	Sản phẩm chế biến	16,33	kg	Thực phẩm
1100	07/09/2021	61LD-00393	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7289	Sản phẩm đông lạnh	2765,5	kg	Thực phẩm
1101	07/09/2021	61H-03730	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7291	Sản phẩm đông lạnh	1828,79	kg	Thực phẩm
1102	07/09/2021	51D-24014	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7295	Sản phẩm đông lạnh	1199,12	kg	Thực phẩm
1103	07/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17232	Sản phẩm đông lạnh	24	kg	Thực phẩm
1104	07/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17233	Sản phẩm đông lạnh	100	kg	Thực phẩm
1105	07/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17234	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
1106	07/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17235	Sản phẩm đông lạnh	33	kg	Thực phẩm

1107	07/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17236	Sản phẩm đông lạnh	100	kg	Thực phẩm
1108	07/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17237	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
1109	07/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17239	Sản phẩm đông lạnh	103	kg	Thực phẩm
1110	07/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17240	Sản phẩm đông lạnh	38	kg	Thực phẩm
1111	07/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17241	Sản phẩm đông lạnh	110	kg	Thực phẩm
1112	07/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17242	Sản phẩm đông lạnh	23	kg	Thực phẩm
1113	07/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17243	Sản phẩm đông lạnh	15	kg	Thực phẩm
1114	07/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17244	Sản phẩm đông lạnh	102	kg	Thực phẩm
1115	07/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17245	Sản phẩm đông lạnh	37	kg	Thực phẩm
1116	07/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17246	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
1117	07/09/2021	61C-32414	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17247	Sản phẩm đông lạnh	1177	kg	Thực phẩm
1118	07/09/2021	61C-32414	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17248	Sản phẩm đông lạnh	67	kg	Thực phẩm
1119	07/09/2021	51D-10253	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17249	Sản phẩm đông lạnh	679	kg	Thực phẩm
1120	07/09/2021	61C-39840	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17250	Sản phẩm đông lạnh	74	kg	Thực phẩm
1121	07/09/2021	61C-39804	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17252	Sản phẩm đông lạnh	68	kg	Thực phẩm
1122	07/09/2021	79C-10013	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17256	Sản phẩm đông lạnh	1458,26	kg	Thực phẩm
1123	07/09/2021	51D-47038	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7806	Sản phẩm đông lạnh	163,73	kg	Thực phẩm
1124	07/09/2021	50H-03377	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7807	Sản phẩm đông lạnh	191	kg	Thực phẩm
1125	07/09/2021	51C-64364	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7808	Sản phẩm đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
1126	07/09/2021	50LD17505	Dĩ An	Khánh Hòa	5372	Sản phẩm chế biến	298	kg	Thực phẩm
1127	07/09/2021	50LD17505	Dĩ An	Khánh Hòa	5373	Sản phẩm chế biến	68,2	kg	Thực phẩm
1128	07/09/2021	51D30546	Thuận An	Khánh Hòa	6937	Sản phẩm chế biến	25	kg	Thực phẩm
1129	07/09/2021	51D30546	Thuận An	Khánh Hòa	6938	Sản phẩm chế biến	38,96	kg	Thực phẩm
1130	07/09/2021	51D34643	Dĩ An	Khánh Hòa	25791	Sản phẩm chế biến	23,4	kg	Thực phẩm
1131	07/09/2021	51D60913	Dĩ An	Khánh Hòa	25795	Sản phẩm chế biến	152,77	kg	Thực phẩm
1132	07/09/2021	51D17626	Dĩ An	Khánh Hòa	25797	Sản phẩm chế biến	84,45	kg	Thực phẩm
1133	07/09/2021	51D17626	Dĩ An	Khánh Hòa	25799	Sản phẩm chế biến	45,57	kg	Thực phẩm
1134	07/09/2021	51D17626	Dĩ An	Khánh Hòa	25800	Sản phẩm chế biến	148,63	kg	Thực phẩm
1135	07/09/2021	51D60696	Dĩ An	Khánh Hòa	25802	Sản phẩm chế biến	171	kg	Thực phẩm
1136	07/09/2021	51D60696	Dĩ An	Khánh Hòa	25803	Sản phẩm chế biến	233,91	kg	Thực phẩm
1137	07/09/2021	51D60913	Dĩ An	Khánh Hòa	25795	Thịt đông lạnh	50	kg	Thực phẩm
1138	07/09/2021	51D-39358	Dĩ An	Kiên Giang	7294	Sản phẩm chế biến	118,5	kg	Thực phẩm

1139	07/09/2021	51D17683	Dĩ An	Kiên Giang	25792	Sản phẩm chế biến	177,5	kg	Thực phẩm
1140	07/09/2021	51D60712	Dĩ An	Kiên Giang	25801	Sản phẩm chế biến	11,95	kg	Thực phẩm
1141	07/09/2021	51D23451	Dĩ An	Lâm Đồng	5367	Sản phẩm chế biến	414,6	kg	Thực phẩm
1142	07/09/2021	79C-10678	Dĩ An	Lâm Đồng	7821	Sản phẩm chế biến	676,7	kg	Thực phẩm
1143	07/09/2021	51D23451	Dĩ An	Lâm Đồng	5368	Thịt đông lạnh	246,7	kg	Thực phẩm
1144	07/09/2021	51D08745	Dĩ An	Long An	5362	Sản phẩm chế biến	516,7	kg	Thực phẩm
1145	07/09/2021	51D08745	Dĩ An	Long An	5363	Sản phẩm chế biến	32	kg	Thực phẩm
1146	07/09/2021	51D08745	Dĩ An	Long An	5366	Thịt đông lạnh	500,5	kg	Thực phẩm
1147	07/09/2021	79C-10678	Dĩ An	Nam Định	7817	Sản phẩm chế biến	366	kg	Thực phẩm
1148	07/09/2021	79C-10678	Dĩ An	Ninh Bình	7822	Sản phẩm chế biến	69,1	kg	Thực phẩm
1149	07/09/2021	51D18852	Dĩ An	Ninh Thuận	5360	Sản phẩm chế biến	393,6	kg	Thực phẩm
1150	07/09/2021	51D30546	Thuận An	Ninh Thuận	6939	Sản phẩm chế biến	468	kg	Thực phẩm
1151	07/09/2021	51D34424	Dĩ An	Ninh Thuận	25794	Sản phẩm chế biến	182,69	kg	Thực phẩm
1152	07/09/2021	51D18852	Dĩ An	Ninh Thuận	5361	Thịt đông lạnh	286	kg	Thực phẩm
1153	07/09/2021	51D34424	Dĩ An	Ninh Thuận	25794	Thịt đông lạnh	61	kg	Thực phẩm
1154	07/09/2021	79C-10678	Dĩ An	Phú Thọ	7823	Sản phẩm chế biến	119,4	kg	Thực phẩm
1155	07/09/2021	79C-16858	Dĩ An	Quảng Nam	7812	Sản phẩm chế biến	122,9	kg	Thực phẩm
1156	07/09/2021	79C-16858	Dĩ An	Quảng Ngãi	7813	Sản phẩm chế biến	248,1	kg	Thực phẩm
1157	07/09/2021	79C-10678	Dĩ An	Quảng Ninh	7820	Sản phẩm chế biến	168,3	kg	Thực phẩm
1158	07/09/2021	51D34521	Dĩ An	Sóc Trăng	25793	Sản phẩm chế biến	103,62	kg	Thực phẩm
1159	07/09/2021	51D34521	Dĩ An	Sóc Trăng	25793	Thịt đông lạnh	70	kg	Thực phẩm
1160	07/09/2021	79C-10678	Dĩ An	Thừa Thiên - Huế	7815	Sản phẩm chế biến	530,3	kg	Thực phẩm
1161	07/09/2021	51C35771	Dĩ An	Trà Vinh	5369	Sản phẩm chế biến	414,6	kg	Thực phẩm
1162	07/09/2021	79C-10678	Dĩ An	Vĩnh Phúc	7818	Sản phẩm chế biến	136,8	kg	Thực phẩm
1163	08/09/2021	51D-29015	Dĩ An	An Giang	5655	Sản phẩm chế biến	74,5	kg	Thực phẩm
1164	08/09/2021	51D-29015	Dĩ An	An Giang	5656	Sản phẩm chế biến	203,2	kg	Thực phẩm
1165	08/09/2021	51C-46015	Dĩ An	An Giang	5665	Sản phẩm chế biến	48	kg	Thực phẩm
1166	08/09/2021	51C-53206	Thuận An	Bà Rịa - Vùng Tàu	5667	Sản phẩm chế biến	30	kg	Thực phẩm
1167	08/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Bà Rịa - Vùng Tàu	17283	Sản phẩm đông lạnh	228	kg	Thực phẩm
1168	08/09/2021	50H-06876	Dĩ An	Bạc Liêu	5661	Sản phẩm chế biến	113,2	kg	Thực phẩm
1169	08/09/2021	50H-06876	Dĩ An	Bạc Liêu	5662	Sản phẩm chế biến	173	kg	Thực phẩm
1170	08/09/2021	51D34615	Thuận An	Bình Định	7958	Sản phẩm chế biến	130	kg	Thực phẩm

1171	08/09/2021	51D34615	Thuận An	Bình Định	7959	Sản phẩm chế biến	25	kg	Thực phẩm
1172	08/09/2021	51D34615	Thuận An	Bình Định	7960	Sản phẩm chế biến	20	kg	Thực phẩm
1173	08/09/2021	51D34615	Thuận An	Bình Định	7961	Sản phẩm chế biến	329	kg	Thực phẩm
1174	08/09/2021	51D34615	Thuận An	Bình Định	7962	Sản phẩm chế biến	700	kg	Thực phẩm
1175	08/09/2021	92C17269	Dĩ An	Bình Định	25816	Sản phẩm chế biến	2,5	kg	Thực phẩm
1176	08/09/2021	51D34615	Thuận An	Bình Định	7957	Thịt Gà đông lạnh	200	kg	Thực phẩm
1177	08/09/2021	51D34615	Thuận An	Bình Định	7958	Thịt Gà đông lạnh	560	kg	Thực phẩm
1178	08/09/2021	51D34615	Thuận An	Bình Định	7959	Thịt Gà đông lạnh	50	kg	Thực phẩm
1179	08/09/2021	51C-82799	Thuận An	Cần Thơ	5666	Sản phẩm chế biến	150	kg	Thực phẩm
1180	08/09/2021	29H37779	Dĩ An	Cần Thơ	7097	Sản phẩm ướp lạnh	49,5	kg	Thực phẩm
1181	08/09/2021	29H37779	Dĩ An	Cần Thơ	7098	Sản phẩm ướp lạnh	155	kg	Thực phẩm
1182	08/09/2021	29H37779	Dĩ An	Cần Thơ	7099	Sản phẩm ướp lạnh	40	kg	Thực phẩm
1183	08/09/2021	51D34615	Thuận An	Đà Nẵng	7966	Sản phẩm chế biến	18	kg	Thực phẩm
1184	08/09/2021	51D34615	Thuận An	Đà Nẵng	7968	Sản phẩm chế biến	79	kg	Thực phẩm
1185	08/09/2021	51D34615	Thuận An	Đà Nẵng	7969	Sản phẩm chế biến	7	kg	Thực phẩm
1186	08/09/2021	51D34615	Thuận An	Đà Nẵng	7970	Sản phẩm chế biến	16,75	kg	Thực phẩm
1187	08/09/2021	51D34615	Thuận An	Đà Nẵng	7971	Sản phẩm chế biến	3820	kg	Thực phẩm
1188	08/09/2021	89C-07249	Thuận An	Đà Nẵng	5668	Sản phẩm chế biến	99	kg	Thực phẩm
1189	08/09/2021	51D34615	Thuận An	Đà Nẵng	7966	Thịt Gà đông lạnh	55	kg	Thực phẩm
1190	08/09/2021	51D34615	Thuận An	Đà Nẵng	7967	Thịt Gà đông lạnh	90	kg	Thực phẩm
1191	08/09/2021	50H02051	Thuận An	Đồng Nai	6942	Sản phẩm chế biến	576	kg	Thực phẩm
1192	08/09/2021	51D08497	Dĩ An	Đồng Nai	7100	Sản phẩm chế biến	11,5	kg	Thực phẩm
1193	08/09/2021	51D-08497	Dĩ An	Đồng Nai	7305	Sản phẩm chế biến	37	kg	Thực phẩm
1194	08/09/2021	51D-08497	Dĩ An	Đồng Nai	7306	Sản phẩm chế biến	65	kg	Thực phẩm
1195	08/09/2021	51D-08497	Dĩ An	Đồng Nai	7307	Sản phẩm chế biến	73,7	kg	Thực phẩm
1196	08/09/2021	51C-87945	Dĩ An	Đồng Nai	7309	Sản phẩm chế biến	151,77	kg	Thực phẩm
1197	08/09/2021	51C-87945	Dĩ An	Đồng Nai	7310	Sản phẩm chế biến	47,1	kg	Thực phẩm
1198	08/09/2021	51C-87945	Dĩ An	Đồng Nai	7311	Sản phẩm chế biến	45,29	kg	Thực phẩm
1199	08/09/2021	51C-86068	Dĩ An	Đồng Nai	7312	Sản phẩm chế biến	39,84	kg	Thực phẩm
1200	08/09/2021	51C-86068	Dĩ An	Đồng Nai	7313	Sản phẩm chế biến	10,85	kg	Thực phẩm
1201	08/09/2021	51C-86068	Dĩ An	Đồng Nai	7314	Sản phẩm chế biến	43,1	kg	Thực phẩm
1202	08/09/2021	51C-86068	Dĩ An	Đồng Nai	7315	Sản phẩm chế biến	4,95	kg	Thực phẩm

1203	08/09/2021	51C-86068	Dĩ An	Đồng Nai	7316	Sản phẩm chế biến	75,39	kg	Thực phẩm
1204	08/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Đồng Nai	17264	Sản phẩm đông lạnh	655	kg	Thực phẩm
1205	08/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Đồng Nai	17275	Sản phẩm đông lạnh	34,5	kg	Thực phẩm
1206	08/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	17282	Sản phẩm đông lạnh	24,7	kg	Thực phẩm
1207	08/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	17284	Sản phẩm đông lạnh	184,5	kg	Thực phẩm
1208	08/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	17285	Sản phẩm đông lạnh	18,16	kg	Thực phẩm
1209	08/09/2021	51C-86068	Dĩ An	Đồng Nai	7316	Sản phẩm đông lạnh	3	kg	Thực phẩm
1210	08/09/2021	61LD2910	Dĩ An	Đồng Nai	25808	Thịt đông lạnh	300	kg	Thực phẩm
1211	08/09/2021	61C46088	Thuận An	Đồng Nai	2083	Thịt Vịt	70	kg	Thực phẩm
1212	08/09/2021	60c30191	Bắc Tân Uyên	Đồng Nai	137234	Trứng giống	48600	quả	ấp nở
1213	08/09/2021	51C-90989	Dĩ An	Đồng Tháp	5663	Sản phẩm chế biến	409,7	kg	Thực phẩm
1214	08/09/2021	51C-90989	Dĩ An	Đồng Tháp	5664	Thịt Gà đông lạnh	348,1	kg	Thực phẩm
1215	08/09/2021	50LD15851	Thuận An	Hà Nội	7978	Sản phẩm chế biến	152	kg	Thực phẩm
1216	08/09/2021	50LD15851	Thuận An	Hà Nội	7979	Sản phẩm chế biến	1120	kg	Thực phẩm
1217	08/09/2021	50LD15758	Thuận An	Hà Nội	7982	Sản phẩm chế biến	104	kg	Thực phẩm
1218	08/09/2021	50LD15758	Thuận An	Hà Nội	7983	Sản phẩm chế biến	20	kg	Thực phẩm
1219	08/09/2021	50LD15758	Thuận An	Hà Nội	7984	Sản phẩm chế biến	238	kg	Thực phẩm
1220	08/09/2021	50LD15758	Thuận An	Hà Nội	7985	Sản phẩm chế biến	260	kg	Thực phẩm
1221	08/09/2021	50LD15758	Thuận An	Hà Nội	7986	Sản phẩm chế biến	43	kg	Thực phẩm
1222	08/09/2021	50LD15758	Thuận An	Hà Nội	7987	Sản phẩm chế biến	41,1	kg	Thực phẩm
1223	08/09/2021	92C12390	Dĩ An	Hà Nội	25810	Sản phẩm chế biến	120	kg	Thực phẩm
1224	08/09/2021	92C12390	Dĩ An	Hà Nội	25811	Sản phẩm chế biến	76	kg	Thực phẩm
1225	08/09/2021	92C17269	Dĩ An	Hà Nội	25815	Sản phẩm chế biến	11,5	kg	Thực phẩm
1226	08/09/2021	92C12390	Dĩ An	Hà Nội	25812	Thịt đông lạnh	309,76	kg	Thực phẩm
1227	08/09/2021	50LD15851	Thuận An	Hà Tĩnh	7977	Sản phẩm chế biến	44,37	kg	Thực phẩm
1228	08/09/2021	61C-34753	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17286	Sản phẩm chế biến	12	kg	Thực phẩm
1229	08/09/2021	51C-71112	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5632	Sản phẩm chế biến	76,8	kg	Thực phẩm
1230	08/09/2021	51C-71112	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5633	Sản phẩm chế biến	77,04	kg	Thực phẩm
1231	08/09/2021	51C-71112	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5634	Sản phẩm chế biến	57,6	kg	Thực phẩm
1232	08/09/2021	51C-71112	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5635	Sản phẩm chế biến	21,92	kg	Thực phẩm
1233	08/09/2021	51C-71112	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5636	Sản phẩm chế biến	192	kg	Thực phẩm
1234	08/09/2021	51C-71112	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5637	Sản phẩm chế biến	451,3	kg	Thực phẩm

1235	08/09/2021	51C-71112	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5638	Sản phẩm chế biến	62,3	kg	Thực phẩm
1236	08/09/2021	51C-68857	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5640	Sản phẩm chế biến	57,6	kg	Thực phẩm
1237	08/09/2021	51C-68857	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5641	Sản phẩm chế biến	71,2	kg	Thực phẩm
1238	08/09/2021	51C-68857	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5642	Sản phẩm chế biến	52	kg	Thực phẩm
1239	08/09/2021	51C-68857	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5643	Sản phẩm chế biến	20,8	kg	Thực phẩm
1240	08/09/2021	51C-68857	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5644	Sản phẩm chế biến	40	kg	Thực phẩm
1241	08/09/2021	51C-68857	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5645	Sản phẩm chế biến	76,8	kg	Thực phẩm
1242	08/09/2021	51C-68857	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5646	Sản phẩm chế biến	84,9	kg	Thực phẩm
1243	08/09/2021	51C-68857	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5647	Sản phẩm chế biến	69,36	kg	Thực phẩm
1244	08/09/2021	51D34185	Thuận An	Hồ Chí Minh	5827	Sản phẩm chế biến	7	kg	Thực phẩm
1245	08/09/2021	MOIU0027351	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5828	Sản phẩm chế biến	242	kg	Thực phẩm
1246	08/09/2021	61C44223	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5829	Sản phẩm chế biến	106	kg	Thực phẩm
1247	08/09/2021	61C40344	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5830	Sản phẩm chế biến	54	kg	Thực phẩm
1248	08/09/2021	65H00729	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5831	Sản phẩm chế biến	197	kg	Thực phẩm
1249	08/09/2021	65H00729	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5832	Sản phẩm chế biến	148	kg	Thực phẩm
1250	08/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17257	Sản phẩm đông lạnh	10	kg	Thực phẩm
1251	08/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17258	Sản phẩm đông lạnh	12	kg	Thực phẩm
1252	08/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17259	Sản phẩm đông lạnh	16	kg	Thực phẩm
1253	08/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17260	Sản phẩm đông lạnh	22	kg	Thực phẩm
1254	08/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17261	Sản phẩm đông lạnh	75	kg	Thực phẩm
1255	08/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17262	Sản phẩm đông lạnh	100	kg	Thực phẩm
1256	08/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17263	Sản phẩm đông lạnh	43	kg	Thực phẩm
1257	08/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17265	Sản phẩm đông lạnh	25	kg	Thực phẩm
1258	08/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17266	Sản phẩm đông lạnh	60	kg	Thực phẩm
1259	08/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17267	Sản phẩm đông lạnh	110	kg	Thực phẩm
1260	08/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17268	Sản phẩm đông lạnh	115	kg	Thực phẩm
1261	08/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17269	Sản phẩm đông lạnh	26	kg	Thực phẩm
1262	08/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17270	Sản phẩm đông lạnh	11	kg	Thực phẩm
1263	08/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17271	Sản phẩm đông lạnh	10	kg	Thực phẩm
1264	08/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17272	Sản phẩm đông lạnh	46	kg	Thực phẩm
1265	08/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17273	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
1266	08/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17274	Sản phẩm đông lạnh	42	kg	Thực phẩm

1267	08/09/2021	61C-39840	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17276	Sản phẩm đông lạnh	64	kg	Thực phẩm
1268	08/09/2021	51C-49550	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17277	Sản phẩm đông lạnh	495	kg	Thực phẩm
1269	08/09/2021	61C-32414	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17279	Sản phẩm đông lạnh	924	kg	Thực phẩm
1270	08/09/2021	61C-32414	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17280	Sản phẩm đông lạnh	67	kg	Thực phẩm
1271	08/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17281	Sản phẩm đông lạnh	733,46	kg	Thực phẩm
1272	08/09/2021	51D-15467	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7302	Sản phẩm đông lạnh	15000	kg	Thực phẩm
1273	08/09/2021	60C-38127	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7304	Sản phẩm đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
1274	08/09/2021	51C-57980	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7308	Sản phẩm đông lạnh	15000	kg	Thực phẩm
1275	08/09/2021	79C-17534	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7317	Sản phẩm đông lạnh	15000	kg	Thực phẩm
1276	08/09/2021	61H01319	Dĩ An	Hồ Chí Minh	25807	Thịt đông lạnh	2309,97	kg	Thực phẩm
1277	08/09/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	2081	Thịt Vịt	80	kg	Thực phẩm
1278	08/09/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	2082	Thịt Vịt	60	kg	Thực phẩm
1279	08/09/2021	51D-49848	Dĩ An	Hưng Yên	5650	Sản phẩm chế biến	14600	kg	Thực phẩm
1280	08/09/2021	92C17269	Dĩ An	Khánh Hòa	25814	Sản phẩm chế biến	22,5	kg	Thực phẩm
1281	08/09/2021	51D-89899	Dĩ An	Kiên Giang	5639	Sản phẩm chế biến	153	kg	Thực phẩm
1282	08/09/2021	61H03370	Dĩ An	Kiên Giang	25813	Thịt đông lạnh	2302,55	kg	Thực phẩm
1283	08/09/2021	51D-34724	Dĩ An	Long An	7230	Sản phẩm chế biến	107,06	kg	Thực phẩm
1284	08/09/2021	51D-34400	Dĩ An	Long An	7301	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
1285	08/09/2021	92C12390	Dĩ An	Nghệ An	25809	Thịt đông lạnh	326,58	kg	Thực phẩm
1286	08/09/2021	50LD15851	Thuận An	Nghệ An	7972	Thịt Gà đông lạnh	3100	kg	Thực phẩm
1287	08/09/2021	51D34615	Thuận An	Phú Yên	7963	Sản phẩm chế biến	350	kg	Thực phẩm
1288	08/09/2021	51D34615	Thuận An	Phú Yên	7964	Sản phẩm chế biến	576	kg	Thực phẩm
1289	08/09/2021	51D34615	Thuận An	Phú Yên	7965	Sản phẩm chế biến	90	kg	Thực phẩm
1290	08/09/2021	51D34615	Thuận An	Phú Yên	7965	Thịt Vịt đông lạnh	100	kg	Thực phẩm
1291	08/09/2021	50LD15758	Thuận An	Quảng Bình	7980	Sản phẩm chế biến	74	kg	Thực phẩm
1292	08/09/2021	50LD15758	Thuận An	Quảng Bình	7981	Sản phẩm chế biến	360	kg	Thực phẩm
1293	08/09/2021	50LD15851	Thuận An	Quảng Bình	7973	Thịt Gà đông lạnh	150	kg	Thực phẩm
1294	08/09/2021	50LD15758	Thuận An	Quảng Bình	7980	Thịt Gà đông lạnh	1030	kg	Thực phẩm
1295	08/09/2021	50LD15758	Thuận An	Quảng Bình	7981	Thịt Gà đông lạnh	570	kg	Thực phẩm
1296	08/09/2021	50LD15851	Thuận An	Quảng Bình	7974	Thịt Heo đông lạnh	80	kg	Thực phẩm
1297	08/09/2021	51C99998	Thuận An	Quảng Nam	6948	Sản phẩm chế biến	90	kg	Thực phẩm
1298	08/09/2021	51C99998	Thuận An	Quảng Nam	6946	Thịt Gà đông lạnh	60	kg	Thực phẩm

1299	08/09/2021	51C99998	Thuận An	Quảng Nam	6947	Thịt Gà đông lạnh	190	kg	Thực phẩm
1300	08/09/2021	51C99998	Thuận An	Quảng Nam	6949	Thịt Gà đông lạnh	110	kg	Thực phẩm
1301	08/09/2021	51C99998	Thuận An	Quảng Nam	6950	Thịt Gà đông lạnh	80	kg	Thực phẩm
1302	08/09/2021	51C99998	Thuận An	Quảng Ngãi	6945	Sản phẩm chế biến	55	kg	Thực phẩm
1303	08/09/2021	51C99998	Thuận An	Quảng Ngãi	6943	Thịt Gà đông lạnh	100	kg	Thực phẩm
1304	08/09/2021	51C99998	Thuận An	Quảng Ngãi	6944	Thịt Gà đông lạnh	45	kg	Thực phẩm
1305	08/09/2021	51C99998	Thuận An	Quảng Ngãi	6945	Thịt Vịt đông lạnh	90	kg	Thực phẩm
1306	08/09/2021	50LD15851	Thuận An	Quảng Trị	7976	Sản phẩm chế biến	280	kg	Thực phẩm
1307	08/09/2021	50LD15851	Thuận An	Quảng Trị	7975	Thịt Gà đông lạnh	525	kg	Thực phẩm
1308	08/09/2021	51C-35771	Dĩ An	Tây Ninh	5651	Sản phẩm chế biến	38	kg	Thực phẩm
1309	08/09/2021	51C-35771	Dĩ An	Tây Ninh	5652	Sản phẩm chế biến	7,5	kg	Thực phẩm
1310	08/09/2021	51C-70214	Dĩ An	Tây Ninh	5653	Sản phẩm chế biến	32	kg	Thực phẩm
1311	08/09/2021	51C-70214	Dĩ An	Tây Ninh	5654	Sản phẩm chế biến	307,5	kg	Thực phẩm
1312	08/09/2021	51C-46638	Dĩ An	Tây Ninh	5657	Sản phẩm chế biến	35	kg	Thực phẩm
1313	08/09/2021	51C-46638	Dĩ An	Tây Ninh	5658	Sản phẩm chế biến	310,5	kg	Thực phẩm
1314	08/09/2021	51C-46638	Dĩ An	Tây Ninh	5659	Sản phẩm chế biến	59	kg	Thực phẩm
1315	08/09/2021	51C99998	Thuận An	Thừa Thiên - Huế	7951	Sản phẩm chế biến	23	kg	Thực phẩm
1316	08/09/2021	51C99998	Thuận An	Thừa Thiên - Huế	7954	Sản phẩm chế biến	79	kg	Thực phẩm
1317	08/09/2021	51C99998	Thuận An	Thừa Thiên - Huế	7955	Sản phẩm chế biến	490	kg	Thực phẩm
1318	08/09/2021	51C99998	Thuận An	Thừa Thiên - Huế	7956	Sản phẩm chế biến	20	kg	Thực phẩm
1319	08/09/2021	51C99998	Thuận An	Thừa Thiên - Huế	7951	Thịt Gà đông lạnh	45	kg	Thực phẩm
1320	08/09/2021	51C99998	Thuận An	Thừa Thiên - Huế	7952	Thịt Gà đông lạnh	90	kg	Thực phẩm
1321	08/09/2021	51C99998	Thuận An	Thừa Thiên - Huế	7953	Thịt Gà đông lạnh	90	kg	Thực phẩm
1322	08/09/2021	51C99998	Thuận An	Thừa Thiên - Huế	7956	Thịt Gà đông lạnh	34	kg	Thực phẩm
1323	08/09/2021	51C-37427	Dĩ An	Tiền Giang	5648	Sản phẩm chế biến	374,3	kg	Thực phẩm
1324	08/09/2021	51C-37427	Dĩ An	Tiền Giang	5649	Sản phẩm chế biến	226,7	kg	Thực phẩm
1325	08/09/2021	29H37021	Dĩ An	Trà Vinh	25817	Sản phẩm chế biến	42	kg	Thực phẩm
1326	08/09/2021	61C42647	Dĩ An	Vĩnh Long	25818	Sản phẩm chế biến	62,5	kg	Thực phẩm
1327	08/09/2021	51D-23451	Dĩ An	Vĩnh Long	5660	Sản phẩm chế biến	162,5	kg	Thực phẩm
1328	09/09/2021	51D-34571	Dĩ An	An Giang	9754	Sản phẩm chế biến	87,56	kg	Thực phẩm
1329	09/09/2021	50H-06833	Dĩ An	An Giang	5682	Sản phẩm chế biến	85,5	kg	Thực phẩm
1330	09/09/2021	50H-06833	Dĩ An	An Giang	5683	Sản phẩm chế biến	241,7	kg	Thực phẩm

1331	09/09/2021	50H-06833	Dĩ An	An Giang	5684	Thịt Gà đông lạnh	238,9	kg	Thực phẩm
1332	09/09/2021	50H02964	Dĩ An	Bà Rịa - Vùng Tàu	7905	Sản phẩm chế biến	179,63	kg	Thực phẩm
1333	09/09/2021	50H02964	Dĩ An	Bà Rịa - Vùng Tàu	7905	Sản phẩm đông lạnh	518,87	kg	Thực phẩm
1334	09/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Bà Rịa - Vùng Tàu	17301	Sản phẩm đông lạnh	92	kg	Thực phẩm
1335	09/09/2021	51D-60533	Dĩ An	Bạc Liêu	7839	Sản phẩm chế biến	168,16	kg	Thực phẩm
1336	09/09/2021	51D-60941	Dĩ An	Bình Định	7832	Sản phẩm chế biến	114,32	kg	Thực phẩm
1337	09/09/2021	92C-08041	Dĩ An	Bình Định	7847	Sản phẩm chế biến	94,5	kg	Thực phẩm
1338	09/09/2021	92C-08041	Dĩ An	Bình Định	7847	Sản phẩm đông lạnh	1011,32	kg	Thực phẩm
1339	09/09/2021	51C-13351	Thuận An	Bình Thuận	5689	Sản phẩm chế biến	242	kg	Thực phẩm
1340	09/09/2021	51D-30848	Dĩ An	Cà Mau	7838	Sản phẩm chế biến	79,65	kg	Thực phẩm
1341	09/09/2021	50H-06876	Dĩ An	Cần Thơ	5670	Sản phẩm chế biến	17,3	kg	Thực phẩm
1342	09/09/2021	61LD00859	Dĩ An	Cần Thơ	7903	Sản phẩm đông lạnh	3090,71	kg	Thực phẩm
1343	09/09/2021	50H-06876	Dĩ An	Cần Thơ	5671	Thịt Gà đông lạnh	889,3	kg	Thực phẩm
1344	09/09/2021	92C-08041	Dĩ An	Đà Nẵng	7850	Sản phẩm chế biến	3083,68	kg	Thực phẩm
1345	09/09/2021	92C-08041	Dĩ An	Đà Nẵng	7850	Sản phẩm đông lạnh	200	kg	Thực phẩm
1346	09/09/2021	51D-23447	Dĩ An	Đắc Nông	5676	Sản phẩm chế biến	513,3	kg	Thực phẩm
1347	09/09/2021	51D-34643	Dĩ An	Đak Lak	7837	Sản phẩm chế biến	139,61	kg	Thực phẩm
1348	09/09/2021	61C-38642	Dĩ An	Đak Lak	7845	Sản phẩm chế biến	24	kg	Thực phẩm
1349	09/09/2021	51D-08281	Dĩ An	Đak Lak	5677	Sản phẩm chế biến	115,2	kg	Thực phẩm
1350	09/09/2021	51D-08281	Dĩ An	Đak Lak	5679	Sản phẩm chế biến	109,6	kg	Thực phẩm
1351	09/09/2021	51C-70553	Dĩ An	Đak Lak	5690	Sản phẩm chế biến	197,8	kg	Thực phẩm
1352	09/09/2021	61C-38642	Dĩ An	Đak Lak	7845	Sản phẩm đông lạnh	1279,42	kg	Thực phẩm
1353	09/09/2021	51D08744	Dĩ An	Đồng Nai	25822	Sản phẩm chế biến	10,2	kg	Thực phẩm
1354	09/09/2021	51D08753	Dĩ An	Đồng Nai	25823	Sản phẩm chế biến	30	kg	Thực phẩm
1355	09/09/2021	61LD00333	Dĩ An	Đồng Nai	7904	Sản phẩm đông lạnh	2627,19	kg	Thực phẩm
1356	09/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Đồng Nai	17297	Sản phẩm đông lạnh	875	kg	Thực phẩm
1357	09/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Đồng Nai	17299	Sản phẩm đông lạnh	15	kg	Thực phẩm
1358	09/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	17302	Sản phẩm đông lạnh	226,5	kg	Thực phẩm
1359	09/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	17303	Sản phẩm đông lạnh	9	kg	Thực phẩm
1360	09/09/2021	51D08744	Dĩ An	Đồng Nai	25822	Thịt đông lạnh	3	kg	Thực phẩm
1361	09/09/2021	51D08753	Dĩ An	Đồng Nai	25823	Thịt đông lạnh	3	kg	Thực phẩm
1362	09/09/2021	61C46088	Thuận An	Đồng Nai	2086	Thịt Vịt	100	kg	Thực phẩm

1363	09/09/2021	29H71661	Dĩ An	Đồng Tháp	7902	Sản phẩm chế biến	168	kg	Thực phẩm
1364	09/09/2021	51C-89899	Dĩ An	Đồng Tháp	5669	Sản phẩm chế biến	113,5	kg	Thực phẩm
1365	09/09/2021	29H71661	Dĩ An	Đồng Tháp	7901	Sản phẩm ướp lạnh	82	kg	Thực phẩm
1366	09/09/2021	50H06846	Thuận An	Gia Lai	7988	Sản phẩm chế biến	840	kg	Thực phẩm
1367	09/09/2021	50H06846	Thuận An	Gia Lai	7989	Sản phẩm chế biến	980	kg	Thực phẩm
1368	09/09/2021	51D-18852	Dĩ An	Gia Lai	5673	Sản phẩm chế biến	139,3	kg	Thực phẩm
1369	09/09/2021	51D-08281	Dĩ An	Gia Lai	5680	Sản phẩm chế biến	369,5	kg	Thực phẩm
1370	09/09/2021	51D-18852	Dĩ An	Gia Lai	5675	Thịt Gà đông lạnh	583,9	kg	Thực phẩm
1371	09/09/2021	51D-08281	Dĩ An	Gia Lai	5681	Thịt Gà đông lạnh	80,3	kg	Thực phẩm
1372	09/09/2021	92C-08041	Dĩ An	Hà Nội	7848	Sản phẩm chế biến	80	kg	Thực phẩm
1373	09/09/2021	92C-08041	Dĩ An	Hà Nội	7849	Sản phẩm đông lạnh	434,14	kg	Thực phẩm
1374	09/09/2021	51D-14352	Dĩ An	Hải Dương	5685	Sản phẩm chế biến	14600	kg	Thực phẩm
1375	09/09/2021	51D54257	Dĩ An	Hồ Chí Minh	25820	Sản phẩm chế biến	50	kg	Thực phẩm
1376	09/09/2021	51D47038	Dĩ An	Hồ Chí Minh	25824	Sản phẩm chế biến	20	kg	Thực phẩm
1377	09/09/2021	51D34185	Thuận An	Hồ Chí Minh	5833	Sản phẩm chế biến	7	kg	Thực phẩm
1378	09/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17287	Sản phẩm đông lạnh	16	kg	Thực phẩm
1379	09/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17288	Sản phẩm đông lạnh	75	kg	Thực phẩm
1380	09/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17289	Sản phẩm đông lạnh	75	kg	Thực phẩm
1381	09/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17290	Sản phẩm đông lạnh	35	kg	Thực phẩm
1382	09/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17291	Sản phẩm đông lạnh	110	kg	Thực phẩm
1383	09/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17292	Sản phẩm đông lạnh	14	kg	Thực phẩm
1384	09/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17293	Sản phẩm đông lạnh	88	kg	Thực phẩm
1385	09/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17294	Sản phẩm đông lạnh	21	kg	Thực phẩm
1386	09/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17295	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
1387	09/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17296	Sản phẩm đông lạnh	34	kg	Thực phẩm
1388	09/09/2021	61C-39840	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17298	Sản phẩm đông lạnh	116	kg	Thực phẩm
1389	09/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17300	Sản phẩm đông lạnh	61	kg	Thực phẩm
1390	09/09/2021	61C-32481	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17306	Sản phẩm đông lạnh	996	kg	Thực phẩm
1391	09/09/2021	51C-49550	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17307	Sản phẩm đông lạnh	535	kg	Thực phẩm
1392	09/09/2021	60H00627	Dĩ An	Hồ Chí Minh	25819	Thịt đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
1393	09/09/2021	51D54257	Dĩ An	Hồ Chí Minh	25820	Thịt đông lạnh	191	kg	Thực phẩm
1394	09/09/2021	60C38127	Dĩ An	Hồ Chí Minh	25821	Thịt đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm

1395	09/09/2021	51D47038	Dĩ An	Hồ Chí Minh	25824	Thịt đông lạnh	90	kg	Thực phẩm
1396	09/09/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	2084	Thịt Vịt	60	kg	Thực phẩm
1397	09/09/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	2085	Thịt Vịt	80	kg	Thực phẩm
1398	09/09/2021	51D-60941	Dĩ An	Khánh Hòa	7833	Sản phẩm chế biến	125,17	kg	Thực phẩm
1399	09/09/2021	51D-17626	Dĩ An	Khánh Hòa	7841	Sản phẩm chế biến	148,14	kg	Thực phẩm
1400	09/09/2021	51D-17626	Dĩ An	Khánh Hòa	7842	Sản phẩm chế biến	143,87	kg	Thực phẩm
1401	09/09/2021	51D-17626	Dĩ An	Khánh Hòa	7843	Sản phẩm chế biến	98,24	kg	Thực phẩm
1402	09/09/2021	89H-00128	Thuận An	Khánh Hòa	5687	Sản phẩm chế biến	9	kg	Thực phẩm
1403	09/09/2021	89H-00128	Thuận An	Khánh Hòa	5688	Sản phẩm chế biến	161	kg	Thực phẩm
1404	09/09/2021	51D-60712	Dĩ An	Kiên Giang	7846	Sản phẩm chế biến	81,66	kg	Thực phẩm
1405	09/09/2021	51D-60916	Dĩ An	Kon Tum	7835	Sản phẩm chế biến	25	kg	Thực phẩm
1406	09/09/2021	51D-18852	Dĩ An	Kon Tum	5672	Sản phẩm chế biến	438,6	kg	Thực phẩm
1407	09/09/2021	51D-18852	Dĩ An	Kon Tum	5674	Thịt Gà đông lạnh	54	kg	Thực phẩm
1408	09/09/2021	51D36362	Thuận An	Lâm Đồng	7990	Sản phẩm chế biến	700	kg	Thực phẩm
1409	09/09/2021	51D36362	Thuận An	Lâm Đồng	7991	Sản phẩm chế biến	333	kg	Thực phẩm
1410	09/09/2021	51D36362	Thuận An	Lâm Đồng	7992	Sản phẩm chế biến	573,5	kg	Thực phẩm
1411	09/09/2021	51D36362	Thuận An	Lâm Đồng	7993	Sản phẩm chế biến	185	kg	Thực phẩm
1412	09/09/2021	51D36362	Thuận An	Lâm Đồng	7994	Sản phẩm chế biến	125	kg	Thực phẩm
1413	09/09/2021	51D-62379	Dĩ An	Lâm Đồng	7844	Sản phẩm chế biến	109,16	kg	Thực phẩm
1414	09/09/2021	51D36362	Thuận An	Lâm Đồng	7993	Thịt Gà đông lạnh	72	kg	Thực phẩm
1415	09/09/2021	51D36362	Thuận An	Lâm Đồng	7994	Thịt Gà đông lạnh	30	kg	Thực phẩm
1416	09/09/2021	51D-34405	Dĩ An	Long An	9752	Sản phẩm chế biến	60	kg	Thực phẩm
1417	09/09/2021	92C-08041	Dĩ An	Nghệ An	9751	Sản phẩm chế biến	50	kg	Thực phẩm
1418	09/09/2021	51C-40150	Dĩ An	Nghệ An	5686	Sản phẩm chế biến	14600	kg	Thực phẩm
1419	09/09/2021	51D-07924	Dĩ An	Ninh Thuận	7836	Sản phẩm chế biến	130,04	kg	Thực phẩm
1420	09/09/2021	51D-60941	Dĩ An	Phú Yên	7834	Sản phẩm chế biến	117,39	kg	Thực phẩm
1421	09/09/2021	51D-30987	Dĩ An	Sóc Trăng	7840	Sản phẩm chế biến	45	kg	Thực phẩm
1422	09/09/2021	51D-36591	Dĩ An	Vĩnh Long	9753	Sản phẩm chế biến	105,56	kg	Thực phẩm
1423	10/09/2021	51C-35011	Dĩ An	An Giang	9763	Sản phẩm chế biến	45	kg	Thực phẩm
1424	10/09/2021	61LD-00906	Dĩ An	An Giang	9768	Sản phẩm chế biến	80	kg	Thực phẩm
1425	10/09/2021	51C95422	Dĩ An	Bà Rịa - Vùng Tàu	10833	Sản phẩm chế biến	781,5	kg	Thực phẩm
1426	10/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Bà Rịa - Vùng Tàu	17325	Sản phẩm đông lạnh	55	kg	Thực phẩm

1427	10/09/2021	51C95422	Dĩ An	Bà Rịa - Vùng Tàu	10834	Thịt Heo đông lạnh	310,3	kg	Thực phẩm
1428	10/09/2021	51D08133	Dĩ An	Bến Tre	10846	Sản phẩm chế biến	359,6	kg	Thực phẩm
1429	10/09/2021	92C-11219	Dĩ An	Bình Định	9760	Sản phẩm chế biến	6	kg	Thực phẩm
1430	10/09/2021	51D18924	Dĩ An	Bình Phước	10835	Sản phẩm chế biến	1338	kg	Thực phẩm
1431	10/09/2021	51C55732	Dĩ An	Bình Thuận	10837	Sản phẩm chế biến	137,4	kg	Thực phẩm
1432	10/09/2021	51C55732	Dĩ An	Bình Thuận	10838	Sản phẩm chế biến	517,3	kg	Thực phẩm
1433	10/09/2021	51D23451	Dĩ An	Bình Thuận	10841	Sản phẩm chế biến	565,2	kg	Thực phẩm
1434	10/09/2021	51D23451	Dĩ An	Bình Thuận	10841	Thịt Gà đông lạnh	193,3	kg	Thực phẩm
1435	10/09/2021	50H06833	Dĩ An	Cà Mau	10839	Sản phẩm chế biến	211,7	kg	Thực phẩm
1436	10/09/2021	65C12882	Dĩ An	Cần Thơ	10849	Sản phẩm chế biến	142,2	kg	Thực phẩm
1437	10/09/2021	51D-39358	Dĩ An	Cần Thơ	9756	Sản phẩm chế biến	10	kg	Thực phẩm
1438	10/09/2021	51C-35011	Dĩ An	Cần Thơ	9762	Sản phẩm chế biến	104	kg	Thực phẩm
1439	10/09/2021	61C44148	Dĩ An	Cần Thơ	10826	Thịt gà	800	kg	Thực phẩm
1440	10/09/2021	50LD08772	Dĩ An	Đà Nẵng	10832	Thịt Gà đông lạnh	2150	kg	Thực phẩm
1441	10/09/2021	57M-2253	Dĩ An	Đak Lak	9758	Sản phẩm chế biến	10	kg	Thực phẩm
1442	10/09/2021	61LD-00859	Dĩ An	Đồng Nai	9757	Sản phẩm chế biến	497,5	kg	Thực phẩm
1443	10/09/2021	51D-08744	Dĩ An	Đồng Nai	9769	Sản phẩm chế biến	120,44	kg	Thực phẩm
1444	10/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Đồng Nai	17317	Sản phẩm đông lạnh	410	kg	Thực phẩm
1445	10/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Đồng Nai	17323	Sản phẩm đông lạnh	10,5	kg	Thực phẩm
1446	10/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	17324	Sản phẩm đông lạnh	12,5	kg	Thực phẩm
1447	10/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	17326	Sản phẩm đông lạnh	72	kg	Thực phẩm
1448	10/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	17327	Sản phẩm đông lạnh	23,95	kg	Thực phẩm
1449	10/09/2021	51C54891	Thuận An	Hà Nội	7996	Sản phẩm chế biến	1077,59	kg	Thực phẩm
1450	10/09/2021	51C54891	Thuận An	Hà Nội	7997	Sản phẩm chế biến	50	kg	Thực phẩm
1451	10/09/2021	51C54891	Thuận An	Hà Nội	7998	Sản phẩm chế biến	156	kg	Thực phẩm
1452	10/09/2021	92C-05931	Dĩ An	Hà Nội	9764	Sản phẩm chế biến	13	kg	Thực phẩm
1453	10/09/2021	92C-05931	Dĩ An	Hà Nội	9765	Sản phẩm chế biến	30	kg	Thực phẩm
1454	10/09/2021	50H-01519	Dĩ An	Hà Nội	9761	Sản phẩm đông lạnh	5878,01	kg	Thực phẩm
1455	10/09/2021	50LD08772	Dĩ An	Hà Nội	10831	Thịt Bò đông lạnh	200	kg	Thực phẩm
1456	10/09/2021	50LD15608	Thuận An	Hà Nội	7995	Thịt Heo đông lạnh	6000	kg	Thực phẩm
1457	10/09/2021	51C54891	Thuận An	Hải Phòng	7999	Sản phẩm chế biến	87	kg	Thực phẩm
1458	10/09/2021	61C-34753	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17330	Sản phẩm chế biến	40	kg	Thực phẩm

1459	10/09/2021	61C-34753	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17331	Sản phẩm chế biến	44	kg	Thực phẩm
1460	10/09/2021	61C-34753	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17332	Sản phẩm chế biến	92	kg	Thực phẩm
1461	10/09/2021	51C68792	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10827	Sản phẩm chế biến	424,8	kg	Thực phẩm
1462	10/09/2021	51C68792	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10828	Sản phẩm chế biến	71,2	kg	Thực phẩm
1463	10/09/2021	51C68792	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10829	Sản phẩm chế biến	23,4	kg	Thực phẩm
1464	10/09/2021	51C68792	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10830	Sản phẩm chế biến	26	kg	Thực phẩm
1465	10/09/2021	61LD-00333	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9766	Sản phẩm chế biến	290	kg	Thực phẩm
1466	10/09/2021	51D-53922	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9767	Sản phẩm chế biến	32	kg	Thực phẩm
1467	10/09/2021	51D34185	Thuận An	Hồ Chí Minh	5834	Sản phẩm chế biến	47	kg	Thực phẩm
1468	10/09/2021	MOIU0027351	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5835	Sản phẩm chế biến	204	kg	Thực phẩm
1469	10/09/2021	61C44223	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5836	Sản phẩm chế biến	357	kg	Thực phẩm
1470	10/09/2021	60H00627	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7906	Sản phẩm đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
1471	10/09/2021	60H00366	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7907	Sản phẩm đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
1472	10/09/2021	51C64364	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7908	Sản phẩm đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
1473	10/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17308	Sản phẩm đông lạnh	14	kg	Thực phẩm
1474	10/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17309	Sản phẩm đông lạnh	73	kg	Thực phẩm
1475	10/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17310	Sản phẩm đông lạnh	100	kg	Thực phẩm
1476	10/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17311	Sản phẩm đông lạnh	12	kg	Thực phẩm
1477	10/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17312	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
1478	10/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17313	Sản phẩm đông lạnh	75	kg	Thực phẩm
1479	10/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17314	Sản phẩm đông lạnh	75	kg	Thực phẩm
1480	10/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17315	Sản phẩm đông lạnh	24	kg	Thực phẩm
1481	10/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17316	Sản phẩm đông lạnh	36	kg	Thực phẩm
1482	10/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17318	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
1483	10/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17319	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
1484	10/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17320	Sản phẩm đông lạnh	23	kg	Thực phẩm
1485	10/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17321	Sản phẩm đông lạnh	108	kg	Thực phẩm
1486	10/09/2021	61C-39840	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17322	Sản phẩm đông lạnh	58	kg	Thực phẩm
1487	10/09/2021	61C-32150	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17328	Sản phẩm đông lạnh	1145	kg	Thực phẩm
1488	10/09/2021	51D-03893	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17329	Sản phẩm đông lạnh	444	kg	Thực phẩm
1489	10/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17333	Sản phẩm đông lạnh	1499,39	kg	Thực phẩm
1490	10/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17334	Sản phẩm đông lạnh	511,36	kg	Thực phẩm

1491	10/09/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	2087	Thịt Vịt	80	kg	Thực phẩm
1492	10/09/2021	51C70214	Dĩ An	Kiên Giang	10847	Sản phẩm chế biến	151,5	kg	Thực phẩm
1493	10/09/2021	51C70214	Dĩ An	Kiên Giang	10848	Sản phẩm chế biến	154,3	kg	Thực phẩm
1494	10/09/2021	51C70214	Dĩ An	Kiên Giang	10848	Thịt Gà đông lạnh	68	kg	Thực phẩm
1495	10/09/2021	92C-11219	Dĩ An	Kon Tum	9759	Sản phẩm chế biến	12,5	kg	Thực phẩm
1496	10/09/2021	51C56390	Dĩ An	Long An	10842	Sản phẩm chế biến	223	kg	Thực phẩm
1497	10/09/2021	51C56390	Dĩ An	Long An	10843	Sản phẩm chế biến	48,7	kg	Thực phẩm
1498	10/09/2021	51C56390	Dĩ An	Long An	10844	Sản phẩm chế biến	257	kg	Thực phẩm
1499	10/09/2021	51C56390	Dĩ An	Long An	10844	Thịt Gà đông lạnh	404,4	kg	Thực phẩm
1500	10/09/2021	51C54891	Thuận An	Quảng Ninh	8000	Sản phẩm chế biến	69	kg	Thực phẩm
1501	10/09/2021	51D08133	Dĩ An	Trà Vinh	10845	Sản phẩm chế biến	200,4	kg	Thực phẩm
1502	10/09/2021	29H-70675	Dĩ An	Trà Vinh	9755	Sản phẩm chế biến	29	kg	Thực phẩm
1503	11/09/2021	61H-01319	Dĩ An	An Giang	7321	Sản phẩm chế biến	19	kg	Thực phẩm
1504	11/09/2021	61LD-00393	Dĩ An	An Giang	7324	Sản phẩm đông lạnh	1193,22	kg	Thực phẩm
1505	11/09/2021	51C90989	Dĩ An	Bà Rịa - Vùng Tàu	10909	Sản phẩm chế biến	209,6	kg	Thực phẩm
1506	11/09/2021	51C-35880	Dĩ An	Bà Rịa - Vùng Tàu	9771	Sản phẩm đông lạnh	15000	kg	Thực phẩm
1507	11/09/2021	51C-71962	Dĩ An	Bà Rịa - Vùng Tàu	9772	Sản phẩm đông lạnh	15000	kg	Thực phẩm
1508	11/09/2021	51D-61082	Dĩ An	Bắc Ninh	7329	Sản phẩm đông lạnh	96,05	kg	Thực phẩm
1509	11/09/2021	51D34618	Dĩ An	Bình Định	25828	Sản phẩm chế biến	114,18	kg	Thực phẩm
1510	11/09/2021	61LD-00393	Dĩ An	Cần Thơ	7325	Sản phẩm đông lạnh	2251,25	kg	Thực phẩm
1511	11/09/2021	50LD15912	Thuận An	Đà Nẵng	8003	Sản phẩm chế biến	1200	kg	Thực phẩm
1512	11/09/2021	78H00373	Dĩ An	Đà Nẵng	10850	Sản phẩm chế biến	9224	kg	Thực phẩm
1513	11/09/2021	61C-34753	Tân Uyên	Đồng Nai	18013	Sản phẩm chế biến	18	kg	Thực phẩm
1514	11/09/2021	61C-34753	Tân Uyên	Đồng Nai	18014	Sản phẩm chế biến	12	kg	Thực phẩm
1515	11/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Đồng Nai	18002	Sản phẩm đông lạnh	360	kg	Thực phẩm
1516	11/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	18007	Sản phẩm đông lạnh	13,76	kg	Thực phẩm
1517	11/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	18008	Sản phẩm đông lạnh	122,5	kg	Thực phẩm
1518	11/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	18009	Sản phẩm đông lạnh	20,8	kg	Thực phẩm
1519	11/09/2021	61C-39804	Tân Uyên	Đồng Nai	18010	Sản phẩm đông lạnh	30	kg	Thực phẩm
1520	11/09/2021	63C-10048	Dĩ An	Đồng Nai	9770	Sản phẩm đông lạnh	4500	kg	Thực phẩm
1521	11/09/2021	61C46088	Thuận An	Đồng Nai	2089	Thịt Vịt	120	kg	Thực phẩm
1522	11/09/2021	29H-71661	Dĩ An	Đồng Tháp	7319	Sản phẩm chế biến	211,86	kg	Thực phẩm

1523	11/09/2021	29H-71661	Dĩ An	Đồng Tháp	7320	Sản phẩm chế biến	170,5	kg	Thực phẩm
1524	11/09/2021	51D23451	Dĩ An	Đồng Tháp	10905	Sản phẩm chế biến	97,4	kg	Thực phẩm
1525	11/09/2021	51D23451	Dĩ An	Đồng Tháp	10906	Sản phẩm chế biến	72,3	kg	Thực phẩm
1526	11/09/2021	51D23451	Dĩ An	Đồng Tháp	10905	Thịt Gà đông lạnh	147,5	kg	Thực phẩm
1527	11/09/2021	50LD15912	Thuận An	Hà Nội	8004	Sản phẩm chế biến	112	kg	Thực phẩm
1528	11/09/2021	50LD15912	Thuận An	Hà Nội	8005	Sản phẩm chế biến	335	kg	Thực phẩm
1529	11/09/2021	50LD15912	Thuận An	Hà Nội	8006	Sản phẩm chế biến	550	kg	Thực phẩm
1530	11/09/2021	61C-34753	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18012	Sản phẩm chế biến	44	kg	Thực phẩm
1531	11/09/2021	51D-54257	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7327	Sản phẩm chế biến	177,36	kg	Thực phẩm
1532	11/09/2021	50H-03377	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7328	Sản phẩm chế biến	81,65	kg	Thực phẩm
1533	11/09/2021	51D-24146	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7323	Sản phẩm đông lạnh	884,56	kg	Thực phẩm
1534	11/09/2021	61LD-00333	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7326	Sản phẩm đông lạnh	2530,35	kg	Thực phẩm
1535	11/09/2021	51D-54257	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7327	Sản phẩm đông lạnh	32,66	kg	Thực phẩm
1536	11/09/2021	50H-03377	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7328	Sản phẩm đông lạnh	177,29	kg	Thực phẩm
1537	11/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17335	Sản phẩm đông lạnh	19	kg	Thực phẩm
1538	11/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17336	Sản phẩm đông lạnh	11	kg	Thực phẩm
1539	11/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17337	Sản phẩm đông lạnh	23	kg	Thực phẩm
1540	11/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17338	Sản phẩm đông lạnh	21	kg	Thực phẩm
1541	11/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17339	Sản phẩm đông lạnh	75	kg	Thực phẩm
1542	11/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17340	Sản phẩm đông lạnh	75	kg	Thực phẩm
1543	11/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17341	Sản phẩm đông lạnh	22	kg	Thực phẩm
1544	11/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17342	Sản phẩm đông lạnh	24	kg	Thực phẩm
1545	11/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17343	Sản phẩm đông lạnh	39	kg	Thực phẩm
1546	11/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17344	Sản phẩm đông lạnh	100	kg	Thực phẩm
1547	11/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17345	Sản phẩm đông lạnh	12	kg	Thực phẩm
1548	11/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17346	Sản phẩm đông lạnh	14	kg	Thực phẩm
1549	11/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17347	Sản phẩm đông lạnh	39	kg	Thực phẩm
1550	11/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17348	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
1551	11/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17349	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
1552	11/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	17350	Sản phẩm đông lạnh	114	kg	Thực phẩm
1553	11/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18001	Sản phẩm đông lạnh	15	kg	Thực phẩm
1554	11/09/2021	61C-39840	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18003	Sản phẩm đông lạnh	128,68	kg	Thực phẩm

1555	11/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18004	Sản phẩm đông lạnh	30	kg	Thực phẩm
1556	11/09/2021	51C-13463	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18005	Sản phẩm đông lạnh	402	kg	Thực phẩm
1557	11/09/2021	61C-32150	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18006	Sản phẩm đông lạnh	1494	kg	Thực phẩm
1558	11/09/2021	61C-39804	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18011	Sản phẩm đông lạnh	48,9	kg	Thực phẩm
1559	11/09/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	2088	Thịt Vịt	100	kg	Thực phẩm
1560	11/09/2021	50LD15544	Thuận An	Hưng Yên	8002	Sản phẩm chế biến	157	kg	Thực phẩm
1561	11/09/2021	51C98337	Dĩ An	Hưng Yên	10902	Sản phẩm chế biến	16790	kg	Thực phẩm
1562	11/09/2021	51C48497	Dĩ An	Hưng Yên	10903	Sản phẩm chế biến	16820	kg	Thực phẩm
1563	11/09/2021	51D34735	Dĩ An	Khánh Hòa	25826	Sản phẩm chế biến	60,76	kg	Thực phẩm
1564	11/09/2021	51D34618	Dĩ An	Khánh Hòa	25827	Sản phẩm chế biến	117,27	kg	Thực phẩm
1565	11/09/2021	51D60696	Dĩ An	Khánh Hòa	25830	Sản phẩm chế biến	182,54	kg	Thực phẩm
1566	11/09/2021	51D60696	Dĩ An	Khánh Hòa	25831	Sản phẩm chế biến	31,5	kg	Thực phẩm
1567	11/09/2021	51D60696	Dĩ An	Khánh Hòa	25832	Sản phẩm chế biến	141,97	kg	Thực phẩm
1568	11/09/2021	51D-39358	Dĩ An	Kiên Giang	7322	Sản phẩm chế biến	89,5	kg	Thực phẩm
1569	11/09/2021	50H02051	Thuận An	Long An	8001	Sản phẩm chế biến	876	kg	Thực phẩm
1570	11/09/2021	51D34724	Dĩ An	Long An	25834	Sản phẩm chế biến	47,34	kg	Thực phẩm
1571	11/09/2021	51D34643	Dĩ An	Ninh Thuận	25825	Sản phẩm chế biến	151,29	kg	Thực phẩm
1572	11/09/2021	51D34618	Dĩ An	Phú Yên	25829	Sản phẩm chế biến	179,3	kg	Thực phẩm
1573	11/09/2021	51C55732	Dĩ An	Tây Ninh	10904	Sản phẩm chế biến	192,7	kg	Thực phẩm
1574	11/09/2021	51C70553	Dĩ An	Tây Ninh	10907	Sản phẩm chế biến	146,5	kg	Thực phẩm
1575	11/09/2021	51C70553	Dĩ An	Tây Ninh	10908	Sản phẩm chế biến	297,5	kg	Thực phẩm
1576	11/09/2021	29H37779	Dĩ An	Trà Vinh	25833	Sản phẩm chế biến	38,95	kg	Thực phẩm
1577	12/09/2021	61LD00859	Dĩ An	An Giang	25838	Sản phẩm chế biến	37,2	kg	Thực phẩm
1578	12/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Bà Rịa - Vùng Tàu	18033	Sản phẩm đông lạnh	124	kg	Thực phẩm
1579	12/09/2021	61LD00393	Dĩ An	Đồng Nai	25835	Sản phẩm chế biến	108,6	kg	Thực phẩm
1580	12/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Đồng Nai	18022	Sản phẩm đông lạnh	275	kg	Thực phẩm
1581	12/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	18032	Sản phẩm đông lạnh	5	kg	Thực phẩm
1582	12/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	18034	Sản phẩm đông lạnh	22,3	kg	Thực phẩm
1583	12/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Đồng Nai	18035	Sản phẩm đông lạnh	18,5	kg	Thực phẩm
1584	12/09/2021	61LD00393	Dĩ An	Đồng Nai	25835	Thịt đông lạnh	2071,17	kg	Thực phẩm
1585	12/09/2021	61C46088	Thuận An	Đồng Nai	2091	Thịt Vịt	60	kg	Thực phẩm
1586	12/09/2021	51D54257	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7909	Sản phẩm chế biến	304,94	kg	Thực phẩm

1587	12/09/2021	50H03377	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7910	Sản phẩm chế biến	277,61	kg	Thực phẩm
1588	12/09/2021	51D47038	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7911	Sản phẩm chế biến	228,62	kg	Thực phẩm
1589	12/09/2021	51D24146	Dĩ An	Hồ Chí Minh	25837	Sản phẩm chế biến	85,54	kg	Thực phẩm
1590	12/09/2021	51D54257	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7909	Sản phẩm đông lạnh	709,02	kg	Thực phẩm
1591	12/09/2021	50H03377	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7910	Sản phẩm đông lạnh	354,51	kg	Thực phẩm
1592	12/09/2021	51D47038	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7911	Sản phẩm đông lạnh	463,59	kg	Thực phẩm
1593	12/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18015	Sản phẩm đông lạnh	25	kg	Thực phẩm
1594	12/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18016	Sản phẩm đông lạnh	28	kg	Thực phẩm
1595	12/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18017	Sản phẩm đông lạnh	70	kg	Thực phẩm
1596	12/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18018	Sản phẩm đông lạnh	24	kg	Thực phẩm
1597	12/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18019	Sản phẩm đông lạnh	75	kg	Thực phẩm
1598	12/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18020	Sản phẩm đông lạnh	26	kg	Thực phẩm
1599	12/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18021	Sản phẩm đông lạnh	34	kg	Thực phẩm
1600	12/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18023	Sản phẩm đông lạnh	39	kg	Thực phẩm
1601	12/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18024	Sản phẩm đông lạnh	100	kg	Thực phẩm
1602	12/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18025	Sản phẩm đông lạnh	90	kg	Thực phẩm
1603	12/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18026	Sản phẩm đông lạnh	102	kg	Thực phẩm
1604	12/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18027	Sản phẩm đông lạnh	39	kg	Thực phẩm
1605	12/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18028	Sản phẩm đông lạnh	11	kg	Thực phẩm
1606	12/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18029	Sản phẩm đông lạnh	46	kg	Thực phẩm
1607	12/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18030	Sản phẩm đông lạnh	34	kg	Thực phẩm
1608	12/09/2021	61C-32414	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18031	Sản phẩm đông lạnh	1500	kg	Thực phẩm
1609	12/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18036	Sản phẩm đông lạnh	74	kg	Thực phẩm
1610	12/09/2021	51D21551	Dĩ An	Hồ Chí Minh	25840	Thịt đông lạnh	525	kg	Thực phẩm
1611	12/09/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	2090	Thịt Vịt	80	kg	Thực phẩm
1612	12/09/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	2092	Thịt Vịt	120	kg	Thực phẩm
1613	12/09/2021	50H01756	Dĩ An	Khánh Hòa	25839	Thịt đông lạnh	3141,93	kg	Thực phẩm
1614	13/09/2021	50H06846	Thuận An	An Giang	8023	Sản phẩm chế biến	280	kg	Thực phẩm
1615	13/09/2021	50H06846	Thuận An	An Giang	8024	Sản phẩm chế biến	840	kg	Thực phẩm
1616	13/09/2021	50H06846	Thuận An	An Giang	8025	Sản phẩm chế biến	840	kg	Thực phẩm
1617	13/09/2021	50H06846	Thuận An	An Giang	8026	Sản phẩm chế biến	13	kg	Thực phẩm
1618	13/09/2021	51D-34400	Dĩ An	An Giang	9776	Sản phẩm chế biến	12	kg	Thực phẩm

1619	13/09/2021	51D-34724	Dĩ An	An Giang	9777	Sản phẩm chế biến	47	kg	Thực phẩm
1620	13/09/2021	51D-34400	Dĩ An	An Giang	9776	Sản phẩm đông lạnh	10,93	kg	Thực phẩm
1621	13/09/2021	50H06846	Thuận An	An Giang	8027	Thịt Gà đông lạnh	319,5	kg	Thực phẩm
1622	13/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Bà Rịa - Vùng Tàu	18056	Sản phẩm đông lạnh	14	kg	Thực phẩm
1623	13/09/2021	50LD15605	Thuận An	Bắc Giang	8019	Sản phẩm chế biến	560	kg	Thực phẩm
1624	13/09/2021	50LD15605	Thuận An	Bắc Giang	8020	Sản phẩm chế biến	1960	kg	Thực phẩm
1625	13/09/2021	79C05843	Dĩ An	Bắc Giang	11202	Sản phẩm chế biến	278,69	kg	Thực phẩm
1626	13/09/2021	79C05843	Dĩ An	Bắc Giang	11202	Thịt đông lạnh	23,64	kg	Thực phẩm
1627	13/09/2021	51D-60533	Dĩ An	Bạc Liêu	9773	Sản phẩm chế biến	71	kg	Thực phẩm
1628	13/09/2021	50LD15605	Thuận An	Bắc Ninh	8021	Sản phẩm chế biến	840	kg	Thực phẩm
1629	13/09/2021	50LD17557	Dĩ An	Bình Định	5385	Sản phẩm chế biến	391,7	kg	Thực phẩm
1630	13/09/2021	50LD17557	Dĩ An	Bình Định	5386	Sản phẩm chế biến	35	kg	Thực phẩm
1631	13/09/2021	79H00143	Dĩ An	Bình Định	25845	Sản phẩm chế biến	278,96	kg	Thực phẩm
1632	13/09/2021	79H00143	Dĩ An	Bình Định	25845	Thịt đông lạnh	1908,22	kg	Thực phẩm
1633	13/09/2021	50LD15537	Thuận An	Cà Mau	8012	Sản phẩm chế biến	210	kg	Thực phẩm
1634	13/09/2021	50LD16874	Thuận An	Cần Thơ	8028	Sản phẩm chế biến	80	kg	Thực phẩm
1635	13/09/2021	50LD16874	Thuận An	Cần Thơ	8029	Sản phẩm chế biến	149	kg	Thực phẩm
1636	13/09/2021	50LD16874	Thuận An	Cần Thơ	8030	Sản phẩm chế biến	22	kg	Thực phẩm
1637	13/09/2021	50LD16874	Thuận An	Cần Thơ	8031	Sản phẩm chế biến	210	kg	Thực phẩm
1638	13/09/2021	61C44148	Dĩ An	Cần Thơ	5376	Thịt Gà	567,8	kg	Thực phẩm
1639	13/09/2021	50LD15626	Thuận An	Đà Nẵng	8032	Sản phẩm chế biến	170	kg	Thực phẩm
1640	13/09/2021	79C05843	Dĩ An	Đà Nẵng	11210	Sản phẩm chế biến	76	kg	Thực phẩm
1641	13/09/2021	72C08853	Dĩ An	Đà Nẵng	11211	Sản phẩm chế biến	2023,5	kg	Thực phẩm
1642	13/09/2021	79C05843	Dĩ An	Đà Nẵng	11210	Thịt đông lạnh	1440	kg	Thực phẩm
1643	13/09/2021	51D-60804	Dĩ An	Đak Lak	9774	Sản phẩm chế biến	230,92	kg	Thực phẩm
1644	13/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Đồng Nai	18047	Sản phẩm đông lạnh	280	kg	Thực phẩm
1645	13/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Đồng Nai	18051	Sản phẩm đông lạnh	60	kg	Thực phẩm
1646	13/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Đồng Nai	18052	Sản phẩm đông lạnh	60	kg	Thực phẩm
1647	13/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	18055	Sản phẩm đông lạnh	10,78	kg	Thực phẩm
1648	13/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	18057	Sản phẩm đông lạnh	146	kg	Thực phẩm
1649	13/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	18058	Sản phẩm đông lạnh	26,9	kg	Thực phẩm
1650	13/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	18059	Sản phẩm đông lạnh	9	kg	Thực phẩm

1651	13/09/2021	61C46088	Thuận An	Đồng Nai	2094	Thịt Vịt	80	kg	Thực phẩm
1652	13/09/2021	50LD15605	Thuận An	Hà Nội	8018	Sản phẩm chế biến	1680	kg	Thực phẩm
1653	13/09/2021	51D33721	Thuận An	Hà Nội	8034	Sản phẩm chế biến	10,25	kg	Thực phẩm
1654	13/09/2021	51D33721	Thuận An	Hà Nội	8035	Sản phẩm chế biến	24,49	kg	Thực phẩm
1655	13/09/2021	51D33721	Thuận An	Hà Nội	8036	Sản phẩm chế biến	22	kg	Thực phẩm
1656	13/09/2021	51D33721	Thuận An	Hà Nội	8037	Sản phẩm chế biến	35	kg	Thực phẩm
1657	13/09/2021	51D33721	Thuận An	Hà Nội	8038	Sản phẩm chế biến	23	kg	Thực phẩm
1658	13/09/2021	51D33721	Thuận An	Hà Nội	8039	Sản phẩm chế biến	312	kg	Thực phẩm
1659	13/09/2021	51D33721	Thuận An	Hà Nội	8040	Sản phẩm chế biến	565	kg	Thực phẩm
1660	13/09/2021	51D33721	Thuận An	Hà Nội	8041	Sản phẩm chế biến	21	kg	Thực phẩm
1661	13/09/2021	51D33721	Thuận An	Hà Nội	8042	Sản phẩm chế biến	111	kg	Thực phẩm
1662	13/09/2021	79C05843	Dĩ An	Hà Nội	11204	Sản phẩm chế biến	85	kg	Thực phẩm
1663	13/09/2021	79C05843	Dĩ An	Hà Nội	11206	Sản phẩm chế biến	97,75	kg	Thực phẩm
1664	13/09/2021	79C05843	Dĩ An	Hà Nội	11207	Sản phẩm chế biến	225,5	kg	Thực phẩm
1665	13/09/2021	79C05843	Dĩ An	Hà Nội	11209	Sản phẩm chế biến	787,62	kg	Thực phẩm
1666	13/09/2021	50LD15605	Thuận An	Hà Tĩnh	8013	Sản phẩm chế biến	770	kg	Thực phẩm
1667	13/09/2021	51D33721	Thuận An	Hà Tĩnh	8044	Sản phẩm chế biến	539	kg	Thực phẩm
1668	13/09/2021	51C98337	Dĩ An	Hải Dương	5391	Sản phẩm chế biến	14800	kg	Thực phẩm
1669	13/09/2021	79H00143	Dĩ An	Hải Dương	25846	Sản phẩm chế biến	176,1	kg	Thực phẩm
1670	13/09/2021	79H00143	Dĩ An	Hải Dương	25846	Thịt đông lạnh	18,68	kg	Thực phẩm
1671	13/09/2021	50LD15605	Thuận An	Hải Phòng	8015	Sản phẩm chế biến	1260	kg	Thực phẩm
1672	13/09/2021	50LD15605	Thuận An	Hải Phòng	8016	Sản phẩm chế biến	980	kg	Thực phẩm
1673	13/09/2021	51D33721	Thuận An	Hải Phòng	8033	Sản phẩm chế biến	179,96	kg	Thực phẩm
1674	13/09/2021	79H00143	Dĩ An	Hải Phòng	25847	Sản phẩm chế biến	559,41	kg	Thực phẩm
1675	13/09/2021	79H00143	Dĩ An	Hải Phòng	25847	Thịt đông lạnh	22,42	kg	Thực phẩm
1676	13/09/2021	61C-34753	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18060	Sản phẩm chế biến	40	kg	Thực phẩm
1677	13/09/2021	51D34185	Thuận An	Hồ Chí Minh	5837	Sản phẩm chế biến	16	kg	Thực phẩm
1678	13/09/2021	51C-64364	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7330	Sản phẩm đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
1679	13/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18037	Sản phẩm đông lạnh	32	kg	Thực phẩm
1680	13/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18038	Sản phẩm đông lạnh	23	kg	Thực phẩm
1681	13/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18039	Sản phẩm đông lạnh	75	kg	Thực phẩm
1682	13/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18040	Sản phẩm đông lạnh	70	kg	Thực phẩm

1683	13/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18041	Sản phẩm đông lạnh	48	kg	Thực phẩm
1684	13/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18042	Sản phẩm đông lạnh	40	kg	Thực phẩm
1685	13/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18043	Sản phẩm đông lạnh	30	kg	Thực phẩm
1686	13/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18044	Sản phẩm đông lạnh	30	kg	Thực phẩm
1687	13/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18045	Sản phẩm đông lạnh	100	kg	Thực phẩm
1688	13/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18046	Sản phẩm đông lạnh	87	kg	Thực phẩm
1689	13/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18048	Sản phẩm đông lạnh	12	kg	Thực phẩm
1690	13/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18049	Sản phẩm đông lạnh	40	kg	Thực phẩm
1691	13/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18050	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
1692	13/09/2021	61C-39840	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18053	Sản phẩm đông lạnh	83	kg	Thực phẩm
1693	13/09/2021	61C-32481	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18054	Sản phẩm đông lạnh	1569	kg	Thực phẩm
1694	13/09/2021	60H00366	Dĩ An	Hồ Chí Minh	25841	Thịt đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
1695	13/09/2021	51C64364	Dĩ An	Hồ Chí Minh	25843	Thịt đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
1696	13/09/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	2093	Thịt Vịt	60	kg	Thực phẩm
1697	13/09/2021	51C91198	Dĩ An	Hưng Yên	5389	Sản phẩm chế biến	17882	kg	Thực phẩm
1698	13/09/2021	51C39003	Dĩ An	Hưng Yên	5390	Sản phẩm chế biến	17670	kg	Thực phẩm
1699	13/09/2021	79C06592	Dĩ An	Lâm Đồng	25850	Sản phẩm chế biến	516,3	kg	Thực phẩm
1700	13/09/2021	79C06592	Dĩ An	Lâm Đồng	25850	Thịt đông lạnh	677	kg	Thực phẩm
1701	13/09/2021	50H02051	Thuận An	Long An	8007	Sản phẩm chế biến	1176	kg	Thực phẩm
1702	13/09/2021	93H00767	Dĩ An	Long An	25842	Thịt đông lạnh	915	kg	Thực phẩm
1703	13/09/2021	50LD15605	Thuận An	Nam Định	8022	Sản phẩm chế biến	1750	kg	Thực phẩm
1704	13/09/2021	79H00143	Dĩ An	Nam Định	25849	Sản phẩm chế biến	12	kg	Thực phẩm
1705	13/09/2021	63C09291	Dĩ An	Nghệ An	5392	Sản phẩm chế biến	14570	kg	Thực phẩm
1706	13/09/2021	51D33721	Thuận An	Nghệ An	8043	Sản phẩm chế biến	57	kg	Thực phẩm
1707	13/09/2021	50LD15605	Thuận An	Phú Thọ	8017	Sản phẩm chế biến	1148	kg	Thực phẩm
1708	13/09/2021	50LD17557	Dĩ An	Phú Yên	5384	Sản phẩm chế biến	735	kg	Thực phẩm
1709	13/09/2021	50LD17641	Dĩ An	Quảng Bình	5378	Sản phẩm chế biến	468,5	kg	Thực phẩm
1710	13/09/2021	50LD17641	Dĩ An	Quảng Bình	5381	Sản phẩm chế biến	249,3	kg	Thực phẩm
1711	13/09/2021	50LD17641	Dĩ An	Quảng Bình	5382	Thịt đông lạnh	629	kg	Thực phẩm
1712	13/09/2021	79H00143	Dĩ An	Quảng Nam	25844	Sản phẩm chế biến	197,5	kg	Thực phẩm
1713	13/09/2021	79H00143	Dĩ An	Quảng Nam	25844	Thịt đông lạnh	394,2	kg	Thực phẩm
1714	13/09/2021	50LD17641	Dĩ An	Quảng Ngãi	5377	Sản phẩm chế biến	570,2	kg	Thực phẩm

1715	13/09/2021	50LD17557	Dĩ An	Quảng Ngãi	5387	Sản phẩm chế biến	245	kg	Thực phẩm
1716	13/09/2021	79C05843	Dĩ An	Quảng Ngãi	11203	Sản phẩm chế biến	267,68	kg	Thực phẩm
1717	13/09/2021	50LD17641	Dĩ An	Quảng Ngãi	5383	Thịt đông lạnh	574,3	kg	Thực phẩm
1718	13/09/2021	50LD17557	Dĩ An	Quảng Ngãi	5388	Thịt đông lạnh	175,1	kg	Thực phẩm
1719	13/09/2021	79C05843	Dĩ An	Quảng Ngãi	11203	Thịt đông lạnh	350,4	kg	Thực phẩm
1720	13/09/2021	79H00143	Dĩ An	Quảng Ninh	25848	Sản phẩm chế biến	204,6	kg	Thực phẩm
1721	13/09/2021	50LD17641	Dĩ An	Quảng Trị	5379	Sản phẩm chế biến	119,5	kg	Thực phẩm
1722	13/09/2021	50LD17641	Dĩ An	Quảng Trị	5380	Sản phẩm chế biến	77,5	kg	Thực phẩm
1723	13/09/2021	50LD15537	Thuận An	Sóc Trăng	8008	Sản phẩm chế biến	360	kg	Thực phẩm
1724	13/09/2021	50LD15537	Thuận An	Sóc Trăng	8009	Sản phẩm chế biến	1890	kg	Thực phẩm
1725	13/09/2021	50LD15537	Thuận An	Sóc Trăng	8010	Sản phẩm chế biến	140	kg	Thực phẩm
1726	13/09/2021	50LD15537	Thuận An	Sóc Trăng	8011	Sản phẩm chế biến	280	kg	Thực phẩm
1727	13/09/2021	50LD15605	Thuận An	Thái Nguyên	8014	Sản phẩm chế biến	980	kg	Thực phẩm
1728	13/09/2021	79C05843	Dĩ An	Thái Nguyên	11208	Sản phẩm chế biến	160,5	kg	Thực phẩm
1729	13/09/2021	79C05843	Dĩ An	Thừa Thiên - Huế	11205	Sản phẩm chế biến	311,54	kg	Thực phẩm
1730	13/09/2021	79C05843	Dĩ An	Vĩnh Phúc	11201	Sản phẩm chế biến	53,7	kg	Thực phẩm
1731	13/09/2021	79C05843	Dĩ An	Vĩnh Phúc	11201	Thịt đông lạnh	29,2	kg	Thực phẩm
1732	14/09/2021	61LD-00859	Dĩ An	An Giang	9789	Sản phẩm chế biến	24	kg	Thực phẩm
1733	14/09/2021	61H-01319	Dĩ An	An Giang	9794	Sản phẩm chế biến	80	kg	Thực phẩm
1734	14/09/2021	61LD-00393	Dĩ An	Bà Rịa - Vùng Tàu	9796	Sản phẩm chế biến	70	kg	Thực phẩm
1735	14/09/2021	51C61426	Dĩ An	Bà Rịa - Vùng Tàu	7921	Sản phẩm đông lạnh	14000	kg	Thực phẩm
1736	14/09/2021	51C46130	Dĩ An	Bà Rịa - Vùng Tàu	7946	Sản phẩm đông lạnh	10137,5	kg	Thực phẩm
1737	14/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Bà Rịa - Vùng Tàu	18077	Sản phẩm đông lạnh	10	kg	Thực phẩm
1738	14/09/2021	61LD-00393	Dĩ An	Bà Rịa - Vùng Tàu	9796	Sản phẩm đông lạnh	1504,35	kg	Thực phẩm
1739	14/09/2021	79C10678	Dĩ An	Bắc Giang	7937	Sản phẩm chế biến	309,7	kg	Thực phẩm
1740	14/09/2021	79C-16790	Dĩ An	Bắc Ninh	7335	Sản phẩm đông lạnh	258,8	kg	Thực phẩm
1741	14/09/2021	79C16790	Dĩ An	Bến Tre	7923	Sản phẩm chế biến	220,5	kg	Thực phẩm
1742	14/09/2021	79C17533	Dĩ An	Bình Định	7927	Sản phẩm chế biến	350,7	kg	Thực phẩm
1743	14/09/2021	51D-60941	Dĩ An	Bình Định	7333	Sản phẩm chế biến	146,92	kg	Thực phẩm
1744	14/09/2021	51D-60941	Dĩ An	Bình Định	7333	Sản phẩm đông lạnh	73	kg	Thực phẩm
1745	14/09/2021	61C-38642	Dĩ An	Bình Định	7339	Sản phẩm đông lạnh	1375,82	kg	Thực phẩm
1746	14/09/2021	51D49047	Dĩ An	Bình Thuận	5401	Sản phẩm chế biến	528	kg	Thực phẩm

1747	14/09/2021	51D30546	Thuận An	Bình Thuận	8048	Sản phẩm chế biến	26	kg	Thực phẩm
1748	14/09/2021	51D49047	Dĩ An	Bình Thuận	5405	Thịt đông lạnh	285	kg	Thực phẩm
1749	14/09/2021	29H-37317	Dĩ An	Cần Thơ	9784	Sản phẩm chế biến	100,81	kg	Thực phẩm
1750	14/09/2021	29H-37317	Dĩ An	Cần Thơ	9785	Sản phẩm chế biến	53,66	kg	Thực phẩm
1751	14/09/2021	29H-37317	Dĩ An	Cần Thơ	9786	Sản phẩm chế biến	15,16	kg	Thực phẩm
1752	14/09/2021	92C-14917	Dĩ An	Cần Thơ	9788	Sản phẩm chế biến	14,5	kg	Thực phẩm
1753	14/09/2021	61H-01319	Dĩ An	Cần Thơ	9793	Sản phẩm chế biến	104	kg	Thực phẩm
1754	14/09/2021	29H-37317	Dĩ An	Cần Thơ	9784	Sản phẩm đông lạnh	16	kg	Thực phẩm
1755	14/09/2021	29H-37317	Dĩ An	Cần Thơ	9786	Sản phẩm đông lạnh	12	kg	Thực phẩm
1756	14/09/2021	61H-01319	Dĩ An	Cần Thơ	9793	Sản phẩm đông lạnh	3139,02	kg	Thực phẩm
1757	14/09/2021	43C-12622	Dĩ An	Đà Nẵng	9791	Sản phẩm chế biến	13	kg	Thực phẩm
1758	14/09/2021	92C-12260	Dĩ An	Đà Nẵng	9797	Sản phẩm đông lạnh	849,01	kg	Thực phẩm
1759	14/09/2021	51C-35011	Dĩ An	Đak Lak	9795	Sản phẩm chế biến	48	kg	Thực phẩm
1760	14/09/2021	61LD-00906	Dĩ An	Đồng Nai	9787	Sản phẩm chế biến	358,5	kg	Thực phẩm
1761	14/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Đồng Nai	18069	Sản phẩm đông lạnh	340	kg	Thực phẩm
1762	14/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Đồng Nai	18073	Sản phẩm đông lạnh	31,7	kg	Thực phẩm
1763	14/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	18078	Sản phẩm đông lạnh	193	kg	Thực phẩm
1764	14/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	18079	Sản phẩm đông lạnh	14,6	kg	Thực phẩm
1765	14/09/2021	61C46088	Thuận An	Đồng Nai	2098	Thịt Vịt	120	kg	Thực phẩm
1766	14/09/2021	29H-32222	Dĩ An	Đồng Tháp	9782	Sản phẩm chế biến	137,5	kg	Thực phẩm
1767	14/09/2021	29H-32222	Dĩ An	Đồng Tháp	9783	Sản phẩm chế biến	226,15	kg	Thực phẩm
1768	14/09/2021	29H-71661	Dĩ An	Đồng Tháp	9778	Sản phẩm đông lạnh	37	kg	Thực phẩm
1769	14/09/2021	29H-71661	Dĩ An	Đồng Tháp	9779	Sản phẩm đông lạnh	12	kg	Thực phẩm
1770	14/09/2021	79C10678	Dĩ An	Hà Nội	7938	Sản phẩm chế biến	66,6	kg	Thực phẩm
1771	14/09/2021	79C10678	Dĩ An	Hà Nội	7939	Sản phẩm chế biến	172,1	kg	Thực phẩm
1772	14/09/2021	79C10678	Dĩ An	Hà Nội	7940	Sản phẩm chế biến	529,6	kg	Thực phẩm
1773	14/09/2021	79C10678	Dĩ An	Hà Nội	7941	Sản phẩm chế biến	243	kg	Thực phẩm
1774	14/09/2021	79C10678	Dĩ An	Hà Nội	7942	Sản phẩm chế biến	205,2	kg	Thực phẩm
1775	14/09/2021	79C16790	Dĩ An	Hà Nội	7945	Sản phẩm chế biến	1130,1	kg	Thực phẩm
1776	14/09/2021	92C-12260	Dĩ An	Hà Nội	9798	Sản phẩm chế biến	130	kg	Thực phẩm
1777	14/09/2021	92C-12260	Dĩ An	Hà Nội	9799	Sản phẩm chế biến	473,94	kg	Thực phẩm
1778	14/09/2021	51D62212	Dĩ An	Hà Nội	7917	Sản phẩm đông lạnh	25510	kg	Thực phẩm

1779	14/09/2021	79C10678	Dĩ An	Hà Nội	7944	Sản phẩm đông lạnh	646,8	kg	Thực phẩm
1780	14/09/2021	92C14917	Dĩ An	Hà Nội	5406	Thịt đông lạnh	336	kg	Thực phẩm
1781	14/09/2021	79C10678	Dĩ An	Hải Dương	7932	Sản phẩm chế biến	181,2	kg	Thực phẩm
1782	14/09/2021	79C10678	Dĩ An	Hải Phòng	7931	Sản phẩm chế biến	464,55	kg	Thực phẩm
1783	14/09/2021	29H-71538	Dĩ An	Hậu Giang	9780	Sản phẩm chế biến	39	kg	Thực phẩm
1784	14/09/2021	29H-71538	Dĩ An	Hậu Giang	9780	Sản phẩm đông lạnh	75	kg	Thực phẩm
1785	14/09/2021	51C71112	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5393	Sản phẩm chế biến	115,2	kg	Thực phẩm
1786	14/09/2021	51C71112	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5394	Sản phẩm chế biến	24,3	kg	Thực phẩm
1787	14/09/2021	51C71112	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5395	Sản phẩm chế biến	67,6	kg	Thực phẩm
1788	14/09/2021	51C71112	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5396	Sản phẩm chế biến	88,4	kg	Thực phẩm
1789	14/09/2021	51C68857	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5397	Sản phẩm chế biến	76,8	kg	Thực phẩm
1790	14/09/2021	51C68857	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5398	Sản phẩm chế biến	103,92	kg	Thực phẩm
1791	14/09/2021	51C68857	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5399	Sản phẩm chế biến	31,2	kg	Thực phẩm
1792	14/09/2021	51D54257	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7914	Sản phẩm chế biến	11	kg	Thực phẩm
1793	14/09/2021	51D36941	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7915	Sản phẩm chế biến	97,98	kg	Thực phẩm
1794	14/09/2021	51D47038	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7916	Sản phẩm chế biến	206,96	kg	Thực phẩm
1795	14/09/2021	61LD-00333	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9790	Sản phẩm chế biến	158	kg	Thực phẩm
1796	14/09/2021	61C-38642	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9792	Sản phẩm chế biến	178	kg	Thực phẩm
1797	14/09/2021	51C05871	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7912	Sản phẩm đông lạnh	8020	kg	Thực phẩm
1798	14/09/2021	60H00627	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7913	Sản phẩm đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
1799	14/09/2021	51D54257	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7914	Sản phẩm đông lạnh	163,69	kg	Thực phẩm
1800	14/09/2021	51D36941	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7915	Sản phẩm đông lạnh	150,16	kg	Thực phẩm
1801	14/09/2021	51D47038	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7916	Sản phẩm đông lạnh	490,97	kg	Thực phẩm
1802	14/09/2021	60C12596	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7918	Sản phẩm đông lạnh	66,45	kg	Thực phẩm
1803	14/09/2021	60H00366	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7919	Sản phẩm đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
1804	14/09/2021	51C64364	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7920	Sản phẩm đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
1805	14/09/2021	60C38127	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7922	Sản phẩm đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
1806	14/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18061	Sản phẩm đông lạnh	61	kg	Thực phẩm
1807	14/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18062	Sản phẩm đông lạnh	80	kg	Thực phẩm
1808	14/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18063	Sản phẩm đông lạnh	80	kg	Thực phẩm
1809	14/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18064	Sản phẩm đông lạnh	18	kg	Thực phẩm
1810	14/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18065	Sản phẩm đông lạnh	40	kg	Thực phẩm

1811	14/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18066	Sản phẩm đông lạnh	17	kg	Thực phẩm
1812	14/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18067	Sản phẩm đông lạnh	100	kg	Thực phẩm
1813	14/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18068	Sản phẩm đông lạnh	62	kg	Thực phẩm
1814	14/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18070	Sản phẩm đông lạnh	80	kg	Thực phẩm
1815	14/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18071	Sản phẩm đông lạnh	89	kg	Thực phẩm
1816	14/09/2021	61C-39840	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18072	Sản phẩm đông lạnh	74	kg	Thực phẩm
1817	14/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18074	Sản phẩm đông lạnh	38	kg	Thực phẩm
1818	14/09/2021	61C-32150	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18075	Sản phẩm đông lạnh	1500	kg	Thực phẩm
1819	14/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18076	Sản phẩm đông lạnh	920,18	kg	Thực phẩm
1820	14/09/2021	60C12596	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7918	Sản phẩm ướp lạnh	33,28	kg	Thực phẩm
1821	14/09/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	2095	Thịt Vịt	120	kg	Thực phẩm
1822	14/09/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	2096	Thịt Vịt	80	kg	Thực phẩm
1823	14/09/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	2097	Thịt Vịt	200	kg	Thực phẩm
1824	14/09/2021	50LD15713	Thuận An	Hưng Yên	8055	Sản phẩm chế biến	1101,45	kg	Thực phẩm
1825	14/09/2021	51D49047	Dĩ An	Khánh Hòa	5402	Sản phẩm chế biến	78,7	kg	Thực phẩm
1826	14/09/2021	50LD15691	Thuận An	Khánh Hòa	8047	Sản phẩm chế biến	351	kg	Thực phẩm
1827	14/09/2021	51D30546	Thuận An	Khánh Hòa	8049	Sản phẩm chế biến	28	kg	Thực phẩm
1828	14/09/2021	51D30546	Thuận An	Khánh Hòa	8050	Sản phẩm chế biến	28	kg	Thực phẩm
1829	14/09/2021	51D30546	Thuận An	Khánh Hòa	8051	Sản phẩm chế biến	44	kg	Thực phẩm
1830	14/09/2021	51D30546	Thuận An	Khánh Hòa	8052	Sản phẩm chế biến	560	kg	Thực phẩm
1831	14/09/2021	51D30546	Thuận An	Khánh Hòa	8053	Sản phẩm chế biến	280	kg	Thực phẩm
1832	14/09/2021	51D30546	Thuận An	Khánh Hòa	8054	Sản phẩm chế biến	104	kg	Thực phẩm
1833	14/09/2021	51D-34643	Dĩ An	Khánh Hòa	7336	Sản phẩm chế biến	37	kg	Thực phẩm
1834	14/09/2021	51D-17626	Dĩ An	Khánh Hòa	7337	Sản phẩm chế biến	34,73	kg	Thực phẩm
1835	14/09/2021	51D-60696	Dĩ An	Khánh Hòa	7341	Sản phẩm chế biến	186,21	kg	Thực phẩm
1836	14/09/2021	51D-60696	Dĩ An	Khánh Hòa	7342	Sản phẩm chế biến	167,94	kg	Thực phẩm
1837	14/09/2021	51D-60916	Dĩ An	Khánh Hòa	7331	Sản phẩm ướp lạnh	88,14	kg	Thực phẩm
1838	14/09/2021	51C56390	Dĩ An	Lâm Đồng	5400	Sản phẩm chế biến	278,3	kg	Thực phẩm
1839	14/09/2021	79C17533	Dĩ An	Lâm Đồng	7926	Sản phẩm chế biến	819,2	kg	Thực phẩm
1840	14/09/2021	29H-70695	Dĩ An	Lâm Đồng	9781	Sản phẩm chế biến	154	kg	Thực phẩm
1841	14/09/2021	79C10678	Dĩ An	Nghệ An	7930	Sản phẩm chế biến	101,15	kg	Thực phẩm
1842	14/09/2021	79C10678	Dĩ An	Ninh Bình	7935	Sản phẩm chế biến	10	kg	Thực phẩm

1843	14/09/2021	51D49047	Dĩ An	Ninh Thuận	5403	Sản phẩm chế biến	49,2	kg	Thực phẩm
1844	14/09/2021	50LD15691	Thuận An	Ninh Thuận	8045	Sản phẩm chế biến	632	kg	Thực phẩm
1845	14/09/2021	50LD15691	Thuận An	Ninh Thuận	8046	Sản phẩm chế biến	299	kg	Thực phẩm
1846	14/09/2021	51D-17626	Dĩ An	Ninh Thuận	7338	Sản phẩm chế biến	220,18	kg	Thực phẩm
1847	14/09/2021	51D-30873	Dĩ An	Ninh Thuận	7340	Sản phẩm chế biến	9	kg	Thực phẩm
1848	14/09/2021	51D49047	Dĩ An	Ninh Thuận	5404	Thịt đông lạnh	238	kg	Thực phẩm
1849	14/09/2021	79C10678	Dĩ An	Phú Thọ	7934	Sản phẩm chế biến	248,8	kg	Thực phẩm
1850	14/09/2021	51D-60941	Dĩ An	Phú Yên	7332	Sản phẩm chế biến	153,93	kg	Thực phẩm
1851	14/09/2021	51D-60941	Dĩ An	Phú Yên	7332	Sản phẩm đông lạnh	14	kg	Thực phẩm
1852	14/09/2021	79C17533	Dĩ An	Quảng Nam	7928	Sản phẩm chế biến	53,8	kg	Thực phẩm
1853	14/09/2021	79C10678	Dĩ An	Quảng Ninh	7936	Sản phẩm chế biến	209,9	kg	Thực phẩm
1854	14/09/2021	51D-34711	Dĩ An	Sóc Trăng	7343	Sản phẩm chế biến	89,06	kg	Thực phẩm
1855	14/09/2021	51D-34521	Dĩ An	Sóc Trăng	7344	Sản phẩm đông lạnh	21,6	kg	Thực phẩm
1856	14/09/2021	79C10678	Dĩ An	Thái Nguyên	7943	Sản phẩm chế biến	278,4	kg	Thực phẩm
1857	14/09/2021	79C17533	Dĩ An	Thừa Thiên - Huế	7929	Sản phẩm chế biến	85	kg	Thực phẩm
1858	14/09/2021	79C16790	Dĩ An	Tiền Giang	7925	Sản phẩm chế biến	195,1	kg	Thực phẩm
1859	14/09/2021	79C16790	Dĩ An	Trà Vinh	7924	Sản phẩm chế biến	165,4	kg	Thực phẩm
1860	14/09/2021	79C10678	Dĩ An	Vĩnh Phúc	7933	Sản phẩm chế biến	88,5	kg	Thực phẩm
1861	15/09/2021	66C-05194	Dĩ An	An Giang	5691	Sản phẩm chế biến	38,4	kg	Thực phẩm
1862	15/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Bà Rịa - Vùng Tàu	18105	Sản phẩm đông lạnh	69	kg	Thực phẩm
1863	15/09/2021	51D-23447	Dĩ An	Bạc Liêu	10617	Sản phẩm chế biến	52,2	kg	Thực phẩm
1864	15/09/2021	51D-23447	Dĩ An	Bạc Liêu	10618	Sản phẩm chế biến	87,5	kg	Thực phẩm
1865	15/09/2021	51C44300	Thuận An	Bắc Ninh	8111	Sản phẩm chế biến	840	kg	Thực phẩm
1866	15/09/2021	50LD15635	Thuận An	Bình Định	8057	Sản phẩm chế biến	700	kg	Thực phẩm
1867	15/09/2021	50LD15806	Thuận An	Bình Định	8070	Sản phẩm chế biến	150	kg	Thực phẩm
1868	15/09/2021	50LD15806	Thuận An	Bình Định	8073	Sản phẩm chế biến	227	kg	Thực phẩm
1869	15/09/2021	50LD15806	Thuận An	Bình Định	8074	Sản phẩm chế biến	7	kg	Thực phẩm
1870	15/09/2021	50LD15806	Thuận An	Bình Định	8068	Thịt Gà đông lạnh	100	kg	Thực phẩm
1871	15/09/2021	50LD15806	Thuận An	Bình Định	8069	Thịt Gà đông lạnh	255	kg	Thực phẩm
1872	15/09/2021	50LD15806	Thuận An	Bình Định	8070	Thịt Gà đông lạnh	500	kg	Thực phẩm
1873	15/09/2021	50LD15806	Thuận An	Bình Định	8071	Thịt Gà đông lạnh	108	kg	Thực phẩm
1874	15/09/2021	50LD15806	Thuận An	Bình Định	8072	Thịt Gà đông lạnh	150	kg	Thực phẩm

1875	15/09/2021	79C-12639	Dĩ An	Bình Thuận	9810	Sản phẩm chế biến	18	kg	Thực phẩm
1876	15/09/2021	79C-12639	Dĩ An	Bình Thuận	9810	Sản phẩm đông lạnh	743	kg	Thực phẩm
1877	15/09/2021	51D-49319	Dĩ An	Cần Thơ	10611	Sản phẩm chế biến	256,4	kg	Thực phẩm
1878	15/09/2021	51D-49319	Dĩ An	Cần Thơ	10612	Sản phẩm chế biến	88,5	kg	Thực phẩm
1879	15/09/2021	51D-49319	Dĩ An	Cần Thơ	10613	Sản phẩm chế biến	73	kg	Thực phẩm
1880	15/09/2021	51C-67960	Thuận An	Cần Thơ	10628	Sản phẩm chế biến	5	kg	Thực phẩm
1881	15/09/2021	51D-49319	Dĩ An	Cần Thơ	10614	Thịt Gà đông lạnh	714,5	kg	Thực phẩm
1882	15/09/2021	51D-49319	Dĩ An	Cần Thơ	10615	Thịt Gà đông lạnh	15	kg	Thực phẩm
1883	15/09/2021	51D-49319	Dĩ An	Cần Thơ	10616	Thịt Gà đông lạnh	34	kg	Thực phẩm
1884	15/09/2021	51D34748	Thuận An	Đà Nẵng	8085	Sản phẩm chế biến	46	kg	Thực phẩm
1885	15/09/2021	51D34748	Thuận An	Đà Nẵng	8086	Sản phẩm chế biến	150	kg	Thực phẩm
1886	15/09/2021	51D34748	Thuận An	Đà Nẵng	8087	Sản phẩm chế biến	43,14	kg	Thực phẩm
1887	15/09/2021	51D34748	Thuận An	Đà Nẵng	8088	Sản phẩm chế biến	49,28	kg	Thực phẩm
1888	15/09/2021	51D34748	Thuận An	Đà Nẵng	8089	Sản phẩm chế biến	644	kg	Thực phẩm
1889	15/09/2021	51D34748	Thuận An	Đà Nẵng	8090	Sản phẩm chế biến	1577	kg	Thực phẩm
1890	15/09/2021	51D34748	Thuận An	Đà Nẵng	8091	Sản phẩm chế biến	432	kg	Thực phẩm
1891	15/09/2021	51D34748	Thuận An	Đà Nẵng	8092	Sản phẩm chế biến	24	kg	Thực phẩm
1892	15/09/2021	51D34748	Thuận An	Đà Nẵng	8093	Sản phẩm chế biến	4800	kg	Thực phẩm
1893	15/09/2021	78C-04242	Dĩ An	Đà Nẵng	10620	Sản phẩm chế biến	16200	kg	Thực phẩm
1894	15/09/2021	89C-06933	Thuận An	Đà Nẵng	10629	Sản phẩm chế biến	35	kg	Thực phẩm
1895	15/09/2021	51D34748	Thuận An	Đà Nẵng	8085	Thịt Gà đông lạnh	40	kg	Thực phẩm
1896	15/09/2021	61LD-00333	Dĩ An	Đồng Nai	7347	Sản phẩm đông lạnh	1998,51	kg	Thực phẩm
1897	15/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Đồng Nai	18088	Sản phẩm đông lạnh	388	kg	Thực phẩm
1898	15/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	18104	Sản phẩm đông lạnh	5,2	kg	Thực phẩm
1899	15/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	18106	Sản phẩm đông lạnh	122,5	kg	Thực phẩm
1900	15/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	18107	Sản phẩm đông lạnh	9,55	kg	Thực phẩm
1901	15/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Đồng Nai	18108	Sản phẩm đông lạnh	46,5	kg	Thực phẩm
1902	15/09/2021	61C46088	Thuận An	Đồng Nai	2100	Thịt Vịt	80	kg	Thực phẩm
1903	15/09/2021	60c57733	Bàu Bàng	Đồng Nai	109726	trứng gà	6000	quả	ấp giống
1904	15/09/2021	60c30191	Bắc Tân Uyên	Đồng Nai	137236	Trứng giống	48600	quả	ấp nở
1905	15/09/2021	50LD15860	Thuận An	Hà Nội	8094	Sản phẩm chế biến	1330,68	kg	Thực phẩm
1906	15/09/2021	51C44300	Thuận An	Hà Nội	8105	Sản phẩm chế biến	5822	kg	Thực phẩm

1907	15/09/2021	51C44300	Thuận An	Hà Nội	8106	Sản phẩm chế biến	11	kg	Thực phẩm
1908	15/09/2021	51C44300	Thuận An	Hà Nội	8107	Sản phẩm chế biến	90	kg	Thực phẩm
1909	15/09/2021	51C44300	Thuận An	Hà Nội	8108	Sản phẩm chế biến	45	kg	Thực phẩm
1910	15/09/2021	50H05044	Dĩ An	Hà Nội	11213	Thịt đông lạnh	15000	kg	Thực phẩm
1911	15/09/2021	51C44300	Thuận An	Hà Nội	8105	Thịt Gà đông lạnh	150	kg	Thực phẩm
1912	15/09/2021	51C44300	Thuận An	Hà Tĩnh	8104	Sản phẩm chế biến	286	kg	Thực phẩm
1913	15/09/2021	51D-23451	Dĩ An	Hậu Giang	10621	Sản phẩm chế biến	104,7	kg	Thực phẩm
1914	15/09/2021	50H-01756	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7352	Sản phẩm chế biến	6	kg	Thực phẩm
1915	15/09/2021	92C-17233	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7354	Sản phẩm chế biến	9,5	kg	Thực phẩm
1916	15/09/2021	92C-17233	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7355	Sản phẩm chế biến	29	kg	Thực phẩm
1917	15/09/2021	51D-36941	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9804	Sản phẩm chế biến	65,32	kg	Thực phẩm
1918	15/09/2021	51D-47038	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9807	Sản phẩm chế biến	48,99	kg	Thực phẩm
1919	15/09/2021	51D-54257	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9808	Sản phẩm chế biến	130,64	kg	Thực phẩm
1920	15/09/2021	51C-68792	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5692	Sản phẩm chế biến	108,22	kg	Thực phẩm
1921	15/09/2021	51C-68792	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5693	Sản phẩm chế biến	230,4	kg	Thực phẩm
1922	15/09/2021	51C-68792	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5694	Sản phẩm chế biến	38,4	kg	Thực phẩm
1923	15/09/2021	51C-68792	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5695	Sản phẩm chế biến	48,8	kg	Thực phẩm
1924	15/09/2021	51C-68792	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5696	Sản phẩm chế biến	97,2	kg	Thực phẩm
1925	15/09/2021	51C-68792	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5697	Sản phẩm chế biến	38,4	kg	Thực phẩm
1926	15/09/2021	51C-68792	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5698	Sản phẩm chế biến	33,44	kg	Thực phẩm
1927	15/09/2021	51C-68792	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5699	Sản phẩm chế biến	10,4	kg	Thực phẩm
1928	15/09/2021	51C-71148	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10601	Sản phẩm chế biến	539,5	kg	Thực phẩm
1929	15/09/2021	51C-71148	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10602	Sản phẩm chế biến	113	kg	Thực phẩm
1930	15/09/2021	51C-71148	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10603	Sản phẩm chế biến	53,12	kg	Thực phẩm
1931	15/09/2021	51C-71148	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10604	Sản phẩm chế biến	76,8	kg	Thực phẩm
1932	15/09/2021	51C-71148	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10605	Sản phẩm chế biến	25,9	kg	Thực phẩm
1933	15/09/2021	51C-71148	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10606	Sản phẩm chế biến	3072	kg	Thực phẩm
1934	15/09/2021	51C-71148	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10607	Sản phẩm chế biến	181	kg	Thực phẩm
1935	15/09/2021	MOIU0027351	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5838	Sản phẩm chế biến	300	kg	Thực phẩm
1936	15/09/2021	50H03833	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5839	Sản phẩm chế biến	33	kg	Thực phẩm
1937	15/09/2021	65C09968	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5840	Sản phẩm chế biến	63	kg	Thực phẩm
1938	15/09/2021	61C40344	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5841	Sản phẩm chế biến	300	kg	Thực phẩm

1939	15/09/2021	61H01552	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5842	Sản phẩm chế biến	243	kg	Thực phẩm
1940	15/09/2021	51C63884	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5843	Sản phẩm chế biến	62	kg	Thực phẩm
1941	15/09/2021	61H-00786	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7349	Sản phẩm đông lạnh	797,87	kg	Thực phẩm
1942	15/09/2021	50H-01756	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7353	Sản phẩm đông lạnh	3802,35	kg	Thực phẩm
1943	15/09/2021	51D-16909	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7356	Sản phẩm đông lạnh	691,8	kg	Thực phẩm
1944	15/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18080	Sản phẩm đông lạnh	17	kg	Thực phẩm
1945	15/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18081	Sản phẩm đông lạnh	90	kg	Thực phẩm
1946	15/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18082	Sản phẩm đông lạnh	23	kg	Thực phẩm
1947	15/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18083	Sản phẩm đông lạnh	80	kg	Thực phẩm
1948	15/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18084	Sản phẩm đông lạnh	12	kg	Thực phẩm
1949	15/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18085	Sản phẩm đông lạnh	15	kg	Thực phẩm
1950	15/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18086	Sản phẩm đông lạnh	43	kg	Thực phẩm
1951	15/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18087	Sản phẩm đông lạnh	19	kg	Thực phẩm
1952	15/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18089	Sản phẩm đông lạnh	13	kg	Thực phẩm
1953	15/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18090	Sản phẩm đông lạnh	11	kg	Thực phẩm
1954	15/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18091	Sản phẩm đông lạnh	43	kg	Thực phẩm
1955	15/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18092	Sản phẩm đông lạnh	14	kg	Thực phẩm
1956	15/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18093	Sản phẩm đông lạnh	29	kg	Thực phẩm
1957	15/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18094	Sản phẩm đông lạnh	29	kg	Thực phẩm
1958	15/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18095	Sản phẩm đông lạnh	10	kg	Thực phẩm
1959	15/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18096	Sản phẩm đông lạnh	35	kg	Thực phẩm
1960	15/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18097	Sản phẩm đông lạnh	34	kg	Thực phẩm
1961	15/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18098	Sản phẩm đông lạnh	40	kg	Thực phẩm
1962	15/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18099	Sản phẩm đông lạnh	36	kg	Thực phẩm
1963	15/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18100	Sản phẩm đông lạnh	100	kg	Thực phẩm
1964	15/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18101	Sản phẩm đông lạnh	105	kg	Thực phẩm
1965	15/09/2021	61C-39840	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18102	Sản phẩm đông lạnh	102,51	kg	Thực phẩm
1966	15/09/2021	61C-32150	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18103	Sản phẩm đông lạnh	1640	kg	Thực phẩm
1967	15/09/2021	60H-00627	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9800	Sản phẩm đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
1968	15/09/2021	60C-12596	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9801	Sản phẩm đông lạnh	58,55	kg	Thực phẩm
1969	15/09/2021	60C-38127	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9802	Sản phẩm đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
1970	15/09/2021	60H-00366	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9803	Sản phẩm đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm

1971	15/09/2021	51D-36941	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9804	Sản phẩm đông lạnh	204,52	kg	Thực phẩm
1972	15/09/2021	51C-64364	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9806	Sản phẩm đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
1973	15/09/2021	51D-47038	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9807	Sản phẩm đông lạnh	245,43	kg	Thực phẩm
1974	15/09/2021	51D-54257	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9808	Sản phẩm đông lạnh	68,18	kg	Thực phẩm
1975	15/09/2021	60C-38127	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9809	Sản phẩm đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
1976	15/09/2021	61C-42296	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7351	Sản phẩm ướp lạnh	63	kg	Thực phẩm
1977	15/09/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	2099	Thịt Vịt	80	kg	Thực phẩm
1978	15/09/2021	51D-80747	Dĩ An	Hưng Yên	10619	Sản phẩm chế biến	16724	kg	Thực phẩm
1979	15/09/2021	51D-29015	Dĩ An	Kiên Giang	5700	Sản phẩm chế biến	150	kg	Thực phẩm
1980	15/09/2021	61LD-00859	Dĩ An	Kiên Giang	7350	Sản phẩm đông lạnh	1224,5	kg	Thực phẩm
1981	15/09/2021	51D-34684	Dĩ An	Long An	7345	Sản phẩm chế biến	18,4	kg	Thực phẩm
1982	15/09/2021	51D-34724	Dĩ An	Long An	9805	Sản phẩm chế biến	91,68	kg	Thực phẩm
1983	15/09/2021	51D-34684	Dĩ An	Long An	7345	Sản phẩm đông lạnh	34	kg	Thực phẩm
1984	15/09/2021	51C44300	Thuận An	Nghệ An	8102	Sản phẩm chế biến	700	kg	Thực phẩm
1985	15/09/2021	51C44300	Thuận An	Nghệ An	8103	Thịt Gà đông lạnh	5000	kg	Thực phẩm
1986	15/09/2021	60C55308	Dĩ An	Ninh Thuận	11212	Thịt đông lạnh	1000	kg	Thực phẩm
1987	15/09/2021	50LD15635	Thuận An	Phú Yên	8056	Sản phẩm chế biến	630	kg	Thực phẩm
1988	15/09/2021	51D34748	Thuận An	Phú Yên	8084	Sản phẩm chế biến	6	kg	Thực phẩm
1989	15/09/2021	51D34748	Thuận An	Phú Yên	8084	Thịt Gà đông lạnh	135	kg	Thực phẩm
1990	15/09/2021	51C44300	Thuận An	Quảng Bình	8096	Sản phẩm chế biến	50	kg	Thực phẩm
1991	15/09/2021	51C44300	Thuận An	Quảng Bình	8098	Sản phẩm chế biến	288	kg	Thực phẩm
1992	15/09/2021	51C44300	Thuận An	Quảng Bình	8095	Thịt Gà đông lạnh	105	kg	Thực phẩm
1993	15/09/2021	51C44300	Thuận An	Quảng Bình	8097	Thịt Gà đông lạnh	135	kg	Thực phẩm
1994	15/09/2021	50LD15635	Thuận An	Quảng Nam	8058	Sản phẩm chế biến	1736	kg	Thực phẩm
1995	15/09/2021	50LD15635	Thuận An	Quảng Nam	8059	Sản phẩm chế biến	980	kg	Thực phẩm
1996	15/09/2021	50LD15806	Thuận An	Quảng Nam	8081	Sản phẩm chế biến	64	kg	Thực phẩm
1997	15/09/2021	50LD15806	Thuận An	Quảng Nam	8082	Sản phẩm chế biến	35	kg	Thực phẩm
1998	15/09/2021	50LD15806	Thuận An	Quảng Nam	8083	Sản phẩm chế biến	234,8	kg	Thực phẩm
1999	15/09/2021	50LD15806	Thuận An	Quảng Nam	8077	Thịt Gà đông lạnh	110	kg	Thực phẩm
2000	15/09/2021	50LD15806	Thuận An	Quảng Nam	8078	Thịt Gà đông lạnh	305	kg	Thực phẩm
2001	15/09/2021	50LD15806	Thuận An	Quảng Nam	8079	Thịt Gà đông lạnh	102	kg	Thực phẩm
2002	15/09/2021	50LD15806	Thuận An	Quảng Nam	8080	Thịt Gà đông lạnh	90	kg	Thực phẩm

2003	15/09/2021	50LD15806	Thuận An	Quảng Nam	8082	Thịt Gà đông lạnh	320	kg	Thực phẩm
2004	15/09/2021	50LD15806	Thuận An	Quảng Ngãi	8075	Sản phẩm chế biến	30	kg	Thực phẩm
2005	15/09/2021	50LD15806	Thuận An	Quảng Ngãi	8075	Thịt Gà đông lạnh	55	kg	Thực phẩm
2006	15/09/2021	50LD15806	Thuận An	Quảng Ngãi	8076	Thịt Gà đông lạnh	60	kg	Thực phẩm
2007	15/09/2021	51C44300	Thuận An	Quảng Trị	8099	Sản phẩm chế biến	180	kg	Thực phẩm
2008	15/09/2021	51C44300	Thuận An	Quảng Trị	8100	Sản phẩm chế biến	420	kg	Thực phẩm
2009	15/09/2021	51C44300	Thuận An	Quảng Trị	8101	Sản phẩm chế biến	700	kg	Thực phẩm
2010	15/09/2021	51C-79740	Dĩ An	Tây Ninh	10624	Sản phẩm chế biến	180,6	kg	Thực phẩm
2011	15/09/2021	51C-79740	Dĩ An	Tây Ninh	10625	Sản phẩm chế biến	205,8	kg	Thực phẩm
2012	15/09/2021	51C-79740	Dĩ An	Tây Ninh	10626	Sản phẩm chế biến	60	kg	Thực phẩm
2013	15/09/2021	51C-79740	Dĩ An	Tây Ninh	10627	Thịt Gà đông lạnh	176	kg	Thực phẩm
2014	15/09/2021	50LD15635	Thuận An	Thừa Thiên - Huế	8064	Sản phẩm chế biến	67	kg	Thực phẩm
2015	15/09/2021	50LD15635	Thuận An	Thừa Thiên - Huế	8065	Sản phẩm chế biến	1077	kg	Thực phẩm
2016	15/09/2021	50LD15635	Thuận An	Thừa Thiên - Huế	8066	Sản phẩm chế biến	140	kg	Thực phẩm
2017	15/09/2021	50LD15635	Thuận An	Thừa Thiên - Huế	8060	Thịt Gà đông lạnh	90	kg	Thực phẩm
2018	15/09/2021	50LD15635	Thuận An	Thừa Thiên - Huế	8061	Thịt Gà đông lạnh	120	kg	Thực phẩm
2019	15/09/2021	50LD15635	Thuận An	Thừa Thiên - Huế	8062	Thịt Gà đông lạnh	90	kg	Thực phẩm
2020	15/09/2021	50LD15635	Thuận An	Thừa Thiên - Huế	8063	Thịt Gà đông lạnh	30	kg	Thực phẩm
2021	15/09/2021	50LD15635	Thuận An	Thừa Thiên - Huế	8067	Thịt Gà đông lạnh	537	kg	Thực phẩm
2022	15/09/2021	50H-06876	Dĩ An	Trà Vinh	10622	Sản phẩm chế biến	56	kg	Thực phẩm
2023	15/09/2021	50H-06876	Dĩ An	Trà Vinh	10623	Sản phẩm chế biến	220	kg	Thực phẩm
2024	15/09/2021	29H-40509	Dĩ An	Trà Vinh	7346	Sản phẩm ướp lạnh	23	kg	Thực phẩm
2025	15/09/2021	51C44300	Thuận An	Tuyên Quang	8110	Sản phẩm chế biến	910	kg	Thực phẩm
2026	15/09/2021	61C-42647	Dĩ An	Vĩnh Long	7348	Sản phẩm đông lạnh	81	kg	Thực phẩm
2027	15/09/2021	51C44300	Thuận An	Yên Bái	8109	Sản phẩm chế biến	560	kg	Thực phẩm
2028	16/09/2021	51C-70553	Dĩ An	An Giang	10642	Sản phẩm chế biến	258,3	kg	Thực phẩm
2029	16/09/2021	51C-70553	Dĩ An	An Giang	10643	Sản phẩm chế biến	57,2	kg	Thực phẩm
2030	16/09/2021	51C-70553	Dĩ An	An Giang	10644	Thịt Gà đông lạnh	71,5	kg	Thực phẩm
2031	16/09/2021	51C-78435	Dĩ An	Bà Rịa - Vùng Tàu	10648	Sản phẩm chế biến	263	kg	Thực phẩm
2032	16/09/2021	61C-39840	Tân Uyên	Bà Rịa - Vùng Tàu	18129	Sản phẩm đông lạnh	22,8	kg	Thực phẩm
2033	16/09/2021	61LD00379	Dĩ An	Bà Rịa - Vùng Tàu	11219	Thịt đông lạnh	2018,23	kg	Thực phẩm
2034	16/09/2021	51C-78435	Dĩ An	Bà Rịa - Vùng Tàu	10649	Thịt Gà đông lạnh	583,9	kg	Thực phẩm

2035	16/09/2021	50H02710	Dĩ An	Bắc Ninh	7853	Sản phẩm chế biến	752,05	kg	Thực phẩm
2036	16/09/2021	50H02710	Dĩ An	Bắc Ninh	7853	Sản phẩm đông lạnh	2864,75	kg	Thực phẩm
2037	16/09/2021	51D34618	Dĩ An	Bình Định	7857	Sản phẩm chế biến	127,96	kg	Thực phẩm
2038	16/09/2021	51D-60000	Dĩ An	Bình Định	10655	Sản phẩm chế biến	173	kg	Thực phẩm
2039	16/09/2021	50LD-17615	Dĩ An	Bình Định	10668	Sản phẩm chế biến	757,8	kg	Thực phẩm
2040	16/09/2021	51D-60000	Dĩ An	Bình Định	10658	Thịt Gà đông lạnh	80,4	kg	Thực phẩm
2041	16/09/2021	50LD-17615	Dĩ An	Bình Định	10669	Thịt Gà đông lạnh	195	kg	Thực phẩm
2042	16/09/2021	51C-63313	Thuận An	Bình Thuận	10670	Sản phẩm chế biến	166	kg	Thực phẩm
2043	16/09/2021	29H37293	Dĩ An	Cần Thơ	11214	Sản phẩm chế biến	30	kg	Thực phẩm
2044	16/09/2021	29H37293	Dĩ An	Cần Thơ	11215	Sản phẩm chế biến	103,5	kg	Thực phẩm
2045	16/09/2021	29H37293	Dĩ An	Cần Thơ	11216	Sản phẩm chế biến	126	kg	Thực phẩm
2046	16/09/2021	64C-00726	Dĩ An	Cần Thơ	10638	Sản phẩm chế biến	67	kg	Thực phẩm
2047	16/09/2021	92C12018	Dĩ An	Đà Nẵng	11220	Sản phẩm chế biến	121,9	kg	Thực phẩm
2048	16/09/2021	51D-23451	Dĩ An	Đắc Nông	10639	Sản phẩm chế biến	189,9	kg	Thực phẩm
2049	16/09/2021	50LD15982	Thuận An	Đak Lak	8117	Sản phẩm chế biến	910	kg	Thực phẩm
2050	16/09/2021	51D34643	Dĩ An	Đak Lak	7852	Sản phẩm chế biến	96,58	kg	Thực phẩm
2051	16/09/2021	51C-27052	Dĩ An	Đak Lak	10640	Sản phẩm chế biến	75,4	kg	Thực phẩm
2052	16/09/2021	51C-27052	Dĩ An	Đak Lak	10641	Sản phẩm chế biến	451,6	kg	Thực phẩm
2053	16/09/2021	51C-57563	Dĩ An	Đak Lak	10661	Sản phẩm chế biến	97	kg	Thực phẩm
2054	16/09/2021	60C-24261	Dĩ An	Đồng Nai	10637	Sản phẩm chế biến	192	kg	Thực phẩm
2055	16/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Đồng Nai	18127	Sản phẩm đông lạnh	375	kg	Thực phẩm
2056	16/09/2021	61C-39840	Tân Uyên	Đồng Nai	18128	Sản phẩm đông lạnh	17,21	kg	Thực phẩm
2057	16/09/2021	61C-39840	Tân Uyên	Đồng Nai	18130	Sản phẩm đông lạnh	8	kg	Thực phẩm
2058	16/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Đồng Nai	18131	Sản phẩm đông lạnh	17	kg	Thực phẩm
2059	16/09/2021	61C46088	Thuận An	Đồng Nai	20003	Thịt Vịt	60	kg	Thực phẩm
2060	16/09/2021	29H71661	Dĩ An	Đồng Tháp	11217	Sản phẩm chế biến	142,5	kg	Thực phẩm
2061	16/09/2021	29H71661	Dĩ An	Đồng Tháp	11218	Sản phẩm chế biến	87	kg	Thực phẩm
2062	16/09/2021	50LD15982	Thuận An	Gia Lai	8119	Sản phẩm chế biến	224	kg	Thực phẩm
2063	16/09/2021	51C-57563	Dĩ An	Gia Lai	10662	Sản phẩm chế biến	324,9	kg	Thực phẩm
2064	16/09/2021	51C-57563	Dĩ An	Gia Lai	10663	Sản phẩm chế biến	25	kg	Thực phẩm
2065	16/09/2021	51C-57563	Dĩ An	Gia Lai	10665	Thịt Gà đông lạnh	812,9	kg	Thực phẩm
2066	16/09/2021	51C-57563	Dĩ An	Gia Lai	10666	Thịt Gà đông lạnh	182,8	kg	Thực phẩm

2067	16/09/2021	51D62212	Dĩ An	Hà Nội	7947	Sản phẩm đông lạnh	16737,5	kg	Thực phẩm
2068	16/09/2021	51C-98337	Dĩ An	Hải Dương	10651	Sản phẩm chế biến	16724	kg	Thực phẩm
2069	16/09/2021	51D-54257	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7357	Sản phẩm chế biến	98,32	kg	Thực phẩm
2070	16/09/2021	51D-47038	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7359	Sản phẩm chế biến	163,3	kg	Thực phẩm
2071	16/09/2021	51D-36505	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7360	Sản phẩm chế biến	23,5	kg	Thực phẩm
2072	16/09/2021	51D-65060	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7362	Sản phẩm chế biến	338,98	kg	Thực phẩm
2073	16/09/2021	79C-17534	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7363	Sản phẩm chế biến	121	kg	Thực phẩm
2074	16/09/2021	79C-17534	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7365	Sản phẩm chế biến	52	kg	Thực phẩm
2075	16/09/2021	51C-71148	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10630	Sản phẩm chế biến	17,98	kg	Thực phẩm
2076	16/09/2021	51C-71148	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10631	Sản phẩm chế biến	58,02	kg	Thực phẩm
2077	16/09/2021	51C-71148	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10632	Sản phẩm chế biến	42,52	kg	Thực phẩm
2078	16/09/2021	51C-71148	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10633	Sản phẩm chế biến	38,54	kg	Thực phẩm
2079	16/09/2021	51C-71148	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10634	Sản phẩm chế biến	76,8	kg	Thực phẩm
2080	16/09/2021	51C-71148	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10635	Sản phẩm chế biến	128,7	kg	Thực phẩm
2081	16/09/2021	51C-71148	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10636	Sản phẩm chế biến	20,56	kg	Thực phẩm
2082	16/09/2021	51D-54257	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7357	Sản phẩm đông lạnh	204,8	kg	Thực phẩm
2083	16/09/2021	50LD-16985	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7358	Sản phẩm đông lạnh	3000	kg	Thực phẩm
2084	16/09/2021	51D-47038	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7359	Sản phẩm đông lạnh	463,62	kg	Thực phẩm
2085	16/09/2021	51D-65060	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7362	Sản phẩm đông lạnh	54,54	kg	Thực phẩm
2086	16/09/2021	79C-17534	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7363	Sản phẩm đông lạnh	740	kg	Thực phẩm
2087	16/09/2021	79C-17534	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7364	Sản phẩm đông lạnh	14600	kg	Thực phẩm
2088	16/09/2021	79C-17534	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7365	Sản phẩm đông lạnh	1130	kg	Thực phẩm
2089	16/09/2021	60H-00627	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7367	Sản phẩm đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
2090	16/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18109	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
2091	16/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18110	Sản phẩm đông lạnh	27	kg	Thực phẩm
2092	16/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18111	Sản phẩm đông lạnh	23	kg	Thực phẩm
2093	16/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18112	Sản phẩm đông lạnh	80	kg	Thực phẩm
2094	16/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18113	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
2095	16/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18114	Sản phẩm đông lạnh	90	kg	Thực phẩm
2096	16/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18115	Sản phẩm đông lạnh	12	kg	Thực phẩm
2097	16/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18116	Sản phẩm đông lạnh	11	kg	Thực phẩm
2098	16/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18117	Sản phẩm đông lạnh	11	kg	Thực phẩm

2099	16/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18118	Sản phẩm đông lạnh	11	kg	Thực phẩm
2100	16/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18119	Sản phẩm đông lạnh	31	kg	Thực phẩm
2101	16/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18120	Sản phẩm đông lạnh	33	kg	Thực phẩm
2102	16/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18121	Sản phẩm đông lạnh	43	kg	Thực phẩm
2103	16/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18122	Sản phẩm đông lạnh	100	kg	Thực phẩm
2104	16/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18123	Sản phẩm đông lạnh	30	kg	Thực phẩm
2105	16/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18124	Sản phẩm đông lạnh	36	kg	Thực phẩm
2106	16/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18125	Sản phẩm đông lạnh	36	kg	Thực phẩm
2107	16/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18126	Sản phẩm đông lạnh	88	kg	Thực phẩm
2108	16/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18132	Sản phẩm đông lạnh	48	kg	Thực phẩm
2109	16/09/2021	61C-39840	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18133	Sản phẩm đông lạnh	24,3	kg	Thực phẩm
2110	16/09/2021	61C-32150	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18134	Sản phẩm đông lạnh	1555	kg	Thực phẩm
2111	16/09/2021	61C-32417	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18135	Sản phẩm đông lạnh	1555	kg	Thực phẩm
2112	16/09/2021	57L2049	Thuận An	Hồ Chí Minh	851	thịt heo	700	kg	Thực phẩm
2113	16/09/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	20001	Thịt Vịt	60	kg	Thực phẩm
2114	16/09/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	20002	Thịt Vịt	60	kg	Thực phẩm
2115	16/09/2021	51D60916	Dĩ An	Khánh Hòa	7948	Sản phẩm chế biến	48,81	kg	Thực phẩm
2116	16/09/2021	51D34735	Dĩ An	Khánh Hòa	7950	Sản phẩm chế biến	133,28	kg	Thực phẩm
2117	16/09/2021	51D60916	Dĩ An	Khánh Hòa	7949	Sản phẩm ướp lạnh	59,73	kg	Thực phẩm
2118	16/09/2021	51D34735	Dĩ An	Khánh Hòa	7851	Sản phẩm ướp lạnh	15,5	kg	Thực phẩm
2119	16/09/2021	51D34618	Dĩ An	Khánh Hòa	7856	Sản phẩm ướp lạnh	76,9	kg	Thực phẩm
2120	16/09/2021	50LD15982	Thuận An	Kon Tum	8118	Sản phẩm chế biến	910	kg	Thực phẩm
2121	16/09/2021	51C-57563	Dĩ An	Kon Tum	10664	Sản phẩm chế biến	163,5	kg	Thực phẩm
2122	16/09/2021	50LD15637	Thuận An	Lâm Đồng	8112	Sản phẩm chế biến	980	kg	Thực phẩm
2123	16/09/2021	50LD15637	Thuận An	Lâm Đồng	8113	Sản phẩm chế biến	549,6	kg	Thực phẩm
2124	16/09/2021	50LD15637	Thuận An	Lâm Đồng	8114	Sản phẩm chế biến	283	kg	Thực phẩm
2125	16/09/2021	50LD15637	Thuận An	Lâm Đồng	8115	Sản phẩm chế biến	777	kg	Thực phẩm
2126	16/09/2021	50LD15637	Thuận An	Lâm Đồng	8116	Sản phẩm chế biến	854	kg	Thực phẩm
2127	16/09/2021	51D07771	Dĩ An	Long An	7859	Sản phẩm chế biến	59,5	kg	Thực phẩm
2128	16/09/2021	51C-34972	Dĩ An	Long An	10647	Thịt Gà đông lạnh	776	kg	Thực phẩm
2129	16/09/2021	51D-80747	Dĩ An	Nghệ An	10650	Sản phẩm chế biến	16724	kg	Thực phẩm
2130	16/09/2021	51D07924	Dĩ An	Ninh Thuận	7854	Sản phẩm ướp lạnh	169,87	kg	Thực phẩm

2131	16/09/2021	51D34618	Dĩ An	Phú Yên	7855	Sản phẩm chế biến	135,71	kg	Thực phẩm
2132	16/09/2021	50LD-17615	Dĩ An	Phú Yên	10667	Sản phẩm chế biến	515,4	kg	Thực phẩm
2133	16/09/2021	51D-60000	Dĩ An	Quảng Bình	10653	Sản phẩm chế biến	285,3	kg	Thực phẩm
2134	16/09/2021	51D-60000	Dĩ An	Quảng Bình	10657	Thịt Gà đông lạnh	747	kg	Thực phẩm
2135	16/09/2021	51D-60000	Dĩ An	Quảng Nam	10652	Sản phẩm chế biến	199,8	kg	Thực phẩm
2136	16/09/2021	51D-60000	Dĩ An	Quảng Nam	10660	Thịt Gà đông lạnh	123	kg	Thực phẩm
2137	16/09/2021	51D-60000	Dĩ An	Quảng Ngãi	10654	Sản phẩm chế biến	580,2	kg	Thực phẩm
2138	16/09/2021	51D-60000	Dĩ An	Quảng Ngãi	10659	Thịt Gà đông lạnh	667,4	kg	Thực phẩm
2139	16/09/2021	51D-60000	Dĩ An	Quảng Trị	10656	Sản phẩm chế biến	424,7	kg	Thực phẩm
2140	16/09/2021	51D34521	Dĩ An	Sóc Trăng	7858	Sản phẩm ướp lạnh	56,5	kg	Thực phẩm
2141	16/09/2021	51C-77678	Dĩ An	Tiền Giang	10645	Sản phẩm chế biến	356	kg	Thực phẩm
2142	16/09/2021	51C-77678	Dĩ An	Tiền Giang	10646	Sản phẩm chế biến	427,4	kg	Thực phẩm
2143	17/09/2021	61H01319	Dĩ An	An Giang	7869	Sản phẩm chế biến	20	kg	Thực phẩm
2144	17/09/2021	51D-34544	Dĩ An	An Giang	9816	Sản phẩm chế biến	67,46	kg	Thực phẩm
2145	17/09/2021	61H01319	Dĩ An	An Giang	7869	Sản phẩm đông lạnh	939,96	kg	Thực phẩm
2146	17/09/2021	61LD00906	Dĩ An	Bà Rịa - Vùng Tàu	7875	Sản phẩm chế biến	75	kg	Thực phẩm
2147	17/09/2021	51C16374	Dĩ An	Bà Rịa - Vùng Tàu	10923	Sản phẩm chế biến	695,4	kg	Thực phẩm
2148	17/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Bà Rịa - Vùng Tàu	18164	Sản phẩm đông lạnh	149,5	kg	Thực phẩm
2149	17/09/2021	51D-60533	Dĩ An	Bạc Liêu	9812	Sản phẩm chế biến	324,56	kg	Thực phẩm
2150	17/09/2021	50LD15915	Thuận An	Bắc Ninh	8123	Sản phẩm chế biến	361,2	kg	Thực phẩm
2151	17/09/2021	50LD15915	Thuận An	Bắc Ninh	8123	Thịt Gà đông lạnh	138	kg	Thực phẩm
2152	17/09/2021	51C56390	Dĩ An	Bến Tre	10918	Sản phẩm chế biến	262,7	kg	Thực phẩm
2153	17/09/2021	51C56390	Dĩ An	Bến Tre	10918	Thịt Gà đông lạnh	504	kg	Thực phẩm
2154	17/09/2021	43C15848	Dĩ An	Bình Định	7861	Sản phẩm đông lạnh	3470,32	kg	Thực phẩm
2155	17/09/2021	51C77678	Dĩ An	Bình Thuận	10920	Sản phẩm chế biến	256,4	kg	Thực phẩm
2156	17/09/2021	51D-30248	Dĩ An	Cà Mau	9813	Sản phẩm chế biến	120,08	kg	Thực phẩm
2157	17/09/2021	92C12392	Dĩ An	Cần Thơ	7867	Sản phẩm chế biến	257	kg	Thực phẩm
2158	17/09/2021	51C16374	Dĩ An	Cần Thơ	10924	Sản phẩm chế biến	725,8	kg	Thực phẩm
2159	17/09/2021	92C12392	Dĩ An	Cần Thơ	7867	Sản phẩm đông lạnh	3468,09	kg	Thực phẩm
2160	17/09/2021	43C15848	Dĩ An	Đà Nẵng	7862	Sản phẩm chế biến	80	kg	Thực phẩm
2161	17/09/2021	43C05864	Dĩ An	Đà Nẵng	7870	Sản phẩm chế biến	27,5	kg	Thực phẩm
2162	17/09/2021	51C72019	Dĩ An	Đà Nẵng	10925	Sản phẩm chế biến	1444	kg	Thực phẩm

2163	17/09/2021	43C15848	Dĩ An	Đà Nẵng	7862	Sản phẩm đông lạnh	844,6	kg	Thực phẩm
2164	17/09/2021	61LD00906	Dĩ An	Đồng Nai	7865	Sản phẩm chế biến	64	kg	Thực phẩm
2165	17/09/2021	61H00786	Dĩ An	Đồng Nai	7868	Sản phẩm chế biến	220	kg	Thực phẩm
2166	17/09/2021	51C-50345	Thuận An	Đồng Nai	10673	Sản phẩm chế biến	66	kg	Thực phẩm
2167	17/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Đồng Nai	18142	Sản phẩm đông lạnh	380	kg	Thực phẩm
2168	17/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Đồng Nai	18161	Sản phẩm đông lạnh	15,5	kg	Thực phẩm
2169	17/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Đồng Nai	18162	Sản phẩm đông lạnh	103	kg	Thực phẩm
2170	17/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Đồng Nai	18163	Sản phẩm đông lạnh	13,4	kg	Thực phẩm
2171	17/09/2021	61C46088	Thuận An	Đồng Nai	20005	Thịt Vịt	80	kg	Thực phẩm
2172	17/09/2021	60c22777	Bắc Tân Uyên	Đồng Nai	137237	Trứng giống	24300	quả	ấp nở
2173	17/09/2021	50LD15697	Thuận An	Hà Nội	8129	Sản phẩm chế biến	52	kg	Thực phẩm
2174	17/09/2021	50LD15697	Thuận An	Hà Nội	8130	Sản phẩm chế biến	51	kg	Thực phẩm
2175	17/09/2021	50LD15697	Thuận An	Hà Nội	8131	Sản phẩm chế biến	162	kg	Thực phẩm
2176	17/09/2021	50LD15697	Thuận An	Hà Nội	8132	Sản phẩm chế biến	260	kg	Thực phẩm
2177	17/09/2021	50LD15697	Thuận An	Hà Nội	8133	Sản phẩm chế biến	515	kg	Thực phẩm
2178	17/09/2021	51C23671	Thuận An	Hà Nội	8136	Sản phẩm chế biến	2070	kg	Thực phẩm
2179	17/09/2021	92C12191	Dĩ An	Hà Nội	7876	Sản phẩm chế biến	52,5	kg	Thực phẩm
2180	17/09/2021	92C12191	Dĩ An	Hà Nội	7877	Sản phẩm chế biến	48,5	kg	Thực phẩm
2181	17/09/2021	92C12191	Dĩ An	Hà Nội	7878	Sản phẩm chế biến	30	kg	Thực phẩm
2182	17/09/2021	50H04817	Dĩ An	Hà Tĩnh	10926	Thịt Gà đông lạnh	24600	kg	Thực phẩm
2183	17/09/2021	50H04740	Dĩ An	Hà Tĩnh	10927	Thịt Gà đông lạnh	24600	kg	Thực phẩm
2184	17/09/2021	50LD15915	Thuận An	Hải Phòng	8124	Sản phẩm chế biến	421,2	kg	Thực phẩm
2185	17/09/2021	50LD15697	Thuận An	Hải Phòng	8127	Sản phẩm chế biến	131	kg	Thực phẩm
2186	17/09/2021	50LD15915	Thuận An	Hải Phòng	8124	Thịt Gà đông lạnh	317	kg	Thực phẩm
2187	17/09/2021	61C-34753	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18165	Sản phẩm chế biến	12	kg	Thực phẩm
2188	17/09/2021	61C-34753	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18166	Sản phẩm chế biến	44	kg	Thực phẩm
2189	17/09/2021	61LD00333	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7866	Sản phẩm chế biến	11,5	kg	Thực phẩm
2190	17/09/2021	61LD00859	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7871	Sản phẩm chế biến	512	kg	Thực phẩm
2191	17/09/2021	61LD00393	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7872	Sản phẩm chế biến	255,5	kg	Thực phẩm
2192	17/09/2021	51D24023	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7873	Sản phẩm chế biến	16	kg	Thực phẩm
2193	17/09/2021	51D24146	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7874	Sản phẩm chế biến	58,5	kg	Thực phẩm
2194	17/09/2021	51D16909	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7879	Sản phẩm chế biến	20	kg	Thực phẩm

2195	17/09/2021	51D47038	Dĩ An	Hồ Chí Minh	11222	Sản phẩm chế biến	195	kg	Thực phẩm
2196	17/09/2021	51D36941	Dĩ An	Hồ Chí Minh	11223	Sản phẩm chế biến	65	kg	Thực phẩm
2197	17/09/2021	51D65060	Dĩ An	Hồ Chí Minh	11226	Sản phẩm chế biến	248,97	kg	Thực phẩm
2198	17/09/2021	51D-54257	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9814	Sản phẩm chế biến	299,88	kg	Thực phẩm
2199	17/09/2021	50H-03102	Thuận An	Hồ Chí Minh	10671	Sản phẩm chế biến	60	kg	Thực phẩm
2200	17/09/2021	50H-03368	Thuận An	Hồ Chí Minh	10672	Sản phẩm chế biến	10	kg	Thực phẩm
2201	17/09/2021	MOIU0027351	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5844	Sản phẩm chế biến	35	kg	Thực phẩm
2202	17/09/2021	61H02222	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5845	Sản phẩm chế biến	481	kg	Thực phẩm
2203	17/09/2021	61H01552	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5846	Sản phẩm chế biến	4	kg	Thực phẩm
2204	17/09/2021	61LD00859	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7871	Sản phẩm đông lạnh	1052,3	kg	Thực phẩm
2205	17/09/2021	51D16909	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7879	Sản phẩm đông lạnh	1086,82	kg	Thực phẩm
2206	17/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18136	Sản phẩm đông lạnh	12	kg	Thực phẩm
2207	17/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18137	Sản phẩm đông lạnh	41	kg	Thực phẩm
2208	17/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18138	Sản phẩm đông lạnh	36	kg	Thực phẩm
2209	17/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18139	Sản phẩm đông lạnh	750	kg	Thực phẩm
2210	17/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18140	Sản phẩm đông lạnh	17	kg	Thực phẩm
2211	17/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18141	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
2212	17/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18143	Sản phẩm đông lạnh	21	kg	Thực phẩm
2213	17/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18144	Sản phẩm đông lạnh	18	kg	Thực phẩm
2214	17/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18145	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
2215	17/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18146	Sản phẩm đông lạnh	44	kg	Thực phẩm
2216	17/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18147	Sản phẩm đông lạnh	40	kg	Thực phẩm
2217	17/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18148	Sản phẩm đông lạnh	30	kg	Thực phẩm
2218	17/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18149	Sản phẩm đông lạnh	100	kg	Thực phẩm
2219	17/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18150	Sản phẩm đông lạnh	93	kg	Thực phẩm
2220	17/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18151	Sản phẩm đông lạnh	930	kg	Thực phẩm
2221	17/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18152	Sản phẩm đông lạnh	14	kg	Thực phẩm
2222	17/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18153	Sản phẩm đông lạnh	14	kg	Thực phẩm
2223	17/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18154	Sản phẩm đông lạnh	25	kg	Thực phẩm
2224	17/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18155	Sản phẩm đông lạnh	26	kg	Thực phẩm
2225	17/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18156	Sản phẩm đông lạnh	80	kg	Thực phẩm
2226	17/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18157	Sản phẩm đông lạnh	90	kg	Thực phẩm

2227	17/09/2021	51D-49144	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18158	Sản phẩm đông lạnh	1603	kg	Thực phẩm
2228	17/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18159	Sản phẩm đông lạnh	684,5	kg	Thực phẩm
2229	17/09/2021	61C-39840	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18160	Sản phẩm đông lạnh	90	kg	Thực phẩm
2230	17/09/2021	51D-54257	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9814	Sản phẩm đông lạnh	299,97	kg	Thực phẩm
2231	17/09/2021	60H00627	Dĩ An	Hồ Chí Minh	11221	Thịt đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
2232	17/09/2021	51D47038	Dĩ An	Hồ Chí Minh	11222	Thịt đông lạnh	613	kg	Thực phẩm
2233	17/09/2021	51D36941	Dĩ An	Hồ Chí Minh	11223	Thịt đông lạnh	218	kg	Thực phẩm
2234	17/09/2021	60H00366	Dĩ An	Hồ Chí Minh	11224	Thịt đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
2235	17/09/2021	51C64364	Dĩ An	Hồ Chí Minh	11225	Thịt đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
2236	17/09/2021	51D65060	Dĩ An	Hồ Chí Minh	11226	Thịt đông lạnh	54,57	kg	Thực phẩm
2237	17/09/2021	51D65060	Dĩ An	Hồ Chí Minh	11227	Thịt đông lạnh	62,9	kg	Thực phẩm
2238	17/09/2021	51D65060	Dĩ An	Hồ Chí Minh	11227	Thịt đông lạnh	469,21	kg	Thực phẩm
2239	17/09/2021	57L2049	Thuận An	Hồ Chí Minh	852	thịt heo	700	kg	Thực phẩm
2240	17/09/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	20004	Thịt Vịt	80	kg	Thực phẩm
2241	17/09/2021	51C39003	Dĩ An	Hưng Yên	10911	Sản phẩm chế biến	16996	kg	Thực phẩm
2242	17/09/2021	51C77678	Dĩ An	Khánh Hòa	10921	Sản phẩm chế biến	97,2	kg	Thực phẩm
2243	17/09/2021	51C77678	Dĩ An	Khánh Hòa	10922	Sản phẩm chế biến	315	kg	Thực phẩm
2244	17/09/2021	43C15848	Dĩ An	Khánh Hòa	7860	Sản phẩm đông lạnh	1428,44	kg	Thực phẩm
2245	17/09/2021	61H02973	Dĩ An	Khánh Hòa	11501	Thịt đông lạnh	382	kg	Thực phẩm
2246	17/09/2021	51D18924	Dĩ An	Kiên Giang	10912	Sản phẩm chế biến	379,5	kg	Thực phẩm
2247	17/09/2021	51D18924	Dĩ An	Kiên Giang	10913	Sản phẩm chế biến	304,9	kg	Thực phẩm
2248	17/09/2021	51D-34628	Dĩ An	Kiên Giang	9815	Sản phẩm chế biến	149,21	kg	Thực phẩm
2249	17/09/2021	51D18924	Dĩ An	Kiên Giang	10912	Thịt Gà đông lạnh	60	kg	Thực phẩm
2250	17/09/2021	51D18924	Dĩ An	Kiên Giang	10913	Thịt Gà đông lạnh	304,7	kg	Thực phẩm
2251	17/09/2021	51D61961	Dĩ An	Lâm Đồng	7863	Sản phẩm chế biến	186	kg	Thực phẩm
2252	17/09/2021	51C55732	Dĩ An	Lâm Đồng	10915	Sản phẩm chế biến	215,9	kg	Thực phẩm
2253	17/09/2021	51C70214	Dĩ An	Long An	10916	Sản phẩm chế biến	18	kg	Thực phẩm
2254	17/09/2021	51C70214	Dĩ An	Long An	10917	Sản phẩm chế biến	220,8	kg	Thực phẩm
2255	17/09/2021	51C56390	Dĩ An	Long An	10919	Sản phẩm chế biến	78	kg	Thực phẩm
2256	17/09/2021	51C70214	Dĩ An	Long An	10917	Thịt Gà đông lạnh	147,4	kg	Thực phẩm
2257	17/09/2021	51C56390	Dĩ An	Long An	10919	Thịt Gà đông lạnh	507,4	kg	Thực phẩm
2258	17/09/2021	50LD15915	Thuận An	Nam Định	8126	Sản phẩm chế biến	376,8	kg	Thực phẩm

2259	17/09/2021	50LD15915	Thuận An	Nam Định	8126	Thịt Gà đông lạnh	290	kg	Thực phẩm
2260	17/09/2021	51C23671	Thuận An	Nghệ An	8135	Sản phẩm chế biến	500	kg	Thực phẩm
2261	17/09/2021	51C23671	Thuận An	Nghệ An	8134	Thịt Gà đông lạnh	3358,8	kg	Thực phẩm
2262	17/09/2021	50LD15915	Thuận An	Quảng Ninh	8125	Sản phẩm chế biến	400,8	kg	Thực phẩm
2263	17/09/2021	50LD15697	Thuận An	Quảng Ninh	8128	Sản phẩm chế biến	21	kg	Thực phẩm
2264	17/09/2021	50LD15915	Thuận An	Quảng Ninh	8125	Thịt Gà đông lạnh	206	kg	Thực phẩm
2265	17/09/2021	50H06833	Dĩ An	Sóc Trăng	10914	Sản phẩm chế biến	47,2	kg	Thực phẩm
2266	17/09/2021	50LD15570	Thuận An	Tây Ninh	8120	Sản phẩm chế biến	952	kg	Thực phẩm
2267	17/09/2021	50LD15570	Thuận An	Tây Ninh	8121	Thịt Gà đông lạnh	408	kg	Thực phẩm
2268	17/09/2021	50LD15915	Thuận An	Thái Bình	8122	Sản phẩm chế biến	1750	kg	Thực phẩm
2269	17/09/2021	60C-37524	Dĩ An	Tiền Giang	9811	Sản phẩm đông lạnh	1800	kg	Thực phẩm
2270	17/09/2021	29H71661	Dĩ An	Trà Vinh	7864	Sản phẩm chế biến	28,76	kg	Thực phẩm
2271	18/09/2021	51C89899	Dĩ An	An Giang	5409	Sản phẩm chế biến	69,2	kg	Thực phẩm
2272	18/09/2021	51C89899	Dĩ An	An Giang	5410	Sản phẩm chế biến	100,7	kg	Thực phẩm
2273	18/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Bà Rịa - Vùng Tàu	18196	Sản phẩm đông lạnh	91	kg	Thực phẩm
2274	18/09/2021	50LD15788	Thuận An	Bắc Ninh	8140	Sản phẩm chế biến	1260	kg	Thực phẩm
2275	18/09/2021	50H02249	Dĩ An	Bắc Ninh	7883	Sản phẩm đông lạnh	8,782	kg	Thực phẩm
2276	18/09/2021	51D-35011	Dĩ An	Bình Định	9824	Sản phẩm đông lạnh	2956,53	kg	Thực phẩm
2277	18/09/2021	51D-61961	Dĩ An	Cần Thơ	9819	Sản phẩm chế biến	128,5	kg	Thực phẩm
2278	18/09/2021	51D-61961	Dĩ An	Cần Thơ	9820	Sản phẩm chế biến	82,5	kg	Thực phẩm
2279	18/09/2021	51D-61961	Dĩ An	Cần Thơ	9821	Sản phẩm chế biến	78	kg	Thực phẩm
2280	18/09/2021	78C04249	Dĩ An	Đà Nẵng	5420	Sản phẩm chế biến	19200	kg	Thực phẩm
2281	18/09/2021	50H02249	Dĩ An	Đà Nẵng	7882	Sản phẩm đông lạnh	15,425	kg	Thực phẩm
2282	18/09/2021	61C-38642	Dĩ An	Đak Lak	9826	Sản phẩm chế biến	50	kg	Thực phẩm
2283	18/09/2021	61C-34753	Tân Uyên	Đồng Nai	18199	Sản phẩm chế biến	12	kg	Thực phẩm
2284	18/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Đồng Nai	18187	Sản phẩm đông lạnh	312	kg	Thực phẩm
2285	18/09/2021	61C-39840	Tân Uyên	Đồng Nai	18193	Sản phẩm đông lạnh	18	kg	Thực phẩm
2286	18/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Đồng Nai	18195	Sản phẩm đông lạnh	21,68	kg	Thực phẩm
2287	18/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Đồng Nai	18197	Sản phẩm đông lạnh	5	kg	Thực phẩm
2288	18/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Đồng Nai	18198	Sản phẩm đông lạnh	14	kg	Thực phẩm
2289	18/09/2021	61H-01319	Dĩ An	Đồng Nai	9823	Sản phẩm đông lạnh	2475,9	kg	Thực phẩm
2290	18/09/2021	61C46088	Thuận An	Đồng Nai	20007	Thịt Vịt	80	kg	Thực phẩm

2291	18/09/2021	51C56390	Dĩ An	Đồng Tháp	5427	Sản phẩm chế biến	65,7	kg	Thực phẩm
2292	18/09/2021	51C56390	Dĩ An	Đồng Tháp	5428	Sản phẩm chế biến	215,8	kg	Thực phẩm
2293	18/09/2021	29H-71661	Dĩ An	Đồng Tháp	9817	Sản phẩm chế biến	151	kg	Thực phẩm
2294	18/09/2021	29H-71661	Dĩ An	Đồng Tháp	9818	Sản phẩm chế biến	144	kg	Thực phẩm
2295	18/09/2021	51C56390	Dĩ An	Đồng Tháp	5429	Thịt đông lạnh	318,7	kg	Thực phẩm
2296	18/09/2021	50LD16071	Thuận An	Hà Nội	8142	Sản phẩm chế biến	3750	kg	Thực phẩm
2297	18/09/2021	50LD15788	Thuận An	Hà Nội	8137	Thịt Heo đông lạnh	6000	kg	Thực phẩm
2298	18/09/2021	51D-61961	Dĩ An	Hậu Giang	9822	Sản phẩm chế biến	100,25	kg	Thực phẩm
2299	18/09/2021	61C-34753	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18200	Sản phẩm chế biến	24	kg	Thực phẩm
2300	18/09/2021	61C-34753	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18201	Sản phẩm chế biến	44	kg	Thực phẩm
2301	18/09/2021	51C67735	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5411	Sản phẩm chế biến	65,52	kg	Thực phẩm
2302	18/09/2021	51C67735	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5412	Sản phẩm chế biến	153,2	kg	Thực phẩm
2303	18/09/2021	51C67735	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5413	Sản phẩm chế biến	76,8	kg	Thực phẩm
2304	18/09/2021	51C67735	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5414	Sản phẩm chế biến	79,12	kg	Thực phẩm
2305	18/09/2021	51C67735	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5415	Sản phẩm chế biến	74,8	kg	Thực phẩm
2306	18/09/2021	51C67735	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5416	Sản phẩm chế biến	31,5	kg	Thực phẩm
2307	18/09/2021	51C67735	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5417	Sản phẩm chế biến	20,8	kg	Thực phẩm
2308	18/09/2021	51C67735	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5418	Sản phẩm chế biến	72,8	kg	Thực phẩm
2309	18/09/2021	51D45813	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7881	Sản phẩm chế biến	52,4	kg	Thực phẩm
2310	18/09/2021	51D-60804	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7369	Sản phẩm chế biến	132,1	kg	Thực phẩm
2311	18/09/2021	51D-60804	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7371	Sản phẩm chế biến	340,7	kg	Thực phẩm
2312	18/09/2021	61LD-00379	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9828	Sản phẩm chế biến	847,79	kg	Thực phẩm
2313	18/09/2021	51C68337	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7880	Sản phẩm đông lạnh	235,06	kg	Thực phẩm
2314	18/09/2021	51D45813	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7881	Sản phẩm đông lạnh	227,75	kg	Thực phẩm
2315	18/09/2021	60C38127	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7884	Sản phẩm đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
2316	18/09/2021	51D-60804	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7371	Sản phẩm đông lạnh	164,87	kg	Thực phẩm
2317	18/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18167	Sản phẩm đông lạnh	13	kg	Thực phẩm
2318	18/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18168	Sản phẩm đông lạnh	15	kg	Thực phẩm
2319	18/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18169	Sản phẩm đông lạnh	13	kg	Thực phẩm
2320	18/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18170	Sản phẩm đông lạnh	16	kg	Thực phẩm
2321	18/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18171	Sản phẩm đông lạnh	28	kg	Thực phẩm
2322	18/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18172	Sản phẩm đông lạnh	600	kg	Thực phẩm

2323	18/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18173	Sản phẩm đông lạnh	46	kg	Thực phẩm
2324	18/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18174	Sản phẩm đông lạnh	22	kg	Thực phẩm
2325	18/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18175	Sản phẩm đông lạnh	13	kg	Thực phẩm
2326	18/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18176	Sản phẩm đông lạnh	52	kg	Thực phẩm
2327	18/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18177	Sản phẩm đông lạnh	33	kg	Thực phẩm
2328	18/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18178	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
2329	18/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18179	Sản phẩm đông lạnh	100	kg	Thực phẩm
2330	18/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18180	Sản phẩm đông lạnh	116	kg	Thực phẩm
2331	18/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18181	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
2332	18/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18182	Sản phẩm đông lạnh	186	kg	Thực phẩm
2333	18/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18183	Sản phẩm đông lạnh	5	kg	Thực phẩm
2334	18/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18184	Sản phẩm đông lạnh	80	kg	Thực phẩm
2335	18/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18185	Sản phẩm đông lạnh	33	kg	Thực phẩm
2336	18/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18186	Sản phẩm đông lạnh	30	kg	Thực phẩm
2337	18/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18188	Sản phẩm đông lạnh	16	kg	Thực phẩm
2338	18/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18189	Sản phẩm đông lạnh	22	kg	Thực phẩm
2339	18/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18190	Sản phẩm đông lạnh	90	kg	Thực phẩm
2340	18/09/2021	61C-39804	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18191	Sản phẩm đông lạnh	237	kg	Thực phẩm
2341	18/09/2021	51D-49144	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18192	Sản phẩm đông lạnh	1447	kg	Thực phẩm
2342	18/09/2021	61C-39840	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18194	Sản phẩm đông lạnh	56	kg	Thực phẩm
2343	18/09/2021	61C-44916	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9825	Sản phẩm đông lạnh	1433,14	kg	Thực phẩm
2344	18/09/2021	51D-60804	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7370	Sản phẩm ướp lạnh	148,88	kg	Thực phẩm
2345	18/09/2021	51D-60916	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7372	Sản phẩm ướp lạnh	41,26	kg	Thực phẩm
2346	18/09/2021	51D-60916	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7373	Sản phẩm ướp lạnh	82,11	kg	Thực phẩm
2347	18/09/2021	51D-60696	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7374	Sản phẩm ướp lạnh	34,8	kg	Thực phẩm
2348	18/09/2021	51D-60696	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7375	Sản phẩm ướp lạnh	108,56	kg	Thực phẩm
2349	18/09/2021	51D-60913	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7376	Sản phẩm ướp lạnh	203,22	kg	Thực phẩm
2350	18/09/2021	51D-07771	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7377	Sản phẩm ướp lạnh	96,38	kg	Thực phẩm
2351	18/09/2021	29H-70602	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7378	Sản phẩm ướp lạnh	1188,5	kg	Thực phẩm
2352	18/09/2021	57L2049	Thuận An	Hồ Chí Minh	853	thịt heo	800	kg	Thực phẩm
2353	18/09/2021	51C13566	Thuận An	Hồ Chí Minh	854	thịt heo	800	kg	Thực phẩm
2354	18/09/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	20006	Thịt Vịt	80	kg	Thực phẩm

2355	18/09/2021	51D80747	Dĩ An	Hưng Yên	5419	Sản phẩm chế biến	18142	kg	Thực phẩm
2356	18/09/2021	50LD16071	Thuận An	Hưng Yên	8143	Sản phẩm chế biến	1763,5	kg	Thực phẩm
2357	18/09/2021	89C-18476	Thuận An	Khánh Hòa	10674	Sản phẩm chế biến	34	kg	Thực phẩm
2358	18/09/2021	50H-01519	Dĩ An	Kiên Giang	9827	Sản phẩm chế biến	102	kg	Thực phẩm
2359	18/09/2021	50LD16071	Thuận An	Nghệ An	8141	Thịt Gà đông lạnh	3000	kg	Thực phẩm
2360	18/09/2021	50H06833	Dĩ An	Tây Ninh	5422	Sản phẩm chế biến	132	kg	Thực phẩm
2361	18/09/2021	50H06833	Dĩ An	Tây Ninh	5423	Sản phẩm chế biến	77,8	kg	Thực phẩm
2362	18/09/2021	51C90077	Dĩ An	Tây Ninh	5424	Sản phẩm chế biến	177,8	kg	Thực phẩm
2363	18/09/2021	51C90077	Dĩ An	Tây Ninh	5425	Sản phẩm chế biến	42,4	kg	Thực phẩm
2364	18/09/2021	51C90077	Dĩ An	Tây Ninh	5426	Sản phẩm chế biến	42,5	kg	Thực phẩm
2365	18/09/2021	50LD15788	Thuận An	Thái Bình	8139	Sản phẩm chế biến	1330	kg	Thực phẩm
2366	18/09/2021	51C55732	Dĩ An	Vĩnh Long	5421	Sản phẩm chế biến	200,5	kg	Thực phẩm
2367	18/09/2021	50LD15788	Thuận An	Vĩnh Phúc	8138	Sản phẩm chế biến	1260	kg	Thực phẩm
2368	19/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Bà Rịa - Vùng Tàu	18228	Sản phẩm đông lạnh	42	kg	Thực phẩm
2369	19/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Đồng Nai	18218	Sản phẩm đông lạnh	380	kg	Thực phẩm
2370	19/09/2021	61C-39804	Tân Uyên	Đồng Nai	18226	Sản phẩm đông lạnh	22	kg	Thực phẩm
2371	19/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Đồng Nai	18229	Sản phẩm đông lạnh	267	kg	Thực phẩm
2372	19/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Đồng Nai	18230	Sản phẩm đông lạnh	27,5	kg	Thực phẩm
2373	19/09/2021	61C46088	Thuận An	Đồng Nai	20011	Thịt Vịt	80	kg	Thực phẩm
2374	19/09/2021	51C-43149	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9830	Sản phẩm chế biến	244,95	kg	Thực phẩm
2375	19/09/2021	51D-54257	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9831	Sản phẩm chế biến	163,62	kg	Thực phẩm
2376	19/09/2021	51D-16909	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7379	Sản phẩm đông lạnh	379,03	kg	Thực phẩm
2377	19/09/2021	61H-03730	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7380	Sản phẩm đông lạnh	1022,98	kg	Thực phẩm
2378	19/09/2021	50H-01519	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7381	Sản phẩm đông lạnh	257	kg	Thực phẩm
2379	19/09/2021	50H-01519	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7382	Sản phẩm đông lạnh	339,93	kg	Thực phẩm
2380	19/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18202	Sản phẩm đông lạnh	27	kg	Thực phẩm
2381	19/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18203	Sản phẩm đông lạnh	34	kg	Thực phẩm
2382	19/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18204	Sản phẩm đông lạnh	36	kg	Thực phẩm
2383	19/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18205	Sản phẩm đông lạnh	32	kg	Thực phẩm
2384	19/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18206	Sản phẩm đông lạnh	13	kg	Thực phẩm
2385	19/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18207	Sản phẩm đông lạnh	90	kg	Thực phẩm
2386	19/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18208	Sản phẩm đông lạnh	80	kg	Thực phẩm

2387	19/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18209	Sản phẩm đông lạnh	16	kg	Thực phẩm
2388	19/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18210	Sản phẩm đông lạnh	18	kg	Thực phẩm
2389	19/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18211	Sản phẩm đông lạnh	13	kg	Thực phẩm
2390	19/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18212	Sản phẩm đông lạnh	80	kg	Thực phẩm
2391	19/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18213	Sản phẩm đông lạnh	47	kg	Thực phẩm
2392	19/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18214	Sản phẩm đông lạnh	18	kg	Thực phẩm
2393	19/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18215	Sản phẩm đông lạnh	19	kg	Thực phẩm
2394	19/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18216	Sản phẩm đông lạnh	43	kg	Thực phẩm
2395	19/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18217	Sản phẩm đông lạnh	16	kg	Thực phẩm
2396	19/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18219	Sản phẩm đông lạnh	52	kg	Thực phẩm
2397	19/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18220	Sản phẩm đông lạnh	13	kg	Thực phẩm
2398	19/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18221	Sản phẩm đông lạnh	15	kg	Thực phẩm
2399	19/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18222	Sản phẩm đông lạnh	30	kg	Thực phẩm
2400	19/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18223	Sản phẩm đông lạnh	100	kg	Thực phẩm
2401	19/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18224	Sản phẩm đông lạnh	167	kg	Thực phẩm
2402	19/09/2021	61C-39840	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18225	Sản phẩm đông lạnh	93	kg	Thực phẩm
2403	19/09/2021	51D-49144	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18227	Sản phẩm đông lạnh	1422	kg	Thực phẩm
2404	19/09/2021	60H-00627	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9829	Sản phẩm đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
2405	19/09/2021	51C-43149	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9830	Sản phẩm đông lạnh	272,7	kg	Thực phẩm
2406	19/09/2021	51D-54257	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9831	Sản phẩm đông lạnh	1034,92	kg	Thực phẩm
2407	19/09/2021	51C14943	Thuận An	Hồ Chí Minh	855	thịt heo	700	kg	Thực phẩm
2408	19/09/2021	51C13566	Thuận An	Hồ Chí Minh	856	thịt heo	700	kg	Thực phẩm
2409	19/09/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	20008	Thịt Vịt	80	kg	Thực phẩm
2410	19/09/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	20009	Thịt Vịt	60	kg	Thực phẩm
2411	19/09/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	20010	Thịt Vịt	60	kg	Thực phẩm
2412	20/09/2021	50H06846	Thuận An	An Giang	8149	Sản phẩm chế biến	280	kg	Thực phẩm
2413	20/09/2021	50H06846	Thuận An	An Giang	8150	Sản phẩm chế biến	280	kg	Thực phẩm
2414	20/09/2021	51D34400	Dĩ An	An Giang	7891	Sản phẩm chế biến	11,02	kg	Thực phẩm
2415	20/09/2021	51D34719	Dĩ An	An Giang	7892	Sản phẩm chế biến	134,63	kg	Thực phẩm
2416	20/09/2021	51D34400	Dĩ An	An Giang	7891	Sản phẩm đông lạnh	23,5	kg	Thực phẩm
2417	20/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Bà Rịa - Vùng Tàu	20054	Sản phẩm đông lạnh	36	kg	Thực phẩm
2418	20/09/2021	50LD15758	Thuận An	Bắc Giang	8154	Sản phẩm chế biến	705	kg	Thực phẩm

2419	20/09/2021	51D60856	Dĩ An	Bạc Liêu	7889	Sản phẩm chế biến	225,13	kg	Thực phẩm
2420	20/09/2021	51D60856	Dĩ An	Bạc Liêu	7889	Sản phẩm đông lạnh	65	kg	Thực phẩm
2421	20/09/2021	79C-16010	Dĩ An	Bến Tre	7395	Sản phẩm chế biến	304,96	kg	Thực phẩm
2422	20/09/2021	79C-16010	Dĩ An	Bến Tre	7395	Sản phẩm đông lạnh	48,44	kg	Thực phẩm
2423	20/09/2021	79C-14846	Dĩ An	Bình Định	7399	Sản phẩm chế biến	324,37	kg	Thực phẩm
2424	20/09/2021	79C-14846	Dĩ An	Bình Định	7399	Sản phẩm đông lạnh	1657,48	kg	Thực phẩm
2425	20/09/2021	51D36362	Thuận An	Cà Mau	8146	Sản phẩm chế biến	140	kg	Thực phẩm
2426	20/09/2021	51D60533	Dĩ An	Cà Mau	7888	Sản phẩm chế biến	184,45	kg	Thực phẩm
2427	20/09/2021	50H06846	Thuận An	Cần Thơ	8151	Sản phẩm chế biến	630	kg	Thực phẩm
2428	20/09/2021	50H06846	Thuận An	Cần Thơ	8152	Sản phẩm chế biến	210	kg	Thực phẩm
2429	20/09/2021	51C99998	Thuận An	Cần Thơ	8175	Sản phẩm chế biến	11	kg	Thực phẩm
2430	20/09/2021	51C99998	Thuận An	Cần Thơ	8176	Sản phẩm chế biến	10	kg	Thực phẩm
2431	20/09/2021	51C99998	Thuận An	Cần Thơ	8177	Sản phẩm chế biến	67	kg	Thực phẩm
2432	20/09/2021	51C99998	Thuận An	Cần Thơ	8174	Thịt Gà đông lạnh	262	kg	Thực phẩm
2433	20/09/2021	51C10452	Thuận An	Đà Nẵng	8153	Sản phẩm chế biến	213	kg	Thực phẩm
2434	20/09/2021	72C-07988	Dĩ An	Đà Nẵng	7390	Sản phẩm chế biến	2545,8	kg	Thực phẩm
2435	20/09/2021	72C-08343	Dĩ An	Đà Nẵng	7391	Sản phẩm chế biến	242,88	kg	Thực phẩm
2436	20/09/2021	79C-06592	Dĩ An	Đà Nẵng	7392	Sản phẩm chế biến	28	kg	Thực phẩm
2437	20/09/2021	72C-08343	Dĩ An	Đà Nẵng	7391	Sản phẩm đông lạnh	414	kg	Thực phẩm
2438	20/09/2021	79C-06592	Dĩ An	Đà Nẵng	7392	Sản phẩm đông lạnh	391	kg	Thực phẩm
2439	20/09/2021	51C76459	Dĩ An	Đak Lak	7887	Sản phẩm chế biến	102,02	kg	Thực phẩm
2440	20/09/2021	68C-08000	Dĩ An	Đồng Nai	7389	Sản phẩm đông lạnh	5127,2	kg	Thực phẩm
2441	20/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Đồng Nai	18231	Sản phẩm đông lạnh	60	kg	Thực phẩm
2442	20/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Đồng Nai	18232	Sản phẩm đông lạnh	60	kg	Thực phẩm
2443	20/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Đồng Nai	20053	Sản phẩm đông lạnh	380	kg	Thực phẩm
2444	20/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Đồng Nai	20055	Sản phẩm đông lạnh	84	kg	Thực phẩm
2445	20/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Đồng Nai	20056	Sản phẩm đông lạnh	1	kg	Thực phẩm
2446	20/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Đồng Nai	20057	Sản phẩm đông lạnh	19,5	kg	Thực phẩm
2447	20/09/2021	61C46088	Thuận An	Đồng Nai	20014	Thịt Vịt	80	kg	Thực phẩm
2448	20/09/2021	50LD15758	Thuận An	Hà Nội	8156	Sản phẩm chế biến	490	kg	Thực phẩm
2449	20/09/2021	50LD15758	Thuận An	Hà Nội	8157	Sản phẩm chế biến	560	kg	Thực phẩm
2450	20/09/2021	50LD15758	Thuận An	Hà Nội	8158	Sản phẩm chế biến	350	kg	Thực phẩm

2451	20/09/2021	50LD15758	Thuận An	Hà Nội	8159	Sản phẩm chế biến	350	kg	Thực phẩm
2452	20/09/2021	50LD15758	Thuận An	Hà Nội	8160	Sản phẩm chế biến	840	kg	Thực phẩm
2453	20/09/2021	50LD16503	Thuận An	Hà Nội	8167	Sản phẩm chế biến	97	kg	Thực phẩm
2454	20/09/2021	50LD16503	Thuận An	Hà Nội	8168	Sản phẩm chế biến	480	kg	Thực phẩm
2455	20/09/2021	50LD16503	Thuận An	Hà Nội	8169	Sản phẩm chế biến	60	kg	Thực phẩm
2456	20/09/2021	50LD16503	Thuận An	Hà Nội	8170	Sản phẩm chế biến	80	kg	Thực phẩm
2457	20/09/2021	50LD16503	Thuận An	Hà Nội	8171	Sản phẩm chế biến	160	kg	Thực phẩm
2458	20/09/2021	79C-06592	Dĩ An	Hà Nội	7407	Sản phẩm chế biến	29	kg	Thực phẩm
2459	20/09/2021	79C-06592	Dĩ An	Hà Nội	7408	Sản phẩm chế biến	78	kg	Thực phẩm
2460	20/09/2021	79C-06592	Dĩ An	Hà Nội	7409	Sản phẩm chế biến	368,82	kg	Thực phẩm
2461	20/09/2021	79C-06592	Dĩ An	Hà Nội	7412	Sản phẩm chế biến	68,46	kg	Thực phẩm
2462	20/09/2021	79C-06592	Dĩ An	Hà Nội	7414	Sản phẩm chế biến	70	kg	Thực phẩm
2463	20/09/2021	79C-06592	Dĩ An	Hà Nội	7415	Sản phẩm chế biến	55,5	kg	Thực phẩm
2464	20/09/2021	79C-06592	Dĩ An	Hà Nội	7417	Sản phẩm chế biến	6	kg	Thực phẩm
2465	20/09/2021	79C-06592	Dĩ An	Hà Nội	7419	Sản phẩm chế biến	1216	kg	Thực phẩm
2466	20/09/2021	79C-06592	Dĩ An	Hà Nội	7409	Sản phẩm đông lạnh	504,04	kg	Thực phẩm
2467	20/09/2021	79C-06592	Dĩ An	Hà Nội	7414	Sản phẩm đông lạnh	15,4	kg	Thực phẩm
2468	20/09/2021	79C-06592	Dĩ An	Hà Nội	7415	Sản phẩm đông lạnh	17,62	kg	Thực phẩm
2469	20/09/2021	92C14917	Dĩ An	Hà Nội	5431	Thịt đông lạnh	10000	kg	Thực phẩm
2470	20/09/2021	50LD16503	Thuận An	Hà Tĩnh	8161	Sản phẩm chế biến	222	kg	Thực phẩm
2471	20/09/2021	50LD16503	Thuận An	Hà Tĩnh	8162	Sản phẩm chế biến	309	kg	Thực phẩm
2472	20/09/2021	51C38534	Dĩ An	Hải Dương	5435	Sản phẩm chế biến	18035	kg	Thực phẩm
2473	20/09/2021	79C-14846	Dĩ An	Hải Dương	7401	Sản phẩm đông lạnh	600	kg	Thực phẩm
2474	20/09/2021	79C-14846	Dĩ An	Hải Phòng	7404	Sản phẩm chế biến	144,96	kg	Thực phẩm
2475	20/09/2021	79C-14846	Dĩ An	Hải Phòng	7404	Sản phẩm đông lạnh	317,94	kg	Thực phẩm
2476	20/09/2021	50H00972	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7885	Sản phẩm chế biến	966,59	kg	Thực phẩm
2477	20/09/2021	51D-60637	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7383	Sản phẩm chế biến	82,16	kg	Thực phẩm
2478	20/09/2021	51D-60637	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7384	Sản phẩm chế biến	48,16	kg	Thực phẩm
2479	20/09/2021	51D-60637	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7385	Sản phẩm chế biến	24	kg	Thực phẩm
2480	20/09/2021	51D-60637	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7386	Sản phẩm chế biến	12	kg	Thực phẩm
2481	20/09/2021	51D-65060	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7387	Sản phẩm chế biến	430,56	kg	Thực phẩm
2482	20/09/2021	50H00972	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7885	Sản phẩm đông lạnh	136,35	kg	Thực phẩm

2483	20/09/2021	51D-60637	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7383	Sản phẩm đông lạnh	610,25	kg	Thực phẩm
2484	20/09/2021	51D-60637	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7384	Sản phẩm đông lạnh	157,5	kg	Thực phẩm
2485	20/09/2021	51D-60637	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7385	Sản phẩm đông lạnh	500,6	kg	Thực phẩm
2486	20/09/2021	51D-65060	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7387	Sản phẩm đông lạnh	54,54	kg	Thực phẩm
2487	20/09/2021	51D-55861	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7388	Sản phẩm đông lạnh	2200	kg	Thực phẩm
2488	20/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18233	Sản phẩm đông lạnh	52	kg	Thực phẩm
2489	20/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18234	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
2490	20/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18235	Sản phẩm đông lạnh	14	kg	Thực phẩm
2491	20/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18236	Sản phẩm đông lạnh	100	kg	Thực phẩm
2492	20/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18237	Sản phẩm đông lạnh	44	kg	Thực phẩm
2493	20/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18238	Sản phẩm đông lạnh	14	kg	Thực phẩm
2494	20/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18239	Sản phẩm đông lạnh	13	kg	Thực phẩm
2495	20/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18240	Sản phẩm đông lạnh	11	kg	Thực phẩm
2496	20/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18241	Sản phẩm đông lạnh	18	kg	Thực phẩm
2497	20/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18242	Sản phẩm đông lạnh	34	kg	Thực phẩm
2498	20/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18243	Sản phẩm đông lạnh	51	kg	Thực phẩm
2499	20/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18244	Sản phẩm đông lạnh	232	kg	Thực phẩm
2500	20/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18245	Sản phẩm đông lạnh	11	kg	Thực phẩm
2501	20/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18246	Sản phẩm đông lạnh	10	kg	Thực phẩm
2502	20/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18247	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
2503	20/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18248	Sản phẩm đông lạnh	90	kg	Thực phẩm
2504	20/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18249	Sản phẩm đông lạnh	80	kg	Thực phẩm
2505	20/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	18250	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
2506	20/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20051	Sản phẩm đông lạnh	106	kg	Thực phẩm
2507	20/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20052	Sản phẩm đông lạnh	54	kg	Thực phẩm
2508	20/09/2021	61C-39840	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20058	Sản phẩm đông lạnh	77	kg	Thực phẩm
2509	20/09/2021	61C-39840	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20059	Sản phẩm đông lạnh	15	kg	Thực phẩm
2510	20/09/2021	51D-49144	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20060	Sản phẩm đông lạnh	1440	kg	Thực phẩm
2511	20/09/2021	51C14943	Thuận An	Hồ Chí Minh	857	thịt heo	600	kg	Thực phẩm
2512	20/09/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	20012	Thịt Vịt	60	kg	Thực phẩm
2513	20/09/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	20013	Thịt Vịt	80	kg	Thực phẩm
2514	20/09/2021	51C91198	Dĩ An	Hưng Yên	5433	Sản phẩm chế biến	19378	kg	Thực phẩm

2515	20/09/2021	51C39003	Dĩ An	Hưng Yên	5434	Sản phẩm chế biến	19252	kg	Thực phẩm
2516	20/09/2021	79C-14846	Dĩ An	Khánh Hòa	7398	Sản phẩm chế biến	7	kg	Thực phẩm
2517	20/09/2021	51D60712	Dĩ An	Kiên Giang	7893	Sản phẩm chế biến	202,46	kg	Thực phẩm
2518	20/09/2021	51D62486	Dĩ An	Lâm Đồng	7890	Sản phẩm chế biến	158,94	kg	Thực phẩm
2519	20/09/2021	49C-15073	Dĩ An	Lâm Đồng	7393	Sản phẩm chế biến	142	kg	Thực phẩm
2520	20/09/2021	49C-15073	Dĩ An	Lâm Đồng	7394	Sản phẩm chế biến	27	kg	Thực phẩm
2521	20/09/2021	51D36907	Dĩ An	Lâm Đồng	7894	Sản phẩm đông lạnh	220	kg	Thực phẩm
2522	20/09/2021	49C-15073	Dĩ An	Lâm Đồng	7393	Sản phẩm đông lạnh	478	kg	Thực phẩm
2523	20/09/2021	49C-15073	Dĩ An	Lâm Đồng	7394	Sản phẩm đông lạnh	912,6	kg	Thực phẩm
2524	20/09/2021	50H02051	Thuận An	Long An	8144	Sản phẩm chế biến	705,6	kg	Thực phẩm
2525	20/09/2021	79C-14846	Dĩ An	Nam Định	7402	Sản phẩm chế biến	83,6	kg	Thực phẩm
2526	20/09/2021	79C-14846	Dĩ An	Nam Định	7402	Sản phẩm đông lạnh	50	kg	Thực phẩm
2527	20/09/2021	29H25757	Dĩ An	Nghệ An	5436	Sản phẩm chế biến	17710	kg	Thực phẩm
2528	20/09/2021	50LD16503	Thuận An	Nghệ An	8163	Sản phẩm chế biến	205	kg	Thực phẩm
2529	20/09/2021	50LD16503	Thuận An	Nghệ An	8166	Sản phẩm chế biến	70	kg	Thực phẩm
2530	20/09/2021	79C-14846	Dĩ An	Nghệ An	7400	Sản phẩm chế biến	210,58	kg	Thực phẩm
2531	20/09/2021	79C-14846	Dĩ An	Nghệ An	7400	Sản phẩm đông lạnh	417,36	kg	Thực phẩm
2532	20/09/2021	50LD16503	Thuận An	Nghệ An	8164	Thịt Gà đông lạnh	704	kg	Thực phẩm
2533	20/09/2021	50LD16503	Thuận An	Nghệ An	8165	Thịt Gà đông lạnh	639,5	kg	Thực phẩm
2534	20/09/2021	79C-14846	Dĩ An	Ninh Bình	7403	Sản phẩm chế biến	142,75	kg	Thực phẩm
2535	20/09/2021	50LD15758	Thuận An	Phú Thọ	8155	Sản phẩm chế biến	1120	kg	Thực phẩm
2536	20/09/2021	79C-06592	Dĩ An	Phú Thọ	7418	Sản phẩm chế biến	59,7	kg	Thực phẩm
2537	20/09/2021	79C-06592	Dĩ An	Quảng Nam	7410	Sản phẩm chế biến	50,8	kg	Thực phẩm
2538	20/09/2021	79C-06592	Dĩ An	Quảng Nam	7410	Sản phẩm đông lạnh	198,86	kg	Thực phẩm
2539	20/09/2021	60C28516	Dĩ An	Quảng Nam	5432	Thịt đông lạnh	5720	kg	Thực phẩm
2540	20/09/2021	79C-06592	Dĩ An	Quảng Ngãi	7416	Sản phẩm chế biến	49	kg	Thực phẩm
2541	20/09/2021	79C-06592	Dĩ An	Quảng Ninh	7413	Sản phẩm chế biến	53	kg	Thực phẩm
2542	20/09/2021	79C-06592	Dĩ An	Quảng Ninh	7413	Sản phẩm đông lạnh	895	kg	Thực phẩm
2543	20/09/2021	51D36362	Thuận An	Sóc Trăng	8145	Sản phẩm chế biến	266	kg	Thực phẩm
2544	20/09/2021	51D36362	Thuận An	Sóc Trăng	8147	Sản phẩm chế biến	143	kg	Thực phẩm
2545	20/09/2021	51D36362	Thuận An	Sóc Trăng	8148	Sản phẩm chế biến	980	kg	Thực phẩm
2546	20/09/2021	79C-06592	Dĩ An	Thái Nguyên	7411	Sản phẩm chế biến	42	kg	Thực phẩm

2547	20/09/2021	79C-06592	Dĩ An	Thái Nguyên	7411	Sản phẩm đông lạnh	253,3	kg	Thực phẩm
2548	20/09/2021	50LD15758	Thuận An	Thanh Hóa	8178	Sản phẩm chế biến	1968	kg	Thực phẩm
2549	20/09/2021	51C11278	Dĩ An	Thanh Hóa	7886	Sản phẩm đông lạnh	10020	kg	Thực phẩm
2550	20/09/2021	79C-14846	Dĩ An	Thừa Thiên - Huế	7405	Sản phẩm chế biến	189,5	kg	Thực phẩm
2551	20/09/2021	51D30546	Thuận An	Tiền Giang	8172	Sản phẩm chế biến	316,8	kg	Thực phẩm
2552	20/09/2021	79C-16010	Dĩ An	Tiền Giang	7397	Sản phẩm chế biến	627,48	kg	Thực phẩm
2553	20/09/2021	79C-16010	Dĩ An	Tiền Giang	7397	Sản phẩm đông lạnh	60,62	kg	Thực phẩm
2554	20/09/2021	79C-16010	Dĩ An	Trà Vinh	7396	Sản phẩm chế biến	92	kg	Thực phẩm
2555	20/09/2021	79C-16010	Dĩ An	Trà Vinh	7396	Sản phẩm đông lạnh	18,36	kg	Thực phẩm
2556	20/09/2021	51D30546	Thuận An	Vĩnh Long	8173	Sản phẩm chế biến	444	kg	Thực phẩm
2557	20/09/2021	79C-06592	Dĩ An	Vĩnh Phúc	7406	Sản phẩm chế biến	103	kg	Thực phẩm
2558	20/09/2021	79C-06592	Dĩ An	Vĩnh Phúc	7406	Sản phẩm đông lạnh	128,46	kg	Thực phẩm
2559	21/09/2021	61LD00859	Dĩ An	An Giang	9959	Sản phẩm chế biến	12	kg	Thực phẩm
2560	21/09/2021	61C36014	Dĩ An	An Giang	9962	Sản phẩm đông lạnh	1059,33	kg	Thực phẩm
2561	21/09/2021	61LD00906	Dĩ An	Bà Rịa - Vùng Tàu	9967	Sản phẩm chế biến	5	kg	Thực phẩm
2562	21/09/2021	61LD00906	Dĩ An	Bà Rịa - Vùng Tàu	9967	Sản phẩm đông lạnh	1437,14	kg	Thực phẩm
2563	21/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Bà Rịa - Vùng Tàu	20077	Sản phẩm đông lạnh	19	kg	Thực phẩm
2564	21/09/2021	79C05843	Dĩ An	Bắc Giang	11504	Sản phẩm chế biến	250,4	kg	Thực phẩm
2565	21/09/2021	79C11088	Dĩ An	Bắc Ninh	11241	Thịt đông lạnh	1048,4	kg	Thực phẩm
2566	21/09/2021	15C35542	Dĩ An	Bến Tre	11238	Sản phẩm chế biến	132,04	kg	Thực phẩm
2567	21/09/2021	43C12622	Dĩ An	Bình Định	7898	Sản phẩm chế biến	38	kg	Thực phẩm
2568	21/09/2021	79C04882	Dĩ An	Bình Định	11233	Sản phẩm chế biến	12	kg	Thực phẩm
2569	21/09/2021	79C11088	Dĩ An	Bình Định	11243	Sản phẩm chế biến	459	kg	Thực phẩm
2570	21/09/2021	51D-60804	Dĩ An	Bình Định	9840	Sản phẩm chế biến	166,85	kg	Thực phẩm
2571	21/09/2021	43C12622	Dĩ An	Bình Định	7898	Sản phẩm đông lạnh	1050,76	kg	Thực phẩm
2572	21/09/2021	51D-60804	Dĩ An	Bình Định	9840	Sản phẩm đông lạnh	73,5	kg	Thực phẩm
2573	21/09/2021	79C04882	Dĩ An	Bình Định	11233	Thịt đông lạnh	491	kg	Thực phẩm
2574	21/09/2021	50H06876	Dĩ An	Bình Phước	10945	Sản phẩm chế biến	141,7	kg	Thực phẩm
2575	21/09/2021	50H06876	Dĩ An	Bình Phước	10945	Thịt Gà đông lạnh	152,2	kg	Thực phẩm
2576	21/09/2021	51D30546	Thuận An	Bình Thuận	8194	Sản phẩm chế biến	858	kg	Thực phẩm
2577	21/09/2021	51D30546	Thuận An	Bình Thuận	8195	Sản phẩm chế biến	236	kg	Thực phẩm
2578	21/09/2021	51D30546	Thuận An	Bình Thuận	8196	Sản phẩm chế biến	28	kg	Thực phẩm

2579	21/09/2021	51D23447	Dĩ An	Bình Thuận	10946	Sản phẩm chế biến	487,3	kg	Thực phẩm
2580	21/09/2021	29H37069	Dĩ An	Cần Thơ	7900	Sản phẩm chế biến	93	kg	Thực phẩm
2581	21/09/2021	29H32222	Dĩ An	Cần Thơ	9957	Sản phẩm chế biến	122,5	kg	Thực phẩm
2582	21/09/2021	92C11219	Dĩ An	Cần Thơ	9961	Sản phẩm chế biến	20	kg	Thực phẩm
2583	21/09/2021	29H37317	Dĩ An	Cần Thơ	7895	Sản phẩm đông lạnh	6	kg	Thực phẩm
2584	21/09/2021	29H37069	Dĩ An	Cần Thơ	7900	Sản phẩm đông lạnh	8,5	kg	Thực phẩm
2585	21/09/2021	92C11219	Dĩ An	Cần Thơ	9961	Sản phẩm đông lạnh	3354,3	kg	Thực phẩm
2586	21/09/2021	29H32222	Dĩ An	Cần Thơ	9956	Sản phẩm ướp lạnh	142,5	kg	Thực phẩm
2587	21/09/2021	43C12622	Dĩ An	Đà Nẵng	7899	Sản phẩm chế biến	170	kg	Thực phẩm
2588	21/09/2021	43C15848	Dĩ An	Đà Nẵng	9965	Sản phẩm chế biến	11,5	kg	Thực phẩm
2589	21/09/2021	43C12622	Dĩ An	Đà Nẵng	7899	Sản phẩm đông lạnh	3425,3	kg	Thực phẩm
2590	21/09/2021	79H00143	Dĩ An	Đak Lak	11236	Sản phẩm chế biến	433,94	kg	Thực phẩm
2591	21/09/2021	79H00143	Dĩ An	Đak Lak	11236	Thịt đông lạnh	205,86	kg	Thực phẩm
2592	21/09/2021	61LD00859	Dĩ An	Đồng Nai	9954	Sản phẩm chế biến	34	kg	Thực phẩm
2593	21/09/2021	51D24146	Dĩ An	Đồng Nai	11228	Sản phẩm chế biến	255,8	kg	Thực phẩm
2594	21/09/2021	61LD00859	Dĩ An	Đồng Nai	9954	Sản phẩm đông lạnh	2153,42	kg	Thực phẩm
2595	21/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Đồng Nai	20073	Sản phẩm đông lạnh	434	kg	Thực phẩm
2596	21/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Đồng Nai	20076	Sản phẩm đông lạnh	35,9	kg	Thực phẩm
2597	21/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Đồng Nai	20078	Sản phẩm đông lạnh	126,5	kg	Thực phẩm
2598	21/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Đồng Nai	20079	Sản phẩm đông lạnh	18,7	kg	Thực phẩm
2599	21/09/2021	61C-39804	Tân Uyên	Đồng Nai	20080	Sản phẩm đông lạnh	18,2	kg	Thực phẩm
2600	21/09/2021	61C46088	Thuận An	Đồng Nai	20016	Thịt Vịt	100	kg	Thực phẩm
2601	21/09/2021	29H71661	Dĩ An	Đồng Tháp	7897	Sản phẩm chế biến	128,2	kg	Thực phẩm
2602	21/09/2021	29H37339	Dĩ An	Đồng Tháp	9952	Sản phẩm chế biến	20	kg	Thực phẩm
2603	21/09/2021	29H37339	Dĩ An	Đồng Tháp	9953	Sản phẩm chế biến	8,16	kg	Thực phẩm
2604	21/09/2021	29H37339	Dĩ An	Đồng Tháp	9952	Sản phẩm đông lạnh	120	kg	Thực phẩm
2605	21/09/2021	29H37339	Dĩ An	Đồng Tháp	9953	Sản phẩm đông lạnh	15,5	kg	Thực phẩm
2606	21/09/2021	29H71661	Dĩ An	Đồng Tháp	7896	Sản phẩm ướp lạnh	147,5	kg	Thực phẩm
2607	21/09/2021	79H00143	Dĩ An	Gia Lai	11235	Sản phẩm chế biến	75	kg	Thực phẩm
2608	21/09/2021	79H00143	Dĩ An	Gia Lai	11235	Thịt đông lạnh	551	kg	Thực phẩm
2609	21/09/2021	50LD15873	Thuận An	Hà Nội	8192	Sản phẩm chế biến	1120	kg	Thực phẩm
2610	21/09/2021	50LD15873	Thuận An	Hà Nội	8193	Sản phẩm chế biến	840	kg	Thực phẩm

2611	21/09/2021	51C64355	Thuận An	Hà Nội	8204	Sản phẩm chế biến	5189,5	kg	Thực phẩm
2612	21/09/2021	51C64355	Thuận An	Hà Nội	8205	Sản phẩm chế biến	81,88	kg	Thực phẩm
2613	21/09/2021	50LD15574	Thuận An	Hà Nội	8208	Sản phẩm chế biến	151,61	kg	Thực phẩm
2614	21/09/2021	50LD15574	Thuận An	Hà Nội	8209	Sản phẩm chế biến	1541	kg	Thực phẩm
2615	21/09/2021	50LD15620	Thuận An	Hà Nội	8219	Sản phẩm chế biến	1120	kg	Thực phẩm
2616	21/09/2021	50LD15620	Thuận An	Hà Nội	8220	Sản phẩm chế biến	840	kg	Thực phẩm
2617	21/09/2021	92H00093	Dĩ An	Hà Nội	9968	Sản phẩm chế biến	7,5	kg	Thực phẩm
2618	21/09/2021	92H00093	Dĩ An	Hà Nội	9969	Sản phẩm chế biến	10,8	kg	Thực phẩm
2619	21/09/2021	92H00093	Dĩ An	Hà Nội	9970	Sản phẩm chế biến	811,87	kg	Thực phẩm
2620	21/09/2021	51C55603	Dĩ An	Hà Nội	10938	Sản phẩm chế biến	2	kg	Thực phẩm
2621	21/09/2021	51C55603	Dĩ An	Hà Nội	10939	Sản phẩm chế biến	74,5	kg	Thực phẩm
2622	21/09/2021	51C55603	Dĩ An	Hà Nội	10942	Sản phẩm chế biến	22	kg	Thực phẩm
2623	21/09/2021	79C04882	Dĩ An	Hà Nội	11234	Sản phẩm chế biến	575	kg	Thực phẩm
2624	21/09/2021	79C11088	Dĩ An	Hà Nội	11250	Sản phẩm chế biến	2010	kg	Thực phẩm
2625	21/09/2021	79C05843	Dĩ An	Hà Nội	11505	Sản phẩm chế biến	40	kg	Thực phẩm
2626	21/09/2021	79C05843	Dĩ An	Hà Nội	11506	Sản phẩm chế biến	118,6	kg	Thực phẩm
2627	21/09/2021	79C05843	Dĩ An	Hà Nội	11507	Sản phẩm chế biến	44	kg	Thực phẩm
2628	21/09/2021	79C05843	Dĩ An	Hà Nội	11511	Sản phẩm chế biến	202,8	kg	Thực phẩm
2629	21/09/2021	79C05843	Dĩ An	Hà Nội	11512	Sản phẩm chế biến	99,5	kg	Thực phẩm
2630	21/09/2021	79C05843	Dĩ An	Hà Nội	11514	Sản phẩm chế biến	321,2	kg	Thực phẩm
2631	21/09/2021	79C05843	Dĩ An	Hà Nội	11515	Sản phẩm chế biến	104	kg	Thực phẩm
2632	21/09/2021	79C04882	Dĩ An	Hà Nội	11234	Thịt đông lạnh	10620	kg	Thực phẩm
2633	21/09/2021	79C05843	Dĩ An	Hà Nội	11503	Thịt đông lạnh	752	kg	Thực phẩm
2634	21/09/2021	51C64355	Thuận An	Hà Nội	8204	Thịt Gà đông lạnh	3730	kg	Thực phẩm
2635	21/09/2021	50LD15873	Thuận An	Hà Tĩnh	8184	Sản phẩm chế biến	1330	kg	Thực phẩm
2636	21/09/2021	50LD15574	Thuận An	Hà Tĩnh	8206	Sản phẩm chế biến	309	kg	Thực phẩm
2637	21/09/2021	50LD15620	Thuận An	Hà Tĩnh	8210	Sản phẩm chế biến	1330	kg	Thực phẩm
2638	21/09/2021	51C55603	Dĩ An	Hà Tĩnh	10943	Sản phẩm chế biến	217,8	kg	Thực phẩm
2639	21/09/2021	79C11088	Dĩ An	Hải Dương	11246	Sản phẩm chế biến	55,2	kg	Thực phẩm
2640	21/09/2021	50LD15873	Thuận An	Hải Phòng	8187	Sản phẩm chế biến	560	kg	Thực phẩm
2641	21/09/2021	50LD15873	Thuận An	Hải Phòng	8188	Sản phẩm chế biến	913	kg	Thực phẩm
2642	21/09/2021	50LD15574	Thuận An	Hải Phòng	8207	Sản phẩm chế biến	76,65	kg	Thực phẩm

2643	21/09/2021	50LD15620	Thuận An	Hải Phòng	8213	Sản phẩm chế biến	560	kg	Thực phẩm
2644	21/09/2021	50LD15620	Thuận An	Hải Phòng	8214	Sản phẩm chế biến	913	kg	Thực phẩm
2645	21/09/2021	50LD15620	Thuận An	Hải Phòng	8215	Sản phẩm chế biến	1195	kg	Thực phẩm
2646	21/09/2021	51C55603	Dĩ An	Hải Phòng	10941	Sản phẩm chế biến	129,3	kg	Thực phẩm
2647	21/09/2021	79C11088	Dĩ An	Hải Phòng	11248	Sản phẩm chế biến	90	kg	Thực phẩm
2648	21/09/2021	29H37069	Dĩ An	Hậu Giang	9951	Sản phẩm chế biến	54,92	kg	Thực phẩm
2649	21/09/2021	29H37069	Dĩ An	Hậu Giang	9951	Sản phẩm đông lạnh	31	kg	Thực phẩm
2650	21/09/2021	61LD00906	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9955	Sản phẩm chế biến	96	kg	Thực phẩm
2651	21/09/2021	61LD2910	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9958	Sản phẩm chế biến	187,5	kg	Thực phẩm
2652	21/09/2021	51D24146	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9960	Sản phẩm chế biến	64	kg	Thực phẩm
2653	21/09/2021	51C35011	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9964	Sản phẩm chế biến	336,5	kg	Thực phẩm
2654	21/09/2021	51C67735	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10928	Sản phẩm chế biến	72,02	kg	Thực phẩm
2655	21/09/2021	51C67735	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10929	Sản phẩm chế biến	36	kg	Thực phẩm
2656	21/09/2021	51C67735	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10930	Sản phẩm chế biến	20,7	kg	Thực phẩm
2657	21/09/2021	51C67735	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10931	Sản phẩm chế biến	74,8	kg	Thực phẩm
2658	21/09/2021	51C67735	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10932	Sản phẩm chế biến	141,9	kg	Thực phẩm
2659	21/09/2021	51C68857	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10933	Sản phẩm chế biến	214,72	kg	Thực phẩm
2660	21/09/2021	51C68857	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10934	Sản phẩm chế biến	50,3	kg	Thực phẩm
2661	21/09/2021	51C68857	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10935	Sản phẩm chế biến	195,2	kg	Thực phẩm
2662	21/09/2021	51C68857	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10936	Sản phẩm chế biến	163,84	kg	Thực phẩm
2663	21/09/2021	51C68857	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10937	Sản phẩm chế biến	162,9	kg	Thực phẩm
2664	21/09/2021	50H00972	Dĩ An	Hồ Chí Minh	11230	Sản phẩm chế biến	165,3	kg	Thực phẩm
2665	21/09/2021	51D54254	Dĩ An	Hồ Chí Minh	11517	Sản phẩm chế biến	144	kg	Thực phẩm
2666	21/09/2021	51D54254	Dĩ An	Hồ Chí Minh	11518	Sản phẩm chế biến	144	kg	Thực phẩm
2667	21/09/2021	61LD00906	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9955	Sản phẩm đông lạnh	1082,72	kg	Thực phẩm
2668	21/09/2021	51C35011	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9964	Sản phẩm đông lạnh	971,08	kg	Thực phẩm
2669	21/09/2021	51D24023	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9966	Sản phẩm đông lạnh	1078,67	kg	Thực phẩm
2670	21/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20061	Sản phẩm đông lạnh	53	kg	Thực phẩm
2671	21/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20062	Sản phẩm đông lạnh	22	kg	Thực phẩm
2672	21/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20063	Sản phẩm đông lạnh	29	kg	Thực phẩm
2673	21/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20064	Sản phẩm đông lạnh	35	kg	Thực phẩm
2674	21/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20065	Sản phẩm đông lạnh	100	kg	Thực phẩm

2675	21/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20066	Sản phẩm đông lạnh	24	kg	Thực phẩm
2676	21/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20067	Sản phẩm đông lạnh	70	kg	Thực phẩm
2677	21/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20068	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
2678	21/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20069	Sản phẩm đông lạnh	75	kg	Thực phẩm
2679	21/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20070	Sản phẩm đông lạnh	46	kg	Thực phẩm
2680	21/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20071	Sản phẩm đông lạnh	47	kg	Thực phẩm
2681	21/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20072	Sản phẩm đông lạnh	199	kg	Thực phẩm
2682	21/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20074	Sản phẩm đông lạnh	495,91	kg	Thực phẩm
2683	21/09/2021	51D-49144	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20075	Sản phẩm đông lạnh	1080	kg	Thực phẩm
2684	21/09/2021	61C-39804	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20081	Sản phẩm đông lạnh	50	kg	Thực phẩm
2685	21/09/2021	61C-39840	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20082	Sản phẩm đông lạnh	189	kg	Thực phẩm
2686	21/09/2021	61C-39840	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20083	Sản phẩm đông lạnh	65	kg	Thực phẩm
2687	21/09/2021	60C12596	Dĩ An	Hồ Chí Minh	11229	Thịt đông lạnh	100,8	kg	Thực phẩm
2688	21/09/2021	50H00972	Dĩ An	Hồ Chí Minh	11230	Thịt đông lạnh	531,87	kg	Thực phẩm
2689	21/09/2021	60H00627	Dĩ An	Hồ Chí Minh	11231	Thịt đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
2690	21/09/2021	51C64364	Dĩ An	Hồ Chí Minh	11232	Thịt đông lạnh	8140	kg	Thực phẩm
2691	21/09/2021	51C14943	Thuận An	Hồ Chí Minh	858	thịt heo	600	kg	Thực phẩm
2692	21/09/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	20015	Thịt Vịt	80	kg	Thực phẩm
2693	21/09/2021	51C98337	Dĩ An	Hưng Yên	1051	Sản phẩm chế biến	17760	kg	Thực phẩm
2694	21/09/2021	50H06846	Thuận An	Khánh Hòa	8183	Sản phẩm chế biến	336	kg	Thực phẩm
2695	21/09/2021	50LD15637	Thuận An	Khánh Hòa	8197	Sản phẩm chế biến	63	kg	Thực phẩm
2696	21/09/2021	50LD15637	Thuận An	Khánh Hòa	8198	Sản phẩm chế biến	473	kg	Thực phẩm
2697	21/09/2021	50LD15637	Thuận An	Khánh Hòa	8199	Sản phẩm chế biến	477	kg	Thực phẩm
2698	21/09/2021	50LD15637	Thuận An	Khánh Hòa	8200	Sản phẩm chế biến	775	kg	Thực phẩm
2699	21/09/2021	50LD15637	Thuận An	Khánh Hòa	8201	Sản phẩm chế biến	490	kg	Thực phẩm
2700	21/09/2021	50LD15637	Thuận An	Khánh Hòa	8202	Sản phẩm chế biến	423	kg	Thực phẩm
2701	21/09/2021	50LD15637	Thuận An	Khánh Hòa	8203	Sản phẩm chế biến	253,6	kg	Thực phẩm
2702	21/09/2021	51D-60913	Dĩ An	Khánh Hòa	9832	Sản phẩm chế biến	125,27	kg	Thực phẩm
2703	21/09/2021	51D-60913	Dĩ An	Khánh Hòa	9833	Sản phẩm chế biến	108,68	kg	Thực phẩm
2704	21/09/2021	51D-60913	Dĩ An	Khánh Hòa	9834	Sản phẩm chế biến	63,7	kg	Thực phẩm
2705	21/09/2021	51D-60913	Dĩ An	Khánh Hòa	9835	Sản phẩm chế biến	57,13	kg	Thực phẩm
2706	21/09/2021	51D-60696	Dĩ An	Khánh Hòa	9845	Sản phẩm chế biến	31,35	kg	Thực phẩm

2707	21/09/2021	50LD15637	Thuận An	Khánh Hòa	8203	Thịt Gà đông lạnh	129	kg	Thực phẩm
2708	21/09/2021	51D39358	Dĩ An	Kiên Giang	9963	Sản phẩm chế biến	35,5	kg	Thực phẩm
2709	21/09/2021	51D23451	Dĩ An	Lâm Đồng	10950	Sản phẩm chế biến	307,7	kg	Thực phẩm
2710	21/09/2021	79C16790	Dĩ An	Lâm Đồng	11237	Sản phẩm chế biến	297,4	kg	Thực phẩm
2711	21/09/2021	51D23451	Dĩ An	Lâm Đồng	10950	Thịt Gà đông lạnh	221,5	kg	Thực phẩm
2712	21/09/2021	51C15418	Dĩ An	Long An	10947	Sản phẩm chế biến	537	kg	Thực phẩm
2713	21/09/2021	51C15418	Dĩ An	Long An	10948	Sản phẩm chế biến	713,8	kg	Thực phẩm
2714	21/09/2021	51C15418	Dĩ An	Long An	10949	Sản phẩm chế biến	1233,9	kg	Thực phẩm
2715	21/09/2021	51D-34684	Dĩ An	Long An	9837	Sản phẩm chế biến	187,25	kg	Thực phẩm
2716	21/09/2021	51D-34405	Dĩ An	Long An	9838	Sản phẩm chế biến	18,36	kg	Thực phẩm
2717	21/09/2021	51D-34405	Dĩ An	Long An	9838	Sản phẩm đông lạnh	148,5	kg	Thực phẩm
2718	21/09/2021	50LD15873	Thuận An	Nam Định	8191	Sản phẩm chế biến	855	kg	Thực phẩm
2719	21/09/2021	50LD15620	Thuận An	Nam Định	8218	Sản phẩm chế biến	855	kg	Thực phẩm
2720	21/09/2021	79C11088	Dĩ An	Nam Định	11245	Sản phẩm chế biến	93	kg	Thực phẩm
2721	21/09/2021	79C05843	Dĩ An	Nghệ An	11516	Sản phẩm chế biến	235,7	kg	Thực phẩm
2722	21/09/2021	50LD15873	Thuận An	Ninh Bình	8189	Sản phẩm chế biến	996	kg	Thực phẩm
2723	21/09/2021	50LD15620	Thuận An	Ninh Bình	8216	Sản phẩm chế biến	996	kg	Thực phẩm
2724	21/09/2021	79C11088	Dĩ An	Ninh Bình	11247	Sản phẩm chế biến	185,2	kg	Thực phẩm
2725	21/09/2021	50H06846	Thuận An	Ninh Thuận	8180	Sản phẩm chế biến	588	kg	Thực phẩm
2726	21/09/2021	50H06846	Thuận An	Ninh Thuận	8181	Sản phẩm chế biến	72	kg	Thực phẩm
2727	21/09/2021	50H06846	Thuận An	Ninh Thuận	8182	Sản phẩm chế biến	113	kg	Thực phẩm
2728	21/09/2021	51C55603	Dĩ An	Ninh Thuận	10944	Sản phẩm chế biến	405,3	kg	Thực phẩm
2729	21/09/2021	51D-60916	Dĩ An	Ninh Thuận	9842	Sản phẩm chế biến	16	kg	Thực phẩm
2730	21/09/2021	51D-60916	Dĩ An	Ninh Thuận	9842	Sản phẩm đông lạnh	323,53	kg	Thực phẩm
2731	21/09/2021	51C55603	Dĩ An	Ninh Thuận	10944	Thịt Gà đông lạnh	434,2	kg	Thực phẩm
2732	21/09/2021	79C05843	Dĩ An	Phú Thọ	11513	Sản phẩm chế biến	151,9	kg	Thực phẩm
2733	21/09/2021	51D-60804	Dĩ An	Phú Yên	9839	Sản phẩm chế biến	173,8	kg	Thực phẩm
2734	21/09/2021	79C05843	Dĩ An	Quảng Nam	11509	Sản phẩm chế biến	37	kg	Thực phẩm
2735	21/09/2021	50LD15873	Thuận An	Quảng Ninh	8186	Sản phẩm chế biến	980	kg	Thực phẩm
2736	21/09/2021	50LD15620	Thuận An	Quảng Ninh	8212	Sản phẩm chế biến	980	kg	Thực phẩm
2737	21/09/2021	79C11088	Dĩ An	Quảng Ninh	11242	Sản phẩm chế biến	230,8	kg	Thực phẩm
2738	21/09/2021	51D-34521	Dĩ An	Sóc Trăng	9836	Sản phẩm chế biến	106,35	kg	Thực phẩm

2739	21/09/2021	51D-34724	Dĩ An	Sóc Trăng	9844	Sản phẩm chế biến	10,2	kg	Thực phẩm
2740	21/09/2021	51D-34724	Dĩ An	Sóc Trăng	9844	Sản phẩm đông lạnh	12	kg	Thực phẩm
2741	21/09/2021	50H02051	Thuận An	Tây Ninh	8179	Sản phẩm chế biến	1164	kg	Thực phẩm
2742	21/09/2021	50LD15873	Thuận An	Thái Bình	8190	Sản phẩm chế biến	1198	kg	Thực phẩm
2743	21/09/2021	50LD15620	Thuận An	Thái Bình	8217	Sản phẩm chế biến	1198	kg	Thực phẩm
2744	21/09/2021	79C05843	Dĩ An	Thái Nguyên	11508	Sản phẩm chế biến	168,54	kg	Thực phẩm
2745	21/09/2021	79C11088	Dĩ An	Thanh Hóa	11244	Sản phẩm chế biến	58,3	kg	Thực phẩm
2746	21/09/2021	15C35542	Dĩ An	Tiền Giang	11240	Sản phẩm chế biến	194	kg	Thực phẩm
2747	21/09/2021	15C35542	Dĩ An	Trà Vinh	11239	Sản phẩm chế biến	33,7	kg	Thực phẩm
2748	21/09/2021	51D-34724	Dĩ An	Vĩnh Long	9843	Sản phẩm chế biến	31,4	kg	Thực phẩm
2749	21/09/2021	51D-34724	Dĩ An	Vĩnh Long	9843	Sản phẩm đông lạnh	28	kg	Thực phẩm
2750	21/09/2021	79C05843	Dĩ An	Vĩnh Phúc	11510	Sản phẩm chế biến	156,5	kg	Thực phẩm
2751	21/09/2021	50LD15873	Thuận An	Yên Bái	8185	Sản phẩm chế biến	700	kg	Thực phẩm
2752	21/09/2021	50LD15620	Thuận An	Yên Bái	8211	Sản phẩm chế biến	700	kg	Thực phẩm
2753	22/09/2021	61C-38642	Dĩ An	Bà Rịa - Vùng Tàu	9852	Sản phẩm chế biến	30	kg	Thực phẩm
2754	22/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Bà Rịa - Vùng Tàu	20101	Sản phẩm đông lạnh	102	kg	Thực phẩm
2755	22/09/2021	61C-38642	Dĩ An	Bà Rịa - Vùng Tàu	9852	Sản phẩm đông lạnh	459,24	kg	Thực phẩm
2756	22/09/2021	50H-06876	Dĩ An	Bạc Liêu	10691	Sản phẩm chế biến	212	kg	Thực phẩm
2757	22/09/2021	50H-06876	Dĩ An	Bạc Liêu	10692	Sản phẩm chế biến	206,5	kg	Thực phẩm
2758	22/09/2021	50H-06876	Dĩ An	Bạc Liêu	10694	Thịt Gà đông lạnh	173	kg	Thực phẩm
2759	22/09/2021	51D34748	Thuận An	Bình Định	8230	Sản phẩm chế biến	158	kg	Thực phẩm
2760	22/09/2021	51D34748	Thuận An	Bình Định	8231	Sản phẩm chế biến	22	kg	Thực phẩm
2761	22/09/2021	51D34748	Thuận An	Bình Định	8235	Sản phẩm chế biến	207	kg	Thực phẩm
2762	22/09/2021	51D34748	Thuận An	Bình Định	8236	Sản phẩm chế biến	171	kg	Thực phẩm
2763	22/09/2021	51D34748	Thuận An	Bình Định	8237	Sản phẩm chế biến	15	kg	Thực phẩm
2764	22/09/2021	51D-35011	Dĩ An	Bình Định	9855	Sản phẩm chế biến	8,5	kg	Thực phẩm
2765	22/09/2021	51D34748	Thuận An	Bình Định	8230	Thịt Gà đông lạnh	95	kg	Thực phẩm
2766	22/09/2021	51D34748	Thuận An	Bình Định	8231	Thịt Gà đông lạnh	425	kg	Thực phẩm
2767	22/09/2021	51D34748	Thuận An	Bình Định	8232	Thịt Gà đông lạnh	186	kg	Thực phẩm
2768	22/09/2021	51D34748	Thuận An	Bình Định	8233	Thịt Gà đông lạnh	250	kg	Thực phẩm
2769	22/09/2021	51D34748	Thuận An	Bình Định	8234	Thịt Gà đông lạnh	300	kg	Thực phẩm
2770	22/09/2021	50LD15635	Thuận An	Bình Phước	8247	Sản phẩm chế biến	280	kg	Thực phẩm

2771	22/09/2021	29H-70695	Dĩ An	Cần Thơ	7422	Sản phẩm chế biến	295,5	kg	Thực phẩm
2772	22/09/2021	29H-70695	Dĩ An	Cần Thơ	7423	Sản phẩm chế biến	63,5	kg	Thực phẩm
2773	22/09/2021	29H-70695	Dĩ An	Cần Thơ	7424	Sản phẩm chế biến	47,5	kg	Thực phẩm
2774	22/09/2021	51D34615	Thuận An	Đà Nẵng	8221	Sản phẩm chế biến	4800	kg	Thực phẩm
2775	22/09/2021	51C99998	Thuận An	Đà Nẵng	9659	Sản phẩm chế biến	468	kg	Thực phẩm
2776	22/09/2021	51C99998	Thuận An	Đà Nẵng	9660	Sản phẩm chế biến	1227	kg	Thực phẩm
2777	22/09/2021	51C99998	Thuận An	Đà Nẵng	9661	Sản phẩm chế biến	923	kg	Thực phẩm
2778	22/09/2021	51C99998	Thuận An	Đà Nẵng	9662	Sản phẩm chế biến	133	kg	Thực phẩm
2779	22/09/2021	51C99998	Thuận An	Đà Nẵng	9663	Sản phẩm chế biến	7	kg	Thực phẩm
2780	22/09/2021	51C99998	Thuận An	Đà Nẵng	9664	Sản phẩm chế biến	23	kg	Thực phẩm
2781	22/09/2021	51C99998	Thuận An	Đà Nẵng	9658	Thịt Gà đông lạnh	34	kg	Thực phẩm
2782	22/09/2021	51C99998	Thuận An	Đà Nẵng	9664	Thịt Gà đông lạnh	140	kg	Thực phẩm
2783	22/09/2021	51C99998	Thuận An	Đà Nẵng	9665	Thịt Gà đông lạnh	30	kg	Thực phẩm
2784	22/09/2021	50LD15635	Thuận An	Đak Lak	8248	Sản phẩm chế biến	1965	kg	Thực phẩm
2785	22/09/2021	50LD15635	Thuận An	Đak Lak	8249	Sản phẩm chế biến	100	kg	Thực phẩm
2786	22/09/2021	50LD15635	Thuận An	Đak Lak	8250	Sản phẩm chế biến	399,6	kg	Thực phẩm
2787	22/09/2021	61C-36014	Dĩ An	Đak Lak	9853	Sản phẩm chế biến	12,5	kg	Thực phẩm
2788	22/09/2021	61C-36014	Dĩ An	Đak Lak	9853	Sản phẩm đông lạnh	1364,85	kg	Thực phẩm
2789	22/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Đồng Nai	20098	Sản phẩm đông lạnh	339	kg	Thực phẩm
2790	22/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Đồng Nai	20102	Sản phẩm đông lạnh	46,7	kg	Thực phẩm
2791	22/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Đồng Nai	20103	Sản phẩm đông lạnh	175	kg	Thực phẩm
2792	22/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Đồng Nai	20104	Sản phẩm đông lạnh	11	kg	Thực phẩm
2793	22/09/2021	61C46088	Thuận An	Đồng Nai	20018	Thịt Vịt	100	kg	Thực phẩm
2794	22/09/2021	60c30191	Bắc Tân Uyên	Đồng Nai	137238	Trứng giống	48600	quả	ấp nở
2795	22/09/2021	51C-90989	Dĩ An	Đồng Tháp	10689	Sản phẩm chế biến	226,6	kg	Thực phẩm
2796	22/09/2021	50LD15635	Thuận An	Gia Lai	9651	Sản phẩm chế biến	348	kg	Thực phẩm
2797	22/09/2021	50LD15635	Thuận An	Gia Lai	9652	Sản phẩm chế biến	175	kg	Thực phẩm
2798	22/09/2021	50LD15635	Thuận An	Gia Lai	9653	Sản phẩm chế biến	980	kg	Thực phẩm
2799	22/09/2021	50LD15635	Thuận An	Gia Lai	9654	Sản phẩm chế biến	1120	kg	Thực phẩm
2800	22/09/2021	50LD-17138	Dĩ An	Gia Lai	7420	Sản phẩm đông lạnh	3210	kg	Thực phẩm
2801	22/09/2021	50LD15797	Thuận An	Hà Nội	9668	Sản phẩm chế biến	4192	kg	Thực phẩm
2802	22/09/2021	51D33721	Thuận An	Hà Nội	9676	Sản phẩm chế biến	31	kg	Thực phẩm

2803	22/09/2021	51D33721	Thuận An	Hà Nội	9677	Sản phẩm chế biến	8	kg	Thực phẩm
2804	22/09/2021	51D33721	Thuận An	Hà Nội	9678	Sản phẩm chế biến	61	kg	Thực phẩm
2805	22/09/2021	51D33721	Thuận An	Hà Nội	9679	Sản phẩm chế biến	31	kg	Thực phẩm
2806	22/09/2021	43H-00224	Dĩ An	Hà Nội	9850	Sản phẩm đông lạnh	7956,28	kg	Thực phẩm
2807	22/09/2021	51D33721	Thuận An	Hà Tĩnh	9670	Sản phẩm chế biến	77	kg	Thực phẩm
2808	22/09/2021	51D33721	Thuận An	Hà Tĩnh	9670	Thịt Gà đông lạnh	60	kg	Thực phẩm
2809	22/09/2021	51C-98337	Dĩ An	Hải Dương	10699	Sản phẩm chế biến	16486	kg	Thực phẩm
2810	22/09/2021	50H-06876	Dĩ An	Hậu Giang	10693	Thịt Gà đông lạnh	127,1	kg	Thực phẩm
2811	22/09/2021	51D45813	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9971	Sản phẩm chế biến	36,16	kg	Thực phẩm
2812	22/09/2021	51D45813	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9972	Sản phẩm chế biến	36,64	kg	Thực phẩm
2813	22/09/2021	51D45813	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9973	Sản phẩm chế biến	23,52	kg	Thực phẩm
2814	22/09/2021	51D45813	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9974	Sản phẩm chế biến	24	kg	Thực phẩm
2815	22/09/2021	51D45813	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9975	Sản phẩm chế biến	48	kg	Thực phẩm
2816	22/09/2021	51D45813	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9976	Sản phẩm chế biến	102,88	kg	Thực phẩm
2817	22/09/2021	51D54257	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9978	Sản phẩm chế biến	145,99	kg	Thực phẩm
2818	22/09/2021	51C-71148	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10675	Sản phẩm chế biến	38,78	kg	Thực phẩm
2819	22/09/2021	51C-71148	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10676	Sản phẩm chế biến	38,4	kg	Thực phẩm
2820	22/09/2021	51C-71148	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10677	Sản phẩm chế biến	41,4	kg	Thực phẩm
2821	22/09/2021	51C-71148	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10678	Sản phẩm chế biến	20,7	kg	Thực phẩm
2822	22/09/2021	51C-71148	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10679	Sản phẩm chế biến	76,8	kg	Thực phẩm
2823	22/09/2021	51C-71148	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10680	Sản phẩm chế biến	32,32	kg	Thực phẩm
2824	22/09/2021	51C-68857	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10681	Sản phẩm chế biến	96	kg	Thực phẩm
2825	22/09/2021	51C-68857	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10682	Sản phẩm chế biến	89,52	kg	Thực phẩm
2826	22/09/2021	51C-68857	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10683	Sản phẩm chế biến	76,8	kg	Thực phẩm
2827	22/09/2021	51C-68857	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10684	Sản phẩm chế biến	45,2	kg	Thực phẩm
2828	22/09/2021	51C-68857	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10685	Sản phẩm chế biến	102,8	kg	Thực phẩm
2829	22/09/2021	51C-68857	Dĩ An	Hồ Chí Minh	10686	Sản phẩm chế biến	162,9	kg	Thực phẩm
2830	22/09/2021	MOIU0027351	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5847	Sản phẩm chế biến	113	kg	Thực phẩm
2831	22/09/2021	OOCL7317993	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5848	Sản phẩm chế biến	318	kg	Thực phẩm
2832	22/09/2021	64C07775	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5849	Sản phẩm chế biến	204	kg	Thực phẩm
2833	22/09/2021	64C07775	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5850	Sản phẩm chế biến	392	kg	Thực phẩm
2834	22/09/2021	43C17850	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5851	Sản phẩm chế biến	308	kg	Thực phẩm

2835	22/09/2021	84C07714	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5852	Sản phẩm chế biến	134	kg	Thực phẩm
2836	22/09/2021	51D45813	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9971	Sản phẩm đông lạnh	178,25	kg	Thực phẩm
2837	22/09/2021	51D45813	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9972	Sản phẩm đông lạnh	173,75	kg	Thực phẩm
2838	22/09/2021	51D45813	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9973	Sản phẩm đông lạnh	234	kg	Thực phẩm
2839	22/09/2021	51D45813	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9974	Sản phẩm đông lạnh	362,8	kg	Thực phẩm
2840	22/09/2021	51D45813	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9975	Sản phẩm đông lạnh	594	kg	Thực phẩm
2841	22/09/2021	51D45813	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9976	Sản phẩm đông lạnh	340,25	kg	Thực phẩm
2842	22/09/2021	51C68337	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9977	Sản phẩm đông lạnh	201,88	kg	Thực phẩm
2843	22/09/2021	51D54257	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9978	Sản phẩm đông lạnh	204,53	kg	Thực phẩm
2844	22/09/2021	51C64364	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9979	Sản phẩm đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
2845	22/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20084	Sản phẩm đông lạnh	16	kg	Thực phẩm
2846	22/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20085	Sản phẩm đông lạnh	11	kg	Thực phẩm
2847	22/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20086	Sản phẩm đông lạnh	11	kg	Thực phẩm
2848	22/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20087	Sản phẩm đông lạnh	46	kg	Thực phẩm
2849	22/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20088	Sản phẩm đông lạnh	100	kg	Thực phẩm
2850	22/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20089	Sản phẩm đông lạnh	175	kg	Thực phẩm
2851	22/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20090	Sản phẩm đông lạnh	16	kg	Thực phẩm
2852	22/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20091	Sản phẩm đông lạnh	35	kg	Thực phẩm
2853	22/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20092	Sản phẩm đông lạnh	40	kg	Thực phẩm
2854	22/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20093	Sản phẩm đông lạnh	48	kg	Thực phẩm
2855	22/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20094	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
2856	22/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20095	Sản phẩm đông lạnh	70	kg	Thực phẩm
2857	22/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20096	Sản phẩm đông lạnh	75	kg	Thực phẩm
2858	22/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20097	Sản phẩm đông lạnh	37	kg	Thực phẩm
2859	22/09/2021	61C-39840	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20099	Sản phẩm đông lạnh	109	kg	Thực phẩm
2860	22/09/2021	51D-49144	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20100	Sản phẩm đông lạnh	969	kg	Thực phẩm
2861	22/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20105	Sản phẩm đông lạnh	40	kg	Thực phẩm
2862	22/09/2021	51C13566	Thuận An	Hồ Chí Minh	859	thịt heo	560	kg	Thực phẩm
2863	22/09/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	20017	Thịt Vịt	80	kg	Thực phẩm
2864	22/09/2021	51C-39003	Dĩ An	Hưng Yên	10698	Sản phẩm chế biến	17870	kg	Thực phẩm
2865	22/09/2021	43H-00224	Dĩ An	Khánh Hòa	9848	Sản phẩm chế biến	8	kg	Thực phẩm
2866	22/09/2021	51C-35011	Dĩ An	Khánh Hòa	9856	Sản phẩm chế biến	44	kg	Thực phẩm

2867	22/09/2021	43H-00224	Dĩ An	Khánh Hòa	9848	Sản phẩm đông lạnh	1538,81	kg	Thực phẩm
2868	22/09/2021	61H-01319	Dĩ An	Kiên Giang	9851	Sản phẩm chế biến	238	kg	Thực phẩm
2869	22/09/2021	51D-16374	Dĩ An	Kiên Giang	10687	Sản phẩm chế biến	264,5	kg	Thực phẩm
2870	22/09/2021	61H-01319	Dĩ An	Kiên Giang	9851	Sản phẩm đông lạnh	1451,03	kg	Thực phẩm
2871	22/09/2021	51D-16374	Dĩ An	Kiên Giang	10688	Thịt Gà đông lạnh	429	kg	Thực phẩm
2872	22/09/2021	50LD15635	Thuận An	Kon Tum	9655	Sản phẩm chế biến	1120	kg	Thực phẩm
2873	22/09/2021	50LD15635	Thuận An	Kon Tum	9656	Sản phẩm chế biến	205	kg	Thực phẩm
2874	22/09/2021	51D36362	Thuận An	Lâm Đồng	9680	Sản phẩm chế biến	705	kg	Thực phẩm
2875	22/09/2021	51D36362	Thuận An	Lâm Đồng	9681	Sản phẩm chế biến	1260	kg	Thực phẩm
2876	22/09/2021	50LD15797	Thuận An	Nghệ An	9666	Sản phẩm chế biến	94,5	kg	Thực phẩm
2877	22/09/2021	50LD15797	Thuận An	Nghệ An	9667	Sản phẩm chế biến	120	kg	Thực phẩm
2878	22/09/2021	43H-00224	Dĩ An	Nghệ An	9849	Sản phẩm chế biến	50	kg	Thực phẩm
2879	22/09/2021	43H-00224	Dĩ An	Nghệ An	9849	Sản phẩm đông lạnh	476,43	kg	Thực phẩm
2880	22/09/2021	50LD15797	Thuận An	Nghệ An	9666	Thịt Gà đông lạnh	26	kg	Thực phẩm
2881	22/09/2021	50LD15797	Thuận An	Nghệ An	9667	Thịt Gà đông lạnh	15	kg	Thực phẩm
2882	22/09/2021	51C99998	Thuận An	Phú Yên	9657	Sản phẩm chế biến	148	kg	Thực phẩm
2883	22/09/2021	51D33721	Thuận An	Quảng Bình	9671	Sản phẩm chế biến	103	kg	Thực phẩm
2884	22/09/2021	51D33721	Thuận An	Quảng Bình	9672	Sản phẩm chế biến	337	kg	Thực phẩm
2885	22/09/2021	51D33721	Thuận An	Quảng Bình	9673	Sản phẩm chế biến	38	kg	Thực phẩm
2886	22/09/2021	51D33721	Thuận An	Quảng Bình	9671	Thịt Gà đông lạnh	1050	kg	Thực phẩm
2887	22/09/2021	51D33721	Thuận An	Quảng Bình	9672	Thịt Gà đông lạnh	60	kg	Thực phẩm
2888	22/09/2021	51D33721	Thuận An	Quảng Bình	9673	Thịt Gà đông lạnh	550	kg	Thực phẩm
2889	22/09/2021	51D33721	Thuận An	Quảng Bình	9674	Thịt Gà đông lạnh	450	kg	Thực phẩm
2890	22/09/2021	51D33721	Thuận An	Quảng Bình	9675	Thịt Gà đông lạnh	105	kg	Thực phẩm
2891	22/09/2021	51D34748	Thuận An	Quảng Nam	8241	Sản phẩm chế biến	16	kg	Thực phẩm
2892	22/09/2021	51D34748	Thuận An	Quảng Nam	8244	Sản phẩm chế biến	72	kg	Thực phẩm
2893	22/09/2021	51D34748	Thuận An	Quảng Nam	8245	Sản phẩm chế biến	39	kg	Thực phẩm
2894	22/09/2021	51D34748	Thuận An	Quảng Nam	8241	Thịt Gà đông lạnh	30	kg	Thực phẩm
2895	22/09/2021	51D34748	Thuận An	Quảng Nam	8242	Thịt Gà đông lạnh	280	kg	Thực phẩm
2896	22/09/2021	51D34748	Thuận An	Quảng Nam	8243	Thịt Gà đông lạnh	140	kg	Thực phẩm
2897	22/09/2021	51D34748	Thuận An	Quảng Nam	8245	Thịt Gà đông lạnh	80	kg	Thực phẩm
2898	22/09/2021	51D34748	Thuận An	Quảng Nam	8246	Thịt Gà đông lạnh	60	kg	Thực phẩm

2899	22/09/2021	51D34748	Thuận An	Quảng Ngãi	8238	Sản phẩm chế biến	666	kg	Thực phẩm
2900	22/09/2021	51D34748	Thuận An	Quảng Ngãi	8239	Thịt Gà đông lạnh	140	kg	Thực phẩm
2901	22/09/2021	51D34748	Thuận An	Quảng Ngãi	8240	Thịt Gà đông lạnh	130	kg	Thực phẩm
2902	22/09/2021	51C-70553	Dĩ An	Tây Ninh	10695	Sản phẩm chế biến	213,5	kg	Thực phẩm
2903	22/09/2021	51D-44338	Dĩ An	Tây Ninh	10696	Sản phẩm chế biến	336,5	kg	Thực phẩm
2904	22/09/2021	51D-44338	Dĩ An	Tây Ninh	10697	Sản phẩm chế biến	24	kg	Thực phẩm
2905	22/09/2021	50LD15797	Thuận An	Thanh Hóa	9669	Sản phẩm chế biến	302	kg	Thực phẩm
2906	22/09/2021	51D34615	Thuận An	Thừa Thiên - Huế	8222	Sản phẩm chế biến	40	kg	Thực phẩm
2907	22/09/2021	51D34615	Thuận An	Thừa Thiên - Huế	8223	Sản phẩm chế biến	773	kg	Thực phẩm
2908	22/09/2021	51D34615	Thuận An	Thừa Thiên - Huế	8224	Sản phẩm chế biến	462	kg	Thực phẩm
2909	22/09/2021	51D34615	Thuận An	Thừa Thiên - Huế	8225	Sản phẩm chế biến	437	kg	Thực phẩm
2910	22/09/2021	51D34615	Thuận An	Thừa Thiên - Huế	8226	Sản phẩm chế biến	531	kg	Thực phẩm
2911	22/09/2021	51D34615	Thuận An	Thừa Thiên - Huế	8227	Sản phẩm chế biến	140	kg	Thực phẩm
2912	22/09/2021	51D34615	Thuận An	Thừa Thiên - Huế	8228	Sản phẩm chế biến	209	kg	Thực phẩm
2913	22/09/2021	51D34615	Thuận An	Thừa Thiên - Huế	8222	Thịt Gà đông lạnh	51	kg	Thực phẩm
2914	22/09/2021	51D34615	Thuận An	Thừa Thiên - Huế	8227	Thịt Gà đông lạnh	30	kg	Thực phẩm
2915	22/09/2021	51D34615	Thuận An	Thừa Thiên - Huế	8228	Thịt Gà đông lạnh	45	kg	Thực phẩm
2916	22/09/2021	51D34615	Thuận An	Thừa Thiên - Huế	8229	Thịt Gà đông lạnh	75	kg	Thực phẩm
2917	22/09/2021	29H-37021	Dĩ An	Trà Vinh	9846	Sản phẩm chế biến	18	kg	Thực phẩm
2918	22/09/2021	29H-71661	Dĩ An	Trà Vinh	9847	Sản phẩm đông lạnh	52	kg	Thực phẩm
2919	22/09/2021	51D-61961	Dĩ An	Vĩnh Long	9854	Sản phẩm chế biến	153,7	kg	Thực phẩm
2920	22/09/2021	51D-23451	Dĩ An	Vĩnh Long	10690	Sản phẩm chế biến	237,3	kg	Thực phẩm
2921	23/09/2021	51D-23451	Dĩ An	An Giang	10701	Sản phẩm chế biến	361,6	kg	Thực phẩm
2922	23/09/2021	51D-23451	Dĩ An	An Giang	10702	Sản phẩm chế biến	56	kg	Thực phẩm
2923	23/09/2021	61LD-00379	Dĩ An	Bà Rịa - Vùng Tàu	7428	Sản phẩm đông lạnh	1688	kg	Thực phẩm
2924	23/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Bà Rịa - Vùng Tàu	20131	Sản phẩm đông lạnh	20,5	kg	Thực phẩm
2925	23/09/2021	50LD15982	Thuận An	Bình Định	9690	Sản phẩm chế biến	817	kg	Thực phẩm
2926	23/09/2021	51D34618	Dĩ An	Bình Định	11529	Sản phẩm chế biến	186,36	kg	Thực phẩm
2927	23/09/2021	51C-54030	Dĩ An	Bình Định	10713	Sản phẩm chế biến	158,4	kg	Thực phẩm
2928	23/09/2021	51D-49319	Dĩ An	Bình Định	10730	Sản phẩm chế biến	158,4	kg	Thực phẩm
2929	23/09/2021	51C-90077	Dĩ An	Bình Định	10737	Sản phẩm chế biến	474,3	kg	Thực phẩm
2930	23/09/2021	51C-54030	Dĩ An	Bình Định	10716	Thịt Gà đông lạnh	234,7	kg	Thực phẩm

2931	23/09/2021	51D-49319	Dĩ An	Bình Định	10733	Thịt Gà đông lạnh	234,7	kg	Thực phẩm
2932	23/09/2021	51C-90077	Dĩ An	Bình Định	10738	Thịt Gà đông lạnh	660,5	kg	Thực phẩm
2933	23/09/2021	61C-35295	Dĩ An	Bình Phước	10700	Thịt Gà đông lạnh	1194	kg	Thực phẩm
2934	23/09/2021	51C-75239	Thuận An	Bình Thuận	10743	Sản phẩm chế biến	135	kg	Thực phẩm
2935	23/09/2021	51C-77678	Dĩ An	Cần Thơ	10703	Sản phẩm chế biến	35,4	kg	Thực phẩm
2936	23/09/2021	51C-77678	Dĩ An	Cần Thơ	10704	Sản phẩm chế biến	52	kg	Thực phẩm
2937	23/09/2021	51D-05550	Thuận An	Cần Thơ	10742	Sản phẩm chế biến	155	kg	Thực phẩm
2938	23/09/2021	50LD15806	Thuận An	Đà Nẵng	9696	Sản phẩm chế biến	560	kg	Thực phẩm
2939	23/09/2021	50LD15806	Thuận An	Đà Nẵng	9697	Sản phẩm chế biến	980	kg	Thực phẩm
2940	23/09/2021	50LD15806	Thuận An	Đà Nẵng	9698	Sản phẩm chế biến	565	kg	Thực phẩm
2941	23/09/2021	50LD-17641	Dĩ An	Đà Nẵng	10719	Sản phẩm chế biến	485,1	kg	Thực phẩm
2942	23/09/2021	50LD-17641	Dĩ An	Đà Nẵng	10720	Sản phẩm chế biến	295,5	kg	Thực phẩm
2943	23/09/2021	50LD-17641	Dĩ An	Đà Nẵng	10724	Thịt Gà đông lạnh	290,3	kg	Thực phẩm
2944	23/09/2021	50LD-17641	Dĩ An	Đà Nẵng	10727	Thịt Gà đông lạnh	324,8	kg	Thực phẩm
2945	23/09/2021	51D34643	Dĩ An	Đak Lak	11524	Sản phẩm chế biến	82,65	kg	Thực phẩm
2946	23/09/2021	61H-03730	Dĩ An	Đồng Nai	7427	Sản phẩm đông lạnh	2867,58	kg	Thực phẩm
2947	23/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Đồng Nai	20123	Sản phẩm đông lạnh	250	kg	Thực phẩm
2948	23/09/2021	61C-39804	Tân Uyên	Đồng Nai	20127	Sản phẩm đông lạnh	17	kg	Thực phẩm
2949	23/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Đồng Nai	20130	Sản phẩm đông lạnh	17,5	kg	Thực phẩm
2950	23/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Đồng Nai	20132	Sản phẩm đông lạnh	53	kg	Thực phẩm
2951	23/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Đồng Nai	20133	Sản phẩm đông lạnh	19,8	kg	Thực phẩm
2952	23/09/2021	61C46088	Thuận An	Đồng Nai	20020	Thịt Vịt	60	kg	Thực phẩm
2953	23/09/2021	29H-71661	Dĩ An	Đồng Tháp	7425	Sản phẩm chế biến	75	kg	Thực phẩm
2954	23/09/2021	29H-71661	Dĩ An	Đồng Tháp	7426	Sản phẩm chế biến	105,5	kg	Thực phẩm
2955	23/09/2021	50LD15912	Thuận An	Hà Nội	9699	Sản phẩm chế biến	108	kg	Thực phẩm
2956	23/09/2021	61C-34753	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20134	Sản phẩm chế biến	64	kg	Thực phẩm
2957	23/09/2021	61C-34753	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20135	Sản phẩm chế biến	12	kg	Thực phẩm
2958	23/09/2021	61C42491	Dĩ An	Hồ Chí Minh	1123	Sản phẩm chế biến	266	kg	Thực phẩm
2959	23/09/2021	61LD06545	Dĩ An	Hồ Chí Minh	1124	Sản phẩm chế biến	242	kg	Thực phẩm
2960	23/09/2021	61C33991	Dĩ An	Hồ Chí Minh	1125	Sản phẩm chế biến	185	kg	Thực phẩm
2961	23/09/2021	50LD09266	Dĩ An	Hồ Chí Minh	1126	Sản phẩm chế biến	299	kg	Thực phẩm
2962	23/09/2021	51D-65060	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9859	Sản phẩm chế biến	27,31	kg	Thực phẩm

2963	23/09/2021	51D-54257	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9860	Sản phẩm chế biến	681,83	kg	Thực phẩm
2964	23/09/2021	51D-65060	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9865	Sản phẩm chế biến	1842,14	kg	Thực phẩm
2965	23/09/2021	61C-36014	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7429	Sản phẩm đông lạnh	1574,79	kg	Thực phẩm
2966	23/09/2021	51D-53922	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7430	Sản phẩm đông lạnh	805,16	kg	Thực phẩm
2967	23/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20106	Sản phẩm đông lạnh	11	kg	Thực phẩm
2968	23/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20107	Sản phẩm đông lạnh	14	kg	Thực phẩm
2969	23/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20108	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
2970	23/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20109	Sản phẩm đông lạnh	75	kg	Thực phẩm
2971	23/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20110	Sản phẩm đông lạnh	60	kg	Thực phẩm
2972	23/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20111	Sản phẩm đông lạnh	22	kg	Thực phẩm
2973	23/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20112	Sản phẩm đông lạnh	42	kg	Thực phẩm
2974	23/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20113	Sản phẩm đông lạnh	29	kg	Thực phẩm
2975	23/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20114	Sản phẩm đông lạnh	60	kg	Thực phẩm
2976	23/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20115	Sản phẩm đông lạnh	22	kg	Thực phẩm
2977	23/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20116	Sản phẩm đông lạnh	32	kg	Thực phẩm
2978	23/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20117	Sản phẩm đông lạnh	23	kg	Thực phẩm
2979	23/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20118	Sản phẩm đông lạnh	13	kg	Thực phẩm
2980	23/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20119	Sản phẩm đông lạnh	195	kg	Thực phẩm
2981	23/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20120	Sản phẩm đông lạnh	40	kg	Thực phẩm
2982	23/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20121	Sản phẩm đông lạnh	24	kg	Thực phẩm
2983	23/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20122	Sản phẩm đông lạnh	23	kg	Thực phẩm
2984	23/09/2021	51D-03911	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20124	Sản phẩm đông lạnh	1406	kg	Thực phẩm
2985	23/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20125	Sản phẩm đông lạnh	70	kg	Thực phẩm
2986	23/09/2021	51D-49144	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20126	Sản phẩm đông lạnh	1002	kg	Thực phẩm
2987	23/09/2021	61C-39804	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20128	Sản phẩm đông lạnh	46	kg	Thực phẩm
2988	23/09/2021	61C-39840	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20129	Sản phẩm đông lạnh	49	kg	Thực phẩm
2989	23/09/2021	60H-00627	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9857	Sản phẩm đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
2990	23/09/2021	60C-38127	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9858	Sản phẩm đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
2991	23/09/2021	51D-65060	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9859	Sản phẩm đông lạnh	93,82	kg	Thực phẩm
2992	23/09/2021	51D-54257	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9860	Sản phẩm đông lạnh	136,35	kg	Thực phẩm
2993	23/09/2021	51C-64364	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9861	Sản phẩm đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
2994	23/09/2021	94C-00339	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9862	Sản phẩm đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm

2995	23/09/2021	51C-18486	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9863	Sản phẩm đông lạnh	83,98	kg	Thực phẩm
2996	23/09/2021	79C-10678	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9864	Sản phẩm đông lạnh	12500	kg	Thực phẩm
2997	23/09/2021	51D-65060	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9865	Sản phẩm đông lạnh	409,05	kg	Thực phẩm
2998	23/09/2021	51C14943	Thuận An	Hồ Chí Minh	860	thịt heo	500	kg	Thực phẩm
2999	23/09/2021	51C13566	Thuận An	Hồ Chí Minh	861	thịt heo	600	kg	Thực phẩm
3000	23/09/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	20019	Thịt Vịt	80	kg	Thực phẩm
3001	23/09/2021	51C-98337	Dĩ An	Hưng Yên	10728	Sản phẩm chế biến	18200	kg	Thực phẩm
3002	23/09/2021	50LD15982	Thuận An	Khánh Hòa	9687	Sản phẩm chế biến	560	kg	Thực phẩm
3003	23/09/2021	51D17626	Dĩ An	Khánh Hòa	11520	Sản phẩm chế biến	26,8	kg	Thực phẩm
3004	23/09/2021	51D17626	Dĩ An	Khánh Hòa	11521	Sản phẩm chế biến	105,19	kg	Thực phẩm
3005	23/09/2021	51D60916	Dĩ An	Khánh Hòa	11522	Sản phẩm chế biến	57,35	kg	Thực phẩm
3006	23/09/2021	51D60916	Dĩ An	Khánh Hòa	11523	Sản phẩm chế biến	34,44	kg	Thực phẩm
3007	23/09/2021	51D34618	Dĩ An	Khánh Hòa	11527	Sản phẩm chế biến	129,08	kg	Thực phẩm
3008	23/09/2021	89C-07974	Thuận An	Khánh Hòa	10741	Sản phẩm chế biến	68	kg	Thực phẩm
3009	23/09/2021	50H06846	Thuận An	Lâm Đồng	9682	Sản phẩm chế biến	55	kg	Thực phẩm
3010	23/09/2021	50H06846	Thuận An	Lâm Đồng	9683	Sản phẩm chế biến	629	kg	Thực phẩm
3011	23/09/2021	50H06846	Thuận An	Lâm Đồng	9684	Sản phẩm chế biến	9	kg	Thực phẩm
3012	23/09/2021	50H06846	Thuận An	Lâm Đồng	9685	Sản phẩm chế biến	311	kg	Thực phẩm
3013	23/09/2021	50H06846	Thuận An	Lâm Đồng	9686	Sản phẩm chế biến	306	kg	Thực phẩm
3014	23/09/2021	51D36907	Dĩ An	Lâm Đồng	11530	Sản phẩm chế biến	214,13	kg	Thực phẩm
3015	23/09/2021	51D07771	Dĩ An	Long An	11533	Sản phẩm chế biến	63	kg	Thực phẩm
3016	23/09/2021	51D-14210	Dĩ An	Nghệ An	10729	Sản phẩm chế biến	17875	kg	Thực phẩm
3017	23/09/2021	51D34424	Dĩ An	Ninh Thuận	11526	Sản phẩm chế biến	51,9	kg	Thực phẩm
3018	23/09/2021	50LD15982	Thuận An	Phú Yên	9688	Sản phẩm chế biến	632	kg	Thực phẩm
3019	23/09/2021	50LD15982	Thuận An	Phú Yên	9689	Sản phẩm chế biến	1260	kg	Thực phẩm
3020	23/09/2021	51D34618	Dĩ An	Phú Yên	11528	Sản phẩm chế biến	97,69	kg	Thực phẩm
3021	23/09/2021	47C-11096	Dĩ An	Phú Yên	10739	Sản phẩm chế biến	1164	kg	Thực phẩm
3022	23/09/2021	47C-11096	Dĩ An	Phú Yên	10740	Thịt Gà đông lạnh	1564,7	kg	Thực phẩm
3023	23/09/2021	50LD-17641	Dĩ An	Quảng Bình	10717	Sản phẩm chế biến	256,3	kg	Thực phẩm
3024	23/09/2021	50LD-17641	Dĩ An	Quảng Bình	10725	Thịt Gà đông lạnh	822	kg	Thực phẩm
3025	23/09/2021	50LD15806	Thuận An	Quảng Nam	9693	Sản phẩm chế biến	700	kg	Thực phẩm
3026	23/09/2021	50LD15806	Thuận An	Quảng Nam	9694	Sản phẩm chế biến	988	kg	Thực phẩm

3027	23/09/2021	50LD15806	Thuận An	Quảng Nam	9695	Sản phẩm chế biến	700	kg	Thực phẩm
3028	23/09/2021	51C-54030	Dĩ An	Quảng Nam	10711	Sản phẩm chế biến	436,7	kg	Thực phẩm
3029	23/09/2021	51D-49319	Dĩ An	Quảng Nam	10732	Sản phẩm chế biến	436,7	kg	Thực phẩm
3030	23/09/2021	51C-54030	Dĩ An	Quảng Nam	10714	Thịt Gà đông lạnh	437,1	kg	Thực phẩm
3031	23/09/2021	51D-49319	Dĩ An	Quảng Nam	10735	Thịt Gà đông lạnh	437,1	kg	Thực phẩm
3032	23/09/2021	50LD15806	Thuận An	Quảng Ngãi	9691	Sản phẩm chế biến	700	kg	Thực phẩm
3033	23/09/2021	50LD15806	Thuận An	Quảng Ngãi	9692	Sản phẩm chế biến	280	kg	Thực phẩm
3034	23/09/2021	51C-54030	Dĩ An	Quảng Ngãi	10712	Sản phẩm chế biến	174,6	kg	Thực phẩm
3035	23/09/2021	50LD-17641	Dĩ An	Quảng Ngãi	10718	Sản phẩm chế biến	68	kg	Thực phẩm
3036	23/09/2021	51D-49319	Dĩ An	Quảng Ngãi	10731	Sản phẩm chế biến	174,6	kg	Thực phẩm
3037	23/09/2021	51C-54030	Dĩ An	Quảng Ngãi	10715	Thịt Gà đông lạnh	707,2	kg	Thực phẩm
3038	23/09/2021	50LD-17641	Dĩ An	Quảng Ngãi	10726	Thịt Gà đông lạnh	353,8	kg	Thực phẩm
3039	23/09/2021	51D-49319	Dĩ An	Quảng Ngãi	10734	Thịt Gà đông lạnh	707,2	kg	Thực phẩm
3040	23/09/2021	50LD-17641	Dĩ An	Quảng Trị	10722	Thịt Gà đông lạnh	650	kg	Thực phẩm
3041	23/09/2021	51D30987	Dĩ An	Sóc Trăng	11525	Sản phẩm chế biến	39,5	kg	Thực phẩm
3042	23/09/2021	51D-36181	Dĩ An	Tây Ninh	10736	Thịt Trâu đông lạnh	2600	kg	Thực phẩm
3043	23/09/2021	50LD-17641	Dĩ An	Thừa Thiên - Huế	10721	Sản phẩm chế biến	324,3	kg	Thực phẩm
3044	23/09/2021	50LD-17641	Dĩ An	Thừa Thiên - Huế	10723	Thịt Gà đông lạnh	444,2	kg	Thực phẩm
3045	23/09/2021	51D-18852	Dĩ An	Tiền Giang	10705	Sản phẩm chế biến	290,5	kg	Thực phẩm
3046	23/09/2021	51D-18852	Dĩ An	Tiền Giang	10706	Sản phẩm chế biến	407,2	kg	Thực phẩm
3047	23/09/2021	29H71661	Dĩ An	Trà Vinh	11532	Sản phẩm chế biến	21	kg	Thực phẩm
3048	23/09/2021	29H37021	Dĩ An	Vĩnh Long	11531	Sản phẩm chế biến	42,5	kg	Thực phẩm
3049	24/09/2021	51D34544	Dĩ An	An Giang	9983	Sản phẩm chế biến	72,9	kg	Thực phẩm
3050	24/09/2021	51C35011	Dĩ An	An Giang	11549	Sản phẩm chế biến	10	kg	Thực phẩm
3051	24/09/2021	51C35011	Dĩ An	An Giang	11549	Thịt đông lạnh	600	kg	Thực phẩm
3052	24/09/2021	61LD00859	Dĩ An	Bà Rịa - Vùng Tàu	11536	Sản phẩm chế biến	40,8	kg	Thực phẩm
3053	24/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Bà Rịa - Vùng Tàu	20253	Sản phẩm đông lạnh	159,7	kg	Thực phẩm
3054	24/09/2021	50LD10016	Dĩ An	Bà Rịa - Vùng Tàu	1064	Thịt Bò đông lạnh	436,64	kg	Thực phẩm
3055	24/09/2021	51D36362	Thuận An	Bạc Liêu	9703	Sản phẩm chế biến	352	kg	Thực phẩm
3056	24/09/2021	51D36362	Thuận An	Bạc Liêu	9704	Sản phẩm chế biến	280	kg	Thực phẩm
3057	24/09/2021	51D60533	Dĩ An	Bạc Liêu	9981	Sản phẩm chế biến	72,8	kg	Thực phẩm
3058	24/09/2021	50H03511	Dĩ An	Bình Định	11548	Thịt đông lạnh	790,61	kg	Thực phẩm

3059	24/09/2021	51C90989	Dĩ An	Bình Thuận	1068	Sản phẩm chế biến	278,8	kg	Thực phẩm
3060	24/09/2021	51C90989	Dĩ An	Bình Thuận	1069	Sản phẩm chế biến	252,7	kg	Thực phẩm
3061	24/09/2021	51D36362	Thuận An	Cà Mau	9705	Sản phẩm chế biến	210	kg	Thực phẩm
3062	24/09/2021	51D60533	Dĩ An	Cà Mau	9980	Sản phẩm chế biến	198	kg	Thực phẩm
3063	24/09/2021	51D30546	Thuận An	Cần Thơ	9708	Sản phẩm chế biến	224	kg	Thực phẩm
3064	24/09/2021	51C16374	Dĩ An	Cần Thơ	1065	Sản phẩm chế biến	245,7	kg	Thực phẩm
3065	24/09/2021	61LD00906	Dĩ An	Cần Thơ	11534	Thịt đông lạnh	3301,16	kg	Thực phẩm
3066	24/09/2021	61C44148	Dĩ An	Cần Thơ	5437	Thịt Gà	1004,5	kg	Thực phẩm
3067	24/09/2021	51D39358	Dĩ An	Đà Nẵng	11546	Sản phẩm chế biến	220	kg	Thực phẩm
3068	24/09/2021	43C12622	Dĩ An	Đà Nẵng	11551	Sản phẩm chế biến	51	kg	Thực phẩm
3069	24/09/2021	51D39358	Dĩ An	Đà Nẵng	11546	Thịt đông lạnh	1857,65	kg	Thực phẩm
3070	24/09/2021	61C38642	Dĩ An	Đak Lak	11541	Sản phẩm chế biến	42,5	kg	Thực phẩm
3071	24/09/2021	61C38642	Dĩ An	Đak Lak	11541	Thịt đông lạnh	1431,04	kg	Thực phẩm
3072	24/09/2021	61C36014	Dĩ An	Đồng Nai	11538	Sản phẩm chế biến	140	kg	Thực phẩm
3073	24/09/2021	50H-03102	Thuận An	Đồng Nai	28751	Sản phẩm chế biến	9	kg	Thực phẩm
3074	24/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Đồng Nai	20150	Sản phẩm đông lạnh	370	kg	Thực phẩm
3075	24/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Đồng Nai	20254	Sản phẩm đông lạnh	8,5	kg	Thực phẩm
3076	24/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Đồng Nai	20255	Sản phẩm đông lạnh	16,8	kg	Thực phẩm
3077	24/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Đồng Nai	20256	Sản phẩm đông lạnh	220	kg	Thực phẩm
3078	24/09/2021	61C46088	Thuận An	Đồng Nai	20022	Thịt Vịt	80	kg	Thực phẩm
3079	24/09/2021	60c22777	Bắc Tân Uyên	Đồng Nai	137239	Trứng giống	24300	quả	ấp nở
3080	24/09/2021	51D30546	Thuận An	Đồng Tháp	9706	Sản phẩm chế biến	392	kg	Thực phẩm
3081	24/09/2021	51D30546	Thuận An	Đồng Tháp	9707	Sản phẩm chế biến	392	kg	Thực phẩm
3082	24/09/2021	50LD15626	Thuận An	Hà Nội	9710	Sản phẩm chế biến	577,1	kg	Thực phẩm
3083	24/09/2021	50LD15608	Thuận An	Hà Nội	9712	Sản phẩm chế biến	108	kg	Thực phẩm
3084	24/09/2021	50LD15609	Thuận An	Hà Nội	9716	Sản phẩm chế biến	103	kg	Thực phẩm
3085	24/09/2021	50LD15609	Thuận An	Hà Nội	9717	Sản phẩm chế biến	51	kg	Thực phẩm
3086	24/09/2021	50LD15609	Thuận An	Hà Nội	9718	Sản phẩm chế biến	7,5	kg	Thực phẩm
3087	24/09/2021	50LD15609	Thuận An	Hà Nội	9719	Sản phẩm chế biến	72	kg	Thực phẩm
3088	24/09/2021	50LD15609	Thuận An	Hà Nội	9720	Sản phẩm chế biến	500	kg	Thực phẩm
3089	24/09/2021	50LD15609	Thuận An	Hà Nội	9721	Sản phẩm chế biến	420	kg	Thực phẩm
3090	24/09/2021	51D39358	Dĩ An	Hà Nội	11544	Sản phẩm chế biến	10,8	kg	Thực phẩm

3091	24/09/2021	51D39358	Dĩ An	Hà Nội	11545	Sản phẩm chế biến	21,6	kg	Thực phẩm
3092	24/09/2021	92C11150	Dĩ An	Hà Nội	11554	Sản phẩm chế biến	15	kg	Thực phẩm
3093	24/09/2021	92C11150	Dĩ An	Hà Nội	11555	Sản phẩm chế biến	30	kg	Thực phẩm
3094	24/09/2021	92C11150	Dĩ An	Hà Nội	11556	Sản phẩm chế biến	30	kg	Thực phẩm
3095	24/09/2021	50LD-15626	Dĩ An	Hà Nội	7442	Sản phẩm đông lạnh	4350	kg	Thực phẩm
3096	24/09/2021	51D39358	Dĩ An	Hà Nội	11543	Thịt đông lạnh	200	kg	Thực phẩm
3097	24/09/2021	50LD15626	Thuận An	Hà Nội	9710	Thịt Heo đông lạnh	4577,9	kg	Thực phẩm
3098	24/09/2021	51C58200	Dĩ An	Hà Nội	1063	Thịt Trâu đông lạnh	28820	kg	Thực phẩm
3099	24/09/2021	50LD15609	Thuận An	Hải Phòng	9714	Sản phẩm chế biến	88	kg	Thực phẩm
3100	24/09/2021	51D-54257	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7432	Sản phẩm chế biến	1100,9	kg	Thực phẩm
3101	24/09/2021	51D-45813	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7433	Sản phẩm chế biến	46,16	kg	Thực phẩm
3102	24/09/2021	51D-45813	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7435	Sản phẩm chế biến	30,08	kg	Thực phẩm
3103	24/09/2021	51D-45813	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7436	Sản phẩm chế biến	13,12	kg	Thực phẩm
3104	24/09/2021	51D-45813	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7437	Sản phẩm chế biến	60,16	kg	Thực phẩm
3105	24/09/2021	51D-65060	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7441	Sản phẩm chế biến	629,88	kg	Thực phẩm
3106	24/09/2021	51D-54257	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7443	Sản phẩm chế biến	1302,4	kg	Thực phẩm
3107	24/09/2021	51D-65060	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7444	Sản phẩm chế biến	1087,88	kg	Thực phẩm
3108	24/09/2021	51D-54257	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7445	Sản phẩm chế biến	667,59	kg	Thực phẩm
3109	24/09/2021	51C68792	Dĩ An	Hồ Chí Minh	1052	Sản phẩm chế biến	7,5	kg	Thực phẩm
3110	24/09/2021	51C68792	Dĩ An	Hồ Chí Minh	1053	Sản phẩm chế biến	180,8	kg	Thực phẩm
3111	24/09/2021	51C68792	Dĩ An	Hồ Chí Minh	1054	Sản phẩm chế biến	54	kg	Thực phẩm
3112	24/09/2021	51C68792	Dĩ An	Hồ Chí Minh	1055	Sản phẩm chế biến	52	kg	Thực phẩm
3113	24/09/2021	51C68792	Dĩ An	Hồ Chí Minh	1056	Sản phẩm chế biến	42,62	kg	Thực phẩm
3114	24/09/2021	61LD00379	Dĩ An	Hồ Chí Minh	11535	Sản phẩm chế biến	90	kg	Thực phẩm
3115	24/09/2021	61H01319	Dĩ An	Hồ Chí Minh	11537	Sản phẩm chế biến	413,3	kg	Thực phẩm
3116	24/09/2021	61LD00393	Dĩ An	Hồ Chí Minh	11539	Sản phẩm chế biến	162	kg	Thực phẩm
3117	24/09/2021	51D53922	Dĩ An	Hồ Chí Minh	11542	Sản phẩm chế biến	339	kg	Thực phẩm
3118	24/09/2021	51D24014	Dĩ An	Hồ Chí Minh	11553	Sản phẩm chế biến	392,5	kg	Thực phẩm
3119	24/09/2021	61C-33991	Dĩ An	Hồ Chí Minh	28752	Sản phẩm chế biến	68	kg	Thực phẩm
3120	24/09/2021	61LD-06545	Dĩ An	Hồ Chí Minh	28753	Sản phẩm chế biến	74	kg	Thực phẩm
3121	24/09/2021	61C-42491	Dĩ An	Hồ Chí Minh	28754	Sản phẩm chế biến	69	kg	Thực phẩm
3122	24/09/2021	50LD-09266	Dĩ An	Hồ Chí Minh	28755	Sản phẩm chế biến	68	kg	Thực phẩm

3123	24/09/2021	61H02222	Dĩ An	Hồ Chí Minh	853	Sản phẩm chế biến	400	kg	Thực phẩm
3124	24/09/2021	43C18626	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5854	Sản phẩm chế biến	693	kg	Thực phẩm
3125	24/09/2021	65H00781	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5855	Sản phẩm chế biến	49	kg	Thực phẩm
3126	24/09/2021	61H01552	Dĩ An	Hồ Chí Minh	5856	Sản phẩm chế biến	64	kg	Thực phẩm
3127	24/09/2021	79C-17533	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7431	Sản phẩm đông lạnh	7914	kg	Thực phẩm
3128	24/09/2021	51D-54257	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7432	Sản phẩm đông lạnh	149,99	kg	Thực phẩm
3129	24/09/2021	51D-45813	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7433	Sản phẩm đông lạnh	306	kg	Thực phẩm
3130	24/09/2021	51D-45813	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7434	Sản phẩm đông lạnh	135	kg	Thực phẩm
3131	24/09/2021	51D-45813	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7435	Sản phẩm đông lạnh	225	kg	Thực phẩm
3132	24/09/2021	51D-45813	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7436	Sản phẩm đông lạnh	475,25	kg	Thực phẩm
3133	24/09/2021	51D-45813	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7437	Sản phẩm đông lạnh	439,25	kg	Thực phẩm
3134	24/09/2021	51C-64364	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7438	Sản phẩm đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
3135	24/09/2021	60C-38127	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7439	Sản phẩm đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
3136	24/09/2021	51D-65060	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7441	Sản phẩm đông lạnh	109,08	kg	Thực phẩm
3137	24/09/2021	51D-54257	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7443	Sản phẩm đông lạnh	313,6	kg	Thực phẩm
3138	24/09/2021	51D-65060	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7444	Sản phẩm đông lạnh	150,02	kg	Thực phẩm
3139	24/09/2021	51D-54257	Dĩ An	Hồ Chí Minh	7445	Sản phẩm đông lạnh	204,52	kg	Thực phẩm
3140	24/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20136	Sản phẩm đông lạnh	12	kg	Thực phẩm
3141	24/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20137	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
3142	24/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20138	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
3143	24/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20139	Sản phẩm đông lạnh	60	kg	Thực phẩm
3144	24/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20140	Sản phẩm đông lạnh	60	kg	Thực phẩm
3145	24/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20141	Sản phẩm đông lạnh	38	kg	Thực phẩm
3146	24/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20142	Sản phẩm đông lạnh	11	kg	Thực phẩm
3147	24/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20143	Sản phẩm đông lạnh	9	kg	Thực phẩm
3148	24/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20144	Sản phẩm đông lạnh	7	kg	Thực phẩm
3149	24/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20145	Sản phẩm đông lạnh	29	kg	Thực phẩm
3150	24/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20146	Sản phẩm đông lạnh	60	kg	Thực phẩm
3151	24/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20147	Sản phẩm đông lạnh	21	kg	Thực phẩm
3152	24/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20148	Sản phẩm đông lạnh	204	kg	Thực phẩm
3153	24/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20149	Sản phẩm đông lạnh	36	kg	Thực phẩm
3154	24/09/2021	51D-49144	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20251	Sản phẩm đông lạnh	881	kg	Thực phẩm

3155	24/09/2021	61C-39840	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20252	Sản phẩm đông lạnh	28	kg	Thực phẩm
3156	24/09/2021	61H01319	Dĩ An	Hồ Chí Minh	11536	Thịt đông lạnh	938,85	kg	Thực phẩm
3157	24/09/2021	51D24023	Dĩ An	Hồ Chí Minh	11552	Thịt đông lạnh	1228,15	kg	Thực phẩm
3158	24/09/2021	51C14943	Thuận An	Hồ Chí Minh	862	thịt heo	600	kg	Thực phẩm
3159	24/09/2021	51C13566	Thuận An	Hồ Chí Minh	863	thịt heo	600	kg	Thực phẩm
3160	24/09/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	20021	Thịt Vịt	80	kg	Thực phẩm
3161	24/09/2021	51C90989	Dĩ An	Khánh Hòa	1066	Sản phẩm chế biến	353,3	kg	Thực phẩm
3162	24/09/2021	51C90989	Dĩ An	Khánh Hòa	1067	Sản phẩm chế biến	210,8	kg	Thực phẩm
3163	24/09/2021	50H03511	Dĩ An	Khánh Hòa	11547	Sản phẩm chế biến	103	kg	Thực phẩm
3164	24/09/2021	50H03511	Dĩ An	Khánh Hòa	11547	Thịt đông lạnh	1485,89	kg	Thực phẩm
3165	24/09/2021	51D30987	Dĩ An	Kiên Giang	9982	Sản phẩm chế biến	102,06	kg	Thực phẩm
3166	24/09/2021	51C35011	Dĩ An	Kiên Giang	11550	Sản phẩm chế biến	126,8	kg	Thực phẩm
3167	24/09/2021	51C70553	Dĩ An	Long An	1070	Sản phẩm chế biến	23	kg	Thực phẩm
3168	24/09/2021	51C70553	Dĩ An	Long An	1071	Sản phẩm chế biến	652,3	kg	Thực phẩm
3169	24/09/2021	51C70553	Dĩ An	Long An	1072	Sản phẩm chế biến	331,4	kg	Thực phẩm
3170	24/09/2021	51D30546	Thuận An	Long An	9700	Thịt Gà đông lạnh	795,5	kg	Thực phẩm
3171	24/09/2021	51C70553	Dĩ An	Long An	1072	Thịt Gà đông lạnh	161,8	kg	Thực phẩm
3172	24/09/2021	50LD15608	Thuận An	Nghệ An	9711	Thịt Gà đông lạnh	2000	kg	Thực phẩm
3173	24/09/2021	50LD15609	Thuận An	Quảng Ninh	9715	Sản phẩm chế biến	37	kg	Thực phẩm
3174	24/09/2021	51D36362	Thuận An	Sóc Trăng	9701	Sản phẩm chế biến	588	kg	Thực phẩm
3175	24/09/2021	51D36362	Thuận An	Sóc Trăng	9702	Sản phẩm chế biến	215	kg	Thực phẩm
3176	24/09/2021	50LD15500	Thuận An	Tây Ninh	9709	Thịt Gà đông lạnh	797,5	kg	Thực phẩm
3177	24/09/2021	50LD15609	Thuận An	Thanh Hóa	9713	Sản phẩm chế biến	33	kg	Thực phẩm
3178	24/09/2021	51C37427	Dĩ An	Tiền Giang	1057	Sản phẩm chế biến	400,5	kg	Thực phẩm
3179	24/09/2021	51D18852	Dĩ An	Tiền Giang	1059	Sản phẩm chế biến	245,4	kg	Thực phẩm
3180	24/09/2021	51D18852	Dĩ An	Tiền Giang	1060	Sản phẩm chế biến	219,3	kg	Thực phẩm
3181	24/09/2021	51C56390	Dĩ An	Tiền Giang	1061	Sản phẩm chế biến	427	kg	Thực phẩm
3182	24/09/2021	51C56390	Dĩ An	Tiền Giang	1062	Sản phẩm chế biến	268,5	kg	Thực phẩm
3183	24/09/2021	51C56390	Dĩ An	Tiền Giang	1062	Thịt Gà đông lạnh	301,7	kg	Thực phẩm
3184	24/09/2021	51C78435	Dĩ An	Trà Vinh	1073	Sản phẩm chế biến	242,7	kg	Thực phẩm
3185	24/09/2021	51C78435	Dĩ An	Trà Vinh	1074	Sản phẩm chế biến	284,4	kg	Thực phẩm
3186	24/09/2021	51C78435	Dĩ An	Trà Vinh	1074	Thịt Gà đông lạnh	412,4	kg	Thực phẩm

3187	25/09/2021	61C44916	Dĩ An	An Giang	9991	Sản phẩm chế biến	30	kg	Thực phẩm
3188	25/09/2021	51D16374	Dĩ An	An Giang	1083	Sản phẩm chế biến	93	kg	Thực phẩm
3189	25/09/2021	51D16374	Dĩ An	An Giang	1084	Sản phẩm chế biến	5	kg	Thực phẩm
3190	25/09/2021	51D07276	Thuận An	Bắc Giang	9728	Sản phẩm chế biến	1210	kg	Thực phẩm
3191	25/09/2021	51D07276	Thuận An	Bắc Ninh	9729	Sản phẩm chế biến	1151	kg	Thực phẩm
3192	25/09/2021	51D07276	Thuận An	Bắc Ninh	9730	Sản phẩm chế biến	1405	kg	Thực phẩm
3193	25/09/2021	50LD07465	Dĩ An	Bắc Ninh	11558	Thịt đông lạnh	146,34	kg	Thực phẩm
3194	25/09/2021	51D-60941	Dĩ An	Bình Định	9869	Sản phẩm chế biến	127,62	kg	Thực phẩm
3195	25/09/2021	51D36818	Dĩ An	Cần Thơ	9987	Sản phẩm chế biến	94,5	kg	Thực phẩm
3196	25/09/2021	51D36818	Dĩ An	Cần Thơ	9988	Sản phẩm chế biến	114,3	kg	Thực phẩm
3197	25/09/2021	51D36818	Dĩ An	Cần Thơ	9989	Sản phẩm chế biến	67,5	kg	Thực phẩm
3198	25/09/2021	50LD15860	Thuận An	Đà Nẵng	9738	Sản phẩm chế biến	160,8	kg	Thực phẩm
3199	25/09/2021	50LD07465	Dĩ An	Đà Nẵng	11559	Thịt đông lạnh	53,41	kg	Thực phẩm
3200	25/09/2021	50LD15860	Thuận An	Đà Nẵng	9738	Thịt Gà đông lạnh	86	kg	Thực phẩm
3201	25/09/2021	51C35011	Dĩ An	Đak Lak	9993	Sản phẩm chế biến	10	kg	Thực phẩm
3202	25/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Đồng Nai	20274	Sản phẩm đông lạnh	235	kg	Thực phẩm
3203	25/09/2021	61C-39804	Tân Uyên	Đồng Nai	20275	Sản phẩm đông lạnh	24,5	kg	Thực phẩm
3204	25/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Đồng Nai	20278	Sản phẩm đông lạnh	42,48	kg	Thực phẩm
3205	25/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Đồng Nai	20279	Sản phẩm đông lạnh	45	kg	Thực phẩm
3206	25/09/2021	61C-36976	Tân Uyên	Đồng Nai	20280	Sản phẩm đông lạnh	27,6	kg	Thực phẩm
3207	25/09/2021	61C46088	Thuận An	Đồng Nai	20024	Thịt Vịt	80	kg	Thực phẩm
3208	25/09/2021	29H71661	Dĩ An	Đồng Tháp	9984	Sản phẩm chế biến	149	kg	Thực phẩm
3209	25/09/2021	29H71661	Dĩ An	Đồng Tháp	9985	Sản phẩm chế biến	196,6	kg	Thực phẩm
3210	25/09/2021	51C70214	Dĩ An	Đồng Tháp	1089	Sản phẩm chế biến	250,1	kg	Thực phẩm
3211	25/09/2021	51D49399	Dĩ An	Đồng Tháp	1092	Sản phẩm chế biến	132,5	kg	Thực phẩm
3212	25/09/2021	51D49399	Dĩ An	Đồng Tháp	1093	Sản phẩm chế biến	507,5	kg	Thực phẩm
3213	25/09/2021	51C70214	Dĩ An	Đồng Tháp	1089	Thịt Gà đông lạnh	144,3	kg	Thực phẩm
3214	25/09/2021	51D49399	Dĩ An	Đồng Tháp	1093	Thịt Gà đông lạnh	386,5	kg	Thực phẩm
3215	25/09/2021	51D07276	Thuận An	Hà Nam	9735	Sản phẩm chế biến	1120	kg	Thực phẩm
3216	25/09/2021	51D07276	Thuận An	Hà Nội	9724	Sản phẩm chế biến	1260	kg	Thực phẩm
3217	25/09/2021	51D07276	Thuận An	Hà Nội	9725	Sản phẩm chế biến	770	kg	Thực phẩm
3218	25/09/2021	51D07276	Thuận An	Hà Nội	9726	Sản phẩm chế biến	492	kg	Thực phẩm

3219	25/09/2021	51D07276	Thuận An	Hà Nội	9727	Sản phẩm chế biến	1420	kg	Thực phẩm
3220	25/09/2021	50LD15860	Thuận An	Hà Nội	9743	Sản phẩm chế biến	308	kg	Thực phẩm
3221	25/09/2021	50LD15860	Thuận An	Hà Nội	9744	Sản phẩm chế biến	231,2	kg	Thực phẩm
3222	25/09/2021	50LD15860	Thuận An	Hà Nội	9745	Sản phẩm chế biến	193,6	kg	Thực phẩm
3223	25/09/2021	50LD15860	Thuận An	Hà Nội	9746	Sản phẩm chế biến	200,4	kg	Thực phẩm
3224	25/09/2021	50LD15860	Thuận An	Hà Nội	9747	Sản phẩm chế biến	334	kg	Thực phẩm
3225	25/09/2021	50LD15860	Thuận An	Hà Nội	9748	Sản phẩm chế biến	260,4	kg	Thực phẩm
3226	25/09/2021	50LD15860	Thuận An	Hà Nội	9749	Sản phẩm chế biến	178	kg	Thực phẩm
3227	25/09/2021	50LD15860	Thuận An	Hà Nội	9750	Sản phẩm chế biến	454	kg	Thực phẩm
3228	25/09/2021	50LD15860	Thuận An	Hà Nội	12601	Sản phẩm chế biến	227,6	kg	Thực phẩm
3229	25/09/2021	50LD15860	Thuận An	Hà Nội	12602	Sản phẩm chế biến	346	kg	Thực phẩm
3230	25/09/2021	92C12392	Dĩ An	Hà Nội	1075	Thịt Bò đông lạnh	3780	kg	Thực phẩm
3231	25/09/2021	50LD15860	Thuận An	Hà Nội	9743	Thịt Gà đông lạnh	143	kg	Thực phẩm
3232	25/09/2021	50LD15860	Thuận An	Hà Nội	9744	Thịt Gà đông lạnh	81	kg	Thực phẩm
3233	25/09/2021	50LD15860	Thuận An	Hà Nội	9745	Thịt Gà đông lạnh	64	kg	Thực phẩm
3234	25/09/2021	50LD15860	Thuận An	Hà Nội	9746	Thịt Gà đông lạnh	94	kg	Thực phẩm
3235	25/09/2021	50LD15860	Thuận An	Hà Nội	9747	Thịt Gà đông lạnh	156	kg	Thực phẩm
3236	25/09/2021	50LD15860	Thuận An	Hà Nội	9748	Thịt Gà đông lạnh	98	kg	Thực phẩm
3237	25/09/2021	50LD15860	Thuận An	Hà Nội	9749	Thịt Gà đông lạnh	104	kg	Thực phẩm
3238	25/09/2021	50LD15860	Thuận An	Hà Nội	9750	Thịt Gà đông lạnh	73	kg	Thực phẩm
3239	25/09/2021	50LD15860	Thuận An	Hà Nội	12601	Thịt Gà đông lạnh	96	kg	Thực phẩm
3240	25/09/2021	50LD15860	Thuận An	Hà Nội	12602	Thịt Gà đông lạnh	79	kg	Thực phẩm
3241	25/09/2021	51D07276	Thuận An	Hà Tĩnh	9722	Sản phẩm chế biến	845	kg	Thực phẩm
3242	25/09/2021	51C48497	Dĩ An	Hải Dương	1095	Sản phẩm chế biến	18260	kg	Thực phẩm
3243	25/09/2021	51D07276	Thuận An	Hải Phòng	9737	Sản phẩm chế biến	840	kg	Thực phẩm
3244	25/09/2021	50LD15860	Thuận An	Hải Phòng	9740	Sản phẩm chế biến	267,2	kg	Thực phẩm
3245	25/09/2021	50LD15860	Thuận An	Hải Phòng	9741	Sản phẩm chế biến	40,8	kg	Thực phẩm
3246	25/09/2021	50LD15860	Thuận An	Hải Phòng	9742	Sản phẩm chế biến	334	kg	Thực phẩm
3247	25/09/2021	50LD15860	Thuận An	Hải Phòng	9740	Thịt Gà đông lạnh	133	kg	Thực phẩm
3248	25/09/2021	50LD15860	Thuận An	Hải Phòng	9741	Thịt Gà đông lạnh	278	kg	Thực phẩm
3249	25/09/2021	50LD15860	Thuận An	Hải Phòng	9742	Thịt Gà đông lạnh	221	kg	Thực phẩm
3250	25/09/2021	51D36818	Dĩ An	Hậu Giang	9986	Sản phẩm chế biến	46,17	kg	Thực phẩm

3251	25/09/2021	61C-34753	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20283	Sản phẩm chế biến	51	kg	Thực phẩm
3252	25/09/2021	51C71112	Dĩ An	Hồ Chí Minh	1076	Sản phẩm chế biến	26,88	kg	Thực phẩm
3253	25/09/2021	51C71112	Dĩ An	Hồ Chí Minh	1077	Sản phẩm chế biến	65,28	kg	Thực phẩm
3254	25/09/2021	51C71112	Dĩ An	Hồ Chí Minh	1078	Sản phẩm chế biến	179,8	kg	Thực phẩm
3255	25/09/2021	51C71112	Dĩ An	Hồ Chí Minh	1079	Sản phẩm chế biến	48,8	kg	Thực phẩm
3256	25/09/2021	51C71112	Dĩ An	Hồ Chí Minh	1080	Sản phẩm chế biến	33,44	kg	Thực phẩm
3257	25/09/2021	51C71112	Dĩ An	Hồ Chí Minh	1081	Sản phẩm chế biến	31,2	kg	Thực phẩm
3258	25/09/2021	51C71112	Dĩ An	Hồ Chí Minh	1082	Sản phẩm chế biến	121,2	kg	Thực phẩm
3259	25/09/2021	61C-33991	Dĩ An	Hồ Chí Minh	28756	Sản phẩm chế biến	233	kg	Thực phẩm
3260	25/09/2021	50LD-09266	Dĩ An	Hồ Chí Minh	28757	Sản phẩm chế biến	255	kg	Thực phẩm
3261	25/09/2021	61C-42491	Dĩ An	Hồ Chí Minh	28758	Sản phẩm chế biến	211	kg	Thực phẩm
3262	25/09/2021	61LD00216	Dĩ An	Hồ Chí Minh	9992	Sản phẩm đông lạnh	1499,21	kg	Thực phẩm
3263	25/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20257	Sản phẩm đông lạnh	18	kg	Thực phẩm
3264	25/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20258	Sản phẩm đông lạnh	12	kg	Thực phẩm
3265	25/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20259	Sản phẩm đông lạnh	13	kg	Thực phẩm
3266	25/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20260	Sản phẩm đông lạnh	29	kg	Thực phẩm
3267	25/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20261	Sản phẩm đông lạnh	44	kg	Thực phẩm
3268	25/09/2021	51D-53446	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20262	Sản phẩm đông lạnh	300	kg	Thực phẩm
3269	25/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20263	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
3270	25/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20264	Sản phẩm đông lạnh	20	kg	Thực phẩm
3271	25/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20265	Sản phẩm đông lạnh	60	kg	Thực phẩm
3272	25/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20266	Sản phẩm đông lạnh	440	kg	Thực phẩm
3273	25/09/2021	60H-01810	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20267	Sản phẩm đông lạnh	50	kg	Thực phẩm
3274	25/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20268	Sản phẩm đông lạnh	60	kg	Thực phẩm
3275	25/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20269	Sản phẩm đông lạnh	47	kg	Thực phẩm
3276	25/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20270	Sản phẩm đông lạnh	24	kg	Thực phẩm
3277	25/09/2021	51D-53831	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20271	Sản phẩm đông lạnh	220	kg	Thực phẩm
3278	25/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20272	Sản phẩm đông lạnh	27	kg	Thực phẩm
3279	25/09/2021	60C-51803	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20273	Sản phẩm đông lạnh	30	kg	Thực phẩm
3280	25/09/2021	61C-39804	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20276	Sản phẩm đông lạnh	34,8	kg	Thực phẩm
3281	25/09/2021	61C-39840	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20277	Sản phẩm đông lạnh	103	kg	Thực phẩm
3282	25/09/2021	51D-49144	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20281	Sản phẩm đông lạnh	1106	kg	Thực phẩm

3283	25/09/2021	50LD-14338	Tân Uyên	Hồ Chí Minh	20282	Sản phẩm đông lạnh	90	kg	Thực phẩm
3284	25/09/2021	60C38127	Dĩ An	Hồ Chí Minh	11557	Thịt đông lạnh	8000	kg	Thực phẩm
3285	25/09/2021	51C14943	Thuận An	Hồ Chí Minh	864	thịt heo	600	kg	Thực phẩm
3286	25/09/2021	51C13566	Thuận An	Hồ Chí Minh	865	thịt heo	700	kg	Thực phẩm
3287	25/09/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	20023	Thịt Vịt	60	kg	Thực phẩm
3288	25/09/2021	61C46088	Thuận An	Hồ Chí Minh	20026	Thịt Vịt	80	kg	Thực phẩm
3289	25/09/2021	51D07276	Thuận An	Hưng Yên	9734	Sản phẩm chế biến	985	kg	Thực phẩm
3290	25/09/2021	51C44300	Thuận An	Hưng Yên	12605	Sản phẩm chế biến	1530,3	kg	Thực phẩm
3291	25/09/2021	51D13644	Dĩ An	Hưng Yên	1094	Sản phẩm chế biến	19790	kg	Thực phẩm
3292	25/09/2021	51D-60916	Dĩ An	Khánh Hòa	9866	Sản phẩm chế biến	61,52	kg	Thực phẩm
3293	25/09/2021	51D-60916	Dĩ An	Khánh Hòa	9867	Sản phẩm chế biến	67,69	kg	Thực phẩm
3294	25/09/2021	51D-60941	Dĩ An	Khánh Hòa	9868	Sản phẩm chế biến	97,47	kg	Thực phẩm
3295	25/09/2021	51D-34735	Dĩ An	Khánh Hòa	9871	Sản phẩm chế biến	29,05	kg	Thực phẩm
3296	25/09/2021	51D-34735	Dĩ An	Khánh Hòa	9872	Sản phẩm chế biến	88,59	kg	Thực phẩm
3297	25/09/2021	43C17180	Dĩ An	Kiên Giang	9990	Sản phẩm chế biến	32,5	kg	Thực phẩm
3298	25/09/2021	51D-34400	Dĩ An	Long An	9875	Sản phẩm chế biến	43	kg	Thực phẩm
3299	25/09/2021	51D07276	Thuận An	Nghệ An	9723	Sản phẩm chế biến	700	kg	Thực phẩm
3300	25/09/2021	50LD15860	Thuận An	Nghệ An	9739	Sản phẩm chế biến	140,4	kg	Thực phẩm
3301	25/09/2021	78H00213	Dĩ An	Nghệ An	1096	Sản phẩm chế biến	16420	kg	Thực phẩm
3302	25/09/2021	50LD15860	Thuận An	Nghệ An	9739	Thịt Gà đông lạnh	91	kg	Thực phẩm
3303	25/09/2021	51C44300	Thuận An	Nghệ An	12603	Thịt Gà đông lạnh	813	kg	Thực phẩm
3304	25/09/2021	51C44300	Thuận An	Nghệ An	12604	Thịt Gà đông lạnh	387	kg	Thực phẩm
3305	25/09/2021	51D-34643	Dĩ An	Ninh Thuận	9873	Sản phẩm chế biến	133,87	kg	Thực phẩm
3306	25/09/2021	51D-60941	Dĩ An	Phú Yên	9870	Sản phẩm chế biến	126,72	kg	Thực phẩm
3307	25/09/2021	51D07276	Thuận An	Quảng Ninh	9731	Sản phẩm chế biến	1120	kg	Thực phẩm
3308	25/09/2021	51D08133	Dĩ An	Tây Ninh	1085	Sản phẩm chế biến	304,3	kg	Thực phẩm
3309	25/09/2021	51D08133	Dĩ An	Tây Ninh	1086	Sản phẩm chế biến	49,4	kg	Thực phẩm
3310	25/09/2021	51D23451	Dĩ An	Tây Ninh	1087	Sản phẩm chế biến	127	kg	Thực phẩm
3311	25/09/2021	51D23451	Dĩ An	Tây Ninh	1088	Sản phẩm chế biến	153,5	kg	Thực phẩm
3312	25/09/2021	51C56390	Dĩ An	Tây Ninh	1090	Sản phẩm chế biến	540,5	kg	Thực phẩm
3313	25/09/2021	51C56390	Dĩ An	Tây Ninh	1091	Sản phẩm chế biến	6,5	kg	Thực phẩm
3314	25/09/2021	51D07276	Thuận An	Thái Bình	9732	Sản phẩm chế biến	1610	kg	Thực phẩm

3315	25/09/2021	51D07276	Thuận An	Thái Bình	9733	Sản phẩm chế biến	1405	kg	Thực phẩm
3316	25/09/2021	51D07276	Thuận An	Thái Nguyên	9736	Sản phẩm chế biến	1680	kg	Thực phẩm
3317	25/09/2021	29H-71661	Dĩ An	Trà Vinh	9874	Sản phẩm chế biến	34	kg	Thực phẩm
3318	25/09/2021	29H-71661	Dĩ An	Trà Vinh	9874	Sản phẩm đông lạnh	43	kg	Thực phẩm

Nơi nhận:
- Ban lãnh đạo Chi cục;
- CCTY, CCCN TY nơi đến;
- Lưu: VT, QLDB (60b);

CHI CỤC TRƯỞNG

Trần Phú Cường